Tuần: 01
Tiết: 1-2

Người ký: Vương Xuân Trung
Email: trungvxcj.dtnt@daknong.gov.vn
Cơ quan: Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường THPT Phan Bội Châu, Tỉnh Đắk Nông

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết:

- Nêu được hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa của giai đoạn VH.
- Nêu được chủ đề, những thành tựu của các thể loại qua các chặng đường phát triển.

b/ Thông hiểu: Ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa đến sự phát triển của văn học. Những đóng góp nổi bật của giai đoạn văn học 45-75,75 đến hết XX. Lý giải nguyên nhân của những hạn chế

c/Vận dụng thấp:Lấy được những dẫn chứng để chứng minh.

d/Vận dụng cao: Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội ra để lí giải nội dung,nghệ thuật của tác phẩm văn học.

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài đọc hiểu về văn học sử

b/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về văn học sử

1.3. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn học sử c/Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc.

1.4. ***Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến giai đoạn văn học từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX..
- Năng lực đọc – hiểu các tác tác phẩm văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giai đoạn văn học.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy

2.2. Chuẩn bị của HS: SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức

3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)

3.3. Tiến trình dạy học:

🕮 HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

TIẾT 1

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn học văn học hiện đại Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX bằng câu hỏi trắc nghiệm sau: 1. Ai là tác giả của bài thơ Đồng chí:	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác

a/ Xuân Diệu b/ Tố Hữu c/ Chính Hữu d/ Phạm Tiến Duật 2/ Nguyễn Duy là tác giả của bài thơ nào sau đây: a/ Mùa xuân nho nhỏ b/ Ánh trăng c/ Đoàn thuyền đánh cá d/ Viếng Lăng Bác - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **Gợi ý trả lời: 1d;2b** - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: trong chương trình Ngữ văn 9, các em đã học một số nhà thơ, nhà văn tiêu biểu trong văn học Việt Nam qua các thời kì kháng chiến chống Pháp (như Chính Hữu), chống Mĩ và sau 1975 (như bài Ánh trăng của Nguyễn Duy). Như vậy, văn học Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỉ XX có gì nổi bật?	tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY - TRÒ	NỘI DUNG BÀI HỌC
Hoạt động: TÌM HIỂU **Khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng Tám 1945- 1975**	
*** Thao tác 1 : Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về VHVN từ cách mạng tháng Tám 1945- 1975:** - Cho HS tìm hiểu (qua trao đổi nhóm, hoặc cá nhân: HS thảo luận theo nhóm, chia thành 4 nhóm :(5-7 phút) **Nhóm 1:** *VHVN 1945 – 1975 tồn tại và phát triển trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào? Trong hoàn cảnh LS ấy vấn đề đặt lên hàng đầu và chi phối mọi lĩnh vực đời sống là gì?Theo em nhiệm vụ hàng đầu của văn học trong giai đoạn này là gì? Văn học giai đoạn 1945 đến 1975 phát triển qua mấy chặng?* **Nhóm 1:** Hoàn cảnh lịch sử : - Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt & kéo dài suốt 30 năm. - Điều kiện giao lưu văn hoá không tránh khỏi hạn chế. Sự tiếp xúc với văn hóa nước ngoài chủ yếu là Liên Xô (cũ) và Trung Quốc.	**I/ Khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng Tám 1945- 1975:** **1. Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá:** - Văn học vận động và phát triển dưới sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng - Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt kéo dào suốt 30 năm. - Điều kiện giao lưu văn hoá với nước ngoài bị hạn chế, nền kinh tế nghèo nàn chậm phát triển .

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY - TRÒ	NỘI DUNG BÀI HỌC
- Các chặng đường VH: +Chặng đường từ năm 1945-1954: +Chặng đường từ 1955-1964: +Chặng đường từ 1965-1975: *GV chốt lại:* *+ Thực hiện xuất sắc nhiệm vụ lịch sử; thể hiện hình ảnh con người Việt Nam trong chiến đấu và lao động.* *+ Tiếp nối và phát huy những truyền thống tư tưởng lớn của dân tộc: truyền thống yêu nước, truyền thống nhân đạo và chủ nghĩa anh hùng.* *+ Những thành tựu nghệ thuật lớn về thể loại, về khuynh hướng thẩm mĩ, về đội ngũ sáng tác, đặc biệt là sự xuất hiện những tác phẩm lớn mang tầm thời đại.* *+ Tuy vậy, văn học thời kì này vẫn có những hạn chế nhất định: giản đơn, phiến diện, công thức…* *GV nói thêm về văn học vùng địch chiếm* **Nhóm 2:** *Từ HCLS đó, VH có những đặc điểm nào?Nêu và giải thích, chứng minh những đặc điểm lớn của văn học giai đoạn này? (Câu hỏi 2*	**2.Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu:** **a. Chặng đường từ năm 1945-1954:** - VH tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta - Thành tựu tiêu biểu: Truyện ngắn và kí. Từ 1950 trở đi xuất hiện một số truyện, kí khá dày dặn.(D/C SGK). **b. Chặng đường từ 1955-1964:** - Văn xuôi mở rộng đề tài. - Thơ ca phát triển mạnh mẽ. - Kịch nói cũng có một số thành tựu đáng kể.(D/C SGK). **c. Chặng đường từ 1965-1975:** - Chủ đề bao trùm là đề cao tinh thần yêu nước, ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng. - Văn xuôi tập trung phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động, khắc hoạ thành công hình ảnh con người VN anh dũng, kiên cường, bất khuất.(Tiêu biểu là thể loại Truyện-kí cả ở miền Bắc và miền Nam). - Thơ đạt được nhiều thành tựu xuất sắc, thực sự là một bước tiến mới của thơ ca VN hiện đại - Kịch cũng có những thành tựu đáng ghi nhận.(D/C SGK). **d. Văn học vùng địch tạm chiếm:** - Xu hướng chính thống: Xu hướng phản động (Chống cộng, đồi truỵ bạo lực...) - Xu hướng VH yêu nước và cách mạng : + Nội dung phủ định chế độ bất công tàn bạo, lên án bọn cướp nước, bán nước, thức tỉnh lòng yêu nước và tinh thần dân tộc... + Hình thức thể loại gon nhẹ: Truyện ngắn, thơ, phóng sự, bút kí. - Ngoài ra còn có một sáng tác có nội dung lành mạnh, có giá trị nghệ thuật cao. Nội dung viết về hiện thực xã hội, về đời sống văn hoá, phong tục, thiên nhiên đất nước, về vẻ đẹp con người lao động... **3. Những đặc điểm cơ bản của VHVN 1945-1975:** a. Một nền VH chủ yếu vận động theo

SGK) + HS nêu các đặc điểm theo SGk và chứng minh các khía cạnh của mỗi đặc điểm (CM qua một số tác phẩm cụ thể) **Nhóm 2:** a. Một nền VH chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước. - Văn học được xem là một vũ khí phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng, nhà văn là chiến sĩ trên mặt trận văn hoá. - Văn học tập trung vào 2 đề tài lớn đó là Tổ quốc và Chủ nghĩa xã hội (thường gắn bó, hoà quyện trong mỗi tác phẩm)=> Tạo nên diện mạo riêng cho nền Vh giai đoạn này. **Nhóm 3:** *Thế nào là khuynh hướng sử thi? Điều này thể hiện như thế nào trong VH?* -HS trình bày hiểu biết về khái niệm "khuynh hướng sử thi" Đề cập đến những vấn đề có ý nghĩa lịch sử và có tính chất toàn dân tộc. Nhân vật chính là những người đại diện cho tinh hoa khí phách, phẩm chất, ý chí của cộng đồng dân tộc, tiêu biểu cho lí tưởng cộng đồng hơn là khát vọng cá nhân Con người do vậy chủ yếu được khai thác ở khía cạnh bổn phận trách nhiệm công dân, ở tình cảm lớn, lẽ sống lớn. Lời văn sử thi thường mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng, hào hùng. **GV:** nêu ví dụ: "*Người con gái Việt Nam – trái tim vĩ đại* *Còn một giọt máu tươi còn đập mãi* *Không phải cho em. Cho lẽ phải trên đời* *Cho quê hương em. Cho tổ quốc, loài người!"* (Người con gái Việt Nam - Tố Hữu). Hay: *Người mẹ cầm súng* – chị Út Tịch ở xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, người mẹ của sáu đứa con, nổi tiếng với câu nói *Còn cái lai quần cũng đánh; Đất quê ta mênh mông – Lòng mẹ rộng vô cùng…* **Nhóm 4:** - Cảm hứng lãng mạn: Là cảm hứng khẳng định cái Tôi đầy tình cảm cảm xúc và hướng tớ lí tưởng: tập trung miêu tả và khẳng định phương diện lí tưởng của cuộc sống mới,	hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước. b. Một nền văn học hướng về đại chúng. - Đại chúng vừa là đối tượng phản ánh và phục vụ vừa là nguồn cung cấp bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học. - Nội dung, hình thức hướng về đối tượng quần chúng nhân dân cách mạng. c. Một nền văn học mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn - Khuynh hướng sử thi được thể hiện trong văn học ở các mặt sau: + **Đề tài:** Tập trung phản ánh những vấn đề có ý nghĩa sống còn của đất nước: Tổ quốc còn hay mất, tự do hay nô lệ. **+ Nhân vật chính:** là những con người đại diện cho phẩm chất và ý chí của dân tộc; gắn bó số phận cá nhân với số phận đất nước; luôn đặt lẽ sống của dân tộc lên hàng đầu. **+ Lời văn** mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng. **+ Người cầm bút** có tầm nhìn bao quát về lịch sử, dân tộc và thời đại. - Cảm hứng lãng mạn: - Là cảm hứng khẳng định cái tôi dạt dào tình cảm hướng tới cách mạng - Biểu hiện: + Ngợi ca cuộc sống mới, con người mới, + Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng CM và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.→ **Cảm hứng nâng đỡ con người vượt lên những chặng đường chiến tranh gian khổ, máu lửa, hi sinh.** => Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn kết hợp hoà quyện làm cho văn học giai đoạn này thấm đẫm tinh thần lạc quan, tin tưởng và do vậy VH đã làm tròn nhiệm

con người mới.Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng CM và hướng tới tương lai tươi sáng của dân tộc. **GV:** Nói thêm: Họ ra trận, đi vào mưa bom bão đạn mà vui như trẩy hội: *"Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước,/Mà lòng phơi phới dậy tương lai"* (Tố Hữu). "*Những buổi vui sao cả nước lên đường/Xao xuyến bờ tre từng hồi trống giục"* (Chính Hữu). *"Đường ra trận mùa này đẹp lắm,* *Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây"* (Phạm Tiến Duật).	vụ phục vụ đắc lực cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc thống nhất đất nước.
Hoạt động 2: Văn học VN từ sau 1975- hết thế kỉ XX .(40 PHÚT)	
<u>* Thao tác 1 :</u> *-Theo em hoàn cảnh LS của đất nước giai đoạn này có gì khác trước? Hoàn cảnh đó đã chi phối đến quá trình phát triển của VH như thế nào? Những chuyển biến của văn học diễn ra cụ thể ra sao? Ý thức về quan niệm nghệ thuật được biểu hiện như thế nào?* **HS dựa vào SGK và phần bài soạn, làm việc cá nhân trả lời.** **Tập thể lớp nhận xét bổ sung** *Theo em vì sao VH phải đổi mới? Thành tựu chủ yếu của quá trình đổi mới là gì? (Câu hỏi 4 SGK)* *Trong quan niệm về con người trong VH sau 1975 có gì khác trước?* *Hãy chứng minh qua một số tác phẩm mà em đã đọc?* **HS theo dõi SGK trình bày gọn những ý chính.Nêu D/C .** - Từ sau 1975, thơ chưa tạo được sự lôi cuốn hấp dẫn như các giai đoạn trước. Tuy nhiên vẫn có một số tác phẩm ít nhiều gây chú ý cho người đọc (Trong đó có cả nhưng cây bút thuộc thế hệ chống Mĩ và những cây bút thuộc thế hệ nhà thơ sau 1975). - Từ sau 1975 văn xuôi có nhiều thành tựu hơn so với thơ ca. Nhất là từ đầu những năm 80. Xu thế đổi mới trong cách viết cách tiếp cận hiện thực ngày càng rõ nét với nhiều tác phẩm của Nguyễn Mạnh Tuấn, Ma văn Kháng, Nguyễn Khải. - Từ năm 1986 văn học chính thức bước vào thời kì đổi mới : Gắn bó với đời sống, cập nhật những vấn đề của đời sống hàng ngày. Các thể loại	**II/ <u>Văn học VN từ sau 1975- hết thế kỉ XX</u> .** <u>1/ Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá VN từ sau 1975:</u> - Đại thắng mùa xuân năm 1975 mở ra một thời kì mới-thời kì độc lập tự do thống nhất đất đất nước-mở ra vận hội mới cho đất nước - Từ năm 1975-1985 đất nước trải qua những khó khăn thử thách sau chiến tranh. - Từ 1986 Đất nước bước vào công cuộc đổi mới toàn diện, nền kinh tế từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, văn hoá có điều kiện tiếp xúc với nhiều nước trên thế giới, văn học dịch, báo chí và các phương tiện truyền thông phát triển mạnh mẽ... => Những điều kiện đó đã thúc đẩy nền văn học đổi mới cho phù hợp với nguyện vọng của nhà văn, người đọc cũng như phù hợp quy luật phát triển khách quan của nền văn học.

phóng sự, truyện ngắn, bút kí, hồi kí... đều có những thành tựu tiêu biểu.
- Thể loại kịch từ sau 1975 phát triển mạnh mẽ (Lưu Quang Vũ, Xuân Trình...)
-HS lập bảng so sánh
-HS lập bảng so sánh
Đổi mới trong quan niệm về con người:

Trước 1975:	Sau 1975
- Con người lịch sử. - Nhấn mạnh ở tính giai cấp. - Chỉ được khắc hoạ ở phẩm chất chính trị, tinh thần cách mạng - Tình cảm được nói đến là t/c đồng bào, đồng chí, t/c con người mới - Được mô tả ở đời sống ý thức	- Con người cá nhân trong quan hệ đời thường. (*Mùa lá rụng trong vườn*- Ma Văn Kháng, *Thời xa vắng*- Lê Lựu, *Tướng về hưu* – Nguyễn Huy Thiệp...) - Nhấn Mạnh ở tính nhân loại. (*Cha và con và...*- Nguyễn Khải, *Nỗi buồn chiến tranh* – Bảo Ninh...) - Còn được khắc hoạ ở phương diện tự nhiên, bản năng... - Con người được thể hiện ở đời sống tâm linh. (*Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường, *Thanh minh trời trong sáng* của Ma Văn Kháng...)

VH giai đoạn này có hạn chế gì ? Vì sao?
Thao tác 2: Hướng dẫn HS tổng kết bài học

2/Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu của văn học sau 1975 đến hết thế kỉ XX:

=>Nhìn chung về văn học sau 1975
- Văn học đã từng bước chuyển sang giai đoạn đổi mới và vận động theo hướng dân chủ hoá,mang tính nhân bản và nhân văn sâu sắc.
- Vh cũng phát triển đa dạng hơn về đề tài, phong phú, mới mẻ hơn về bút pháp,cá tính sáng tạo của nhà văn được phát huy .
- Nét mới của VH giai đoạn này là tính hướng nội, đi vào hành trình tìm kiếm bên trong, quan tâm nhiều hơn đến số phận con người trong những hoàn cảnh phức tạp của đời sống.
- Tuy nhiên VH giai đoạn này cũng có những hạn chế: đó là những biểu hiện quá đà, thiếu lành mạnh hoặc nảy sinh khuynh hướng tiêu cực, nói nhiều tới các mặt trái của xã hội...

III/ Kết luận: (Ghi nhớ- SGK)

🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	NỘI DUNG BÀI HỌC	
GV giao nhiệm vụ: lập bảng so sánh Đổi mới trong quan niệm về con người trong văn học Việt Nam trước và sau năm 1975? - HS thực hiện nhiệm vụ:	***Trước 1975:***	***Sau 1975***
	- Con người lịch sử. - Nhấn mạnh ở tính giai cấp. - Chỉ được khắc hoạ ở phẩm chất chính trị, tinh thần cách mạng - Tình cảm được nói đến là t/c đồng bào, đồng chí, t/c con người mới	- Con người cá nhân trong quan hệ đời thường. (*Mùa lá rụng trong vườn*- Ma Văn Kháng, *Thời xa vắng*- Lê Lựu, *Tướng về hưu* – Nguyễn Huy Thiệp...) - Nhấn Mạnh ở tính nhân loại. (*Cha và con và...*- Nguyễn Khải, *Nỗi buồn chiến tranh* – Bảo Ninh...) - Còn được khắc hoạ ở phương diện tự nhiên, bản năng... - Con người được thể hiện ở đời sống tâm linh. (*Mảnh đất lắm người nhiều ma* của

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- Được mô tả ở đời sống ý thức	Nguyễn Khắc Trường, *Thanh minh trời trong sáng* của Ma Văn Kháng...)

🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
GV giao nhiệm vụ: **Tr/bày ngắn gọn về khuynh hướng sử thi và c/hứng lãng mạn của nền VHVN 1945 – 1975.** - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- Khuynh hướng sử thi: được thể hiện trong vh ở các mặt sau: + **Đề tài:** Tập trung phản ánh những vấn đề có ý nghĩa sống còn của đất nước: Tổ quốc còn hay mất, tự do hay nô lệ. + **Nhân vật chính:** là những con người đại diện cho phẩm chất và ý chí của dân tộc; gắn bó số phận cá nhân với số phận đất nước; luôn đặt lẽ sống của dân tộc lên hàng đầu. + **Lời văn** mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng. + **Người cầm bút** có tầm nhìn bao quát về lịch sử, dân tộc và thời đại - Cảm hứng lãng mạn: Tuy còn nhiều khó khăn gian khổ, nhiều mất mác, hy sinh nhưng lòng vẫn tràn đầy mơ ước, vẫn tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước. Cảm hứng lãng mạn đã nâng đỡ con người VN vượt lên mọi thử thách hướng tới chiến thắng.

🕮 5. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
GV giao nhiệm vụ: Trong bài *Nhận đường*, Nguyễn Đình Thi viết: "Văn nghệ phụng sự kháng chiến, nhưng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ một sức sống mới. Sắt lửa mặt trận đang đúc nên văn nghệ mới của chúng ta." Hãy bày tỏ suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên. -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	NĐT đề cập đến mối quan hệ giữa văn nghệ và kháng chiến: . Một mặt: Văn nghệ phụng sự kháng chiến. Đó là mục đích của nền văn nghệ mới trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh – Nhà văn là chiến sĩ trên mặt trận văn hoá. . Mặt khác, chính hiện thực phong phú , sinh động của cách mạng, kháng chiến đã đem đến cho văn nghệ một sức sống mới, khơi nguồn cảm hứng sáng tạo dồi dào cho văn nghệ.

**** Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.***

- Phân tích, đánh giá các đặc điểm cơ bản, thành tựu và những hạn chế của VH giai đoạn 1975 đến hết thế kỷ XX.
- Chuẩn bị bài: Nghị luận về một tư tưởng đạo lí

Tuần: 01
Tiết: 3

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý;
b/ Thông hiểu: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một tư tưởng, đạo lý (luận đề)
c/Vận dụng thấp: Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý;
d/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý có bố cục mạch lạc, logic.

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: nghị luận về một tư tưởng, đạo lý
b/ Thông thạo: cấu trúc bài nghị luận xã hội

1.3. Thái độ : Từ nhận thức về những vấn đề tư tưởng đạo lí, có ý thức tiếp thu những quan niệm đúng đắn và phê phán những quan niệm sai lầm.

1.4 Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực viết văn bản nghị luận xã hội ;
- Năng lực đọc – hiểu một văn bản nghị luận về một tư tưởng, đạo lý;hiện tượng đời sống
- Các năng lực chung như: thu thập kiến thức xã hội có liên quan; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng, giao tiếp bằng tiếng Việt;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy
2.2. Chuẩn bị của HS: SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức
3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)
3.3. Tiến trình dạy học:

🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*
- GV giao nhiệm vụ: hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng câu hỏi trắc nghiệm sau: 1/ Đề văn nào dưới đây không thuộc loại nghị luận về một tư tưởng đạo lí? a. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu nói: Cái nết đánh chết cái đẹp b. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu khẩu hiệu : Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình. c. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu nói : Làm người thì không nên có cái tôi...nhưng làm thơ thì không thể không có	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt

cái tôi. d. Qua bài thơ Vội vàng, anh(chị) có suy nghĩ như thế nào về quan niệm sống của nhà thơ Xuân Diệu? - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Văn nghị luận nói chung, nghị luận về một tư tưởng, đạo lí nói riêng là kiểu bài chúng ta thường gặp trong đời sống hằng ngày, trên báo chí và các phương tiên truyền thông đại chúng khác. Hơn nữa, ở bậc THCS, chúng ta cũng đã nghiên cứu khá kĩ kiểu bài này; vậy bây giờ em nào có thể nhắc lại những nội dung cơ bản đã học ở lớp 9?	để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG	
*** Thao tác 1 :** **Hoạt động 1** : -Hướng dẫn HS luyện tập để biết cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí. - GV dựa vào đề bài trong SGK và những câu hỏi gợi ý, hướng dẫn HS thảo luận hình thành lí thuyết. -GV gọi đại diện các nhóm trình bày, ghi bảng tổng hợp, nhận xét... HS làm việc theo nhóm 4 : Đọc kĩ đề bài và câu hỏi, trao đổi thảo luận, ghi kết quả vào phiếu học tập (ý khái quát, ngắn gọn) và đại diện nhóm trình bày (3-5 phút) -Cần tập trung thảo luận và nêu được thế nào là "sống đẹp"(Gợi ý: *Sống đẹp là sống có lí tưởng mục đích, có tình cảm nhân hậu, lành mạnh, có trí tuệ sáng suốt, hiểu biết rộng, có hành động tích cực=> có ích cho cộng đồng xã hội...); ngược lại là lối sống: ích kỉ, nhỏ nhen, hẹp hòi, vô trách nhiệm, thiếu ý chí nghị lực.* GV bổ sung: - Như vậy, bài làm có thể hình thành 4 nội dung để trả lời câu hỏi cả Tố Hữu: lí tưởng đúng đắn; tâm hồn lành mạnh; trí tuệ sáng suốt; hành động tích cực. - Với đề văn này, có thể sử dụng các thao tác lập	**I. <u>Đề tài nghị luận về tư tưởng, đạo lí:</u>** vô cùng phong phú, bao gồm các vấn đề: - Về nhận thức (lí tưởng, mục đích sống). - Về tâm hồn, tính cách (lòng yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, bao dung, độ lượng; tính trung thực, dũng cảm, chăm chỉ, cần cù, thái độ hoà nhã, khiêm tốn; thói ích kỉ, ba hoa, vụ lợi,…). - Về các quan hệ gia đình (tình mẫu tử, tình anh em,…); về quan hệ xã hội (tình đồng bào, tình thầy trò, tình bạn,…). - Về cách ứng xử, những hành động của mỗi người trong cuộc sống,… **II. <u>Tìm hiểu đề và lập dàn ý:</u>** <u>*Đề bài*</u>: Em hãy trả lời câu hỏi sau của nhà thơ Tố Hữu: Ôi*, Sống đẹp là thế nào, hỡi bạn ?* ***a. <u>Tìm hiểu đề:</u>*** - Câu thơ viết dưới dạng câu hỏi, nêu lên vấn đề "sống đẹp" trong đời sống của mỗi người muốn xứng đáng là "con người" cần nhận thức đúng và rèn luyện tích cực. - Để *sống đẹp*, mỗi người cần xác định: *lí tưởng* (mục đích sống) đúng đắn, cao đẹp; *tâm hồn, tình cảm* lành mạnh, nhân hậu; *trí tuệ* (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt; *hành động* tích cực, lương thiện…Với thanh niên, HS, muốn trở thành người *sống đẹp*, cần thường xuyên học tập và rèn luyện để từng bước hoàn thiện nhân

luận như: giải thích (*sống đẹp*); phân tích (các khía cạnh biểu hiện của *sống đẹp*); chứng minh, bình luận (nêu những tấm gương người tốt, bàn cách thức rèn luyện để sống đẹp,; phê phán lối sống ích kỉ, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực, …). HS dựa vào phần tìm hiểu đề để lập dàn ý: A. <u>Mở bài:</u> - Giới thiệu về cách sống của thanh niên hiện nay. - Dẫn câu thơ của Tố Hữu. B. <u>Thân bài:</u> - Giải thích thế nào là sống đẹp? - Các biểu hiện của sống đẹp: + *lí tưởng* (mục đích sống) đúng đắn, cao đẹp. + *tâm hồn, tình cảm* lành mạnh, nhân hậu. + *trí tuệ* (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt. + *hành động* tích cực, lương thiện… Với thanh niên, HS, muốn trở thành người *sống đẹp*, cần thường xuyên học tập và rèn luyện để từng bước hoàn thiện nhân cách. C. <u>Kết bài:</u> Khẳng định ý nghĩa của sống đẹp.	cách. - Dẫn chứng chủ yếu dùng tư liệu thực tế, có thể lấy dẫn chứng trong thơ văn nhưng không cần nhiều. ***b. <u>Lập dàn ý:</u>***
Hoạt động 2: **Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí**	
<u>* Thao tác 1 :</u> - Hướng dẫn HS sơ kết, nêu hiểu biết về cách làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí. - Hướng dẫn HS củng cố kiến thức qua phần ghi nhớ trong SGK. -Hs nêu phương pháp làm bài qua phần luyện tập . - Nắm kĩ lí thuyết trong phần Ghi nhớ SGK (Học thuộc)	**II. <u>Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí:</u>** ***<u>Ghi nhớ:</u>*** (SGK). 1. <u>Mở bài:</u> Giới thiệu tư tưởng, đạo lí cần bàn luận, trích dẫn (nếu đề đưa ý kiến, nhận định). 2. <u>Thân bài:</u> a. *Giải thích*, nêu nội dung vấn đề cần bàn luận. Trong trường hợp cần thiết, người viết chú ý giải thích các khái niệm, các vế và rút ra ý khái quát của vấn đề. * Lưu ý: Cần giới thiệu vấn đề một cách ngắn gọn, rõ ràng, tránh trình bày chung chung. Khâu này rất quan trọng, có ý nghĩa định hướng cho toàn bài. b. *Phân tích* vấn đề trên nhiều khía cạnh, chỉ ra biểu hiện cụ thể. c. *Chứng minh*: Dùng dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. d. *Bàn bạc* vấn đề trên các phương diện, khía cạnh: đúng- sai, tốt- xấu, tích cực- tiêu

	cực, đóng góp- hạn chế,… * Lưu ý: Sự bàn bạc cần khách quan, toàn diện, khoa học, cụ thể, chân thực, sáng tạo của người viết. e. Khẳng định ý nghĩa của vấn đề trong lí luận và thực tiễn đời sống. 3. <u>Kết bài:</u> Liên hệ, rút ra bài học nhận thức và hoạt động về tư tưởng đạo lí (trong gia đình, nhà trường, ngoài xã hội)
Hoạt động 3: LUYỆN TẬP	
<u>* Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn HS luyện tập củng cố kiến thức -Yêu cầu HS đọc kĩ 2 bài tập trong SGK và thực hành theo các câu hỏi. Bài 2: GV có thể đặt ra một số yêu cầu cụ thể cho HS: a.Lập dàn ý b.Viết thành bài văn nghị luận hoàn chỉnh -GV cho HS chia nhóm thảo luận dàn ý sau đó định hướng trở lại để HS viết thành bài văn hoàn chỉnh -GV kiểm tra, nhận xét, cho điểm một số bài làm của HS <u>HS:</u> <u>Bài tập 1:</u> HS làm việc cá nhân và trình bày ngắn gọn, lớp theo dõi, nhận xét bổ sung + Vấn đề mà Nê- ru bàn luận là phẩm chất văn hoá trong nhân cách của mỗi con người. + Có thể đặt tiêu đề cho văn bản là: "*Thế nào là con người có văn hoá?*" Hay " *Một trí tuệ có văn hoá"* + Tác giả đã sử dụng các thao tác lập luận: Giải thích (đoạn 1), phân tích (đoạn 2) , bình luận (đoạn 3) + Cách diễn đạt rất sinh động: (GT: đưa ra câu hỏi và tự trả lời. PT: trực tiếp đối thoại với người đọc tạo sự gần gũi thân mật. BL: viện dẫn đoạn thơ của một nhà thơ HI lạp vừa tóm lược các luận điểm vừa tạo ấn tượng nhẹ nhàng, dễ nhớ, hấp dẫn **Thao tác 2:Hướng dẫn HS tổng kết bài học**	**<u>II/ Luyện tập:</u>** **1. <u>Bài tập 1</u>:** <u>Bài tập 2</u>: Hs về nhà làm dựa theo gợi ý SGK (Lập dàn ý hoặc viết bài) - ***Mở bài:*** + Vai trò lí tưởng trong đời sống con người. + Có thể trích dẫn nguyên văn câu nói của Lep Tônxtôi - ***Thân bài***: + Giải thích: lí tưởng là gì? + Phân tích vai trò, giá trị của lí tưởng: Ngọn đèn chỉ đường, dẫn lối cho con người. *Dẫn chứng: lí tưởng yêu nước của Hồ Chí Minh.* + Bình luận: Vì sao sống cần có lí tưởng? + Suy nghĩ của bản thân đối với ý kiến của nhà văn. Từ đó, lựa chọn và phấn đấu cho lí tưởng sống. - ***Kết bài:*** + Lí tưởng là thước đo đánh giá con người. + Nhắc nhở thế hệ trẻ biết sống vì lí tưởng.

🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt	Năng lực cần hình thành
GV giao nhiệm vụ: Xác định 3 yêu cầu khi làm đề sau: phát biểu ý kiến về vai trò của tự học đối với học sinh hiện nay. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	a. *Yêu cầu nội dung:* Tự học với học sinh hiện nay là rất cần thiết, bài văn cần có bốn ý sau: 1. Giải thích về "học" và "tự học". 2. Đưa các lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định tự học đối với học sinh hiện nay là rất cần thiết. 3. Phê phán không tự học, dựa dẫm, ỷ lại,… 4. Rút ra bài học nhận thức và hành động từ việc tìm hiểu về tự học. b. *Yêu cầu về thao tác nghị luận:* Thường sử dụng kết hợp các thao tác sau: - Thao tác trình bày luận điểm: Gồm hai thao tác diễn dịch và qui nạp (nên sử dụng diễn dịch). - Thao tác làm rõ luận điểm gồm: Thao tác giải thích để làm rõ nội dung ý kiến hay khái niệm ở đề bài. Thao tác phân tích để chia tách vấn đề thành nhiều khía cạnh, chỉ ra các biểu hiện cụ thể của vấn đề. Thao tác chứng minh để làm sáng tỏ vấn đề. Thao tác bình luận để khẳng định vấn đề. Thao tác bác bỏ để phê phán, phủ nhận khía cạnh sai lệch. c. *Yêu cầu về phạm vi tư liệu* (dẫn chứng): Bài nghị luận xã hội chủ yếu lấy dẫn chứng trong thực tế đời sống.	Năng lực giải quyết vấn đề:

🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt	Năng lực cần hình thành
GV giao nhiệm vụ: Anh/chị hãy viết một bài văn ngắn (không quá 400 từ) phát biểu ý kiến về tác dụng của việc đọc sách. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**LẬP DÀN Ý** **I/. Mở bài:** - Nêu ý: Có người vào thư viện đọc sách, có người mua sách. Nhận định: Đọc sách có nhiều tác dụng. **II/. Thân bài:** 1/. Nêu ví dụ từ đó giải thích: "Sách" là kho tàng tri thức, kĩ năng. "Đọc sách" là hoạt động tiếp thu tri thức, kĩ năng. 2/. Nêu các ví dụ và phân tích tác dụng của đọc sách: - Mở mang hiểu biết…	Năng lực giải quyết vấn đề:

	- Bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm… - Có thêm nhiều kĩ năng… - Có tác dụng giải trí… 3/. Phê phán người không quí trọng sách, lười đọc, đọc không lựa chọn, không đúng lúc. 4/. Bài học: - Nhận thức tầm quan trọng của đọc sách. - Hành động: Đọc sách liên quan đến học tập. Còn cần đọc thêm sách khác. Biết chọn sách, đọc đúng lúc. **III/. Kết bài:** Đánh giá chung tác dụng của đọc sách, mọi người cần đọc sách.	

🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, SÁNG TẠO.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
GV giao nhiệm vụ: **1.** Sưu tầm một số câu châm ngôn thể hiện tư tưởng, đạo lí đúng; 2. Chọn 1 trong những câu châm ngôn đó, phân tích đề và lập dàn ý chi tiết. -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**-Chọn đúng câu châm ngôn thể hiện tư tưởng đạo lí** **- Biết** phân tích đề và lập dàn ý chi tiết.	Năng lực tự học.

*** Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) - Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí (Tìm hiểu đề, lập dàn ý, diễn đạt, vận dụng các thao tác lập luận để khẳng định hoặc bác bỏ - Cần chú ý tiếp thu những quan niệm tích cực, tiến bộ và biết phê phán, bác bỏ những quan niệm sai trái, lệch lạc.
- Chuẩn bị bài: TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Tuần: 02

Tiết: 4

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP
(PHẦN I – TÁC GIẢ)

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết:Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác

b/ Thông hiểu:Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

c/Vận dụng thấp:Vận dụng hiểu biết về tác giả, tác phẩm để đọc hiểu văn bản liên quan đến tiểu sử HCM

d/Vận dụng cao:Viết bài cảm nhận riêng (như chân dung văn học) về tác giả

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài thuyết minh về tác gia văn học

b/ Thông thạo: các bước thuyết minh tác gia văn học

1.3.Thái độ : Lòng yêu mến, kính phục vị "anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới".

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác giả văn học

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả Hồ Chí Minh.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy

2.2. Chuẩn bị của HS: SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức

3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)

3.3. Tiến trình dạy học:

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về HCM bằng cách cho HS: - Xem chân dung - Xem một đoạn videoclip về HCM - Nghe một đoạn bài hát Viếng lăng Bác (phỏng thơ Viễn Phương) - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng, người mở đường cho văn học cách mạng. Sự nghiệp văn học của Người rất đặc sắc về nội dung tư tưởng, phong phú đa dạng về thể loại và phong	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

cách sáng tác. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay.	

🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
Hoạt động: TÌM HIỂU Tiểu sử- Quan điểm sáng tác	
*** Thao tác 1 :** Hướng dẫn HS tóm tắt những nét cơ bản nhất về tiểu sử. -HS đã đọc kĩ SGK và đã soạn bài dựa theo câu hỏi của phần Hướng dẫn học bài. -HS theo dõi SGK trả lời ngắn gọn (chú ý những điểm mốc lớn) *- Những nét chính trong cuộc đời Hồ Chí Minh?* HS tóm tắt và tự ghi nhớ HS Tái hiện kiến thức và trình bày. a. Thời kì từ năm 1911-1941: Hoạt động cách mạng ở nước ngoài: tìm đường cứu nước, thành lập Đảng CSVN, chuẩn bị cho CMT8 năm 1945. b. Từ năm 1941-1969 lãnh đạo nhân dân làm nên cuộc CMT8 thắng lợi- khai sinh ra Nước VN Dân chủ Cộng hòa. Lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mĩ và công cuộc xây dựng XHCN ở miền Bắc với tư cách Chủ tịch Nước VN Dân chủ Cộng hòa. **Thao tác 2:** Hướng dẫn HS tìm hiểu quan điểm sáng tác nghệ thuật của HCM **- HS trao đổi nhóm và trả lời dựa theo mục a,b,c (SGK)** **- Lớp trao đổi, bổ sung .** **- Ghi 3 ý ngắn gọn, nắm kĩ kiến thức** **Nhóm 1:** - Hồ Chí Minh coi văn học là vũ khí chiến đấu lợi hại, phụng sự đắc lực cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ ngoài mặt trận. **Nhóm 2:** - Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học. Nhà văn cần tránh lối viết cầu kì xa lạ, chú ý phát huy cốt cách dân tộc, ngôn từ phải chọn lọc. **Nhóm 3:** - Khi cầm bút, Người bao giờ cũng xuất phát tù đối tượng (*Viết cho ai?*) và mục đích tiếp nhận (*Viết để làm gì?*) để quyết định nội dung (*Viết cái gì?*) và	I. **Vài nét về tiểu sử:** (SGK) 1. Quê hương, gia đình, thời niên thiếu. 2. Quá trình hoạt động CM: ** Hồ Chí Minh là nhà yêu nước, nhà CM vĩ đại, là anh hùng giải phóng dân tộc của nhân dân VN và là nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào Quốc tế cộng sản, là danh nhân văn hóa thế giới.* **II. Quan điểm sáng tác nghệ thuật**

hình thức (*Viết thế nào?*) của tác phẩm.	
Hoạt động : Di sản văn học	
<u>* Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn tìm hiểu sự nghiệp văn học của HCM -**Hs theo dõi SGK và dựa vào phần soạn bài trả lời ngắn gọn khái quát- chú ý làm rõ tính đa dạng phong phú trong sáng tác của Người.** - HS trả lời cá nhân *1. Văn chính luận*: - Tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925); Tuyên ngôn độc lập (1945);Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (1946) - Mục đích: đấu tranh chính trị nhằm tấn công trực diện kẻ thù , thể hiện những nhiệm vụ CM qua những chặng đường lịch sử . - Nghệ thuật: Lí lẽ vững vàng xác đáng đầy sức thuyết phục, ngôn từ giản dị *2. Truyện và kí* - Nội dung : Vạch trần bản chất của bọn thực dân cướp nước và bọn tay sai bán bước, ca ngợi những người chiến sĩ CM kiên cường đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc . -Nghệ thuật : Lối viết cô đọng, cột truyện sáng tạo, kết cấu độc đáo, mang màu sắc hiện đại nhẹ nhàng trào lộng của văn thông tấn, vừa sâu sắc đầy tính chiến đấu vừa tươi tắn hóm hỉnh *3. Thơ ca:* Được in trong các tập : - Tập thơ NKTT bằng chữ Hán sáng tác từ tháng 1942 đến tháng 1943 xuất bản năm 1960 - Thơ Hồ Chí Minh (xb 1967) - Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh (xb 1990) ❖ THƠ HỒ CHÍ MINH Trước CM tháng 8 : Sáng tác nhiều bài thơ mộc mạc , giản dị để tuyên truyền đường lối Sau CM tháng 8 : Bộc lộ nội niềm lo lắng về vận mệnh non sông, động viên sức mạnh nhân dân NHẬT KÍ TRONG TÙ - Hoàn cảnh sáng tác: Tập nhật kí bằng thơ được viết trong thời gian Bác bị giam cầm trong nhà tù Quốc dân đảng tại Quảng Tây Trung Quốc từ mùa thu năm 1942- mùa thu 1943 . Bác đã ghi lại những gì xảy ra trong nhà tù và trên đường áp giải từ nhà lao này đến nhà lao khác . - Nội dung : Tác phẩm thể hiện bức chân dung tt tự hoạ và tái hiện một cách chân thực và chi tiết bộ mặt tàn bạo của nhà tù Quốc dân đảng và một phần nào	**III. Di sản văn học**: Sự nghiệp chính là sự nghiệp CM nhưng Người đã để lại một sự nghiệp vh to lớn. ***1. Văn chính luận*:** - Tác phẩm: - Mục đích: - Nghệ thuật: ***2. Truyện và kí*** - Nội dung : -Nghệ thuật : ***3. Thơ ca*** NHẬT KÍ TRONG TÙ - Hoàn cảnh sáng tác: - Nội dung : THƠ HỒ CHÍ MINH -Trước CM tháng 8 : -Sau CM tháng 8 : => *Vừa mang màu sắc cổ điển, vừa mang tinh thần hiện đại , hình ảnh nhân vật trữ tình yêu nước , phong thái ung dung tự tại.*

tình hình xã hội Trung Quốc những năm 1942-1943. Tác phẩm mang một giá trị phê phán sắc sảo , thâm thúy -Tập thơ sâu sắc về tư tưởng , độc đáo đa dạng về bút pháp kết tin giá trị tư tưởng và nghệ thuật thơ ca của HCM .	
Hoạt động: Phong cách nghệ thuật	
<u>* Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn HS tổng kết về phong cách nghệ thuật của tác giả HCM - **HS thảo luận nhóm và trình bày kết quả, lớp theo dõi SGK nhận xét bổ sung hình thành kiến thức** - ***Tại sao có thể nói phong cách vh của HCM vừa độc đáo vừa đa dạng?*** ❖ GV: <u>Độc đáo mà đa dạng :</u> Ngay từ nhỏ, HCM đã được sống trong không khí của văn chương cổ điển VN và TQ, của thơ Đường, thơ Tống… Trong thời gian hoạt động CM ở nước ngoài, sống ở Pa-ri, Luân Đôn, Oa-sinh-tơn, Ca-li-phoóc-ni-a, Hồng Kông… tiếp xúc và chịu ảnh hưởng tư tưởng nghệ thuật của nhiều nhà văn Âu. Mĩ và nền văn học phương Tây hiện đại. * **Nhóm 1** - Văn chính luận * **Nhóm 2** - Truyện và ký * **Nhóm 3** Phong cách thơ đa dạng	**IV. Phong cách nghệ thuật:** Sáng tác nhiều thể loại Văn học, mỗi thể loại có những nét phong cách riêng độc đáo và hấp dẫn - Văn chính luận : Ngắn gọn , tư duy sắc sảo , lập luận chặt chẽ , lý lẽ đanh thép , bằng chứng đầy sức thuyết phục , giàu tính luận chiến , đa dạng về bút pháp . - Truyện và ký : Trí tưởng tượng phong phú , sáng tạo độc đáo về tình huống truyện, sự kết hợp hài hòa văn hóa phương Đông và phương Tây trong nghệ thuật trào phúng, giọng điệu lời văn linh hoạt hấp dẫn . Chất trí tuệ và tính hiện đại là nét đặc sắc trong truyện ngắn của Người . -Thơ ca: Phong cách thơ đa dạng: Những bài thơ với mục đích tuyên truyền CM : Giản dị , mộc mạc, mang màu sắc dân gian vừa hiện đại. Nhiều bài thơ nghệ thuật : Viết theo hình thức cổ thi hàm súc, có sự kết hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, giữa trữ tình và chiến đấu

🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
GV giao nhiệm vụ: Bài tập 1: Đọc bài thơ *Chiều tối.* Phân tích: - Bút pháp cổ điển - Tinh thần hiện đại - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- Bút pháp cổ điển được thể hiện qua cách miêu tả khung cảnh thiên nhiên, được miêu tả từ xa, được khắc hoạ bằng những nét chấm phá qua hình : cánh chim, chòm mây, không gian chiều tà, không nhằm ghi lại hình xác mà chỉ cốt truyền được linh hồn của tạo vật. Màu sắc cổ điển còn được thể ở phong thái ung dung của nhân vật trữ tình; ở thể thơ tứ tuyệt. - Tinh thần hiện đại: thiên nhiên trong bài thơ không tĩnh lặng mà vận động một cách khoẻ khoắn,hướng tới sự sống, ánh sáng và tương lai. Nhân vật trữ tình không phải là ẩn sĩ mà là chiến sĩ.

🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
GV giao nhiệm vụ: Điền vào ô trống bảng sau liên quan đến bài học về tác giả HCM: - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	

TT	Loại tác phẩm	Tên tác phẩm chủ yếu	Thời điểm sáng tác	Giá trị cơ bản

Trả lời:

TT	Loại tác phẩm	Tên tác phẩm chủ yếu	Thời điểm sáng tác	Giá trị cơ bản
1	Văn chính luận	Các bài đăng trên các báo: Người cùng khổ, Nhân đạo, Đời sống thợ thuyền... Các tác phẩm: *Bản án chế độ thực dân Pháp (bằng tiếng Pháp); Tuyên ngôn Độc lập, Lời kêu gọi kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, Di chúc (bằng tiếng*	Những năm 20, 1925 1945 1966 1969	-Tố cáo tội ác và bản chất của chủ nghĩa thực dân Pháp, kêu gọi đấu tranh, vận động cách mạng; -Tuyên ngôn khai sinh nước Việt Nam độc lập; -Kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ bảo vệ độc lập, tự do cho Tổ quốc; -Những lời căn dặn cuối cùng để lại cho toàn Đảng, toàn dân. -Những áng văn chính luân mẫu mực, sáng suốt, sắc sảo, nồng nàn, súc tích.
2	Truyện và kí	Viết bằng tiếng Pháp trong thời gian hoạt động cách mạng ở Pháp (Tập: Truyện và kí: Vi hành, Những trò lố...); bằng tiếng Việt (Nhật kí chìm tàu,Vừa đi đường vừa kể chuyện)...	Những năm 20 Những năm 30 Những năm 40, 50...	-Cây bút văn xuôi tài năng, trí tưởng tượng phong phú, vốn văn hoá sâu rộng, trí tuệ sâu sắc và trái tim nồng nàn tinh yêu nước và cách mạng. -Chất trí tuệ và tính hiện đại. -Ngòi bút châm biếm vừa đầy tính chiến đấu vừa hóm hỉnh, tươi tắn.
3	Thơ ca	Nhật kí trong tù Thơ Hồ Chí Minh Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh	-1942-1943 - 1960 1967 1990	-Tập thơ sâu sắc về tư tưởng, độc đáo và đa dạng về bút pháp, kết tinh giá trị tư tưởng và nghệ thuật thơ Hồ Chí Minh. -Những bài thơ tuyên truyền giản dị, mộc mạc, đầy khí thế. -Những bài thơ cảm hứng nghệ thuật vừa cổ điển vừa hiện đại. -Nhân vật trữ tình mang nặng nỗi nước nhà mà vẫn ung dung tự tại, tin vào tương lai tất thắng của cách mạng và dân tộc.

🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Giáo viên chia các nhóm và giao bài tập về nhà theo các câu hỏi sau: 1. Thu thập tư liệu từ báo chí, phỏng vấn người thân, trải nghiệm thực tế… để viết bài thuyết minh về Hồ Chí Minh 2. Viết cảm nhận về ca từ một bài hát ca ngợi HCM 3.Viết bài văn ngắn để làm sáng tỏ câu nói của HCM: "Không có gì quý hơn độc lập tự do" -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**- Hoàn thành bài thuyết trình** - Từ một bài hát ca ngợi HCM, viết một bài văn ngắn cảm nhận về ca từ trong bài hát đó **- Phân tích đề, lập dàn ý về một tư tưởng đạo lí**

*** Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) - Nhắc lại những quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh? Quan điểm ấy được Bác vận dụng như thế nào trong quá trình sáng tác? - Bác sáng tác chủ yếu ở những thể loại nào? - Những tác phẩm thơ văn của Người có ý nghĩa như thế nào đối với sự nghiệp cách mạng?
- Chuẩn bị bài: BÀI VIẾT SỐ 1 : Tiếng Việt

Tuần: 02
Tiết: 5

GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết:Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

b/ Thông hiểu: Có thói quen rèn luyện kĩ năng nói và viết nhằm đạt được sự trong sáng của Tiếng Việt.

c/Vận dụng thấp:Dùng từ đặt câu đúng chuẩn trong khi nói và viết

d/Vận dụng cao: Sử dụng TV theo đúng chuẩn để sáng tác hay viết hoàn chỉnh các văn bản trong cuộc sống

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài đọc hiểu về tiếng Việt

b/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt , giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt;

1.3.Thái độ : Có ý thức, thói quen giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi sử dụng; luôn nâng cao hiểu biết về tiếng Việt và rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong giao tiếp tiếng Việt

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản liên quan đền nội dung giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ của cá nhân trong giao tiếp tiếng Việt

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy

2.2. Chuẩn bị của HS: SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức

3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)

3.3. Tiến trình dạy học:

🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng cách đưa ra các ví dụ sau để học sinh xác định cách dùng từ trong câu nào đúng/sai? 1/Tổng thống và *phu nhân*. 2/Chị là *phu nhân* chiều chồng, chăm con. 3/Báo *Thiếu niên nhi đồng*. 4/*Thiếu niên nhi đồng* lang thang cơ nhỡ. 5/Tổng thống và *vợ*. 6/Chị là *một người vợ* chiều chồng, chăm con. 7/Báo *Trẻ em*.	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

8/Trẻ em lang thang cơ nhỡ. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Đã là người Việt Nam thì bất cứ ai trong chúng ta cũng biết sử dung tiếng Việt trong công việc giao tiếp hàng ngày, nhưng sử dụng tiếng Việt như thế nào để đảm bảo sự trong sáng và đạt hiệu quả cao? Đó là điều chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.	

🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
Hoạt động 1: TÌM HIỂU **Sự trong sáng của tiếng Việt**	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS tìm hiểu Sự trong sáng của tiếng Việt:** **-HS trình bày suy nghĩ qua 1 số d/c cụ thể (Giải thích nên hay không nên sử dụng các yếu tố nước ngoài, vì sao?)** **-Có vay mượn** **-không lạm dụng** **-HS đọc ví dụ và thảo luận , đại diện nhóm trả lời .** **- Lớp trao đổi , nhận xét, rút ra lí thuyết** - Câu đầu: không trong sáng vì cấu tạo câu không đúng quy tắc (chuẩn mực) ngữ pháp tiếng Việt. - Hai câu sau: đạt được sự trong sáng vì cấu tạo câu theo chuẩn mực ngữ pháp của tiếng Việt. *- Có trường hợp tiếng Việt được sử dụng linh hoạt, sáng tạo, có sự biến đổi, lúc đó tiếng Việt có đảm bảo được sự trong sáng hay không? Hãy phân tích câu thơ của Nguyễn Duy và câu văn của chủ tịch Hồ Chí Minh để trả lời câu hỏi trên.* *- Các từ ngữ dùng sáng tạo trong câu thơ của Nguyễn Duy là những từ nào? Chúng có nét nghĩa mới nào? Chúng được dùng theo biện pháp tu từ nào?* HS: Trong câu thơ của Nguyễn Duy, các từ "*lưng, áo, con"* được dùng theo nghĩa mới nhưng vẫn theo quy tắc ẩn dụ. *- Trong câu văn của Bác, từ "tắm" được dùng theo nghĩa mới là gì? Có phù hợp với quy tắc tiếng Việt hay không? Nhận xét về các từ ngữ nước ngoài được sử dụng trong câu văn của SGK?* **HS:** Trong câu văn của Bác, từ "*tắm"* được dùng theo nghĩa mới và đặc điểm ngữ pháp mới. Nhưng đó vẫn là sự chuyển nghĩa nghĩa và đặc điểm ngữ pháp theo quy tắc của tiếng Việt. Trong cả hai trường hợp, việc sử dụng linh hoạt, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt vì vẫn tuân theo quy tắc (chuyển nghĩa, chuyển tiểu loại) của tiếng Việt.	I. **Sự trong sáng của tiếng Việt:** *1. Tìm hiểu ngữ liệu:* *"Trong":* có nghĩa là trong trẻo, không có chất tạp, không đục. *"Sáng":* là sáng tỏ, sáng chiếu, sáng chói, nó phát huy cái trong, nhờ đó phản ánh được tư tưởng và tình cảm của người Việt Nam ta, diễn tả trung thành và sáng tỏ những điều chúng ta muốn nói

Câu văn có những từ ngữ nước ngoài được sử dụng không cần thiết vì tiếng Việt vẫn có những từ ngữ thay thế tương xứng. *Trong sáng thì không cho phép pha tạp, vẩn đục. Vậy sự trong sáng của tiếng Việt có cho phép pha tạp của yếu tố ngon ngữ khác không? Qua ví dụ trên, em rút ra biểu hiện thứ hai của sự trong sáng của tiếng Việt là gì?* → Hiện tượng lạm dụng tiếng nước ngoài chỉ làm vẩn đục tiếng Việt. - *Sự trong sáng của tiếng Việt có cho phép ta nói năng thô tục, bất lịch sự không? Phải nói năng, giao tiếp như thế nào?* - *Phân tích tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói của các nhân vật trong đoạn hội thoại?* HS: Tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói thể hiện ở cách xưng hô, thưa gửi, cách sử dụng từ ngữ: o Cách xưng hô: Ông giáo: *Cụ với tôi, ông với con* → thể hiện sự kính trọng, thân thiết gần gũi. Lão Hạc: *Ông giáo, chúng mình, tôi với ông* → thể hiện sự tôn trọng của Lão Hạc đối với ông giáo o Cách thưa gửi của Lão Hạc với ông giáo: *" Vâng! Ông giáo dạy phải"* → Sự trân trọng, tin tưởng và có phần ngưỡng mộ của lão Hạc với ông giáo o Các từ ngữ: trong sáng, rõ ràng, nhã nhặn, lịch sự HS: Nêu thêm ví dụ: o Trong các trường hợp khác nhau, dùng từ *chết* có thể thay thế bằng: *khuất núi, quy tiên, từ trần, về cõi vĩnh hằng...* o Hoặc dùng các nói giảm: - Có lẽ chị không còn trẻ lắm. - Tôi hỏi thật không phải, chị đã có gia đình chưa? - Bạn đừng giận thì mình mới nói. - Mình hỏi câu này bạn đừng giận mình đấy... - *Vậy theo em, sự trong sáng của tiếng Việt còn thể hiện ở phương diện nào?* + GV: Mở rộng vấn đề: Bên cạnh những lời văn mang tính lịch sự, có văn hoá, ta vẫn bắt gặp trong văn chương những lời nói không đảm bảo tính lịch sự, trong sáng của tiếng Việt. Ví dụ: *"Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào đã đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này?"* *(Chí Phèo – Nam Cao).* Tại sao lại có điều đó? Bởi tác giả muốn nhân vật trực tiếp	**2.Biểu hiện của sự trong sáng của TV:** - Thể hiện ở chuẩn mực và việc tuân thủ đúng chuẩn mực của tiếng Việt + Phát âm theo chuẩn của một phương ngữ nhất định, chú ý cách phát âm ở phụ âm đầu, phụ âm cuối, thanh điệu. + Tuân theo quy tắc chính tả, viết đúng phụ âm đầu, cuối, thanh điệu các từ khó. + Khi nói viết phải dùng từ đúng nghĩa và đầy đủ các thành phần câu + Những sự chuyển đổi, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng khi tuân thủ theo những quy tắc chung của tiếng Việt. - Tiếng Việt không cho phép pha tạp, lai căng, sử dụng tuỳ tiện, không cần thiết những yếu tố của ngôn ngữ khác. - Tính văn hóa, lịch sự của lời nói

bộc lộ tính cách đối với người đọc qua chính những ngôn ngữ của mình. Lời nói của Chí Phèo trong trích đoạn trên là lời nói của Chí khi đã bị tha hoá trở thành một tên côn đồ, bặm trợn, một con quỷ dữ của làng Vũ Đại.	
Hoạt động 2: TÌM HIỂU **Trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt**	
<u>* Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn học sinh tìm hiểu trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. - *Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, chúng ta phải có thái độ và tình cảm như thế nào đối với tiếng Việt?* - *Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có hiểu biết về tiếng Việt hay không? Và là thế nào để có những hiểu biết về tiếng Việt?* - *Về mặt hành động, để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mọi người cần sử dụng tiếng Việt như thế nào?* **Học sinh thảo luận và nói lên ý kiến của mình** -Cần có ý thức tôn trọng và yêu quý tiếng Việt, xem đó là *"thứ của cải vô cùng lâu đời và quí báu của dân tộc"* - Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có những hiểu biết về tiếng Việt (Cần có những hiểu biết cần thiết về các chuẩn mực của tiếng Việt: ngữ âm, chữ viết, từ ngữ, ngữ pháp) - Hiểu biết đó không chỉ qua học tập ở trường, mà còn bằng tự học hỏi. - Sử dụng tiếng Việt theo chuẩn mực và quy tắc, trong đó có các quy tắc chuyển hoá, biến đổi. - Không lạm dụng tiếng nước ngoài làm vẩn đục tiếng Việt. - Tránh những lối nói thô tục, thiếu văn hoá.	**II. Trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt:** 1. Về thái độ, tình cảm: 2. Về nhận thức: 3. Về hành động:
Hoạt động 3: TÌM HIỂU LUYỆN TẬP	
<u>* Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn HS luyện tập. **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1:** ***Bài tập 1***- trang 33 - *Yêu cầu HS tìm những từ ngữ tiêu biểu mà tác giả dùng để miêu tả diện mạo hoặc tính cách nhân vật trong Truyện Kiều?* **Nhóm 2: Bài tập 2-trang 34** **Nhóm 3: Bài tập 1. trang 44** **Nhóm 4: Bài tập 2. trang 45** **HS thảo luận, đại diện nhóm trả lời, các nhóm khác theo dõi, góp ý.** *** Nhóm 1** Các từ ngữ Nguyễn Du và Hoài Thanh nói về các nhân vật rất chuẩn xác vì miêu tả đúng diện mạo hoặc lột tả được tính	**III. Luyện tập** ***Bài tập 1***- trang 33

cách nhân vật. - Kim Trọng: *rất mực chung tình* - Thuý Vân: *cô em gái ngoan* - Hoạn Thư: *người đàn bà bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt* - Thúc Sinh: *sợ vợ* - Từ Hải: *chợt hiện ra, chợt biến đi như một vì sao lạ* - Tú Bà: màu da "*nhờn nhợt*" - Mã Giám Sinh: "*mày râu nhẵn nhụi*" - Sở Khanh: *chải chuốt dịu dàng* - Bạc Bà, Bạc Hạnh: *miệng thề "xoen xoét"*	
*** Nhóm 2: Bài tập 2-trang 34** " *Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận – dọc đường đi của mình – những dòng nước khác . Dòng ngôn ngữ cũng vậy: một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì thời đại đem lại .*" (Chế Lan Viên)	**Bài tập 2. trang 34**
*** Nhóm 3: Bài tập 1. trang 44** - Câu *a* không trong sáng (có sự lẫn lộn giữa trạng ngữ *muốn xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn* và chủ ngữ) vì dùng thừa từ *đòi hỏi*. - Các câu *b, c, d* viết đúng chuẩn ngữ pháp nên là những câu trong sáng.	**Bài tập 1. trang 44**
*** Nhóm 4:Bài tập 2. trang 45** - Dùng từ *Tình nhân* thì thiên về việc nói đến con người hơn là ngày lễ - Dùng từ *Valentine* là từ vay mượn nên không cần thiết. → Dùng từ (*ngày*) *Tình yêu* là đủ diễn đạt nội dung và sắc thái tình cảm. Không nhất thiết dùng từ nước ngoài. **Thao tác 3: Hướng dẫn HS tổng kết bài học** * Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.	**Bài tập 2. trang 45**

🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- GV giao nhiệm vụ: *Trình bày trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.* - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**Nêu được** *trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.*

🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
- GV giao nhiệm vụ: Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành các bài tập sau tại lớp: **Chỉ ra chỗ sai và cách sửa trong việc dùng từ ở các câu văn sau:** -Xoá đói giảm nghèo là nhiêm vụ bức tử của huyện ta!. - Gớm, lâu quá, hôm nay bác mới quá độ đến nhà em! - Hắn vốn có một thân nhân tốt, thế mà không hiểu tại sao lại bị vướng vào vòng lao lí - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	Xoá đói giảm nghèo là nhiêm vụ **<u>bức thiết</u>** của huyện ta!. - Gớm, lâu quá, hôm nay bác mới **<u>quá bộ</u>** đến nhà em! - Hắn vốn có một **<u>nhân thân</u>** tốt, thế mà không hiểu tại sao lại bị vướng vào vòng lao lí

🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, SÁNG TẠO.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
GV giao nhiệm vụ: *1.Viết bài văn ngắn bày tỏ suy nghĩ về văn hoá ứng xử trong giao thông.* 2.Từ thực tế, từ những câu chuyện, những tình huống thật xảy ra trong cuộc sống em hãy chỉ ra các trường hợp không sử dụng đúng chuẩn mực của TV ...và nêu cách sửa chữa của bản thân. HS các nhóm tự tìm,lên bảng trình bày -HS thực hiện nhiệm vụ: -HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- Trước khi viết bài, HS phải lập dàn ý có đầu đủ mở-thân-kết - Vấn đề cần nghị luận: *văn hoá ứng xử trong giao thông.* -chỉ ra các trường hợp không sử dụng đúng chuẩn mực của TV ...và nêu cách sửa chữa của bản thân.

*** Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)
- Sự trong sáng của tiếng Việt; Phương diện biểu lộ sự trong sáng của TV - Sưu tầm những thành ngữ, tục ngữ, ca dao về lời ăn tiếng nói về sự học hỏi trong cách nói năng hàng ngày. - Xem lại bài văn của chính mình và chữa những lỗi diễn đạt chưa trong sáng.
- Chuẩn bị bài: Tuyên ngôn Độc lập (tác phẩm)

Tuần: 02-03
Tiết: 6,7

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP
(PHẦN II – TÁC PHẨM)

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết:-Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của văn nghị luận hiện đại.

b/ Thông hiểu:- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản nghị luận Tuyên ngôn Độc lập - Hồ Chí Minh: các luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính.

c/Vận dụng thấp: Khái quát đặc điểm phong cách của tác giả từ tác phẩm

d/Vận dụng cao: Vận dụng tri thức đọc hiểu văn bản để kiến tạo những giá trị sống của cá nhân. Trình bày những giải pháp để giải quyết một vấn đề cụ thể đặt ra trong tác phẩm.

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài đọc hiểu về văn nghị luận

b/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một văn bản nghị luận

1.3.Thái độ : Lòng yêu mến, kính phục vị "anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới".

II. Trọng tâm

1. Kiến thức: Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp, văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản của phong cách nghệ thuật HCM.

2. Kĩ năng

Vận dụng có hiệu quả những kiến thức trên vào việc cảm thụ và phân tích thơ văn của Người.

3. Thái độ: Lòng yêu mến, kính phục vị "anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới".

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy

2.2. Chuẩn bị của HS: SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức

3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)

3.3. Tiến trình dạy học:

TIẾT 1

🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển***

- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng câu hỏi sau: Những văn bản nào sau đây thuộc văn nghị luận mà em đã được học ở Ngữ văn 10 và 11: a/ Hiền tài là nguyên khí của quốc gia (Thân nhân Trung) b/ Tựa Trích diễm thi tập (Hoàng Đức Lương) c/Một thời đại trong thi ca (Hoài Thanh) d/Tôi yêu em (Puskin) - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **Gợi ý trả lời: a-b-c** - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Bên cạnh những tác phẩm văn học nghệ thuật, trong chương trình ngữ văn chúng ta còn được tiếp xúc không ít những văn bản nghị luận được các tác giả trình bày bằng hệ thống lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, luận cứ xác thực, mang tính truyền cảm và tính chiến đấu cao. Một trong những áng văn nghị luận giàu giá trị tư tưởng và nghệt huật là *Tuyên ngôn Độc lập* của HCM.	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
Hoạt động: TÌM HIỂU CHUNG (10 phút)**.**	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về bản tuyên ngôn. **-HS trao đổi nhóm, ghi kết quả trên giấy.** **-Đại diện các nhóm trình bày kết quả .** **- Ghi ý chính vào vở sau khi GV nhận xét củng cố.** - *Bản tuyên ngôn ra đời trong hoàn cảnh của thế giới và Việt Nam như thế nào?* HS Tái hiện kiến thức và trình bày. - Thế giới: + Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc: Hồng quân Liên Xô tấn công vào sào huyệt của phát xít Đức, + Nhật đầu hàng Đồng minh - Trong nước: + CMTT thành công, cả nước giành chính quyền thắng lợi. + Ngày 26 tháng 8 năm 1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội + Ngày 28 tháng 8 năm 1945: Bác soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập* tại tầng 2, căn nhà số 48,	**I. Tìm hiểu chung:** *1. Hoàn cảnh sáng tác:* - Thế giới: - Trong nước: *2. Mục đích sáng tác:* * Đối tượng: - Tất cả đồng bào Việt Nam - Nhân dân thế giới - Các lực lượng ngoại bang nhân danh đồng minh diệt phát xít Nhật (Pháp, Mĩ , Anh, Trung Quốc….) * Mục đích: - Công bố nền độc lập của dân tộc, khai sinh nước Việt Nam mới trước quốc dân và thế giới - Cương quyết bác bỏ luận điệu và âm mưu xâm lược trở lại của các thế lực thực dân đế quốc. - Bày tỏ quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. *3. Bố cục:* - Phần 1: Từ đầu đến *"...không ai chối cãi được"*

phố Hàng Ngang, Hà Nội. + Ngày 2 tháng 9 năm 1945: Bác đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khai sinh nước VNDCCH. GV: Sự kiện này không chỉ là dấu mốc trọng đại trong trang sử đất nước mà còn trở thành nguồn cảm hứng dào dạt cho thơ ca: *Hôm nay sáng mùng hai tháng chín* *Thủ đô hoa vàng nắng Ba Đình* *Muôn triệu tim chờ chim cũng nín* *Bỗng vang lên tiếng hát ân tình* (Tố Hữu) - Một bản tuyên ngôn độc lập thường có ba phần: Mở đầu, nội dung và kết luận. Căn cứ vào tác phẩm, hãy đánh dấu vị trí từng phần và phát biểu khái quát nội dung mỗi phần?	→ Nêu nguyên lí chung của bản tuyên ngôn độc lập. - Phần 2: *"Thế mà, ... phải được độc lập"* → Tố cáo tội ác của thực dân Pháp, khẳng định thực tế lịch sử là nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. - Phần 3: Còn lại → Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ nền độc lập của dân tộc
Hoạt động 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN -phần mở đầu	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản** Hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản. **-HS đọc văn bản: Rõ ràng, nhấn mạnh các ý quan trọng, giọng đanh thép, phẫn nộ, đau xót, tự hào, trang trọng, hùng hồn...phù hợp với từng đoạn** **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1:** *Cơ sở pháp lí của bản Tuyên ngôn độc lập này là gì?* - Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mĩ làm cơ sở pháp lí. *** Nhóm 2:** - *Theo em, việc Bác trích dẫn lời của hai bản tuyên ngôn này thể hiện sự khôn khéo như thế nào?- Việc trích dẫn này cũng thể hiện được sự kiên quyết như thế nào?* Ý nghĩa: + Vừa khôn khéo: Tỏ ra tôn trọng những tuyên ngôn bất hủ của cha ông kẻ xâm lược vì những điều được nêu là chân lí của nhân loại + Vừa kiên quyết: Dùng lập luận *Gậy ông đập lưng ông* , lấy chính lí lẽ thiêng liêng của tổ tiên chúng để phê phán và ngăn chặn âm mưu tái xâm lược của chúng. **Nhóm 3:** - *Từ ý nghĩa trên, em hiểu được là Bác trích dẫn hai bản tuyên ngôn này nhằm mục đích gì?*	**II. Đọc – hiểu văn bản:** 1. *Nguyên lí chung về quyền bình đẳng, tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của con người và các dân tộc.* - Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mĩ làm cơ sở pháp lí: + <u>*Tuyên ngôn độc lập*</u> của <u>Mỹ</u>: + <u>Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền</u> của <u>Cách mang Pháp</u> năm <u>1791</u>: - Ý nghĩa: + Vừa khôn khéo: + Vừa kiên quyết: - Trích dẫn sáng tạo: + Ngầm gửi gắm lòng tự hào tự tôn dân tộc: đặt ba cuộc cách mạng, ba bản tuyên ngôn, ba dân tộc ngang hàng nhau; đóng góp quan trọng nhất trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Bác, là phát súng lệnh cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa. -GV: Khẳng định đóng góp lớn về tư tưởng của Bác ở phần này. *Trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mĩ, Pháp nhằm đề cao giá*

Nhóm 4: - *Theo em, việc Bác trích dẫn như vậy để từ đó suy rộng ra điều gì?* + Bác *suy rộng ra*, nâng lên thành quyền bình đẳng, tự do của các *dân tộc* trên thế giới → Đó là suy luận hợp lí, sáng tạo, là đóng góp quan trọng nhất trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Bác, là phát súng lệnh cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa.	*trị tư tưởng nhân đạo và văn minh nhân loại, tạo tiền đề cho những lập luận tiếp theo. Từ quyền bình đẳng, tự do của con người, Hồ Chí Minh suy rộng ra về quyền đẳng, tự do của các dân tộc. Đây là một đóng góp riêng của Người vào lịch sử tư tưởng nhân loại.* ⇨ Hồ Chí Minh mở đầu bản tuyên ngôn thật súc tích, ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, cách trích dẫn sáng tạo để đi đến một bình luận khéo léo, kien quyết: "*Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được".*
TIẾT 2. Hoạt động 3: ĐỌC HIỂU phần 2	
*** Thao tác 1 :** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn. - *Câu văn chuyển tiếp mở đầu đoạn 2 có tác dụng gì?* **** HS trả lời cá nhân*** Câu chuyển tiếp, tương phản với các lí lẽ của đoạn 1: thực dân Pháp đã phản bội lại tuyên ngôn thiêng liêng của tổ tiên chúng, phản bội lại tinh thần nhân đạo của nhân loại. **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1:** - *Khi Pháp có luận điệu về công "khai hóa" nhân dân các nước thuộc địa, tác giả đã vạch rõ những tội ác nào mà thực dân Pháp đã gieo rắc trên đất nước ta suốt hơn 80 năm qua?- Nhà văn đã dùng những nghệ thuật nào để làm nổi bật những tội ác đó và để tăng cường sức mạnh tố cáo?* - **Pháp kể công *"khai hóa",* Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện:** + Về chính trị. + Về kinh tế. + Văn hóa – xã hội – giáo dục: → Biệp pháp liệt kê + điệp từ *chúng* + lặp cú pháp + ngôn ngữ giàu hình ảnh + giọng văn hùng hồn đanh thép → nổi bật những tội ác điển hình, toàn diện, thâm độc, tiếp nối, chồng chất, khó rửa hết của thực dân Pháp. **Nhóm 2:** Khi Pháp kể công *"bảo hộ",* bản tuyên ngôn lên án chúng điều gì? - *Những hành động này của Pháp đã gây nên*	**II. Đọc–hiểu:** *2. Cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn độc lập:* a. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp: - Câu mở đầu đoạn 2: "*Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta."* - **Pháp kể công *"khai hóa",* Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện:** + Về chính trị: + Về kinh tế: + Văn hóa – xã hội – giáo dục: → Biệp pháp nghệ thuật: - **Pháp kể công "bảo hộ", bản tuyên ngôn lên án chúng:**

hậu quả gì trên nhân dân ta? *- Còn ta, ta đối xử với người Pháp như thế nào?* **Nhóm 3:** Khi Pháp muốn nhân danh Đồng minh để vào chiếm lại Đông Dương, Bác đã vạch trần những tội trạng gì của chúng? *Trong phần này, Bác còn nêu rõ quá trình nổi dậy giành chính quyền thắng lợi của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh như thế nào?* + Chính pháp là kẻ phản bội lại Đồng minh, hai lần dâng Đông Dương cho Nhật. + Không hợp tác với Việt Minh chống Nhật mà trước khi thua chạy, Pháp còn *"nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở <u>Yên Bái</u> và <u>Cao Bằng</u>."* *+ "Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa."* → Bác bỏ luận điệu xảo trá, lên án tội ác dã man của Pháp, khẳng định vai trò của CM vô sản Việt Nam và lập trường chính nghĩa của dân tộc. -Từ những chứng cứ lịch sử hiển nhiên trên, bản tuyên ngôn nhấn mạnh các thông điệp quan trọng. *- Trong ba câu văn ngắn gọn này, Bác muốn khẳng định điều gì?* *- Trong đoạn văn này, Bác đã tuyên bố điều gì?* GV: Đây là lời tuyên bố vô cùng tinh tế, sâu sắc và chặt chẽ: - Chỉ <u>xóa bỏ các quan hệ thực dân</u> với Pháp chứ <u>không xóa bỏ những quan hệ tốt đẹp, hữu nghị.</u> - Chỉ <u>xóa bỏ những hiệp ước</u> mà Pháp đã kí về đất nước Việt Nam, <u>không phải là kí với đất nước Việt Nam. Kí về</u> là kí áp đặt, ép buộc, <u>kí với</u> là kí trên tinh thần bình đẳng, hợp tác. - Các từ phủ định tuyệt đối: thể hiện lập trường kiên định, thái độ dứt khoát, không khoan nhượng. **** HS trả lời cá nhân*** - Ba câu văn ngắn gọn vừa chuyển tiếp vừa khẳng định: + Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị + Dân ta đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay + Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ→ Sự ra đời của nước Việt Nam mới như	- **Pháp nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương, tuyên ngôn chỉ rõ:** + Nêu rõ thắng lợi của cách mạng Việt Nam: *"Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa."* *"Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp."* b. **Khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc:** - Ba câu văn ngắn gọn vừa chuyển tiếp vừa khẳng định → Sự ra đời của nước Việt Nam mới như một tất yếu lịch sử. - Dùng từ ngữ có ý nghĩa phủ định tuyệt đối để *tuyên bố:* - Khẳng định về quyền độc lập tự do của dân tộc: *"Một dân tộc .... độc lập!"* → Sự thật và nguyên tắc không thể chối cãi, phù hợp với thực tế, đạo lí và công ước quốc tế. => Kiểu câu khẳng định, điệp từ ngữ, song hành cú pháp… tạo nên âm hưởng hào hùng, đanh thép, trang trọng của đoản khúc anh hùng ca.

một tất yếu lịch sử. - Dùng từ ngữ có ý nghĩa phủ định tuyệt đối để *tuyên bố: "thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam."* → Không chịu sự lệ thuộc và xóa bỏ mọi đặc quyền của Pháp về nước Việt Nam - *Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở hai hội nghị Tê – hê – răng và Cựu Kim Sơn, chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi điều gì?*	
Hoạt động 4: ĐỌC HIỂU phần cuối	
*** Thao tác 1 :** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần tuyên bố cuối cùng. - *Người tuyên bố với toàn thể nhân dân trên thế giới điều gì?* - *Người còn nêu lên quyết tâm gì của dân tộc?* + HS: Đọc dẫn chứng và phát biểu. **** HS trả lời cá nhân*** - Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam: *"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập."* → Những từ ngữ trang trọng: *"trịnh trọng tuyên bố", "có quyền hưởng", sự thật đã thành"* vang lên mạnh mẽ, chắc nịch như lời khẳng định một chân lí. - Bày tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc: *"Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy."* → Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.	*3. Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc:* - Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam: - Bày tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc: → Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.

🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
GV giao nhiệm vụ: **Câu hỏi 1:** "Tuyên ngôn độc lập"cùng kiểu loại văn bản nào sau đây của văn học Việt Nam ? a. Chiếu dời đô –Lý Công Uẩn b. Hịch tướng sỹ –Trần Quốc Tuấn c. Quân trung từ mệnh tập –Nguyễn Trãi d.Cả A, B và C.	ĐÁP ÁN [1]='d' [2]='c' [3]='c' [4]='d' [5]='a'

Câu hỏi 2: Dòng nào chưa nói đúng về bối cảnh lịch sử khi Hồ Chí Minh viết "Tuyên ngôn Độc lập"? a. Cả nước đang tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân b. Thực dân Pháp đang rình rập muốn cướp nước ta một lần nữa. c. Phát xít Nhật đang thỏa thuận với thực dân Pháp để được trở lại thống trị Đông Dương. d. Các đế quốc Anh, Mĩ, Tàu Tưởng đều đang có ý định can thiệp vào Việt Nam **Câu hỏi 3:** Hoàn cảnh ra đời cụ thể của "Tuyên ngôn Độc lập" là như thế nào? a. Ngày 19-8-1945, khi chính quyền Hà Nội về tay nhân dân, Hồ Chí Minh viết bản "Tuyên ngôn Độc lập"? b. Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội, Hồ Chí Minh đã viết bản"Tuyên ngôn Độc lập". c. Ngày 26-8-1945, Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội và tại căn nhà số 48 Hàng Ngang, Người đã soạn thảo bản "Tuyên ngôn Độc lập ". d. Ngày 02-9-1945, Hồ Chí Minh đã viết và cùng ngay ngày đó Người đọc bản"Tuyên ngôn Độc lập" tại Quảng trường Ba Đình trước hàng chục vạn đồng bào. **Câu hỏi 4:** Đối tượng mà bản "Tuyên ngôn Độc lập" hướng tới là ai? a. Toàn thể nhân dân Việt Nam. b.Nhân dân thế giới. c. Các đế quốc thực dân đang âm mưa xâm lược nước ta. d. Cả A ,B và C. **Câu hỏi 5:** Dòng nào không nói đúng mục đích của bản "Tuyên ngôn Độc lập"? a. Ôn lại truyền thống quật cường chống ngoại xâm của dân tộc trong lịch sử mấy ngàn năm qua. b. Tuyên bố với toàn thế giới về chủ quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam. c. Tranh luận nhằm bác bỏ lí lẽ xảo quyệt của bọn xâm lược trước dư luận quốc tế. d. Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các dư luận thế giới đối với cách mạng Việt Nam. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	

🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
GV giao nhiệm vụ: Lí giải vì sao bản *Tuyên ngôn Độc lập* từ khi ra đời cho đến	Vì ngoài giá trị lịch sử lớn lao, bản TNĐL còn chứa đựng một tình cảm yêu nước thương dân nồng nàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tình cảm đó được bộc lộ qua các phương diện:

nay là một áng văn chính luận có sức lay động sâu sắc hàng chục triệu trái tim con người? - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- Về lập luận: Mọi cố gắng trong lập luận của tác giả đều chủ yếu dựa trên lập trườngquyền lợi tối cao của các dân tộc nói chung của dân tộc ta nói riêng. - Về lí lẽ: Sức mạnh của lí lẽ trong bản TN xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, và trên hết là dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc ta. - Về bằng chứng:Những bằng chứng xác thực hùng hồn không thể chối cãi được cho thấy một sự quan tâm sâu sắc của Người đến vận mệnh dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. - Về ngôn ngữ: Cách sử dụng từ ngữ chan chứa tình cảm yêu thương đối với nhân dân đất nước: ngay từ câu đầu tiên "Hỡi đồng bào cả nước!"; nhiều từ ngữ xưng hô gần gũi thân thiết "đất nước ta", "nhân dân ta", "nước nhà của ta", "Những người yêu nước thương nòi của ta"...

🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, SÁNG TẠO.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
GV giao nhiệm vụ: 1. So sánh điểm giống nhau và khác nhau về phần tuyên bố độc lập chủ quyền dân tộc giữa bài thơ *Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt), Bình Ngô Đại cáo (Nguyễn Trãi) và TNĐL (HCM);* 2. Sưu tầm đoạn Video clip HCM đọc TNĐL, viết bài văn ngắn trình bày cảm nghĩ cá nhân sau khi xem đọc video clip đó. -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**- Sử dụng thao tác lập luận so sánh để trình bày** **- Cảm nghĩ cần chân thành, xúc động.**

*** Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) *1. Củng cố:* - Mục đích, đối tượng của bản TNĐL. - Cơ sở pháp lí của bản TN *2. Hướng dẫn tự học:* - Nắm được nội dung bài học: + Mục đích, đối tượng của bản TNĐL. + Cơ sở pháp lí của bản TN
3. Chuẩn bị bài: Nghị luận về một hiện tượng đời sống

Tuần: 03
Tiết: 8

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống;

b/ Thông hiểu:Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống;

c/Vận dụng thấp:Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống;

d/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận về một một hiện tượng đời sống có bố cục mạch lạc, logic.

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: nghị luận về một hiện tượng đời sống;

b/ Thông thạo: cấu trúc bài nghị luận xã hội

1.3.Thái độ: Biết đề ra biện pháp khắc phục cái xấu, có phương hướng phát huy cái tốt trong đời sống.

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực viết văn bản nghị luận xã hội ;
- Năng lực đọc – hiểu một văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy

2.2. Chuẩn bị của HS: SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức

3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)

3.3. Tiến trình dạy học:

🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*
GV giao nhiệm vụ: Dễ bị hỏng mắt, mắc bệnh tâm thần… vì nghiện chơi Pokemon Go. (Nguồn: http://khampha.vn/tin-nhanh). **Thông tin trên nêu ra hiện tượng gì?** - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Đạy là hiện tượng xấu. Chơi **Pokemon Go để lại nhiều tác hại** - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Văn nghị luận nói chung, nghị luận về một hiện tượng đời sống nói riêng là kiểu bài chúng ta thường gặp trong đời sống hằng ngày, trên báo chí và các phương tiên truyền thông đại chúng khác. Hơn nữa, ở bậc THCS, chúng ta cũng đã nghiên cứu khá kĩ kiểu bài này; vậy bây giờ em nào có thể nhắc lại những nội dung cơ bản đã học ở lớp 9?	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học	Năng lực cần hình thành
Hoạt động: TÌM HIỂU Tìm hiểu đề-Lập dàn ý: (15phút)**.**		
Thao tác 1: Tìm hiểu cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đạo lí GV hướng dẫn HS thảo luận để biết cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đời sống. - Tiếp theo hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu trong SGK. a. Tìm hiểu đề: - Đề bài yêu cầu bàn về hiện tượng gì? GV cho HS thực hiện yêu cầu của câu hỏi 2 và trình bày. Hỏi: Nên chọn những dẫn chứng nào? -Cần vận dụng những thao tác lập luận nào? **-HS theo dõi, nắm lại kiến thức đã học ở lớp 9.** **HS đọc đề văn, bước đầu hiểu được:** **+ Tên văn bản** **+ Nội dung** **+ Ý nghĩa khái quát.** **HS đọc tư liệu tham khảo***"Chia chiếc bánh của mình cho ai?"* (SGK) **HS trả lời cá nhân:** - Đề bài yêu cầu bày tỏ ý kiến: việc làm của anh Nguyễn Hữu Ân - vì tình thương *"dành hết chiếc bánh thời gian của mình"* chăm sóc cho hai người mẹ bị bệnh hiểm nghèo. - Luận điểm: - Dẫn chứng: + Một số việc làm có ý nghĩa của thanh niên ngày nay tương tự như Nguyễn Hữu Ân: dạy học ở các lớp tình thương, giúp đỡ người tàn tật có hoàn cảnh neo đơn, tham gia phong trào tình nguyện… + Một số việc làm đáng phê phán của thanh niên học sinh: bỏ học ra ngoài chơi điện tử, đánh bi a, tham gia đua xe… - Thao tác nghị luận: phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ. **Thao tác 2:** Lập dàn ý: - SGK đã gợi ý, dẫn dắt cụ thể. Sử dụng các câu hỏi của SGK và dựa vào kết quả tìm hiểu đề ở trên, GV yêu cầu HS thảo luận để lập dàn ý. **Đại diện nhóm trình bày:** *** Nhóm 1** a. Mở bài: - Giới thiệu hiện tượng Nguyễn Hữu Ân	I. **Cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đạo lí:** *1. Tìm hiểu đề:* - Đề bài yêu cầu : - Luận điểm: - Luận điểm: + Việc làm của Nguyễn Hữu Ân: đã nêu một tấm gương về lòng hiếu thảo, vị tha, đức hi sinh của thanh niên. + Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân là một hiện tượng sống đẹp, thế hệ ngày nay cần có nhiều tấm gương như Nguyễn Hữu Ân. + Bên cạnh đó, còn một số người có lối sống ích kỉ, vô tâm, đáng phê phán, *"lãng phí chiếc bánh thời gian vào những việc vô bổ".* + Bài học: Tuổi trẻ cần dành thời gian tu dưỡng, lập nghiệp, sống vị tha để cuộc đời ngày một đẹp hơn. - Dẫn chứng: - Thao tác nghị luận: phân tích, chứng minh,	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận.

- Trích dẫn đề văn, nêu vấn đề *"chia chiếc bánh mì của mình cho ai?"* *** Nhóm 2** b. Thân bài: - Tóm tắt hiện tượng: - Phân tích hiện tượng: - Bình luận: - Phê phán: - Kêu gọi: *** Nhóm 3** Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với thanh niên, học sinh ngày nay: + Hiện tượng này chứng tỏ thanh niên Việt Nam đã và đang phát huy truyền thống *Lá lành đùm lá rách*, tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau của cha ông xưa. + Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân tiêu biểu cho lối sống đẹp, tình yêu thương con người của thanh niên ngày nay. + Một số tấm gương tương tự. *** Nhóm 4** + Đánh giá chung về hiện tượng: Đa số thanh niên Việt Nam có ý thức tốt với việc làm của mình, có hành vi ứng xử đúng đắn, có tấm lòng nhân đạo, bao dung. Không chỉ vì một số ít thanh niên có thái độ và việc làm không hợp lí mà đánh giá sai toàn bộ thanh niên. + Phê phán: Một vài hiện tượng tiêu cực *"lãng phí chiếc bánh thời gian"* vào những việc vô bổ, không làm được gì cho bản thân, gia đình, bạn bè, những người cần được quan tâm, chia sẻ. + Kêu gọi:	bình luận, bác bỏ. *2. Lập dàn ý:* a. Mở bài: b. Thân bài: - Tóm tắt hiện tượng: Nguyễn Hữu Ân đã dành hết thời gian của mình cho những người ung thư giai đoạn cuối. - Phân tích hiện tượng: Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với thanh niên, học sinh ngày nay: - Bình luận: + Đánh giá chung về hiện tượng: + Phê phán: + Kêu gọi: Thanh niên, học sinh ngày nay hãy noi gương Nguyễn Hữu Ân để thời gian của mình không trôi đi vô ích. c. Kết bài: Bày tỏ suy nghĩ riêng của người viết đối với hiên tượng.	
Họat động 2: *Cách làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống:*(10 PHÚT)		
*** Thao tác 1 :** Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi 2 và ghi nhớ nội dung bài học qua phần **Ghi nhớ** trong SGK. GV nhấn mạnh 2 nội dung cơ bản. - Nghị luận đời sống là gì? - *Cần đạt được những yêu cầu nào khi làm bài một bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống?* **HS trả lời cá nhân:** - Nghị luận đời sống: là bàn về một hiện tượng có ý nghĩa trong xã hội. - Bài nghị luận cần: + Nêu rõ hiện tượng + Phân tích các mặt đúng – sai, lợi – hại	*3. Cách làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống:* - Nghị luận đời sống: - Bài nghị luận cần: - Ngoài việc vận dung các thao tác lập luận như phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận…, cần: diễn đạt sáng sủa, ngắn gọn, giản dị, nhất là phần nêu cảm nghĩ của riêng mình.	-Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.*** ***- Năng lực giải***

+ Chỉ ra nguyên nhân + Bày tỏ ý kiến, thái độ của người viết - Ngoài việc vận dung các thao tác lập luận như phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận…, cần: diễn đạt sáng sủa, ngắn gọn, giản dị, nhất là phần nêu cảm nghĩ của riêng mình.		***quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp
Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 PHÚT)		
*** Thao tác 1 :** Luyện tập: GV hướng dẫn, gợi ý cho HS giải bài tập. Yêu cầu HS đọc lại văn bản trích của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và vận dụng các tri thức đã học để giải quyết các yêu cầu của bài tập HS trả lời. a. Trong văn bản trên, bàn về hiện tượng nhiều thanh niên, sinh viên Việt Nam du học nước ngoài dành quá nhiều thời gian cho việc chơi bời, giải trí mà chưa chăm chỉ học tập, rèn luyện để khi trở về góp phần xây dựng đất nước. Hiện tượng ấy diễn ra vào những năm đầu của thế kỉ XX. b. Tác giả đã sử dụng các thao tác lập luận: + **Phân tích**: Thanh niên du học mãi chơi bời, thanh niên trong nước "*không làm gì cả*", họ sống "*già cỗi*", thiếu tổ chức, rất nguy hại cho tương lai đất nước... + **So sánh:** nêu hiện tượng thanh niên, sinh viên Trung Hoa du học chăm chỉ, cần cù. + **Bác bỏ**: "*Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: Họ không làm gì cả".* **c. Nghệ thuật diễn đạt của văn bản:** - Dùng từ, nêu dẫn chứng xác đáng, cụ thể, - Kết hợp nhuần nhuyễn các kiểu câu trần thuật, câu hỏi, câu cảm thán. HS làm ở nhà. - Thực trạng của vấn đề nghiện Ka-ra-ô-kê: - Nguyên nhân hậu quả, tác hại Ka-ra-ô-kê: - Giải pháp để làm giảm hiện tượng nghiện Ka-ra-ô-kê: - Bài học về nhận thức, hành động: **Thao tác 2:** * Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.	**III. LUYỆN TẬP:** **Bài tập 1**: a. Trong văn bản trên, bàn về hiện tượng : b. Tác giả đã sử dụng các thao tác lập luận: + **Phân tích**: + **So sánh:** + **Bác bỏ**: **c. Nghệ thuật diễn đạt của văn bản:** **d. Rút ra bài học cho bản thân:** Xác định lí tưởng, cách sống; mục đích, thái độ học tập đúng đắn. **Bài tập 2**: HS tự làm ở nhà.	Năng lực giao tiếp tiếng Việt ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.*** ***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp

🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
- GV giao nhiệm vụ: Đọc đoạn văn sau : *Thanh niên ta ai cũng biết là hiện nay có hơn hai nghìn*	a. Thanh niên, sinh viên Viêt Nam du học lãng phí thời gian vào những việc

thanh niên Trung Quốc trên đất pháp và độ hơn năm vạn ở Châu Âu và Châu Mĩ. Hầu hết những thanh niên ấy đều đã tốt nghiệp Hán văn và tất cả đang là sinh viên-công nhân. Còn chúng ta, thì chúng ta có những sinh viên được học bổng và những sinh viên thưởng, nhờ ơn Nhà nước hay tiền của cha mẹ (hại thay, hai nguồn ấy lại không bao giờ cạn cả), mà đang giành một nửa thời giờ vào việc...chơi bi-a, một nửa của nửa thì giờ còn lại để đến các chốn ăn chơi; số thì giờ còn lại, mà ít khi làm lắm, thì để váo trường đại học hoặc trường trung học. Nhưng sinh viên-công nhân Trung Quốc thì lại không có mục đích nào khác hơn là nhằm sự chấn hưng nền kinh tế nước nhà và họ theo châm ngôn : "Sinh sống bằng lao động của bản thân và vừa học hỏi vừa lao động" (Nguyễn Ái Quốc) 1. Trong đoạn văn trên, tác giả bàn luận vấn đề gì ? **2.** Thái độ của tác giả khi bàn về hiện tượng trên như thế nào?	vô bổ b. Sinh viên -công nhân Trung Quốc với những nỗ lực tìm kiếm tri thức trên thế giới c.Hậu quả của sự lãng phí thời gian trong học tập của sinh viên Việt Nam d. Việc học tập và tu dưỡng của thanh niên Việt Nam khi đi du học ở nước ngoài d. Việc học tập và tu dưỡng của thanh niên Việt Nam khi đi du học ở nước ngoài **2.** Thái độ của tác giả khi bàn về hiện tượng trên như thế nào a. Xót xa, tiếc thương b. Phê phán , lên án c. Tôn vinh,tự hào d. Đồng tình, ủng hộ - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
- GV giao nhiệm vụ: Viết một bài văn ngắn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về lối sống thực dụng đang làm băng hoại đạo đức của con người, đặc biệt là giới trẻ hiện nay. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**a. Giải thích:** - Lối sống thực dụng là lối sống coi nặng giá trị vật chất, chạy đua theo những nhu cầu trước mắt, đặt lợi ích của bản thân lên trên tất cả, gần với sự ích kỉ, trục lợi. Lối sống thực dụng là một căn bệnh nguy hiểm có thể làm băng hoại đạo đức con người. - Biểu hiện của lối sống thực dụng: sống buông thả, thờ ơ, hành xử thô bạo, vi phạm pháp luật nhà nước, coi trọng tiền bạc, xem nhẹ những giá trị đạo đức, nhân cách, tâm hồn. Ví dụ: hiện tượng chọn nghề theo thị hiếu xã hội mà không theo sở thích, khả năng của bản thân; bạo lực trong học đường… **b. Phân tích, chứng minh tác hại, nguyên nhân của hiện tượng:** - Tác hại của lối sống thực dụng: Lối sống thực dụng sẽ làm tha hóa con người, khơi dậy những ham muốn bản năng, cơ hội, chạy theo hưởng lạc, những lợi ích trực tiếp trước mắt, xa rời những mục tiêu phấn đấu. Trong quan hệ giữa người với người, những tình cảm lành mạnh bị thay thế bằng quan hệ vụ lợi, vật chất. Trong đời sống, họ vô trách nhiệm, bàng quan, vô cảm, không đấu tranh chống cái sai và cũng không ủng hộ cái đúng, cái tốt. - Nguyên nhân của lối sống thực dụng: do ý thức của bản thân;

	do môi trường giáo dục còn chưa chú trọng đến đạo đức, nhân cách, kĩ năng sống; do gia đình thiếu sát sao, quan tâm; do xã hội chưa tổ chức được những hoạt động hữu ích thu hút giới trẻ,... **c. Biện pháp khắc phục:** -Sống phải có khát vọng, lí tưởng, có hoài bão, mục đích sống, động lực để phấn đấu. Nhất là tuổi trẻ phải biết biến ước mơ thành hành động cụ thể, năng động, dám nghĩ, dám làm, không uổng phí thời gian, loại bỏ lối sống ích kỉ, vượt qua cám dỗ đời thường. - Gia đình, nhà trường và xã hội cần quan tâm hơn tới giáo dục, tạo động lực phấn đấu và thu hút, trọng dụng giới trẻ vào những việc làm có ích.

🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, SÁNG TẠO.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học	Năng lực cần hình thành
GV giao nhiệm vụ: 1. Viết một bài văn ngắn giới thiệu một tấm gương học giỏi- sống tốt ở trường em. 2. Làm một video clip ngắn (khoảng 10 phút) về đề tài Tuổi trẻ học đường với an toàn giao thông -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	1. Xác định đây là bài nghị luận về một hiện tượng đời sống tốt. Dựa vào cấu trúc để làm bài. Chú ý tìm tấm gương có thực trong lớp, trường đang học. 2. Chú ý phải có lời bình đúng chủ đề về ATGT dành cho tuổi trẻ.	Năng lực sáng tạo

*** Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) - Hãy nêu vắn tắt cách tìm hiểu đề và lập dàn ý đối với bài văn bàn về một hiện tượng đời sống? - HS cần nắm lại: Cách làm bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.
- Chuẩn bị bài: PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC

Tuần: 03,04
Tiết: 09,10

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Biết đọc - hiểu và viết một văn bản khoa học phù hợp với đặc điểm phong cách ngôn ngữ khoa học.

b/ Thông hiểu: Hiểu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ khoa học ; biết so sánh, phân biệt phong cách ngôn ngữ khoa học và các phong cách ngôn ngữ khác.

c/Vận dụng thấp:Nêu được các đặc điểm, lấy được ví dụ minh hoạ.

d/Vận dụng cao:Tạo lập được văn bản thuộc lĩnh vực khoa học

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài thuyết minh về tác gia văn học

b/ Thông thạo: các bước thuyết minh tác gia văn học

1.3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản khoa học

b/ Hình thành tính cách: tự tin , năng động, sáng tạo khi lĩnh hội và tạo lập văn bản khoa học;

c/Hình thành nhân cách: có ý thức nghiên cứu khoa học gắn liền với cuộc sống.

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học ;

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy

2.2. Chuẩn bị của HS: SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức

3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)

3.3. Tiến trình dạy học: TIẾT 1

🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển***
- GV giao nhiệm vụ: ***Giải thích và sắp xếp các từ sau thuộc môn học nào trong chương trình phổ thông?*** a.Badơ: b.Ẩn dụ: c.Phân số thập phân: d.Lực là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: a.Badơ: hợp chất mà phân tử gồm có một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hi-đrô-xít. (Dùng trong văn bản khoa học hoá học). b.Ân dụ: gọi tên sự vật, hiên tượng này bằng tên sự vật, hiên tượng	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

khác có nét tương đồng với nó. (Dùng trong văn bản khoa học Ngữ văn). c.Phân số thập phân: phân số mà mẫu là luỹ thừa của 10. (Dùng trong văn bản khoa học toán học). Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong cuộc sống thường ngày, ta được tiếp xúc và sử dụng nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau. Trong số đó có phong cách ngôn ngữ khoa học. Vậy phong cách ngôn ngữ khoa học là loại ngôn ngữ như thế nào? Nó có những đặc trưng gì? Tất cả sẽ được giải đáp trong bài học hôm nay.*	

🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học	Năng lực cần hình thành
Hoạt động 1: TÌM HIỂU Văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học: (10 phút)**.**		
<u>* Thao tác 1 :</u> Tìm hiểu Văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học. Yêu cầu 3 học sinh lần lượt đọc 3 đoạn trích từ 3 văn bản khoa học. *- Ba đoạn trích trên đều nói về những vấn đề khoa học. Nhưng khác nhau về mức độ và phạm vi sử dụng như thế nào?* *- Như vậy, các văn bản trên là thuộc những loại văn bản khoa học nào?* *- Qua các ngữ liệu đã phân tích, em hiểu thế nào là ngôn ngữ khoa học?* *- Ngôn ngữ khoa học tồn tại dưới những dạng nào? Nêu ví dụ một số loại văn bản khoa học của từng dạng?* **- HS thực hiện, trả lời theo đúng khái niệm ngôn ngữ khoa học đã nêu trong SGK** **** HS trả lời cá nhân*** *1. Tìm hiểu ngữ liệu:* *- Về mức độ:* + Văn bản a: chuyên sâu + Văn bản b: phù hợp với học sinh THPT + Văn bản c: phổ cập *- Về phạm vi sử dụng:* + Văn bản a: những người có trình độ chuyên môn sâu + Văn bản b: trong nhà trường + Văn bản c: mọi người *- Các loại văn bản khoa học* *- Ngôn ngữ khoa học:* Là ngôn ngữ dùng trong các văn bản khoa học, trong phạm vi giao tiếp về những vấn đề khoa học. *- Các dạng*	I. Văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học: *1. Tìm hiểu ngữ liệu:* *- Về mức độ:* *- Về phạm vi sử dụng:* *- Các loại văn bản khoa học:* + Văn bản a: VBKH chuyên sâu + Văn bản b: VBKH giáo khoa + Văn bản c: VBKH phổ cập 2. Ngôn ngữ khoa học: *- Ngôn ngữ khoa học:* *- Các dạng:* + Dạng viết: + Dạng nói:	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. Năng lực giao tiếng tiếng Việt
Hoạt động 2: **Đặc trưng của ngôn ngữ khoa học**		

<u>* Thao tác 1 :</u> Tìm hiểu đặc trưng của ngôn ngữ khoa học: **- Học sinh trao đổi nhóm, đại diện trả lời, lớp nhận xét, đối chiếu với phần trình bày ở bảng phụ của GV hoàn thiện kiến thức.** **Nhóm 1:** Dựa vào những tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, cho biết tính khái quát trừu tượng của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào? **GV cho ví dụ: *Thạch nhũ, Ẩn dụ, Lực*** **Nhóm 2:** Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính lí trí, logic của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào? **Nhóm 3:** Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính khách quan, phi cá thể hoá của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào? **** Đại diện HS trả lời*** *** Nhóm 1** Tính khái quát, trừu tượng Đặc trưng này biểu hiên rõ nhất ở các phương tiên ngôn ngữ, trước hết là các thuật ngữ khoa học. Thuật ngữ là một bộ phận quan trọng trong vốn từ vựng của mỗi ngôn ngữ; nó có các đặc điểm: .Là lớp từ ngữ chuyên dùng để biểu thị các khái niêm khoa học, công nghệ và thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ. .Thường mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niêm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ. .Thuật ngữ có tính khái quát, trừu tượng cao và không có tính biểu cảm. .Do đó, khi giải thích hoặc hiểu được một thuật ngữ có thể coi là đã nắm được một đơn vị tri thức khoa học nào đó. *** Nhóm 2** -Việc dùng từ ngữ: các thuạt ngữ đơn nghĩa -Việc dùng câu: mỗi câu thường tương đương với một phán đoán lôgic, nghĩa là được xây dựng từ hai khái niêm khoa học trở lên theo một quan hê nhất định. Ví dụ: *Dao động là chuyển động có giới hạn trong không gian, lặp đi lặp lại nhiều lần quanh*	**II. Đặc trưng của ngôn ngữ khoa học:** *1. Tính khái quát, trừu tượng :* - Ngôn ngữ khoa học dùng nhiều thuật ngữ khoa học: từ chuyên môn dùng trong từng ngành khoa học và chỉ dùng để biểu hiện khái niệm khoa học. - Kết cấu văn bản: mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể) ***.Thạch nhũ:*** sản phẩm hình thành trong các hang động do sự nhỏ giọt của các dung dịch đá vôi hoà tan trong nước có chứa a-xít các-bô-níc. (Dùng trong văn bản khoa học địa lí). ***.Ẩn dụ:*** gọi tên sự vật, hiên tượng này bằng tên sự vật, hiên tượng khác có nét tương đồng với nó. (Dùng trong văn bản khoa học Ngữ văn). ***.Lực*** là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác. (Vật lí) *2. Tính lí trí, logic:* - Từ ngữ: chỉ dùng với một nghĩa, không dùng các biện pháp tu từ. - Câu văn: chặt chẽ, mạch lạc, là 1 đơn vị thông tin, cú pháp chuẩn. - Kết cấu văn bản: Câu văn	***Năng lực giao tiếp.*** ***Năng lực sử dụng ngôn ngữ.*** -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

một vị trí cân bằng. *** Nhóm 3** -Về từ ngữ: dùng các thuật ngữ đơn nghĩa; không dùng các từ ngữ đa nghĩa, thông tục hoặc không dùng từ ngữ với nghĩa chuyển có sắc thái biểu cảm khác nhau. -Về câu: thường chỉ mang thông tin khoa học thuần tuý với nghĩa tường minh, không dùng nghĩa hàm ẩn; cấu trúc câu thường đơn giản, rõ ràng. -Về đoạn văn, văn bản: thường mạch lạc, lớp lang theo đúng trình tự của nhận thức lôgic; không đòi hỏi phải dùng liên tưởng, tưởng tượng, hư cấu.	liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Cả văn bản thể hiện một lập luận logic. *3. Tính khách quan, phi cá thể:* - Câu văn trong văn bản khoa học: có sắc thái trung hoà, ít cảm xúc - Khoa học có tính khái quát cao nên ít có những biểu đạt có tính chất cá nhân	***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp
TIẾT 2. Hoạt động 3: Luyện tập(40 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> Luyện tập. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: ***Nhóm 1** Bài *Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX* - Nội dung thông tin: - Thuộc loại văn bản: ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn, hoặc chuyên ngành Khoa học Ngữ văn - Ngôn ngữ khoa học trong văn bản có nhiều đặc điểm: *** Nhóm 2** Ví dụ: *Đoạn thẳng* - Thông thường: là đoạn không cong queo, gãy khúc - Toán học: Đoạn ngắn nhất nối hai điểm với nhau *** Nhóm 3** - Thuật ngữ: *khảo cổ, người vượn, hạch đá, mảnh tước, rìu tay, di chỉ, công cụ đá…* - Tính lí trí và logic thể hiện ở lập luận: + Câu đầu: nêu lên luận điểm + Các câu sau: nêu các luận cứ, cứ liệu thực tế *** Nhóm 4** (trình bày đoạn văn) **Thao tác 2: Hướng dẫn HS tổng kết bài học**	III. Luyện tập: 1. Bài tập 1: - Nội dung thông tin: - Thuộc loại văn bản: - Ngôn ngữ khoa học trong văn bản có nhiều đặc điểm: + Dùng nhiều thuật ngữ khoa học. + Kết cấu của văn bản mạch lạc, chặt chẽ: có hệ thống đề mục lớn nhỏ, các phần, các đoạn rõ ràng 2. Bài tập 2: 3. Bài tập 3 : - Thuật ngữ: - Tính lí trí và logic thể hiện ở lập luận: 4. Bài tập 4: - Lưu ý: Cần đảm bảo: + Nhất quán về nội dung: các câu đều tập trung vào chủ đề "sự cần thiết của việc bảo vệ môi trường sống" và phát triển, làm rõ chủ đề đó. + Các câu liên kết với nhau và có quan hệ lập luận chặt chẽ. + Mỗi câu, mỗi từ cần đúng về nghĩa, về phong	Năng lực giao tiếp tiếng Việt -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận.

	cách khoa học. - Đoạn văn: (Hoàn thiện ở nhà).	

🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
- GV giao nhiệm vụ: Nêu những lỗi của cách diễn đạt không đúng phong cách khoa học trong các bài văn nghị luận: - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	1/Sự thiếu mạch lạc trong câu văn: + Câu què cụt, thiếu chủ ngữ hoặc lặp, thừa chủ ngữ + Không biết chấm câu, câu văn dài lê thê, "ý nọ xọ ý kia" hoặc rối ý + Câu văn "đầu Ngô mình Sở", không phát triển theo một chủ đề nhất định, đầu cuối không tương ứng → Yêu cầu của câu trong VBKH: mỗi câu tương ứng với một phán đoán logic, diên đạt một ý; mỗi từ chỉ biểu hiện một nghĩa 2/Sự thiếu mạch lạc trong đoạn văn, bài văn: + Ý của câu trước không ăn nhập với ý câu sau. Ý câu sau không phát triển được ý câu trước. + Ý của đoạn trước không liên kết với ý của đoạn sau + Bài văn: Phần mở đầu không định hướng cho phần lập luận. Phần lập luận không theo một trật tự logic nào. Luận điểm không rõ ràng, không được chứng minh; luận cứ không có cơ sở, phần lớn chỉ là bắt chước hoặc minh hoạ lẫn lộn. Phần kết luận không tóm tắt được những luận điểm đã trình bày. → Do thói quen nghĩ gì viết nấy, nghĩ đến đâu viết đến đó, không có một dàn ý chung cho cả văn bản, không có một nội dung tổng thể trước khi viết văn bản → Trái với phong cách của ngôn ngữ khoa học.	Năng lực giải quyết vấn đề:

🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
- GV giao nhiệm vụ: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi: *Về mặt thể loại văn học, ở nước ta, thơ có truyền thống lâu đời. Sử thi của các dân tộc ở Tây Nguyên, của dân tộc Mường..., truyện thơ dân gian của các dân tộc Thái, Tày, Nùng,:., còn lưu truyền nhiều thiên bất hủ. Ca dao, dân ca, thơ cổ điển của người Việt thời phong kiến cũng để lại nhiều viên ngọc quý. Thơ hiện đại, trước cũng như sau Cách mạng tháng Tám 1945, đã góp vào kho tàng văn học dân tộc biết bao kiệt*	1. Đoạn văn thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học. Có hai dấu hiệu để nhận biết điều ấy: thứ nhất, nội dung của đoạn văn bàn về một vấn đề của văn học sử Việt Nam; thứ hai, trong đoạn văn, người viết sử dụng nhiều thuật ngữ khoa học. 2. Các thuật ngữ khoa học xuất hiện trong đoạn văn: thể loại văn học, thơ, sử thi, truyện thơ dân gian, ca dao, dân ca, thơ cổ điển, văn xuôi, bút kí, tuỳ bút,	Năng lực giải quyết vấn đề:

tác. Văn xuôi tiếng Việt ra đời muộn, gần như cùng với thế kỉ XX, nhưng tốc độ phát triển và trưởng thành hết sức nhanh chóng. Với các thể bút kí, tuỳ bút, truyện ngắn, tiểu thuyết, văn xuôi Việt Nam đã có thể sánh cùng với nhiều nền văn xuôi hiện đại của thế giới. 1. Hãy cho biết, đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì? Căn cứ vào đâu để nhận biết điều ấy? 2. Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng những thuật ngữ khoa học nào? 3. Anh (chị) hiểu thế nào là kho tàng văn học dân tộc? 4. Đặt nhan đề cho đoạn văn trên. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	truyện ngắn, tiểu thuyết. 3. Kho tàng văn học dân tộc là tất cả các tác phẩm văn học thuộc mọi thể loại (kể cả văn học dân gian và văn học viết) có mặt trong nền văn học của nước ta từ xưa đến nay. 4. Có thể đặt nhan đề cho đoạn văn là: vấn đề thể loại của nền văn học Việt Nam, hoặc Đặc điểm thể loại của nền văn học Việt Nam.	

🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
GV giao nhiệm vụ: 1.Viết một văn bản khoa học phổ cập với nội dung PHÒNG TRÁNH TAI NẠN ĐIỆN 2.Thuyết trình bằng .ppt (có đầy đủ hình ảnh, âm thanh, video clip…) về đề tài MẠNG XÃ HỘI. -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	1.Cần tích hợp kiến thức Vật lí để trình bày đúng nội dung: - Điện là gì? - Nguyên nhân tai nạn điện. - Hậu quả? -Cách phòng tránh. 2. Dùng các thuật ngữ khoa học về mạng xã hội để diễn đạt.	Năng lực sáng tạo

**** Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.***

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) - Các loại văn bản khoa học ? - Các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ khoa học .
- Chuẩn bị bài: Nghị luận về 1 bài thơ, đoạn thơ

Tuần: 04
Tiết: 11,12

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;
b/ Thông hiểu: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về về một bài thơ, đoạn thơ;
c/Vận dụng thấp:Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận về về một bài thơ, đoạn thơ;
d/Vận dụng cao:Sử dụng đúng phong cách ngôn ngữ văn học, diễn đạt trôi chảy để tạo lập văn bản nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ
b/ Thông thạo: các bước phân tích đề, lập dàn ý bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

1.3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: phân tích đề, lập dàn ý bài nghị luận vb/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về về một đoạn thơ, bài thơ
c/Hình thành nhân cách:
-Biết nhận thức được ý nghĩa của việc thực hiện các thao tác nghị luận trong bài văn nghị luận văn học
-Có ý thức tìm tòi về kiểu bài nghị luận văn học .

2. Chuẩn bị

2.1/*Thầy*: Giáo án **;** Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
-Những ngữ liệu để hướng dẫn học sinh làm bài
-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2.2/*Trò*
-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
-Đồ dùng học tập

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp:
- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: Em có cho rằng khi đại dịch HIV/AIDS đã qua đi thì bản thông điệp này cũng không còn giá trị nữa không? Vì sao?

3.3. Tổ chức dạy và học bài mới:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng câu hỏi trắc nghiệm sau: Đề bài nào sau đây thuộc kiểu bài nghị luận về đoạn thơ, bàithơ? a. Suy nghĩ về câu tục ngữ :"Lá lành đùm lá rách" b. Lòng nhân ái c. Cảm nhận của anh/ chị về bài thơ Đồng Chí (Chính Hữu) d. Về những dòng sông bị ô nhiễm hiện nay.	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **Gợi ý trả lời: c** Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Ở chương trình Ngữ văn 9,10,11, các em đã từng nắm lí thuyết và thực hành những bài làm văn mà đối tượng chính là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ . Qua bài trắc nghiệm trên, chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn dạng bài nghị luận văn học này.	- Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Hoạt động: TÌM HIỂU NGỮ LIỆU (10 phút)**.**		
<u>* Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn tìm hiểu và lập dàn ý cho 2 đề bài trong SGK Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1,3: Học sinh đọc đề bài 1 trong SGK. Thảo luận nhóm ghi kết quả vào phiếu học tập, đại diện nhóm trả lời.** Gợi ý: *- Khi tìm hiểu đề, ta cần xác định những vấn đề gì?* *- Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh như thế nào?* *- Vấn đề cần giải quyết, làm rõ trong bài viết là gì?* *- Phần mở bài ta cần giới thiệu những gì?* *- Phần thân bài ta cần làm rõ điều gì trước tiên?* *- Vẻ đẹp của núi rừng trong đêm trăng khuya được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào? Gợi lên những điều gì?* *- Hình ảnh nổi bật nhất trong bài thơ là hình ảnh gì?* *- Nhân vật trữ tình trong bài thơ có gì khác hình ảnh ẩn sĩ trong thơ cổ?* *- Vì sao lại nói bài thơ vừa có tính chất cổ điển, vừa hiện đại?* *- Nêu nhận đinh chung về giá trị tư tưởng và nghệ thuật bài thơ?* *- Khẳng định lại những giá trị bài thơ?* ***Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác theo dõi, góp ý.*** **Nhóm 1,3:** a. Tìm hiểu đề: - Hoàn cảnh ra đời: + Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp	I. **Cách làm một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:** *1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:* Đề 1: Phân tích bài thơ "*Cảnh khuya*" của Hồ Chí Minh. a. Tìm hiểu đề: - Hoàn cảnh ra đời: - Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết:	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận.

+ Địa điểm là vùng chiến khu Việt Bắc. + Lúc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến đầy gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của nhân dân ta. - Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết: + Từ phân tích vẻ đẹp của bức tranh phong cảnh Việt Bắc thấy được vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vẻ đẹp của thơ ca Hồ Chí Minh. + Từ vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, của cuộc kháng chiến để thấy được vẻ đẹp tâm hồn Việt Nam – sự tất thắng của cuộc kháng chiến. b. Lập dàn ý: * Mở bài: - Giới thiệu bài thơ (hoàn cảnh sáng tác) - Nhận định chung về bài thơ (Định hướng giải quyết) * Thân bài: - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi rừng Việt Bắc: + Thủ pháp so sánh: *Tiếng suối trong như tiếng hát xa"* → tiếng suối cộng hưởng với tiếng người, tiếng đời tươi trẻ, vang vọng tràn đầy niềm tin + Hình ảnh: *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa* → Điệp từ *lồng*: tạo nên hình ảnh huyền ảo, lung linh, thơ mộng => Cảnh vật mang vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng → tâm hồn yêu thiên nhiên của Bác. - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp tâm hồn thi nhân qua hình ảnh nhân vật trữ tình: + Nổi bật giữa bức tranh thiên nhiên là người chiến sĩ nặng lòng lo *nỗi nước nhà*. → tấm lòng yêu nước sâu sắc của Bác. + Khác với hình ảnh người ẩn sĩ lánh mình chốn thiên nhiên, xa lánh cõi trần → Tinh thần ung dung tự tại lo việc nước, tràn đầy sự lạc quan, kiên định và tất thắng - Phân tích nghệ thuật bài thơ: vừa có tính chất cổ điển vừa hiện đại: + Tính cổ điển: thể thơ Đường luật, những hình ảnh thiên nhiên *tiếng suối, trăng, cổ thụ, hoa*. + Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình: thi sĩ - chiến sĩ, *lo nỗi nước nhà*, sự phá cách trong hai câu cuối (không tuân thủ luật đối) - Nhận định giá trị tư tưởng và nghệ thuật bài	b. Lập dàn ý: * Mở bài: * Thân bài: - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi rừng Việt Bắc - Phân tích nghệ thuật bài thơ: vừa có tính chất cổ điển vừa hiện đại: + Tính cổ điển: + Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình: - Nhận định giá trị tư tưởng và nghệ thuật bài thơ: + Tư tưởng: + Nghệ thuật: * Kết bài:	

thơ: + Tư tưởng: Tình yêu thiên nhiên, đất nước sâu đậm + Nghệ thuật: cổ điển và hiện đại * Kết bài: - Sự hài hoà giữa tâm hồn nghệ sĩ và ý chí chiến sĩ: Mang cốt cách thanh cao, tấm lòng vì nước vì dân, khí chất ung dung của vị lãnh tụ - Đây là một trong những bài thơ hay của Bác		
Nhóm 2,4: Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài 2 Gợi ý: *- Khi tìm hiểu đề trong đề bài này, ta cần xác định những vấn đề gì?* *- Mở bài, ta cần giới thiệu điều gì? Có gì khác với cách giới thiệu về một bài thơ?* *- Khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào trong 8 câu thơ đầu?* *- Khí thế hiện lên như thế nào?* *- Khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau) được diễn đạt bởi những thủ pháp nghệ thuật nào?* *- Khí thế đó tạo nên điều gì cho bức tranh công cuộc kháng chiến chống Pháp?* *- Hệ thống từ ngữ nào đã được vận dụng trong đoạn thơ?* *- Nhà thơ còn vận dụng những biện pháp tu từ nào?* *- Giọng thơ của đoạn thơ có âm hưởng như thế nào?* *- Hãy nêu ý để chốt lại đoạn thơ?*	*Thực hành đề 2 – SGK:* Phân tích đoạn thơ trong bài "*Việt Bắc*" của Tố Hữu a. Tìm hiểu đề: - Yêu cầu kiểu đề: - Yêu cầu về nội dung:	Năng lực giao tiếp tiếng Việt
Nhóm 2,4: a. Tìm hiểu đề: - Yêu cầu kiểu đề: phân tích một đoạn thơ. - Yêu cầu về nội dung: Làm rõ hai vấn đề: + Khí thế dũng mãnh và khí thế chiến thắng của quân ta trên khắp chiến trường + Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ độc đáo của đoạn thơ b. Lập dàn ý: * Mở bài: - Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ. - Nêu xuất xứ đoạn trích - Trích dẫn nguyên văn đoạn trích	b. Lập dàn ý: * Mở bài: - Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ. - Nêu xuất xứ đoạn trích - Trích dẫn nguyên văn đoạn trích * Thân bài: - Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu):	

* Thân bài: - Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu): + Nghệ thuật: Sử dụng từ láy (*rầm rập, điệp điệp trùng trùng*), so sánh (*Đêm đêm rầm rập như là đất rung*), hoán dụ (*mũ nan*), cường điệu (*bước chân nát đá*), đối lập (*Nghìn đêm thăm thẳm sương dày >< Đèn pha bật sáng như ngày mai lên)* + Nội dung: Khí thế chiến đấu sôi động, hào hùng với nhiều lực lượng tham gia (dân công, bộ đội, binh chủng cơ giới), hình ảnh con đường bộ đội hành quân, dân công đi tiếp viện, đoàn quân ô tô quân sự nối tiếp nhau... - Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau): + Nghệ thuật: Điệp từ *vui*, biện pháp liệt kê các địa danh của mọi miền đất nước + Nội dung: Tin vui chiến thắng đồn dập bay về, vì Việt Bắc là thủ đô, là đầu não của cuộc kháng chiến. Niềm vui của đất nước hoà cùng Việt Bắc tạo nên bức tranh kháng chiến thắng lợi toàn diện và toàn vẹn. - Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật: Rất điêu luyện trong việc sử dụng thể thơ lục bát + Các từ láy, động từ (*rầm rập, rung, nát đá, lửa bay*), tính từ gợi tả (*Quân đi điệp điệp trùng trùng, Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan, Dân công đỏ đuốc từng đoàn, Nghìn đêm thăm thẳm sương dày, Đèn pha bật sáng*)... + Các biện pháp tu từ: so sánh, hoán dụ, cường điệu, trùng điệp... + Giọng thơ: âm vang, sôi nổi, hào hùng *c. Kết bài:* Đoạn thơ ngắn như thể hiện được không khí của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta một cách cụ thể, sinh động.	+ Nghệ thuật: + Nội dung: - Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau): + Nghệ thuật: + Nội dung: - Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật: *c. Kết bài:*	
Hoạt động 2: TÌM HIỂU PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI(10 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> **-Dựa vào bài tập đã làm, rút ra các bước làm bài: 4 bước.** Tìm hiểu đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ *- Thế nào là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?*	*2. Đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:* - Đặc điểm : - Đối tượng: - Nội dung: + Giới thiệu khái quát bài	***Năng lực giao tiếp.*** ***Năng lực hợp tác.*** ***Năng lực sử dụng***

- Em có nhận xét gì về đối tượng nghị luận về thơ? Xuất phát từ điều này, chúng ta cần phải thao tác như thế nào khi nghị luận? *- Nội dung cơ bản của một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?* **** HS trả lời cá nhân*** - Đặc điểm : Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là trình bày ý kiến, nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ đó. - Đối tượng: bài thơ, đoạn thơ, hình tượng thơ... Cách làm: cần tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu, cấu tứ... - Nội dung: + Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ + Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ + Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ.	thơ, đoạn thơ + Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ + Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ	***ngôn ngữ.*** ***Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp

Hoạt động 3: **Luyện tập** (15 PHÚT)

<u>* Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn luyện tập - GV: Chia lớp làm 4 nhóm. **- Các nhóm thảo luận làm bài tập trong 15 phút.** **- Đại diện các nhóm lần lượt trả lời**. - GV: Chốt lại các ý đúng. * Mở bài: - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ - Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ - Nhận xét chung về khổ thơ - Dẫn văn bản khổ thơ * Thân bài: - Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối - Phân tích hai câu thơ đầu - Phân tích hai câu thơ cuối - Một vài nét về nghệ thuật + Thôi Hiệu: *Quê hương khuất bóng hoàng hôn* *Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai* (Hoàng Hạc Lâu)	**II. Luyện tập** *1. Mở bài:* - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Từ cảm hứng trước một buổi chiều đìu hiu, vắng lặng buồn, khi lặng ngắm sông Hồng ngoại thành Hà Nội - Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ: Khổ cuối trong bài thơ *Tràng giang* - Nhận xét chung về khổ thơ: Một bài thơ buồn – đẹp vào bậc nhất của Huy Cận, của văn học lãng mạn Việt Nam - Dẫn văn bản khổ thơ *2. Thân bài:* - Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối: + Nhận xét: Thơ Huy Cận trước CMTT là nỗi buồn của thế hệ thanh niên mất nước, tương lai mờ mịt. Bài thơ mở vào khoảng trời đất cao rộng, vắng lặng để nỗi buồn thấm sâu tận cõi lòng + Phân tích ba khổ đầu bài thơ: . Cảnh buồn mênh mang, tâm hồn cô đơn không nguồn san sẻ (*sóng gợn tràng giang, sông dài trời rộng, mênh mang* sông nước với tâm trạng, tâm tình *sầu trăm ngả, cô liêu, không chút niềm thân mật*)	Năng lực giao tiếp tiếng Việt

+ Huy Cận: *Lòng quê dơn dợn vời con nước* *Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà* ***Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác theo dõi, góp ý.*** **Thao tác 2:** **Hướng dẫn HS tổng kết bài học** * Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.	- Phân tích hai câu thơ đầu: Trong ba khổ thơ trước: buồn trải ra xa, trong khổ cuối: buồn lên cao trong cánh chim nhỏ và dường như nhiều bơ vơ, không tìm ra phương hướng trong buổi chiều tắt nắng - Phân tích hai câu thơ cuối: + Cảnh hoàn toàn không còn dấu người. Ở thời điểm này, quê hương là nơi neo đậu của lòng người. Câu thơ buồn nhưng sáng lên tình yêu quê hương đất nước sâu đậm. - Một vài nét về nghệ thuật: + Mượn một số cách diến đạt thơ Đường nhưng vẫn giữ được nét riêng của Huy Cận: Các hình ảnh: *mây cao đùn núi bạc, chim nghêng cánh nhỏ, bóng chiều, con nước, nhớ nhà...* đậm chất thơ Đường Nét riêng: cách dùng từ láy (*lớp lớp, dợn dợn)*, cảm xúc lãng mạn tinh tế (*chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa*), cách nói ngược so với thơ Đường (*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*) + Âm hưởng Đương thi cộng với những hình ảnh cô đơn, nỗi buồn thế hệ tạo nên vẻ đẹp cổ điển, hiện đại của khổ thơ, bài thơ. *3. Kết bài:* Tổng hợp chung: - Đoạn thơ có nét cổ kính, trang nghiêm, đậm chất Đường thi nhưng vẫn giữ được cái hồn Việt Nam - Thể hiện tình yêu quê hương đất nước sâu đậm của tác giả.	

🕮 3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- GV giao nhiệm vụ: **<u>Câu hỏi 1:</u>** Dòng nào dưới đây nêu không đúng nội dung thường có của một bài văn nghị luận về thơ? a. Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ. b. Bàn về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ. c. Những sự kiện xung quanh sự ra đời của bài thơ d. Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ. **<u>Câu hỏi 2:</u>** Thao tác nào dưới đây ít được sử dụng trong khi	c. Những sự kiện xung quanh sự ra đời của bài thơ

nghị luận về thơ? a. Thao tác phân tích b. Thao tác bình luận c. Thao tác chứng minh d. Thao tác bác bỏ. **Câu hỏi 3:** Trong phần mở đầu của bài nghị luận về một bài thơ , cần phải đạt được yêu cầu gì? a. Giới thiệu một cách khái quát về bài thơ, đoạn thơ b. Trình bày được hoàn cảnh ra đời của bài thơ, đoạn thơ c. Nêu đánh giá của mình về bài thơ, đoạn thơ. d. Chỉ ra thành công nghệ thuật của mình về bài thơ, đoạn thơ. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	d. Thao tác bác bỏ. a. Giới thiệu một cách khái quát về bài thơ, đoạn thơ

🕮 4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- GV giao nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ: Phân tích bài thơ "Tự tình" (II) của nữ sĩ Hồ Xuân Hương. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**Tìm hiểu đề** **1. Dạng đề :** Phân tích một bài thơ. **2. Yêu cầu của đề:** - Yêu cầu về nội dung : Làm rõ nội dung, nghệ thuật của bài thơ. - Yêu cầu về thao tác : Phân tích là thao tác chính, cần kết hợp các thao tác khác như: chứng minh, bình luận, so sánh… - Yêu cầu về tư liệu : Tư liệu chính là những câu thơ trong bài thơ đã cho, tư liệu có liên quan để bổ sung cho ý phân tích. **Lập dàn ý** **I. Mở bài :** Giới thiệu tác giả Hồ Xuân Hương, dẫn vào bài thơ "Tự tình" (II). Nêu vấn đề: Bài thơ có giá trị sâu sắc về nội dung và nghệ thuật, trích bài thơ. **II. Thân bài :** **1. Khái quát :** Nêu xuất xứ, thể loại, hoàn cảnh sáng tác, bố cục bài thơ, nội dung chính của bài thơ. **2. Phân tích nội dung, nghệ thuật bài thơ :** Các ý chính cần phân tích **a. Hai câu đề :** * Phân tích: - Câu 1: Khắc họa thời gian nghệ thuật : "đêm khuya"; từ láy "văng vẳng"; nghệ thuật lấy động tả tĩnh. - Câu 2 : Đảo ngữ nhấn mạnh từ "trơ"; kết hợp từ độc đáo "cái hồng nhan"; đối lập cái cá nhân nhỏ bé với cái rộng lớn ("cái hồng nhan" đối với "nước non").

	* Làm rõ : Bối cảnh không gian, thời gian và tâm trạng cô đơn, buồn tủi, bẽ bàng về duyên phận của nhân vật trữ tình. **b. Hai câu thực :** * Phân tích : Phép đối (câu 3 với câu 4); cụm từ "say lại tỉnh"; nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (sự tương quan giữa hình ảnh vầng trăng và thân phận nữ sĩ). * Làm rõ : Gợi lên hình ảnh người phụ nữ trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa, cay đắng, với nỗi chán chường, đau đớn, ê chề. **c. Hai câu luận:** * Phân tích : Phép đối (câu 5 với câu 6); phép đảo; động từ mạnh ("xiên ngang", "đâm toạc"); nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. * Làm rõ : cảnh thiên nhiên trong cảm nhận của người mang sẵn nỗi niềm phẫn uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương. **d. Hai câu kết:** * Phân tích : Ngôn ngữ đời thường giản dị, tự nhiên; lặp từ; nghệ thuật tăng tiến. * Làm rõ : Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc – cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. **e. Nghệ thuật cả bài thơ** : Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn; tả cảnh ngụ tình; phép đối, đảo; đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ. **III. Kết bài:** Kết luận về nội dung, nghệ thuật và nêu ý nghĩa bài thơ.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) **-**Hãy trình bày các bước làm bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ? -Hãy cho biết đối tượng và nội dung của một bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?
- Chuẩn bị bài: *TÂY TIẾN*

Tuần: 05
Tiết: 13,14,15

TÂY TIẾN
(Quang Dũng)

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác

b/ Thông hiểu:Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

c/Vận dụng thấp:Phân tích được nội dung nghệ thuật của bài thơ

d/Vận dụng cao:So sánh nét tương đồng và dị biệt giữa các chi tiết, hình ảnh thơ trong các đoạn thơ cùng chủ đề.

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ Tây Tiến

b/ Thông thạo: đọc diễn cảm , cảm nhận một tác phẩm trữ tình

1.3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản trữ tình

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác gia, tác phẩm văn học

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần cảm phục, ngưỡng mộ người lính; ý thức trách nhiệm công dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Chuẩn bị

2.1/*Thầy*

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Chân dung nhà thơ Quang Dũng, Hình ảnh về đoàn quân Tây Tiến, bài hát Tây Tiến (Nhạc Phạm Duy)...

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2.2/*Trò*

- Đọc trước văn bản các tác phẩm để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: Trình bày cấu trúc dàn ý nghị luận bề một bài thơ, đoạn thơ.

3.3. Tổ chức dạy và học bài mới:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm Tây Tiến bằng cách cho HS: -Xem chân dung Quang Dũng -Xem một đoạn bài hát Tây Tiến (nhạc Phạm Duy), bài hát Đồng chí (thơ Chính Hữu) - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Thơ kháng chiến chống Pháp 1946-1954 đã để lại thành tựu xuất sắc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt là đề tài người lính. Bên cạnh bài Đồng chí của nhà thơ Chính Hữu mà các em đã học trong chương trình Ngữ văn 9, ta thấy còn có một bài thơ rất thành công với cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng. Đó là bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay.	- Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Hoạt động: TÌM HIỂU CHUNG (10 phút)**.**		
*** Thao tác 1 :** **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm** - Dựa vào phần tiểu dẫn, hãy nêu những nét khái quát về nhà thơ Quang Dũng và bài thơ Tây Tiến? - Theo dõi HS trả lời, hướng dẫn ghi chép ngắn gọn theo SGK - Thuyết giảng thêm về số phận bài thơ - 1-2 HS trả lời, lớp theo dõi, góp ý thêm. - Theo dõi định hướng của GV, ghi chép nội dung vào vở *Đặc điểm đoàn quân Tây Tiến :* - Thành lập năm 1947, Quang Dũng là đại đội trưởng. - Nhiệm vụ : Phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt – Lào. - Địa bàn : Đồi núi Tây Bắc Bộ Việt Nam và Thượng Lào. - Thành phần : Sinh viên, học sinh, dân lao động thành thị thuộc mọi ngành nghề khác nhau. - Điều kiện sống :Gian khổ, thiếu thốn. -Tinh thần: Hào hùng, lãng mạn – lạc quan, yêu đời. *** Thao tác 2 : Hướng dẫn HS đọc hiểu bài thơ** - Gọi HS đọc điễn cảm bài thơ- chú ý âm hưởng, sắc thái tình cảm, cảm xúc từng đoạn. - Yêu cầu lớp theo dõi câu hỏi 1(SGK), tìm hiểu ý chính từng đoạn và mạch liên kết trong bài thơ?	**I. Tìm hiểu chung:** **1. Tác giả:** - Tên thật : Bùi Đình Diệm (1921 – 1988). - Quê hương: Phượng Trì - Đan Phượng – Hà Tây. - Cuộc đời : + Là người đa tài: Làm thơ, viết văn, vẽ tranh … + Được biết nhiều với tư cách là nhà thơ. + Phong cách sáng tác: vừa hồn nhiên vừa tinh tế, lãng mạn và hào hoa. - Sáng tác chính: Mây đầu ô (1968), Thơ văn Quang Dũng (1988) *2. Văn bản:* *a. Hoàn cảnh sáng tác :* - Trích tác phẩm "Mây đầu ô". - Viết vào năm 1948 ở Phù Lưu Chanh (Hà Tây), khi Ông đã chuyển sang đơn vị khác và nhớ về đơn vị cũ là đoàn quân Tây Tiến. - Đặc điểm đoàn quân Tây Tiến ***b.*** *Bố cục :* - Phần 1: → Nhớ con đường hành quân trên cái nền thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ. - Phần 2: → Nhớ kỉ niệm ấm áp tình quân dân và cảnh sông nước miền tây thơ	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. Năng lực giao tiếp tiếng Việt

- 1-2 HS đọc diễn cảm. - Lớp lắng nghe và định hướng trả lời câu hỏi1	mộng. - Phần 3: → Nhớ hình tượng người lính Tây Tiến - Phần 4: → Tấm lòng và sự gắn bó với Tây Tiến.	
Hoạt động 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN- **Đoạn 1** (15 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản** Đọc diễn cảm. + Yêu cầu giọng đọc: hùng tráng và tình cảm, chậm và đanh xen với mềm mại, dịu dàng, tuỳ theo từng đoạn, từng câu. Chú ý ngắt nhịp đúng một số câu độc đáo. Ví dụ: Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm; Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống, Sông Mã gầm lên / khúc độc hành... + GV và 4, 5 HS nối nhau đọc toàn văn bản thơ 1 lần. Nhận xét kết quả đọc. **- Hướng dẫn HS đọc và cảm nhận đoạn** 1: - <u>Đọc đoạn 1 của bài thơ và nêu câu hỏi</u>: *Bức tranh thiên nhiên và hình ảnh đoàn quân Tây Tiến hiện ra như thế nào ở đoạn mở đầu?* - Cho HS trao đổi nhóm, trình bày - Theo dõi HS trả lời, định hướng tiếp cận và khắc sâu kiến thức - Gợi mở cho HS phân tích làm rõ giá trị nghệ thuật đặc sắc của đoạn thơ - Diễn giảng bình thêm giá trị biểu đạt của một vài chi tiết thơ giúp hs cảm thụ sâu HS thảo luận nhóm, ghi kết quả vào phiếu học tập và đại diện nhóm trả lời - Lớp theo dõi ,nhận xét, bổ sung - Vận dụng bài học về kỉ năng nghị luận về một bài thơ để khai thác giá trị đoạn thơ *(<u>Từ láy</u>: Khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút đều tả độ cao theo hướng nhìn lên trong cuộc hành trình.Khổ thơ là một bằng chứng về "Thi trung hữu hoạ"-> <u>Gợi tả</u> mặt dốc lồi lõm, nhấp nhô, khúc khuỷu, càng lên cao càng dựng đứng hun hút, thăm thẳm như lên đến đỉnh trời, chót vót*	**II. Đọc–hiểu:** 1. **<u>Đoạn 1</u> : Nỗi nhớ về những chặng đường hành quân của bộ đội Tây Tiến và khung cảnh núi rừng miền Tây.** a. <u>Hai câu thơ mở đầu</u>: " Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi! Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi..." - Hình ảnh "Sông Mã" như gợi thức nỗi nhớ ùa về trong tâm hồn nhà thơ. - Nhớ "Chơi vơi" (2 thanh bằng, nhẹ, lan toả, không hình không khối) b. <u>Bức tranh thiên nhiên miền Tây vừa hùng vĩ, hiểm trở , hoang vu, nghiệt ngã vừa độc đáo thú vị:</u> - Cảnh vật hiện ra hùng vĩ, hiểm trở (Mở ra trong nhiều chiều không gian, thời gian) + Nhiều tên đất lạ lẫm, gợi 1 vùng xa xôi, hẻo lánh: + Nhiều đèo dốc hiểm trở: *" Dốc …… mưa xa khơi..."* => Sử dụng từ láy giàu chất tạo hình, gợi tả, gợi cảm, những câu thơ toàn thanh trắc ...=> Một bức tranh hoành tráng với tất cả sự hiểm trở và dữ dội, hoang vu và heo hút của núi rừng miền Tây + Nhiều vẻ hoang dại, bí ẩn, khắc nghiệt: Với mưa rừng, "Sương lấp đoàn quân mỏi", "Thác gầm thét", "Cọp trêu người." - <u>Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến trong đoạn thơ :</u> + Đó là những chiến sĩ anh hùng bất khuất không quản ngại vượt qua bao chặng đường gian khổ , bao nhiêu hi sinh mất mát lớn lao: " *Anh bạn dãi dầu không bước nữa*	***Năng lực giao tiếp.*** ***Năng lực hợp tác.*** ***Năng lực sử dụng ngôn ngữ.*** ***Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo

chênh vênh giữa mây trời, như sắp chạm đến đỉnh trời!-> <u>Gợi</u> bao nỗi vất vả nhọc nhằn nhưng cũng không kém phần thú vị, tinh nghịch) (*Tác giả tả thực về sự hi sinh mất mát: Gợi cảm giác cái chết như lẫn vào bức tranh chung của những gian khổ nhọc nhằn. Người chiến sĩ như đột ngột dừng chân trong cuộc hành trình của đơn vị. Câu thơ gợi một kí ức buồn trên những chặng đường hành quân của bộ đội TT)*	*Gục lên súng mũ bỏ quên đời...”* => Nổi bật chất bi tráng + Nhưng đó còn là những chàng trai hào hoa lãng mạn tinh nghịch với bao hăm hở khám phá, chinh phục. - <u>Hai câu kết đoạn thơ</u> : “ *Nhớ ôi...nếp xôi”*=> Gợi không khí đầm ấm tình quân dân, như xua đi bao mệt mỏi của cuộc hành trình,tạo cảm giác êm dịu, ấm áp, chuẩn bị tâm thế cho đoạn sau	Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp
Hoạt động 3: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN - Đoạn 2 (15 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> **-Hướng dẫn HS tiếp cận và cảm thụ đoạn thứ 2:** - Nêu vấn đề: Đoạn thơ thứ 2 mở ra một thế giới thiên nhiên vả con người khác với đoạn 1. Hãy phân tích làm rõ? - Cho HS thảo luận nhóm, gọi đại diên trả lời. GV theo dõi, gợi mở, định hướng giúp các em cảm thụ được giá trị đoạn thơ. - Diễn giảng thêm giúp HS cảm thụ đoạn thơ -Hs thảo luận nhóm, ghi lại kết quả vào phiếu học tập, đại diện trả lời. - Lớp theo dõi, đàm thoại GV: **Những cô gái Thái:** dáng điệu e ấp, tình tứ trong bộ xiêm áo uốn lượn → như cô dâu trong tiệc cưới, là nhân vật trung tâm, là linh hồn của đêm văn nghệ. **- Những người lính:** + *Kìa em*: ngỡ ngàng, ngạc nhiên cả sự hân hoan, vui sướng trước vẻ đẹp của cô gái Tây Bắc + Say mê âm nhạc với vũ điệu mang màu sắc của xứ lạ → Tâm hồn lãng mạn dễ kích thích, hấp dẫn.	**2. <u>Nhớ về tình kỉ niệm quân dân:</u>** *** <u>4 câu đầu</u>:** Gợi nhớ lại đêm liên hoan văn nghệ của đơn vị. - “ *bừng*”: bừng tỉnh, bừng sáng: cả doanh trại bừng dậy, qua rồi cuộc sống gian khổ. Đó còn là sự bừng sáng của tâm hồn. - "*hội đuốc hoa":* → đêm liên hoan văn nghệ như một ngày hội. → đuốc hoa :hoa chúc (T.Hán) :tiệc cưới→ Đêm liên hoan văn nghệ qua cái nhìn trẻ trung, tinh nghịch, yêu đời của người lính như một tiệc cưới. **- Những cô gái Thái:** **- Những người lính:** => Bằng những nét bút mềm mại, tinh tế, tác giả đã vẽ nên đêm liên hoan văn nghệ diễn ra trong không khí ấm áp tình người, tưng bừng, nhộn nhịp có ánh sáng, màu sắc. Gợi nét lãng mạn, tình quân dân thắm thiết. *** <u>4 câu sau</u>:** - Dòng sông đậm màu sắc cổ tích, huyền thoại nổi bật lên dáng hình mềm mại của cô gái Thái trên chiếc thuyền độc mộc. Và như hoà hợp với con người, những bông hoa rừng cũng "*đong đưa*" làm duyên trên dòng nước	Năng lực giao tiếp tiếng Việt ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.*** ***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp

	lũ. - Nghệ thuật: láy vắt dòng→ câu thơ trở nên mềm mại, uyển chuyển, níu kéo nhau. → Thiên nhiên và con người như hoà vào nhau tạo thành bức tranh hữu tình. * Tóm lại: Bốn câu thơ đầu ngân nga như tiếng hát, như nhạc điệu cất lên từ tâm hồn ngây ngất, say mê của những người lính. Trong đoạn thơ sau, chất thơ và chất nhạc hoà quyện với nhau đến mức khó tách biệt.	
Hoạt động 4: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN -Đoạn 3 (20 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> **- Hướng dẫn Hs đọc hiểu đoạn 3**: GV đọc đoạn thơ - Nêu vấn đề cho HS thảo luận : (Câu hỏi 4 SGK). *** Nhóm 1,3: Bốn câu đầu** -Hình ảnh đối lập *quân xanh màu lá dữ oai hùm* cho người đọc thấy phẩm chất gì của người lính Tây Tiến? - Hai câu thơ *Mắt trừng …….kiều thơm* cần được hiểu như thế nào?Vì sao có thời người ta phê phán ý thơ này, cho là buồn rớt, mộng rớt hoặc cường điêu thiếu tự nhiên? *** Nhóm 1,3:** - Hình ảnh đối lập giữa vật chất và tinh thần, bên ngoài và bên trong cho ta thấy một mặt tình trạng sức khoẻ tồi tệ của lính Tây Tiến vì sốt rét, vì thiếu đói, mặt khác càng cho thấy phẩm chất tinh thần phi thường của họ. Cách nói thậm xưng *dữ oai hùm* có phần cường điệu nhưng lại rất phù hợp với cảm hứng lãng mạn ngợi ca, phi thường hoá nhân vật trữ tình của tác giả. -2 câu thơ tiếp theo tả tâm trạng của người lính Tây Tiến trong những đêm xa nhà, xa quê, xa nước trên đất bạn Lào. Trong giấc mơ, trong nỗi nhớ của những chàng trai thủ đô đầy mơ mộng, đa tình thì chuyện gửi mộng qua biên giới, chuyên mơ về một bóng hồng (kiều thơm) Hà Nội quê xa, cũng chẳng có gì lạ. - Mắt trừng là cách nói cường điệu của bút pháp lãng mạn để chỉ tâm trạng băn khoăn,	**3. <u>Chân dung người lính Tây Tiến:</u>** **a/ <u>4 câu đầu:</u>** - Bên ngoài: có vẻ kì dị, lạ thường: không mọc tóc, da xanh màu lá → chiến trường khắc nghiệt vì thiếu thốn, vì bệnh sốt rét đang hoành hành.=>GIAN KHỔ. - Bên trong: dữ oai hùm, mắt trừng →thậm xưng thể hiện sự dũng mãnh. Bề ngoài thì lạ thường nhưng bên trong không hề yếu đuối, vẫn oai phong lẫm liệt ở tư thế " *dữ oai hùm*"=>Ý CHÍ. - Người lính Tây Tiến là những chàng trai lãng mạn, hào hoa với trái tim rạo rực, khao khát yêu đương: gởi mộng, mắt trừng=>LÃNG MẠN. * Càng gian khổ=> càng căm thù=> tạo thành ý chí + nhờ tâm hồn lãng mạn giúp người lính vẫn sống, vẫn tồn tại trong đạn bom khắc nghiệt.	Năng lực giao tiếp tiếng Việt -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

trằn trọc, khó ngủ vì nhớ quê, nhớ nhà, nhớ Hà Nội, nhớ người thương của họ. - là tâm trạng chân thật của người lính xa nhà. Họ nghĩ và mông lung, quay quắt nhớ như vậy nhưng không hề nản chí, để rồi sáng ngày mai lại tiếp tục lao vào trận mới, sẵn sàng đón nhận hi sinh, chẳng hề tiếc tuổi thanh xuân (đời xanh) của mình. *** Nhóm 2,4:** -Hình ảnh những nấm mồ lính nằm rải rác dọc biên giới hai nước cho thấy sự hi sinh thầm lặng và to lớn như thế nào của các tình nguyện quân Viêt Nam vì độc lập, tự do của đất nước Lào. -Hai câu thơ cuối, bằng bút pháp lãng mạn, bằng cảm hứng bi tráng đã dựng lại cái chết, sự hi sinh oanh liệt của các chiến sĩ Tây Tiến. Hình ảnh áo bào thay chiếu cũng gần gũi với hình ảnh điển tích da ngựa bọc thây nhưng lại nói lên sự thật đau lòng. Người lính ra đi trong hoàn cảnh chiến trường khắc nghệt, thiếu thốn đến mức không có nổi một cỗ quan tài, một tấm chăn, manh chiếu bọc thi hài. Lúc sống mặc như thế nào thì lúc anh về đất đành vẹn nguyên quần áo ấy mà chôn.	**b/ <u>4 câu sau:</u>** - " *Chiến trường....đời xanh*": thái độ dứt khoát ra đi với tất cả ý thức trách nhiệm, không tính toán. Sẵn sàng hiến dâng tuổi thanh xuân cho đất nước - *" mồ viễn xứ", " áo bào thay chiếu":* từ Hán Việt: nấm mồ của người chiến sĩ trở thành mộ chí tôn nghiêm. *"áo bào":* cái chết sang trọng. - Cái bi nâng lên thành hùng tráng bởi lí tưởng của người nằm xuống. Cái chết bi hùng, có bi nhưng không luy. - Sông Mã: gợi điển tích Kinh Kha→khí khái của người lính. Cái chết đậm chất sử thi bi hùng bởi tiếng gầm của sông Mã. * Cả đoạn thơ là cảm hứng bi tráng về cuộc đời chiến đấu gian khổ, tư tưởng lạc quan và sự hi sinh gian khổ, anh dũng của người lính.	***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp
Hoạt động 5: TÌM HIỂU ĐOẠN CUỐI VÀ TỔNG KẾT (15 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> **-Hướng dẫn Hs đọc, cảm nhận đoạn kết** Nêu câu hỏi 5, yêu cầu HS suy nghĩ , trả lời ? Nhận xét âm điệu của 4 câu thơ cuối? nội dung ? *? Cảm xúc của tác giả bộc lộ như thế nào qua bốn câu thơ cuối ?* ?Tình cảm của tác giả như thế nào? *"*Ai lên…về xuôi*": Kỷ niệm không thể nào quên.* **** HS trả lời cá nhân*** -Bài thơ kết thúc bằng 4 câu thơ nói lời nhắn	**<u>4. Lời thề gắn bó với Tây Tiến và đồng đội:</u>** - "Ai lên Tây Tiến <u>mùa xuân ấy</u> ..."=>thời điểm mơ mộng hào hùng một đi không trở lại. - Câu kết " Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi" thể hiện tinh thần " một đi không trở lại" => Gợi không khí một thời đại ra đi kháng chiến "thà chết chớ lui" của tuổi	Năng lực giao tiếp tiếng Việt

gửi mà như lời thề son sắt. Lời thề của những người lính Tây Tiến sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ, trở về đất nước quê hương; thề với những đồng đội đã hi sinh trên đất bạn, thề với lòng mình, với quá khứ hào hùng. -Cách nói *người đi không hẹn ước, hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi, mùa xuân chia phôi thăm thẳm, "lên Tây Tiến..."* chính là thể hiên tâm trạng buồn thương, luyến nhớ, bâng khuâng khi nghĩ về một khoảng thời gian ăm ắp kỉ niêm, về những địa danh, về cuộc hành quân tiến về phía Tây lịch sử... giờ đây và mãi mãi suốt đời không thể nào quên. **<u>* Thao tác 2 :</u>** **Hướng dẫn HS tổng kết** dựa theo phần ghi nhớ trong SGK HS làm việc cá nhân , trả lời HS suy nghĩ trả lời HS ghi phần ghi nhớ vào vở * Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.	trẻ VN trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, **III. Tổng kết:** **1/ Nghệ thuật:** - Cảm hứng và bút pháp lãng mạn. - Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt,… - Kết hợp chất hợp và chất họa. ***2) Ý nghĩa văn bản :*** Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ luôn đồng hành trong trái tim và trí óc mỗi chúng ta.	***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.*** ***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp

🕮 3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- GV giao nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ: <u>Câu hỏi 1:</u> Câu thơ : "Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm" ngắt nhịp thế nào là phù hợp nhất với ý thơ? a. Nhịp 4/1/2 b. Nhịp 2/2/1/2 c. Nhịp 2/2/3 d. Nhịp 4/3 <u>Câu hỏi 2:</u> Hai câu thơ " Mắt trừng gửi mộng qua biên giới/*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm"* a. Chí khí của người lính Tây Tiến b. Đời sống tình cảm của lính Tây Tiến	b. Nhịp 2/2/1/2 c. Cái chí và cái tình

c. Cái chí và cái tình của người lính d. Lòng căm thù quân giặc và nỗi buồn nhớ về Hà Nội Câu hỏi 3: Dòng nào chưa nói đúng về nội dung chính ở đoạn thơ thứ 3 của bài Tây Tiến ? a. Ngoại hình và đời sống nội tâm của người lính b. Cái tình và cái chí của người lính c. Sự giằng xé giữa lí tưởng cao đẹp và tình cảm sâu nặng của người lính d. Sự hi sinh kiêu hùng của người lính	của người lính c. Sự giằng xé giữa lí tưởng cao đẹp và tình cảm sâu nặng của người lính

🕮 4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- GV giao nhiệm vụ: *"Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa,* *Kìa em xiêm áo tự bao giờ* *Khèn lên man điệu nàng e ấp* *Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ* *Người đi Châu Mộc chiều sương ấy* *Có thấy hồn lau nẻo bến bờ* *Có nhớ dáng người trên độc mộc* *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*". Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng gì của tác giả? 2. Các từ "*xiêm áo*", "*khèn*","*man điệu*", "*e ấp*" có vai trò gì trong việc thể hiện những hình ảnh vẻ đẹp văn hoá miền núi và tâm trạng người lính Tây Tiến? 3. Câu thơ *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa* được sử dụng nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng của tác giả : đó là nỗi nhớ những kỉ niệm về tình quân dân trong đêm liên hoan văn nghệ và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng. 2/ Các từ "*xiêm áo*", "*khèn*","*man điệu*", "*e ấp*" có vai trò trong việc thể hiện những hình ảnh vẻ đẹp văn hoá miền núi và tâm trạng người lính Tây Tiến : a/ Vẻ đẹp thể hiện bản sắc dân tộc, nhất là văn hoá miền núi. Đó là vẻ đẹp của các cô gái Tây Bắc trong trang phục lạ: ***xiêm áo***, vừa e thẹn, vừa tình tứ trong một vũ điệu lạ: ***man điệu***, nhạc cụ lạ : ***khèn*****,** dáng điệu lạ: ***e ấp***. b/ Tâm trạng người lính: vừa ngạc nhiên, vừa đắm say trong tiến khèn, điệu múa.Tâm hồn các anh vẫn phơi phới niềm lạc quan yêu đời, đầy ắp niềm vui và mộng mơ, quên đi bao nỗi nhọc nhằn, gian khổ. 3/ Câu thơ *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa* được sử dụng nghệ thuật đối lập. Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ : gợi vẻ đẹp hoang sơ, vững dữ đội, vừa thơ mộng của núi rừng, đồng thời thể hiện bút pháp "*thi trung hữu hoạ*" (trong thơ có hoạ) của Qung Dũng.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) - Vẻ đẹp của hình tượng người lính Tây Tiến : Hào hùng , hào hoa. - Cảm hứng lãng mạn và chất bi tráng của bài thơ.
- Chuẩn bị bài: Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

Tuần: 06
Tiết: 16

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học;

b/ Thông hiểu: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

c/Vận dụng thấp:Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

d/Vận dụng cao:Sử dụng đúng phong cách ngôn ngữ văn học, diễn đạt trôi chảy để tạo lập văn bản nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

b/ Thông thạo: các bước phân tích đề, lập dàn ý bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

1.3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: phân tích đề, lập dàn ý bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về một ý kiến bàn về văn học

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của việc thực hiện các thao tác nghị luận trong bài văn nghị luận văn học

-Có ý thức tìm tòi về kiểu bài nghị luận văn học .

2. Chuẩn bị

2.1/*Thầy*

-Giáo án ; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Những ngữ liệu để hướng dẫn học sinh làm bài

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2.2/*Trò*

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: Nêu vẻ đẹp hào hùng và hào hoa của người lính trong bài thơ Tây Tiến (Quang Dũng)

3.3. Tổ chức dạy và học bài mới:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng cách so sánh 2 đề bài sau 1. Đề bài: Cảm nhận của em về bài thơ Tây Tiến (Quang Dũng) 2. Có ý kiến cho rằng thành công của bài thơ Tây Tiến là thể hiện cảm hứng lãng mạng. Hãy bình luận. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: đề 1: chủ yếu cảm nhận nội dung và nghệ thuật bài thơ. Đề 2: chủ yếu bình luận cảm hứng	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

lãng mạn của bài thơ. Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Như vậy, cùng ngữ lia65u là bài thơ Tây Tiến nhưng yêu cầu của đề lại khác nhâu nên cách làm bài cũng khác nhau. Với đề 2, chúng ta sẽ tìm hiểu dạng bài nghị luận về 1 ý kiến bàn về văn học.	- Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Hoạt động 1: *Tìm hiểu đề 1*(10 phút)**.**		
<u>* Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề và lập dàn ý. - GV chia lớp thành **4 nhóm và tiến hành thảo luận các yêu cầu:** **+ Nhóm 1, 3 : Tìm hiểu đề 1, lập dàn ý** Đề 1: Nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai cho rằng: *"Nhìn chung văn học Việt Nam phong phú, đa dạng; nhưng nếu cần xác định một chủ lưu, một dòng chính, quán thông kim cổ, thì đó là văn học yêu nước"* Hãy trình bày suy nghĩ của anh (chị) đối với ý kiến trên **+ Nhóm 1, 3 : Tìm hiểu đề 1, lập dàn ý** *1. Tìm hiểu đề:* - Tìm hiểu nghĩa của các từ : + *Phong phú, đa dạng*: có nhiều tác phẩm với nhiều hình thức thể loại khác nhau + *Chủ lưu*: dòng chính (bộ phận chính), khác với phụ lưu, chi lưu + *Quán thông kim cổ*: thông suốt từ xưa đến nay. - Tìm hiểu ý nghĩa của câu: + Văn học VN rất đa dạng, phong phú + Văn học yêu nước là chủ lưu - Thao tác: Giải thích, bình luận, chứng minh... - Phạm vi tư liệu: Các tác phẩm tiêu biểu có nội dung yêu nước của VHVN qua các thời kỳ. *2. Lập dàn ý:* * Mở bài: Giới thiệu câu nói của Đặng Thai Mai * Thân bài: - Giải thích ý nghĩa của câu nói: + Văn học Việt Nam rất phong phú và đa dạng (Đa dạng về số lượng tác phẩm, đa dạng về thể loại, đa dạng về phong cách tác giả). + Văn học yêu nước là một chủ lưu, xuyên suốt. - Bình luận, chứng minh về ý nghĩa câu nói: + Đây là một ý kiến hoàn toàn đúng	I. Tìm hiểu đề - lập dàn ý: *1. Tìm hiểu đề 1:* - Tìm hiểu nghĩa của các từ : + *Phong phú, đa dạng*: + *Chủ lưu*: + *Quán thông kim cổ*: - Tìm hiểu ý nghĩa của câu: - Thao tác: Giải thích, bình luận, chứng minh... - Phạm vi tư liệu: *2. Lập dàn ý:* * Mở bài: * Thân bài: - Giải thích ý nghĩa của câu nói: - Bình luận, chứng minh về ý nghĩa câu nói: * Kết bài: Khẳng định giá trị của ý kiến trên.	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. Năng lực giao tiếng tiếng Việt

+ Văn học yêu nước là chủ lưu xuyên suốt lịch sử VH Việt Nam: Văn học trung đại ; Văn học cận – hiện đại. + Nguyên nhân: • Đời sống tư tưởng con người Việt Nam phong phú đa dạng • Do hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử VN thường xuyên phải chiến đấu chống ngoại xâm để bảo vệ đất nước. + Nêu và phân tích một số dẫn chứng: *Nam quốc sơn hà, Cáo bình Ngô, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Tuyên ngôn độc lập …* * Kết bài: Khẳng định giá trị của ý kiến trên. - Giúp đọc hiểu hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm văn học dân tộc. - Biết ơn, khắc sâu công lao của cha ông trong cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước. - Giữ gìn, yêu mến, học tập những tác phẩm văn học có nội dung yêu nước của mọi thời đại.		
Hoạt động 2: *Tìm hiểu đề 2*(10 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **+ Nhóm 2, 4 : Tìm hiểu đề 2, lập dàn ý** : Bàn về đọc sách, nhất là đọc các tác phẩm văn học lớn, người xưa nói: *"Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ, lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân, tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài."* Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? *** Nhóm 2,4** * Thể loại: Nghị luận (giải thích – bình luận) một ý kiến bàn về văn học. * b. Nội dung: - Tìm hiểu nghĩa của các hình ảnh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường. + *Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ*: chỉ hiểu trong phạm vi hẹp + *Lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân*: khi kinh nghiệm, vốn sống nhiều hơn theo thời gian thì tầm nhìn được mở rộng hơn khi đọc sách. + *Tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài*: Theo thời gian, con người càng giàu vốn sống, kinh nghiệm và vốn văn hóa thì khả năng am hiểu khi đọc sách sâu hơn, rộng hơn. - Tìm hiểu nghĩa của câu nói: Càng lớn tuổi, có vốn sống, vốn văn hoá và kinh nghiệm… càng nhiều thì đọc sách càng hiệu quả hơn.	*2. Tìm hiểu đề 2:* * Thể loại: * b. Nội dung: - Tìm hiểu nghĩa của các hình ảnh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường. + *Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ*: + *Lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân*: + *Tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài*: - Tìm hiểu nghĩa của câu nói: Càng lớn tuổi, có vốn sống, vốn văn hoá và kinh nghiệm… càng nhiều thì đọc sách càng hiệu quả hơn. * Phạm vi tư liệu: Thực tế cuộc sống. *2. Lập dàn ý:* * Mở bài: * Thân bài: - Giải thích hàm ý của	***Năng lực giao tiếp.*** ***Năng lực hợp tác.*** ***Năng lực sử dụng ngôn ngữ.*** -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận.

* Phạm vi tư liệu: Thực tế cuộc sống *2. Lập dàn ý:* * Mở bài: Giới thiệu ý kiến của Lâm Ngữ Đường. * Thân bài: - Giải thích hàm ý của ba hình ảnh so sánh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường. Khả năng tiếp nhận khi đọc sách (tác phẩm văn học) tùy thuộc vào điều kiện, trình độ, và năng lực chủ quan của người đọc. - Bình luận và chứng minh những khía cạnh đúng của vấn đề: + Đọc sách tùy thuộc vào vốn sống, vốn văn hóa, kinh nghiệm, tâm lý, của người đọc. - Bình luận và bổ sung những khía cạnh chưa đúng của vấn đề: + Không phải ai từng trải cũng hiểu sâu sắc tác phẩm khi đọc. Ngược lại, có những người trẻ tuổi nhưng vẫn hiểu sâu sắc tác phẩm (do tự nâng cao vốn sống, trình độ văn hóa, trình độ lý luận, ham học hỏi,….) + Ví dụ: Những bài luận đạt giải cao của các học sinh giỏi về tác phẩm văn học (tự học, ham đọc, sưu tầm sách, nâng cao kiến thức). * Kết bài: Tác dụng, giá trị của ý kiến trên đối với người đọc: - Muốn đọc sách tốt, tự trang bị sự hiểu biết về nhiều mặt - Đọc sách phải biết suy ngẫm, tra cứu. + Ví dụ: Đọc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du: • Tuổi thanh niên: Có thể xem là câu chuyện về số phận đau khổ của con người. • Lớn hơn: Hiểu sâu hơn về giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm, hiểu được ý nghĩa xã hội to lớn của Truyện Kiều *Người lớn tuổi: Cảm nhận thêm về ý nghĩa triết học của Truyện Kiều.	ba hình ảnh so sánh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường. - Bình luận và chứng minh những khía cạnh đúng của vấn đề: - Bình luận và bổ sung những khía cạnh chưa đúng của vấn đề: * Kết bài:	
Hoạt động 3: RÚT RA BÀI HỌC-LUYỆN TẬP (20 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về đối tượng nghị luận về một ý kiến bàn về văn học và cách làm kiểu bài này. *+Từ các đề bài và kết quả thảo luận trên, đối tượng của bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học là gì?* *+Theo em, đối với kiểu bài đó, cách làm như thế nào?* **** HS trả lời cá nhân*** 1. Đối tượng của một bài nghị luận về một ý	**II. Bài học:** 1. Đối tượng của một bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học rất đa dạng 2. Cách làm: Tùy từng đề để vận dụng thao tác một cách hợp lí nhưng thường tập trung vào: + Giải thích + Chứng minh	Năng lực giao tiếp tiếng Việt

kiến bàn về văn học rất đa dạng: về văn học lịch sử, về lí luận văn học, về tác phẩm văn học… 2. Cách làm: Tùy từng đề để vận dụng thao tác một cách hợp lí nhưng thường tập trung vào: + Giải thích + Chứng minh + Bình luận Hướng dẫn luyện tập *Đề bài: Trình bày những suy nghĩ của anh chị đối với ý kiến của nhà văn Thạch Lam: " Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo vàthay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người thêm trong sạch và phong phú hơn"* **** HS trả lời cá nhân*** *1. Tìm hiểu đề:* a. Thể loại: Nghị luận (Giải thích, bình luận, chứng minh) một ý kiến bàn về một vấn đề văn học. b.Nội dung: +Thạch Lam không tán thành quan điểm văn học thoát li thực tế: Thế giới dối trá và tàn ác +Khẳng định giá trị cải tạo xã hội và giá trị giáo dục của văn học c.Phạm vi tư liệu: -Tác phẩm Thạch Lam -Những tác phẩm văn học tiêu biểu khác. *2. Lập dàn ý:* a. Mở bài: - Giới thiệu tác giả Thạch Lam. - Trích dẫn ý kiến của Thạch Lam về chức năng của văn học. b.Thân bài: - Giải thích về ý nghĩa câu nói: Thạch Lam nêu lên chức năng to lớn và cao cả của văn học. - Bình luận và chứng minh ý kiến: + Đó là một quan điểm rất đúng đắn về giá trị văn học: • Trước CM Tháng Tám: quan điểm tiến bộ. • Ngày nay: vẫn còn nguyên giá trị. + Chọn và phân tích một số dẫn chứng (Truyện Kiều, Số đỏ, Chí Phèo, Hai đứa trẻ, Nhật ký trong tù...) để chứng minh 2 nội dung: • Tác dụng cải tạo xã hội của văn học. • Tác dụng giáo dục con người.của văn học c: Kết bài: - Khẳng định sự đúng đắn và tiến bộ trong quan điểm sáng tác của Thạch Lam. - Nêu tác dụng của ý kiến trên đối với người	+ Bình luận **III. Luyện tập: Bài tập 1/93:** *1. Tìm hiểu đề:* a. Thể loại: b.Nội dung: c.Phạm vi tư liệu: *2. Lập dàn ý:* a. Mở bài: - Giới thiệu tác giả Thạch Lam. - Trích dẫn ý kiến của Thạch Lam về chức năng của văn học. b.Thân bài: - Giải thích về ý nghĩa câu nói: - Bình luận và chứng minh ý kiến: c: Kết bài:	-Năng lực hợp tác, trao đổi

đọc: +Hiểu và thẩm định đúng giá trị của tác phẩm văn học. +Trân trọng, yêu quý và giữ gìn những tác phẩm văn học tiến bộ của từng thời kỳ. * Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.		

🕮 3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- GV giao nhiệm vụ: Cho đề văn: Có ý kiến cho rằng:"tâm hồn Nguyễn Trãi rất nhạy cảm,rất tinh tế. Ông nhìn ra cái đẹp ở những sự vật rất đỗi bình thường, từ đó làm nên những câu thơ hay, bất ngờ về cảnh vật quê hương" Anh chi hãy làm sáng tỏ ý kiến trên Sau đây là một số cách lập ý để triển khai đề bài trên. Anh chị thấy cách lập ý nào phù hợp nhất? a. **Dàn ý 1** 1.Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm, tinh tế, luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp của thế giới xung quanh. 2. Thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị, phát hiện ra cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường 3.Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương 4.Những vần thơ hay, lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương ấy càng cho ta hiểu sâu sắc hơn về đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi. b. **Dàn ý 2** 1.Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm,rất tinh tế… a.Luơn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp, nét thơ mộng của thế giới xung quanh b.Đặc biệt thi hứng của Nguyễn Trãi cịn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị, phát hiện ra cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường 2. Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương 3.Những vần thơ hay, lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương ấy càng cho ta hiểu sâu sắc hơn về đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi c. **Dàn ý 3** 1. Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm, rất tinh tế… a.Luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp, nét thơ mộng của thế giới xung quanh b. Đặc biệt thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị, phát hiện ra cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường 2. Những vần thơ hay, lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương ấy càng cho ta hiểu sâu sắc hơn về đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi 3.Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương d. **Dàn ý 4** 1. Thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị,	b. **Dàn ý 2**

phát hiện cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường 2.Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm, rất tinh tế, luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp, nét thơ mộng của thế giới xung quanh 3. Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương 4. Những vần thơ hay,lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	

🕮 4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- GV giao nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ: Bàn về lao động nghệ thuật của nhà văn, Mác-xen Pruxt cho rằng: *"Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới".* Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết về bài thơ "Tây Tiến" của Quang Dũng, hãy làm rõ quan niệm nghệ thuật của Mác-xen Pruxt. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	

	Nội dung
1	Giới thiệu được vấn đề nghị luận và bài thơ "Tây Tiến" của Quang Dũng.
2	**Giải thích ý kiến**
	- Giải thích từ ngữ + *"Cuộc thám hiểm thực sự"*: Quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ và đầy bản lĩnh của nhà văn để sáng tạo nên tác phẩm đích thực. + *"Vùng đất mới"*: Hiện thực đời sống chưa được khám phá (đề tài mới). + *"Đôi mắt mới"*: Cái nhìn, cách cảm thụ con người và đời sống mới mẻ. → Hàm ý câu nói: Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, điều cốt yếu là nhà văn phải có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo, giàu tính phát hiện về con người và đời sống. ***- Bàn luận*** + Để tạo nên tác phẩm nghệ thuật đích thực, nhà văn phải có tài năng, tâm huyết, có bản lĩnh và phải biết lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ giống như *"cuộc thám hiểm thực sự"*. Nếu dấn thân vào *"vùng đất mới"* mà nhà văn không có cách nhìn, cách cảm thụ đời sống mới mẻ thì cũng không thể tạo nên tác phẩm nghệ thuật có giá trị đích thực. + Dù viết về đề tài đã cũ nhưng bằng cái nhìn độc đáo, giàu tính khám phá, phát hiện, nhà văn vẫn thấu suốt bản chất đời sống, mang lại cho tác phẩm giá trị tư tưởng sâu sắc. + Nếu nhà văn có *"đôi mắt mới"*, biết nhìn nhận con người và đời sống giàu tính khám phá, phát hiện lại tiếp cận với một *"vùng đất mới"*, thì sức sáng tạo của nhà văn và giá trị của tác phẩm càng độc đáo, càng cao. Vì thế, coi trọng vai trò quyết định của *"đôi mắt mới"* nhưng cũng không nên phủ nhận ý nghĩa của *"vùng đất mới"* trong thực tiễn sáng tác. + Để có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo nhà văn phải bám sát vào hiện thực đời sống; trau dồi tài năng, bản lĩnh (sự tinh tế, sắc sảo...); bồi dưỡng tâm hồn (tấm lòng, tình cảm đẹp với con người và cuộc đời...); xác lập một tư tưởng, quan điểm đúng đắn, tiến bộ.
4.	**Phân tích, chứng minh**

	- Bài thơ "Tây Tiến" của Quang Dũng Khác với các thi sĩ cùng thời, khi viết về đề tài người lính (anh bộ đội Cụ Hồ) thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, Quang Dũng thể hiện một cách nhìn mới, một *"đôi mắt mới"*: + Nhà thơ không né tránh hiện thực mà nhìn thẳng vào cuộc chiến khốc liệt để làm nổi bật những hi sinh, mất mát. + Con đường Tây Tiến hiện ra vừa dữ dội, hùng vĩ vừa thơ mộng, mĩ lệ một thời. + Bức tượng đài người lính Tây Tiến (xuất thân từ tầng lớp trí thức Hà Nội) hào hoa, lãng mạn, đậm tinh thần bi tráng. ***- Đánh giá khái quát*** Nếu có *"đôi mắt mới",* cách nhìn mới thì cho dù có viết về *"vùng đất cũ"* nhà văn vẫn tạo ra được những áng thơ, thiên truyện độc đáo, có giá trị, có phẩm chất và cốt cách văn học, có sức lay động lòng người, có khả năng sống mãi với thời gian.
5.	**Kết luận vấn đề**

🕮5.TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: 1. Tìm đọc những bài phê bình của các nhà phê bình văn học về Tuyên ngôn Độc lập, bài thơ Tây Tiến để ghi lại các ý kiến mang tầm khái quát. 2. Từ đó, tự phân tích đề, lập dàn ý bình luận ý kiến bàn về văn học. -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	-ghi lại các ý kiến mang tầm khái quát -phân tích đề, lập dàn ý bình luận ý kiến bàn về văn học.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

Hoạt động 4: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) - Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận về ý kiến bàn về văn học
- Chuẩn bị bài: Việt Bắc (Phần I: Tác giả)

Tuần: 06
Tiết: 17

VIỆT BẮC
(Phần I: Tác giả)

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp, văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản của phong cách nghệ thuật Tố Hữu.

b/ Thông hiểu:Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

c/Vận dụng thấp: Chỉ ra các biểu hiện của quan điểm sáng tác, phong cách nghệ thuật của Tố Hữu trong các tác phẩm đã học và sẽ học

d/Vận dụng cao: Viết bài cảm nhận riêng (như chân dung văn học) về tác giả

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về ý kiến bàn về phong cách thơ Tố Hữu;

b/ Thông thạo: đọc hiểu, thuyết minh về một tác gia văn học

1.3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản về tác giả văn học

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác gia, tác phẩm văn học

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần lạc quan, yêu đời , say mê lí tưởng, có ước mơ, khát vọng cao đẹp của tuổi trẻ;

2. Chuẩn bị

2.1/*Thầy*

-Giáo án ; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Chân dung nhà thơ Tố Hữu, hình ảnh về Huế, bài hát Từ ấy, Mẹ Suốt…

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2.2/*Trò*

- Đọc trước văn bản tác phẩm để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

3.. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: - Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: Trình bày cấu trúc dàn ý nghị luận về ý kiến bàn về văn học.

3.3. Tổ chức dạy và học bài mới:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về Tố Hữu bằng cách cho học sinh tìm hiểu: 1/Ai là tác giả bài thơ Từ ấy? a/ Chế Lan Viênb/ Xuân Diệuc/ Tố Hữud/ Hồ Chí Minh. 2/ Điền khuyết đoạn thơ sau trong bài Lượm của Tố Hữu: *Chú bé.....* *.....xinh xinh* *Cái chân.....* *.....nghênh nghênh* - HS thực hiện nhiệm vụ:	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **Gợi ý trả lời: 1c;2: loắt choắt- cái xắc- thoăn thoắt- cái đầu** Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* So với các nhà thơ trước 1945 (Huy Cân, Hàn Mặc Tử…), Tố Hữu đã sớm bắt gặp lí tưởng của Đảng. Để rồi *Từ ấy* cho đến khi tạ thế ở tuổi 82, ông trở thành lá cờ đầu của thơ ca cách mạng VN hiện đại. Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp thơ ca của ông.	thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Hoạt động: TÌM HIỂU CHUNG (10 phút)**.**		
*** Thao tác 1 :** **Hướng dẫn HS tìm hiểu về tiểu sử tác giả.** GV cho HS đọc lướt để có ấn tượng chung, ghi nhớ những ý chính *Cuộc đời của Tố Hữu có thể chia làm mấy giai đoạn?* HS Tái hiện kiến thức và trình bày. - Ba giai đoạn: - Thời thơ ấu: Tố Hữu sinh ra trong một gia đình Nho học ở Huế - mảnh đất thơ mộng, trữ tình còn lưu giữ nhiều nét văn hoá dân gian. - Thời thanh niên: Tố Hữu sớm giác ngộ cách mạng và hăng say hoạt động, kiên cường đấu tranh trong các nhà tù thực dân - Thời kỳ sau CM tháng Tám: Tố Hữu đảm nhiệm những cương vị trọng yếu trên mặt trận văn hoá văn nghệ, trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và nhà nước. **Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu Đường cách mạng, đường thơ của Tố Hữu.** GV cần nhấn mạnh bảy chặng đường đời của TH gắn liền với bảy chặng đường cách mạng và bảy tập thơ của TH (nhất là 5 tập thơ đầu) GV chia lớp thành 4 nhóm, hướng dẫn HS thảo luận: Về nội dung chính của 5 tập thơ đầu. -Nhóm 1: Tập ***Từ ấy*** **1. <u>Từ ấy:</u>** (1937- 1946) - Niềm hân hoan của tâm hồn trẻ đang gặp ánh sáng lý tưởng cách mạng, tìm thấy lẽ sống và quyết tâm đi theo ngọn cờ của Đảng. **- Gồm có 3 phần:** *Máu lửa*, *Xiềng xích*, *Giải phóng*. Nhóm 2: Tập ***Việt Bắc*** **2. <u>Việt Bắc:</u>** (1946- 1954)	**I. <u>Vài nét về tiểu sử:</u>** - Thời thơ ấu: - Thời thanh niên: - Thời kỳ sau CM tháng Tám: **II. <u>Đường cách mạng, đường thơ:</u>** **1. <u>Từ ấy:</u>** (1937- 1946) **2. <u>Việt Bắc:</u>** (1946- 1954)	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. Năng lực giao tiếp tiếng Việt

- Tiếng hùng ca thiết tha về cuộc kháng chiến chống Pháp và con người kháng chiến. - Thể hiện những tình cảm lớn. Nhóm 3: Tập ***Gió lộng*** **3. <u>Gió lộng</u>**: (1955- 1961) - Hướng về quá khứ để ghi sâu ân tình cách mạng- ngợi ca cuộc sống mới trên miền Bắc. - Tình cảm thiết tha, sâu đậm với miền Nam ruột thịt. -Nhóm 4: Tập **<u>Ra trận</u>**, **<u>Máu và hoa</u>** **4. <u>Ra trận</u>** (1962- 1971), **<u>Máu và hoa</u>** (1972- 1977): - Bản hùng ca về "Miền Nam trong lửa đạn sáng ngời". - Ghi lại chặng đường cách mạng đầy gian khổ, hi sinh, khẳng định niềm tin, niềm tự hào phơi phới khi "toàn thắng về ta". ***5.*<u>Một tiếng đờn</u>** (1992), **<u>Ta với ta</u>** (1999): **-** Những suy tư, chiêm nghiệm mang tính phổ quát về con người, cuộc đời. - Niềm tin vào lí tưởng và con đường cách mạng, tin vào chữ nhân luôn tỏa sáng trong mỗi tâm hồn con người.	**3. <u>Gió lộng</u>**: (1955- 1961) **4. <u>Ra trận</u>** (1962- 1971), **<u>Máu và hoa</u>** (1972- 1977): ***5.*<u>Một tiếng đờn</u>** (1992), **<u>Ta với ta</u>** (1999):	
Hoạt động 2: **Phong cách thơ Tố Hữu** (30 PHÚT)		
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu phong cách thơ Tố Hữu. - Phong cách thơ TH thể hiện ở những mặt nào? - Tại sao nói thơ Tố Hữu mang phong cách ***trữ tình chính trị?*** HS trả lời ở 2 mặt về nội dung và nghệ thuật HS trả lời Dự kiến HS trả lời về thể thơ, về ngôn ngữ. HS trả lời Sau khi HS trả lời GV giải thích ***trữ tình chính trị*** thể hiện ở những điểm nào. - Em chứng minh thơ Tố Hữu mang phong cách dân tộc đậm đà?	**II. <u>Phong cách thơ Tố Hữu:</u>** **1.<u>Về nội dung</u>**: Thơ Tố Hữu mang phong cách trữ tình chính trị sâu sắc. -Trong việc biểu hiện tâm hồn, thơ Tố Hữu luôn hướng tới cái ***ta*** chung - Trong việc miêu tả đời sống, thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi. - Những điều đó được thể hiện qua giọng thơ mang tính chất tâm tình, tự nhiên, đằm thắm, chân thành **2. <u>Về nghệ thuật</u>**: Thơ Tố Hữu mang phong cách dân tộc đậm đà. - Về thể thơ: + Vận dụng thành công thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc + Thể thất ngôn trang trọng mà tự nhiên -Về ngôn ngữ: Dùng từ ngữ và cách nói dân gian, phát	Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tư duy ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

- Thao tác 2: **Hướng dẫn HS kết luận** - Cảm nhận chung của em về nhà thơ Tố Hữu? - Định hướng và lưu ý HS phần ghi nhớ SGK HS tìm hiểu phong cách thơ Tố Hữu dưới sự hướng dẫn của GV.	huy tính nhạc phong phú của tiếng Việt. **IV. <u>Kết luận:</u>** Thơ Tố Hữu là bằng chứng sinh động về sự kết hợp hài hoà hai yếu tố cách mạng và dân tộc trong sáng tạo nghệ thuật, sáng tạo thi ca.	

🕮 3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: <u>Câu hỏi 1:</u> Thông tin nào sau nay về <u>Tố Hữu</u> là chưa chính xác? a. Trong giai đoạn 1930- 1935 ông từng là thành viên của phong trào Thơ mới b. Năm 1938 ông trở thành đảng viên của Đảng cộng sản và năm 1939 bị bắt giam ở nhiều nhà tù ở miền Trung. c. Nhiều năm liền ông phụ trách công tác văn hóa văn nghệ của Đảng và từng là Ủy viên Bộ chính trị Đảng cộng sản Việt Nam. d. Ông qua đời năm 2002. <u>Câu hỏi 2:</u> "Máu lửa", "Xiềng xích", "Giải phóng" là: a. .Tên ba bài thơ của Tố Hữu. b. Tên ba phần trong tập thơ Máu và hoa. c. Tên ba phần trong tập thơ Ra trận. d. Tên ba phần trong tập thơ Từ ấy <u>Câu hỏi 3:</u> Bài thơ nào sau đây của Tố Hữu không nằm trong tập thơ Việt Bắc? a. Cá nước. b. Mẹ Tơm. c. Lên Tây Bắc d. Lượm <u>Câu hỏi 4:</u> Nội dung chính của tập thơ Việt Bắc là: a. Bản hùng ca của cuộc kháng chiến chống Pháp. b. Kết tinh những tình cảm lớn của con người Việt Nam kháng chiến. c. Ngợi ca công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc d. Cả A và B. <u>Câu 5:</u> Cảm xúc nổi bật nhất của tập thơ "Gió lộng" của Tố Hữu là: a. Tiếng hát say mê lí tưởng cách mạng, sự xả thân vì lí tưởng của người chiến sĩ cộng sản. b.Ca ngợi hình ảnh nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp. c.Niềm vui, tự hào, tin tưởng ở công cuộc xây dựng cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và tình cảm với miền Nam, ý chí thống nhất Tổ quốc. d.Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng.	ĐÁP ÁN [1]='a' [2]='d' [3]='b' [4]='d' [5]='c'

🕮 4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt

GV giao nhiệm vụ: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi: *Tố Hữu là nhà thơ có vị trí rất quan trọng trong nền văn học cách mạng Việt Nam. Trong thơ Tố Hữu, cái Tôi trữ tình, trẻ trung, sôi nổi và đầy nhiệt huyết là cái Tôi gắn với cách mạng, cái Tôi mang trong mình lí tưởng cộng sản. Với tập thơ Từ ấy, Tố Hữu đã bắc chiếc cầu nối giữa hình thức thơ mới với thơ ca yêu nước và cách mạng. Giữa lúc các nhà thơ mới còn băn khoăn, còn đắm mình trong nỗi buồn đau, cô đơn tuyệt vọng, thì Tố Hữu với* Từ ấy *đã cất lên khúc hát ngợi ca lí tưởng cách mạng và tự tin khẳng định sự đúng đắn của con đường mình đã chọn.* Từ ấy *thể hiện tâm trạng háo hức, tràn đầy niềm tin và hi vọng của người cộng sản trẻ tuổi.* *Đặt bài thơ vào hoàn cảnh xã hội, chính trị, văn hoá thời điểm nó ra đời mới hiểu và lí giải được những cung bậc cảm xúc mãnh liệt của nhân vật trữ tình. Bài thơ ra đời vào thời kì cách mạng Dân tộc dân chủ 1936- 1939. Năm 1930, Đảng Cộng sản ra đời, lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Tố Hữu thuộc lớp thanh niên sớm được giác ngộ cách mạng. Và người thanh niên với trái tim tuổi hai mươi đang căng đầy sự sống đã đến với cách mạng bằng niềm phấn khích của người vừa tìm thấy con đường lí tưởng của đời mình. Nhân vật trữ tình của bài thơ là người cộng sản trẻ tuổi với quan niệm cao đẹp về lí tưởng sống, lí tưởng cộng sản. (Trích* Đọc hiểu văn bản Ngữ văn 11- *Nguyễn Trọng Hoàn)* 1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên ? 2/ Xác định biện pháp tu từ về từ trong câu văn *Với tập thơ Từ ấy, Tố Hữu đã bắc chiếc cầu nối giữa hình thức thơ mới với thơ ca yêu nước và cách mạng.* Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó là gì? 3/ Văn bản trên nhiều lần nhắc đến *nhân vật trữ tình. Nhân vật trữ tình* là gì ? 4/ Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ *về lí tưởng sống* của tuổi trẻ trong cuộc sống.	1/ Nội dung chính của văn bản : Vị trí của nhà thơ Tố Hữu trong thơ ca yêu nước và cách mạng, đồng thời lí giải sự tác động của lịch sử, văn hoá, xã hội đã làm nên hồn thơ Tố Hữu trong tập thơ *Từ ấy.* 2/Biện pháp tu từ về từ trong câu văn: ẩn dụ (*bắc chiếc cầu nối* gợi sự gắn kết) Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó: Tạo hình ảnh cụ thể để khẳng định đóng góp của Tố Hữu qua tập thơ Từ ấy, nhất là đóng góp về hình thức nghệ thuật. 3/*Nhân vật trữ tình* là hình tượng người trực tiếp thổ lộ suy nghĩ, cảm xúc, tâm trạng trong tác phẩm. Nhân vật trữ tình không có diện mạo, hành động, lời nói, quan hệ cụ thể như nhân vật tự sự và kịch. Nhưng nhân vật trữ tình cụ thể trong giọng điệu, cảm xúc, trong cách cảm cách nghĩ. Qua những trang thơ, ta như gặp tâm hồn người, tấm lòng người. 4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu : -Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ; -Nội dung : từ *quan niệm cao đẹp về lí tưởng sống* của nhà thơ Tố hữu, thí sinh liên hệ đến lí tưởng sống của tuổi trẻ: Lí tưởng sống là mục đích tốt đẹp mà mỗi con người muốn hường tới và mong mỏi đạt được. Người có lí tưởng sống cao đẹp sẽ luôn suy nghĩ và hành động đúng để hoàn thiện mình hơn, đóng góp công sức bản thân, đem lại hạnh phúc cho mình, gia đình, xã hội, đất nước. Phê phán những người không có lí tưởng sống. Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

Nhắc lại các chặng đường thơ và phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.
- Chuẩn bị bài: Luật thơ

Tuần: 06
Tiết: 18

LUẬT THƠ

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nắm được một số kiến thức ban đầu về luật thơ như: quy tắc về câu, tiếng, vần, nhịp, thanh... của một số thể thơ truyền thống (lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn luật Đường)

b/ Thông hiểu:Hiểu các nhân tố chi phối luật thơ tiếng Việt và luật thơ của một số thể thơ tiêu biểu đã học.

c/Vận dụng thấp:Biết vận dụng hiểu biết về thi luật vào việc đọc - hiểu văn bản thơ.

d/Vận dụng cao:Phân tích được thi luật của một số bài thơ đã học (về vần, nhịp, thanh điệu).

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài xác định luật thơ trong bất cứ bài thơ nào.

b/ Thông thạo: các bước tìm hiểu luật thơ

1.3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc diễn cảm thơ theo luật thơ.

b/ Hình thành tính cách: tự tin, sáng tạo khi lĩnh hội và tạo lập văn bản thơ

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần dân tộc. giữ gi2m sự trong sáng của tiếng Việt khi tìm hiểu luật thơ.

2. Chuẩn bị

2.1/*Thầy*

-Giáo án ; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Toàn bộ văn bản thơ đã học

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2.2/*Trò*

-Đọc trước các ngữ liệu trong SGK

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập , mô hình thơ Đường luật

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: - Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: *Tại sao nói thơ Tố Hữu mang phong cách* ***trữ tình chính trị?***

3.3. Tổ chức dạy và học bài mới:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng câu hỏi sau: Qua các bài học về thơ từ trước đến nay, anh/chị hãy cho biết một số thể thơ truyền thống của dân tộc, một số thể thơ Đường luật và một số thể thơ hiện đại? Mỗi thể thơ cho 1 ví dụ. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **a.** Thơ dân tộc: Lục bát, song thất lục bát, hát nói (Ví dụ:…) b. Đường luật: Ngũ ngôn, thất ngôn (Ví dụ:…) c. Hiện đại: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ -	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng

văn xuôi,…(Ví dụ:…) Từ đó, giáo viên giới thiệu vào bài: Ở chương trình Ngữ Văn THCS và THPT, các em đã từng học nhiều văn bản thơ. Như vậy, cơ sở nào để xác định thể thơ? Việc xác định đó có tác dụng gì trong quá trình làm bài nghị luận về một bài thơ? Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về Luật thơ để làm sáng tỏ điều đó.	thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Hoạt động 1: TÌM HIỂU về luật thơ (10 phút)**.**		
<u>* Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn học sinh tìm hiểu một số nét khái quát về luật thơ Cho học sinh dựa vào SGK nêu khái niệm luật thơ. **- Nêu ngắn gọn lí thuyết dựa theo SGK** - *Nêu các thể thơ được sử dụng trong văn chương Việt Nam?* - *Luật thơ hình thành trên cơ sở nào?* - *Yếu tố nào đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành luật thơ?* - *Vì sao "tiếng" có vai trò quan trọng trong sự hình thành luật thơ*? **- HS đọc SGK** -HS Tái hiện kiến thức và trình bày. Luật thơ là toàn bộ những qui tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp…trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định **-Hs quan sát đoạn thơ của Thâm Tâm, nhận xét: Thanh điệu, vần, ngắt nhịp...** **HS theo dõi và ghi vở nội dung** *Sự hình thành luật thơ:* Dựa trên các đặc trưng ngữ âm của tiếng Việt: * Tiếng là đơn vị có vai trò quan trọng: - Số tiếng trong câu tạo nên thể thơ - Vần của tiếng → hiệp vần (mỗi thể thơ có vị trí hiệp vần khác nhau). - Thanh của tiếng → hài thanh - Tiếng là cơ sở để ngắt nhịp (mỗi thể thơ có cách ngắt nhịp khác nhau). => Số tiếng, vần, thanh của tiếng và ngắt nhịp là cơ sở để hình thành luật thơ * Số dòng trong bài thơ, quan hệ của các	I. Khái quát về luật thơ *1. Khái niệm:* Luật thơ là toàn bộ những qui tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp…trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định *2. Các thể thơ:* a. Thơ dân tộc: Lục bát, song thất lục bát, hát nói b. Đường luật: Ngũ ngôn, thất ngôn c. Hiện đại: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi,… *3. Sự hình thành luật thơ:* Dựa trên các đặc trưng ngữ âm của tiếng Việt: * Tiếng là đơn vị có vai trò quan trọng: - Số tiếng : - Vần của tiếng : - Thanh của tiếng : - Tiếng là cơ sở để ngắt nhịp (mỗi thể thơ có cách ngắt nhịp khác nhau). * Số dòng trong bài thơ, quan hệ của các dòng thơ về kết cấu, về ý nghĩa cũng là yếu tố hình thành luật thơ	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. -Năng lực hợp tác, trao đổi. Năng lực giao tiếp tiếng Việt

dòng thơ về kết cấu, về ý nghĩa cũng là yếu tố hình thành luật thơ		
Hoạt động 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (30 PHÚT)		
*** Thao tác 1 :** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu luật thơ của một số thể thơ truyền thống. *" Trăm năm/ trong cõi/ người ta* *Chữ tài/ chữ mệnh/ khéo là /ghét nhau* *Trải qua/ một cuộc /bể dâu* *Những điều/ trông thấy/ mà đau/ đớn lòng"* - Gọi hs đọc, nhận xét cách đọc, cho hs nhận xét về số tiếng trong câu, hiệp vần, nhịp, hài thanh Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1:** *Thể lục bát:* **Nhóm 2:** *Thể song thất lục bát:* Cho hs rút ra luật thơ của thể song thất lục bát qua 4 dòng thơ sau: *" Ngòi đầu cầu/ nước trong như lọc,* *Đường bên cầu/ cỏ mọc còn non.* *Đưa chàng/ lòng dặc/ dặc buồn,* *Bộ khôn/ bằng ngựa, thủy khôn/ bằng thuyền"* **Nhóm 3:** *Các thể ngũ ngôn Đường luật* Cho học sinh tự rút ra luật thơ của thể thơ ngũ ngôn bát cú qua bài thơ sau: *MẶT TRĂNG* *Vằng vặc/ bóng thuyền quyên* *Mây quang/ gió bốn bên* *Nề cho/ trời đất trắng* *Quét sạch/ núi sông đen* *Có khuyết/ nhưng tròn mãi* *Tuy già/ vẫn trẻ lên* *Mảnh gương/ chung thế giới* *Soi rõ:/ mặt hay, hèn* Cho hs tự rút ra luật thơ của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt qua bài thơ sau: *ÔNG PHỖNG ĐÁ* *Ông đứng làm chi/ đó hỡi ông?* *Trơ trơ như đá/, vững như đồng* *Đêm ngày gìn giữ/ cho ai đó?* *Non nước đầy vơi/ có biết không?* **Nhóm 4:** *Các thể thất ngôn Đường luật:* + GV: Cho hs tự rút ra luật thơ của thể thất ngôn bát cú qua bài thơ sau: *QUA ĐÈO NGANG* *Bước tới Đèo Ngang/ bóng xế tà* *Cỏ cây chen đá/, lá chen hoa* *Lom khom dưới núi/, tiều vài chú,*	**II. Luật thơ của một số thể thơ truyền thống** *1. Thể lục bát:* - Số tiếng: - Vần: - Nhịp: - Hài thanh: *2. Thể song thất lục bát:* - Số tiếng: - Vần: - Nhịp: - Hài thanh: *3. Các thể ngũ ngôn Đường luật* a. Ngũ ngôn tứ tuyệt: b. Ngũ ngôn bát cú: - Số tiếng: - Vần: - Nhịp: 2/3 - Hài thanh: *4. Các thể thất ngôn Đường luật:* a. Thất ngôn tứ tuyệt: - Số tiếng: - Vần: - Nhịp:	Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tư duy -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

Lác đác bên sông/, chợ mấy nhà. *Nhớ nước đau lòng/, con quốc quốc,* *Thương nhà mỏi miệng/ cái gia gia.* *Dừng chân đứng lại/, trời, non, nước,* *Một mảnh tình riêng/, ta với ta* *TIẾNG THU* *Em không nghe mùa thu* *Dưới trăng mờ thổn thức?* *Em không nghe rạo rực* *Hình ảnh kẻ chinh phu* *Trong lòng người cô phụ?* *Em không nghe rừng thu* *Lá thu rơi xào xạc,* *Con nai vàng ngơ ngác,* *Đạp trên lá vàng khô?* - Yêu cầu cho biết nguồn gốc của thơ mới Cho hs xác định thể thơ, số dòng, gieo vần từ đó rút ra mối quan hệ giữa thơ truyền thống và thơ hiện đại *** Nhóm 1** *Thể lục bát:* - Số tiếng: Câu 6 - câu 8 liên tục - Vần: + Tiếng thứ 6 hai dòng + Tiếng thứ 8 dòng bát với tiếng thứ 6 dòng lục - Nhịp: Chẵn, dựa vào tiếng có thanh không đổi (2, 4, 6 → 2/2/2) - Hài thanh: + Tiếng 2 (B), tiếng 4 (T), tiếng 6 (B). + Đối lập âm vực trầm bổng ở tiếng 6, 8 dòng bát *** Nhóm 2** *Thể song thất lục bát:* - Số tiếng: 2 dòng 7, dòng 6 - dòng 8 liên tục - Vần: + Cặp song thất: tiếng 7 - tiếng 5 hiệp vần vần T + Cặp lục bát hiệp vần B, liền - Nhịp: 2 câu thất 3/4 ; lục bát 2/2/2 - Hài thanh: song thất: tiếng 3 linh hoạt B/T *** Nhóm 3** *Các thể ngũ ngôn Đường luật* a. Ngũ ngôn tứ tuyệt: b. Ngũ ngôn bát cú:- Số tiếng: 5, số dòng: 8 - Vần: độc vận, vần cách - Nhịp: 2/3 - Hài thanh: Có sự luân phiên B-T hoặc niêm B - B, T - T ở tiếng thứ 2,4 *** Nhóm 4**	- Hài thanh: b. Thất ngôn bát cú: - Số tiếng: - Vần: - Nhịp: - Hài thanh:	

a. Thất ngôn tứ tuyệt: - Số tiếng: 7, số dòng: 4 - Vần: vần chân, độc vận, vần cách - Nhịp: 4/3 - Hài thanh: theo mô hình trong sgk. b. Thất ngôn bát cú:- Số tiếng: 7, số dòng: 8 (4 phần: đề, thực, luận, kết). - Vần: vần chân, độc vận ở các câu 1, 2, 4, 6, 8 - Nhịp: 4/3 - Hài thanh: theo mô hình trong sgk. *5. Các thể thơ hiện đại:* - Ảnh hưởng của thơ Pháp - Vừa tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống vừa có sự cách tân **** HS trả lời cá nhân*** *Các thể thơ hiện đại:* - Ảnh hưởng của thơ Pháp - Vừa tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống vừa có sự cách tân	*5. Các thể thơ hiện đại:* - Ảnh hưởng của thơ Pháp - Vừa tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống vừa có sự cách tân	
Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (35 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn hs luyện tập - GV: Yêu cầu hs chia thành 4 nhóm - GV: Nhận xét, bổ sung, cho hs rút ra sự khác nhau về gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh của 2 câu thơ 7 tiếng trong thể song thất lục bát với thể **Nhóm 1, 2:** a. Hai câu song thất: - Gieo vần: "*Nguyệt, mịt*": Tiếng thứ 7 và tiếng thứ 5→ vần lưng - Ngắt nhịp: 3/4 - Hài thanh: Tiếng thứ 3: " *thành, Tuyền*": đều là tiếng B **Nhóm 3, 4.** Thể thất ngôn Đường luật: - Gieo vần: *"xa, hoa, nhà":* Tiếng cuối câu 1, 2, 4 → vần chân, vần cách (hoa – nhà). - Ngắt nhịp: 4/3 - Hài thanh: Tiếng thứ 2, 4, 6 tuân thủ đúng luật hài thanh của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt: + Tiếng thứ 2 các dòng: suối, lồng, khuya, ngủ T B B T + Tiếng thứ 4 các dòng: như, thụ, vẽ, lo B T T B + Tiếng thứ 6 các dòng: hát, lồng, chưa, nước	**III. Luyện tập** Phân biệt cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh: a. Hai câu song thất: b. Thể thất ngôn Đường luật: - Gieo vần: - Ngắt nhịp: - Hài thanh:	Năng lực hợp tác.

T B B T **Thao tác 3:** **Hướng dẫn HS tổng kết bài học** * Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.		

🕮 3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: **<u>Câu hỏi 1:</u>** Luật thơ không được biểu hiện ở quy tắc nào sau đây ? a. Quy tắc gieo vần b. Quy tắc ngắt nhịp c. Quy tắc tu từ d. Quy tắc hài thanh. **<u>Câu hỏi 2:</u>** Các thể thơ Việt Nam được phân chia thành mấy loại lớn? a. Hai loại. b. Ba loại c. Bốn loại d. Năm loại **<u>Câu hỏi 3:</u>** Thể thơ nào sau đây **không** phải là thể thơ dân tộc truyền thống? a. Thể thơ văn xuôi b. Thể lục bát c.Thể song thất lục bát d. Thể hát nói **<u>Câu hỏi 4:</u>** Thể thơ nào sau đây thể hiện sự Việt hoá thể thơ luật Đường? a. Thể thất ngôn xen lục ngôn b. Thể ngũa ngôn bát cú c. Thể thất ngôn tứ tuyệt d. Thể ngũ ngôn tứ tuyệt **<u>Câu hỏi 5:</u>** Thể thơ nào sau đây được coi là thể thơ hoàn toàn mới ở Việt Nam ? a. Thể thơ hai tiếng b. Thể thơ bốn tiếng c. Thể thơ tám tiếng d. Thể thơ tự do và thơ văn xuôi - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	c. Quy tắc tu từ b. Ba loại a. Thể thơ văn xuôi a. Thể thất ngôn xen lục ngôn d. Thể thơ tự do và thơ văn xuôi

🕮 4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Phân tích Luật thơ đoạn thơ thứ ba "Tây tiến đoàn binh…khúc độc hành" trong bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**Biết vận dụng luật thơ để phân tích**

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)
- Khái niệm luật thơ . - Luật thơ của một số thể thơ truyền thống - Tìm và phân loại các bài thơ học trong chương trình ngữ văn 12 theo các thể thơ.
- Chuẩn bị bài: TRẢ BÀI VIẾT SỐ 2

Tuần: 07,08
Tiết: 19->22

ĐỌC VĂN VIỆT BẮC (trích)
(Tố Hữu)

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nêu thông tin về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, Kết cấu và sắc thái tâm trạng của bài thơ; sáng tác

b/ Thông hiểu:Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ;

c/Vận dụng thấp: Phân tích được nội dung nghệ thuật của bài thơ

d/Vận dụng cao: So sánh nét tương đồng và dị biệt giữa các đoạn thơ cùng chủ đề trong thơ kháng chiến chống Pháp.

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ Việt Bắc.

b/ Thông thạo: đọc diễn cảm , cảm nhận một tác phẩm trữ tình

1.3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản trữ tình

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác gia, tác phẩm văn học

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần lạc quan , niềm tin vào ngày mai, tình yêu thiên nhiên, tấm lòng thuỷ chung cách mạng.

2. Chuẩn bị

2.1/*Thầy*

-Giáo án -Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Chân dung nhà thơ Tố Hữu, Hình ảnh về Việt Bắc,

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2.2/*Trò*

- Đọc trước văn bản các tác phẩm để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: - Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: Trình bàynhững nét chính về phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu?

3.3. Tổ chức dạy và học bài mới:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tác phẩm Việt bắc bằng cách cho HS: 1.Xem hình ảnh về Việt Bắc (cây đa Tân Trào, mái đình Hồng Thái , chiến dịch Điện Biên Phủ…) 2. Nghe một đoạn bài hát đối giao duyên trong dân ca tình yêu Yêu cầu HS đoán hình biết nội dung, nghe nhạc biết hình thức đối đáp trong dân ca tình yêu. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Nếu ở lớp 11 các em	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng

đã được học bài thơ Từ ấy thì hôm nay các em sẽ được tìm hiểu một bài thơ thứ hai của Tố Hữu trong chương trình, bài thơ được xem là đỉnh cao trong thơ ca chống Pháp 1954. Đó là bài Việt Bắc.	thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Hoạt động: TÌM HIỂU CHUNG (10 phút)**.**		
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm** *** Tiết 1** **HĐ 1**: **Hướng dẫn HS tìm hiểu phần chung về tác phẩm.** - Em cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu? Theo em hoàn cảnh ra đơi đã chi phối đến sắc thái tâm trạng âm hưởng giọng điệu trong bài thơ như thế nào? - Vị trí đoạn trích? - Gọi HS đọc diễn cảm bài thơ, dựa theo kết cấu đối đáp, tìm bố cục? - Diễn giảng thêm về hiệu quả của lối kết cấu đối đáp (Hô ứng đồng vọng, mở ra một vùng kỉ niệm đầy ắp về VB). HS dựa vào SGK nêu hoàn cảnh ra đời, căn cứ vào mạch cảm xúc lối kết cấu, nhận xét 1-2 HS đọc diễn cảm bài thơ, xác định bố cục	**Phần hai: Tác Phẩm (2 tiết)** **<u>I.Tìm hiểu chung:</u>** 1. <u>Hoàn cảnh sáng tác</u>: (SGK) => Chính hoàn cảnh sáng tác đã chi phối tạo nên một sắc thái tâm trạng đặc biệt đầy xúc động, bâng khuâng da diết trong bài thơ. Cách chọn kết cấu theo lối đối đáp cũng là để thể hiện sắc thái đó. 2.<u>Vị trí</u>: Thuộc phần I (Bài thơ gồm 2 phần: - Phần 1: Tái hiện những kỉ niệm cách mạng và kháng chiến. - Phần 2: Gợi viễn cảnh tươi sáng của đất nước và ca ngợi công ơn của đảng Bác Hồ đối với dân tộc. 3<u>. Bố cục đoạn trích</u> : 2 phần + Lời nhắn gửi của người ở lại + Lời đáp của người ra đi – ân tình sâu nặng với Việt Bắc. **4.** Sắc thái tâm trạng: - Hoàn cảnh sáng tác tạo nên một sắc thái tâm trạng đặc biệt: *"Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay"*→ đầy xúc động, bâng khuâng không nói nên lời. - Đây cũng là cuộc chia tay của những người từng gắn bó: *"Mười lăm năm ấy, thiết tha mặn nồng"*→ có biết bao kỷ niệm ân tình thuỷ chung. - Chuyện ân tình cách mạng được Tố Hữu thể hiện khéo léo như tâm trạng của tình yêu	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. -Năng lực hợp tác, trao đổi, Năng lực giao tiếp tiếng Việt

	đôi lứa. **5. Kết cấu :** - Diễn biến tâm trạng được tổ chức theo lối đối đáp giao duyên trong ca dao - dân ca: bên hỏi, bên đáp, người bày tỏ, người hô ứng. - Hỏi và đáp điều mở ra bao nhiêu kỷ niệm về cách mạng và kháng chiến gian khổ mà anh hùng, bao nỗi niềm nhớ thương. - Thực ra, bên ngoài là đối đáp, còn bên trong là lời độc thoại, là biểu hiện tâm tư tình cảm của chính nhà thơ, của những người tham gia kháng chiến.	
Hoạt động 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN : **20 câu đầu** (35 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản** **Thao tác 1:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **?** *Hãy tìm những chi tiết gợi nhớ một thời gian khổ? Ptích.* ***?*** *Theo em chọn chi tiết nào để gợi nhớ đến tình đồng bào?* ***?*** *Nghệ thuật của câu thơ bên ?* * 1 HS đọc, cả lớp theo dõi. * **Nhóm 1+2** **<u>4 câu đầu:</u>** Lời của nhân dân VBắc: - Mình- ta: hai đại từ, hai cách xưng hô quen thuộc của ca dao như một khúc giao duyên đằm thắm → tạo không khí trữ tình cảm xúc. - Mình- ta đặt ở đầu câu thơ tạo cảm giác xa xôi, cách biệt, ở giữa là tâm trạng băn khoăn của người ở lại. - Câu 4 gợi tình cảm cội nguồn, nhớ núi nhớ nguồn là nhớ đến Việt Bắc- ngọn nguồn của cách mạng. - Từ "*nhớ*" lặp lại 4 lần làm tăng dần nỗi nhớ về cội nguồn, nhớ về vùng đất đầy tình nghĩa. =>4 câu đầu tạo thành 2 câu hỏi rất khéo: 1 câu hỏi về không gian, 1 câu hỏi về thời	**II. Đọc–hiểu:** ***1. Tám câu thơ đầu: Khung cảnh chia tay và tâm trạng của con người.*** ***a. Bốn câu trên:*** Lời ướm hỏi, khơi gợi kỉ niệm về một giai đoạn đã qua, về không gian nguồn cội, tình nghĩa; qua đó, thể hiện tâm trạng của người ở lại. - Câu hỏi ngọt ngào, khéo léo "mười lăm năm" cách mạng gian khổ hào hùng, cảnh và người VB gắn bó nghĩa tình với những người kháng chiến; đồng thời khẳng định tấm lòng thủy chung của mình: Tố Hữu đã khơi rất sâu vào nguồn mạch đạo lý ân nghĩa thủy chung của dân tộc để thể hiện tình cảm cách mạng. Mười lăm năm ấy là trở về với cội nguồn những năm tiền khởi nghĩa sâu nặng biết bao ân tình. - Nghĩa tình của kẻ ở- người về được biểu hiện qua các đại từ mình- ta quen thuộc trong thơ ca dân gian gắn liền với tình yêu đôi lứa, cách xưng	Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tư duy -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử***

gian, gói gọn một thời cách mạng, một vùng cách mạng. - Người Việt Bắc hỏi "*thiết tha*", người ra đi nghe là "*tha thiết*" => sự hô ứng về ngôn từ tạo nên sự đồng vọng trong lòng người. -"*bâng khuâng*", "*bồn chồn*"=>tâm trạng vấn vương, không nói nên lời vì có nhiều kỉ niệm với Việt Bắc. - " *Áo chàm đưa buổi phân li* *Cầm tay nhau /biết/ nói gì hôm nay*" + Nhịp thơ đang đều đặn, uyển chuyển đến đây thay đổi ngập ngừng thể hiện tâm trạng bối rối. + Hoán dụ gợi hình ảnh quen thuộc người dân VB và diễn tả tình cảm tha thiết sâu nặng của đồng bào Việt Bắc đối với cán bộ về xuôi. **** HS trả lời cá nhân*** -Những hình ảnh: "*suối lũ*", "*mưa nguồn*", "*mây mù*", "*miếng cơm chấm muối*"⇒ Đây là những hình ảnh rất thực gợi được sự gian khổ của cuộc kháng chiến, vừa cụ thể hoá	hô: mình- ta tạo nên sự thân mật, gần gũi. Điệp từ nhớ, láy đi, láy lại cùng với lời nhắn nhủ "mình có nhớ ta", "mình có nhớ không" vang lên day dứt khôn nguôi. - Các từ thiết tha, mặn nồng thể hiện bao ân tình gắn bó. **b. *Bốn câu thơ tiếp:*** Tiếng lòng người về xuôi bâng khuâng lưu luyến. - Tuy không trả lời trực tiếp câu hỏi của người ở lại nhưng tâm trạng bâng khuâng, bồn chồn, cùng với cử chỉ 'cầm tay nhau" xúc động bồi hồi đã nói lên tình cảm : chưa xa đã nhớ, sự bịn rịn luyến lưu của người cán bộ với cảnh và người Việt Bắc. - Lời hỏi của người ở lại đã khéo nhưng câu trả lời còn khéo léo hơn thế. Không phải là câu trả lời có hay không mà là những cử chỉ. Câu thơ bỏ lửng "cầm tay…" diễn tả thái độ nghẹn ngào không nói lên lời của người cán bộ giã từ Việt Bắc về xuôi. - Hình ảnh "áo chàm"- nghệ thuật hoán dụ, trang phục quen thuộc của người dân Việt Bắc. Rất có thể đó là hình ảnh thực, nhưng cũng có thể là hình ảnh trong tưởng tượng của người cán bộ kháng chiến để rồi mỗi lần hình ảnh áo chàm bay về trong tâm trí của người cán bộ là mỗi lần bao nỗi nhớ thân thương lại dội về. => khúc dạo đầu của bản tình ca về nỗi nhớ. **c. <u>12 câu tiếp:</u>** ***<u>Việt Bắc gợi nhớ một thời gian khổ:</u>*** -Những hình ảnh: "*suối lũ*", "*mưa nguồn*", "*mây mù*",	***dụng ngôn ngữ.*** ***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp

mối thù của cách mạng đối với thực dân. - Chi tiết "*Trám bùi....để già*" → diễn tả cảm giác trống vắng gợi nhớ quá khứ sâu nặng. Tác giả mượn cái thừa để nói cái thiếu. - "*Hắt hiu...lòng son*" → phép đối gợi nhớ đến mái tranh nghèo. Họ là những người nghèo nhưng giàu tình nghĩa, son sắt, thuỷ chung với cách mạng. - "*Mình đi, mình có nhớ mình*"→ ý thơ đa nghĩa một cách thú vị. Cả kẻ ở, người đi đều gói gọn trong chữ "mình" tha thiết. Mình là một mà cũng là hai, là hai nhưng cũng là một bởi sự gắn kết của cách mạng, của kháng chiến. => Chân dung một Việt Bắc gian nan mà nghĩa tình , thơ mộng, rất đỗi hào hùng trong nỗi nhớ của người ra đi.	"*miếng cơm chấm muối...* **** <u>Gợi nhớ tình đồng bào:</u>*** - Chi tiết "*Trám bùi....để già*" → - "*Hắt hiu...lòng son*" → - "*Mình đi, mình có nhớ mình*"→	
Hoạt động 3: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN- **Nhớ thiên nhiên và con người** (20 PHÚT)		
*** <u>Thao tác 1 :</u>** **Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản** GV: -Câu thơ đầu sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng? -Người ra đi đáp lại lời băn khoăn của người Việt Bắc như thế nào? *GV bổ sung:* **Mình:** bản thân, chúng ta, người khác (người thân thiết).Anh đi anh có nhớ tôi không? có nhớ những kỉ niệm của chúng ta không? anh có nhớ chính anh không? Hướng dẫn HS phát hiện ra vẻ đẹp về bức tranh thiên nhiên 4 mùa- trong nỗi nhớ của người về xuôi. Nhóm 1 cảm nhận về mùa đông. Nhóm 2 cảm nhận về mùa xuân. Nhóm 3 cảm nhận về mùa hạ. Nhóm 4 cảm nhận về mùa thu. Hình ảnh con người hiện nên trong 4 mùa ấy ra sao? Em có cảm nhận gì về cách miêu tả giữa thiên nhiên và con người? ***HS trả lời cá nhân:***	**2. <u>Phần còn lại:</u>** Lời của người cán bộ về xuôi: ***a. <u>Lời đáp lại của người ra đi:</u>*** Mình- ta đã có sự chuyển hoá. - Phép điệp mình- ta: xoắn xuýt hoà quyện vào nhau. - Đáp lại lời băn khoăn của người việt Bắc: "*Mình đi, mình lại nhớ mình*" một câu trả lời chắc nịch. - Khẳng định tình nghĩa dạt dào không bao giờ vơi cạn: "*Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu*" => Tình nghĩa của người cán bộ về xuối đối với nhân dân Việt Bắc sâu đậm, không phai nhạt theo thời gian. ***b. <u>Nhớ cảnh và nhớ người:</u>*** * Nhớ day dứt, cồn cào như nhớ người yêu: nhớ khoảnh khắc thiên nhiên đẹp, nhớ những bếp lửa nhà sàn đón đợi người thương, nhớ những nẻo đường kháng chiến, nhớ đời sống cần lao, nhớ những sinh hoạt kháng chiến, những lớp bình dân học vụ, nhớ những âm thanh rất đặc trưng	Năng lực hợp tác. -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận.

- Phép điệp mình- ta: xoắn xuýt hoà quyện vào nhau→ tình cảm thuỷ chung, sâu nặng, bền chặt. - Đáp lại lời băn khoăn của người việt Bắc: "*Mình đi, mình lại nhớ mình*" … - Khẳng định tình nghĩa dạt dào không bao giờ vơi cạn: "*Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu*" **Nhóm 1 trình bày:** • Mùa đông: màu xanh bạt ngàn của núi rừng, điểm lên nét đỏ tươi của hoa chuối. **Nhóm 2 trình bày:** • Mùa xuân với hoa mơ trắng xoá. **Nhóm 3 trình bày:** • Mùa hè với màu vàng của rừng phách: Ve kêu trong rừng phách đổ lá; Ve kêu là cho rừng phách trút lá. **Nhóm 4 trình bày:** Mùa thu với ánh trăng huyền ảo trải đầy khắp núi rừng.	của miền núi. * Bộ tranh tứ bình về 4 mùa Việt Bắc: có lẽ đẹp nhất trong nỗi nhớ về Việt Bắc. - Thiên nhiên: + Chữ "*rừng*" xuất hiện trong tất cả các dòng lục→ cảnh thiên nhiên chốn núi rừng Việt Bắc. + Mỗi bức tranh vẽ một mùa với màu sắc chủ đạo. => Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, phong phú, sinh động, thay đổi theo thời tiết, theo mùa. - Con người bình dị, cần cù: *người đi làm nương rẫy, người đan nón, người hái măng, ấn tượng nhất là tiếng hát ân tình, thuỷ chung…*bằng những công việc tưởng chừng nhỏ bé của mình nhưng họ đã góp phần tạo nên sức mạnh vĩ đại của cuộc kháng chiến. + Từ ***nhớ*** lặp lại → giọng thơ ngọt ngào, sâu lắng. =>Ứng với mỗi bức tranh thiên nhiên là hình ảnh con người làm cho bức tranh ấm áp hẳn lên. Tất cả ngời sáng trong tâm trí nhà thơ.	***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.*** ***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp
Hoạt động 4: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN – Việt Bắc anh hùng (20 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản** HS đọc diễn cảm 4 đoạn còn lại với giọng điệu phù hợp: nhanh hơn, chắc khoẻ, hào sảng, ngẫm nghĩ, tự hào (đoạn cuối). Nhận xét về vai trò của VB? Không khí chiến đấu được miêu tả như thế nào? Những địa danh được nêu lên liên tiếp trong những câu cuối đoạn nói lên điều gì?\ **** HS trả lời cá nhân***	***c. <u>Khung cảnh và vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến:</u>*** *** Hai mươi hai câu tiếp theo** nói về cuộc kháng chiến anh hùng: ***"Nhớ khi giặc đến giặc lùng*** **……...** ***Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng"*** - Trong hoài niệm bao trùm có ba mảng thống nhất hòa nhập đó là: **<u>nỗi nhớ thiên nhiên- nỗi nhớ con người cuộc sống ở Việt Bắc- nỗi nhớ về cuộc chiến đấu anh</u>**	-Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử***

Những địa danh chiến thắng liên tiếp được nhắc tới gắn liền với những trận đánh và chiến công vang dội. Niềm vui chiến thắng được diễn tả ra sao? **** HS trả lời cá nhân*** Theo dòng hồi tưởng, người đọc được sống lại những giây phút của cuộc kháng chiến với không gian rộng lớn, những hoạt động tấp nập, sôi động được vẽ bằng bút pháp của những tráng ca. Cảnh Việt Bắc đánh giặc được miêu tả bằng những bức tranh rộng lớn, kì vĩ. . Trong đoạn thơ cuối, hình ảnh và vai trò lịch sử của Viêt Bắc đã được khắc sâu như thế nào? Hình ảnh Cụ Hồ và mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào được nhắc lại nhằm dụng ý nghê thuật gì? **** HS trả lời cá nhân***	**<u>hùng chống TDP xâm lược.</u>** + Rừng núi mênh mông hùng vĩ trở thành bạn của ta, chở che cho bộ đội ta, cùng quân và dân ta đánh giặc. + Chiến khu là căn cứ vững chắc, đầy nguy hiểm với quân thù. + Nghệ thuật so sánh, nhân hoá: ***núi giăng…luỹ sắt, rừng che, rừng vây…*** + Những cái tên, những địa danh ở chiến khu Việt Bắc: ***phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, Cao- Lạng…***vang lên đầy mến yêu, tự hào, cũng trở thành nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến về xuôi. - Không khí chiến đấu sôi nổi hào hùng, khí thế hừng hực trào sôi: + Sức mạnh của quân ta với các lực lượng bộ đội, dân công… sự hợp lực của nhiều thành phần tạo thành khối đoàn kết vững chắc. + Các từ: ***Rầm rập, điệp diệp, trùng trùng…***thể hiện khí thế dồn dập. + Hình ảnh người chiến sĩ được gợi lên qua chi tiết giàu chất tạo hình: ***"ánh sao đầu mũ bạn cùng mũ nan"->*** ánh sáng của sao dẫn đường, ánh sáng của niềm tin, của lí tưởng. + Thành ngữ **"Chân cứng đá mềm"** đã được nâng lên thành một bước cao hơn "***bước chân nát đá muôn tàn lửa bay".*** + Chiến công tưng bừng vang dội khắp nơi: **Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên, đèo De, núi Hồng…** Niềm vui chiến thắng chan hoà bốn phương: ***Vui từ…vui về…vui lên…*** + Đoạn thơ ngập tràn ánh	***dụng ngôn ngữ.*** ***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp

+ Việt Bắc là quê hương của cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, là đầu não của cuộc kháng chiến, nơi hội tụ tình cảm, suy nghĩ, niềm tin và hi vọng của mọi người Việt Nam yêu nước.. + Việt Bắc là chiến khu kiên cường, nơi nuôi dưỡng bao sức mạnh đấu tranh, nơi khai sinh những địa danh mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc. - *"Ở đâu u ám quân thù,* *……* *Quê hương Cách mạng dựng nên cộng hoà"* + Khẳng định Việt Bắc là nơi có *"Cụ Hồ sáng soi*", có "*Trung ương chính phủ luận bàn việc công"* + Khẳng định niềm tin yêu của cả nước với Việt Bắc bằng những vần thơ mộc mạc, giản dị mà thắm thiết nghĩa tình. Hình ảnh cuối đoạn: Cụ Hồ, mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào được nhắc lại để hồi đáp câu hỏi cuối cùng của người ở lại; mặt khác, khẳng định vai trò vị trí lịch sử của chiến khu Viêt Bắc, quê hương cách mạng dựng nên nhà nước dân chủ cộng hoà đầu tiên ở Viêt Nam và Đông Nam Á; vị trí và vai trò lịch sử không nơi nào thay thế được.	sáng: ***ánh sao, ánh đuốc, ánh đèn pha…*** như ánh sáng của niềm tin tưởng, niềm vui tràn ngập. + Nhịp thơ dồn dập gấp gáp, ấm hưởng hào hùng náo nức tạo thành khúc ca chiến thắng *** Mười sáu câu cuối đoạn:** Vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến: + Việt Bắc là quê hương của cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, … + Việt Bắc là chiến khu kiên cường…. - *"Ở đâu u ám quân thù,* *……* *…* *Quê hương Cách mạng dựng nên cộng hoà"* + Khẳng định Việt Bắc là nơi có *"Cụ Hồ sáng soi*", có "*Trung ương chính phủ luận bàn việc công"* + Khẳng định niềm tin yêu của cả nước với Việt Bắc …	
Hoạt động 5: TỔNG KẾT (10 PHÚT)		
*** Thao tác 1 :** **Hướng dẫn HS tổng kết bài học.** Em hãy chứng minh đoạn trích thể hiện nghệ thuật đậm đà tính dân tộc? **?**Sau khi học xong về nội dung và nghệ thuật , em rút ra chủ đề đoạn trích? GV đặt câu hỏi HS tổng kết trên hai mặt nghệ thuật và nội dung ***HS trình bày cá nhân*** - Thể thơ lục bát: - Lối đối đáp, cách xưng hô *mình – ta tạo nên sự phân đôi – thống nhất trong tâm trạng của chủ thể trữ tình:* + Trong tiếng Việt, từ "mình": chỉ bản thân (ngôi thứ nhất) hoặc chỉ đối tượng giao tiếp(ngôi thứ hai). Trong đoạn thơ, chủ thể được dùng ở ngôi thứ hai ➔ phân đôi. Nhưng cũng có lúc chuyển hóa: Vừa là chủ thể (bản thân), vừa là đối tượng giao tiếp (người khác) ➔ Thống nhất: " Mình đi, mình có nhớ mình . . .	3***) Nghệ thuật:*** Bài thơ đậm đà tính dân tộc, tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu: ***4) Ý nghĩa văn bản:*** **Bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến; bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.**	***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

Mình đi, mình lại nhớ mình . . .” + Như vậy,**lời hỏi, lời đáp trong đoạn thơ thực chất là lời độc thoại của tâm trạng** (phân thân) ➔Tác dụng: Tâm trạng của chủ thể trữ tình được bộc lộ đầy đủ hơn., - Ngôn từ mộc mạc, giàu sức gợi,… * Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.		

🕮 3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Câu hỏi 1: *Thông tin nào sau đây đây là đúng về bài thơ "Việt Bắc"?* a. Là bài thơ mở đầu của tập thơ "Việt Bắc". b. Là bài thơ nằm ở phần mở đầu của tập thơ "Việt Bắc". c. Nằm ở phần giữa của tập thơ "Việt Bắc". d. Nằm ở phần cuối của tập thơ "Việt Bắc". Câu hỏi 2: *Bài thơ "Việt Bắc" có đặc điểm gì?* . a. Là bài thơ dài nhất trong tập thơ "Việt Bắc" b. Là bài thơ lục bát duy nhất trong tập thơ "Việt Bắc" c. Là bài thơ duy nhất trong tập thơ "Việt Bắc" viết về hình ảnh Bác Hồ d. Là bài thơ thể hiện rõ nhất cái tôi nhân danh cộng đồng, dân tộc, cách mạng trong thơ Tố Hữu. Câu hỏi 3: *Bài "Việt Bắc" mang đặc điểm nào sau đây?* a. Trữ tình-đạo đức b. Sử thi-trữ tình c. Sử thi-đạo đức d. Cả A, B và C Câu hỏi 4: *Nội dung chính của bài thơ "Việt Bắc" là gì?* a. Ca ngợi cuộc kháng chiến hào hùng của dân tộc. b. Khúc hát ca ngợi tình cảm, ân tình, thuỷ chung của các chiến sĩ ta đối với nhân dân Việt Bắc. c. Khúc hát ngợi ca tình đồng chí, đồng đội trong kháng chiến. d. Khúc hát ngợi ca con người và cảnh sắc núi rừng Việt Bắc. Câu hỏi 5: *Dòng nào sau đây chưa đúng với bài thơ "Việt Bắc"?* a. Bài thơ sử dụng lối kết cấu quen thuộc của ca dao dân ca – theo lối đối đáp của mình – ta. b.Hình thức là đối thoại, nhưng là sự phân thân của cái "tôi" trữ tình để bộc lộ tâm trạng đầy đủ sâu sắc. c.Giọng thơ có nét gần với hát ru – ngọt ngào, nhịp nhàng,	d. Nằm ở phần cuối của tập thơ "Việt Bắc". a. Là bài thơ dài nhất trong tập thơ "Việt Bắc" b. Sử thi-trữ tình b. Khúc hát ca ngợi tình cảm, ân tình, thuỷ chung của các chiến sĩ ta đối với nhân dân Việt

thấm đượm nghĩa tình. d.Các hình ảnh thơ đầy tính sáng tạo, mới lạ và đậm chất triết lý. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	d.Các hình ảnh thơ đầy tính sáng tạo, mới lạ và đậm chất triết lý.

🕮 4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: "*Mình về mình có nhớ ta* *Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng* *Mình về mình có nhớ không* *Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?* *Tiếng ai tha thiết bên cồn* *Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi* *Áo chàm đưa buổi phân li* *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*" Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng gì của *mình* và *ta*? *Mười lăm năm ấy* là khoảng thời gian nào ? Tại sao gợi nhớ *Mười lăm năm ấy ?*, 2. Nêu ý nghĩa tu từ của các từ láy trong đoạn thơ? 3. Hình ảnh *áo chàm* sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp đó ? 4. Cách ngắt nhịp của câu thơ *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay* có gì lạ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của cách ngắt nhịp đó. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng nhớ thương, lưu luyến, bồi hồi xúc động của *mình* và *ta*. *Mười lăm năm ấy* là khoảng thời gian kể từ khởi nghĩa Bắc Sơn năm 1940 đến chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954. Gợi nhớ *Mười lăm năm ấy* vì đó là khoảng thời gian Việt Bắc là căn cứ cách mạng, thời gian gắn bó lâu dài, có tình cảm tha thiết, sâu nặng giữa nhân dân Việt bắc với cán bộ kháng chiến. 2. Ý nghĩa tu từ của từ láy *thiết tha* gợi tâm trạng thương nhớ của ngươ ở lại. Các từ láy *tha thiết , bâng khuâng , bồn chồn* gợi tâm trạng tả tâm trạng của người cán bộ: nhớ, buồn vì phải chia tay với Việt Bắc, nơi đã gắn bó suốt "***mười lăm năm***" với bao "***đắng cay ngọt bùi***". Những người cán bộ cũng hồi hộp, không yên trong lòng vì sắp được trở về quê hương sau thời gian dài xa cách. 3. Hình ảnh *áo chàm* sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ để chỉ người Việt Bắc. Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp hoán dụ: gợi tâm trạng lưu luyến trong giây phút chia tay giữa nhân dân Việt Bắc với cán bộ kháng chiến. 4. Cách ngắt nhịp của câu thơ *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay* lạ ở chỗ từ nghịp bình thường 2/2/2/2, Tố Hữu chuyển sang nhịp 3/3/2. Hiệu quả nghệ thuật của cách ngắt nhịp : gợi tâm trạng bịn rịn, xúc động đến nghẹn ngào không nói nên lời trong giây phút chia tay của người cán bộ kháng chiến.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) - Việt Bắc là khúc ân tình cách mạng. Thiên nhiên Việt Bắc thơ mộng trữ tình, con người Việt Bắc thủy chung, gần gũi, giản dị… Tất cả khắc sâu trong lòng nhà thơ.
- Chuẩn bị bài: Phát biểu theo chủ đề.

Tuần: 08
Tiết: 23-24

PHÁT BIỂU THEO CHỦ ĐỀ

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Biết chuẩn bị đề cương để diễn thuyết một vấn đề trước tập thể ; biết phát biểu một vấn đề theo chủ đề .
b/ Thông hiểu:Hiểu ý kiến của những người tham gia, biết điều chỉnh, bổ sung ý kiến của mình, biết cách biểu thị sự tán đồng hay tranh luận, bác bỏ một cách co` văn hoá
c/Vận dụng thấp:Vận dụng được những hiểu biết xã hội và những kĩ năng đã được rèn luyện trong hệ thống các bài nghị luận xã hội đã học để chủ động trình bày ý kiến về một vấn đề mang tính thời sự liên quan thiết thực đến đời sống của cộng đồng
d/Vận dụng cao:Vận dụng, tích hợp bài học đặc điểm ngôn ngữ nói, hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ; ngôn ngữ cá nhân để trình bày , phát biểu

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: đề cương và phát biểu miệng theo chủ đề trước tập thể
b/ Thông thạo: các bước chuẩn bị và thực hiện phát biểu miệng theo chủ đề trước tập thể

1.3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: phát biểu theo chủ đề, thể hiện được văn hoá khi phát biểu
b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày trước tập thể về chủ đề cho trước.
c/Hình thành nhân cách: có ý thức gắn bó với tập thể, thể hiện quan điểm, lập trường vững vàng.

2. Chuẩn bị

2.1/*Thầy*

-Giáo án -Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
-Những tình huống được đưa ra để HS phát biểu…
-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2.2/*Trò*

-Đọc trước các ngữ liệu trong SGK
-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
-Đồ dùng học tập

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: - Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp
3.2. Kiểm tra bài cũ: Khung cảnh chia tay và tâm trạng của con người trong 8 câu thơ đầu đoạn trích Việt bắc của Tố Hữu được thể hiện như thế nào?
3.3. Tổ chức dạy và học bài mới

🕮 1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng câu hỏi sau: Anh/ chị hãy phát biểu ý kiến của mình sau khi đọc văn bản sau: *Người nghiện Pokemon Go hay bất kỳ game online nào lâu ngày sẽ làm đầu óc hỏng dần, giống như ổ cứng máy vi tính đã lưu hết dữ liệu thì không còn khả năng lưu thêm để tiếp tục làm việc. Không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe, người nghiện game còn dễ trở thành gánh nặng*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

cho xã hội nếu sa đà vào các trò chơi mà không chịu làm việc, kéo theo đó là nảy sinh các tệ nạn xã hội. Trò chơi không phải là xấu, mà trách nhiệm đầu tiên là người chơi phải biết có chừng mực, tỉnh táo, đừng để trò chơi đó làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân. **(Ý kiến của Bác sĩ Thái Duy Thành (Khoa Thần kinh, Bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội)(http://laodongthudo.vn/pokemon-go-tro-choi-ao-tac-hai-that-11-8-2016)** - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **phát biểu theo chủ đề hậu quả của nghiện trò chơi Pokemon Go** Sau khi học sinh phát biểu miệng, giáo viên giới thiệu vào bài: Trong cuộc sống, chúng ta thường phát biểu theo chủ đề cho trước hoặc phát biểu theo kiểu ngẫu hứng nhằm thể hiện nhận thức, tư tưởng, tình cảm, quan điểm của cá nhân trước những vấn đề mang tính xã hội, văn học…Để cho việc phát biểu đạt kết quả tốt đẹp, hôm nay chúng ta chuyển sang tìm hiểu chủ đề về PHÁT BIỂU THEO CHỦ ĐỀ	- Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Hoạt động 1: **Các bước chuẩn bị phát biểu**(15 phút)**.**		
<u>* Thao tác 1 :</u> HD hs các bước chuẩn bị phát biểu. **Đọc kỹ chủ đề cần phát biểu và thực hiện các yêu cầu của GV.** **HS đưa ra những nội dung cần phát biểu theo chủ đề ở SGK:** **- Những nguyên nhân của TNGT.** **- TNGT và những hậu quả nghiêm trọng của nó.** **- Những giải pháp góp phần giảm thiểu TNGT…** Cho HS đọc lại chủ đề phát biểu trong SGK và hướng dẫn học sinh thực hiện các bước: *-Em hãy xác định chủ đề phát biểu, các nội dung cần phát biểu theo chủ đề đó?* *-Theo em, nên tập trung nội dung nào nhiều hơn? Vì sao?* *- Dự kiến đề cương gồm mấy phần?* *- Hãy lập đề cương với nội dung: "Khắc phục tình trạng đi ẩu, nguyên nhân chủ yếu của TNGT" ?* HS lập đề cương theo hướng dẫn, gợi ý của GV. HS Tái hiện kiến thức và trình bày. * Chủ đề phát biểu: - Những hậu quả nghiêm trọng của tai nạn giao thông đối với cs con người - Nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông	**I. Các bước chuẩn bị phát biểu** *1. Xác định nội dung cần phát biểu.* * Chủ đề phát biểu: - Những hậu quả nghiêm trọng của tai nạn giao thông đối với cs con người - Nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông - Những giải pháp góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông: * Nên phát biểu tập trung vào nội dung thứ ba vì đó là trọng tâm của chủ đề được mọi người chú ý và bộc lộ những suy nghĩ riêng của người phát biểu. * Chuẩn bị nội dung:	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. -Năng lực hợp tác, trao đổi,

- Những giải pháp góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông: + Tuyên truyền ý thức tự giác chấp hành luật giao thông cho mọi người. + Phối kết hợp các cấp chính quyền trong việc xử lí những người cố tình vi phạm luật giao thông + Tăng cường công tác gd về luật ATGT trong nhà trường. * Nên phát biểu tập trung vào nội dung thứ ba vì đó là trọng tâm của chủ đề được mọi người chú ý và bộc lộ những suy nghĩ riêng của người phát biểu. * Chuẩn bị nội dung: - Đọc kỹ chủ đề của cuộc hội thảo. - Xác định những nội dung cụ thể của chủ đề. - Chọn nội dung tiêu biểu để phát biểu. **Học sinh trả lời: Đề cương gồm 3 phần.** **-HS lập đề cương theo hướng dẫn, gợi ý của GV.** - Phần mở đầu: Giới thiệu tình trạng gia tăng TNGT hiện nay và hậu quả nghiêm trọng của nó.Trong đó đi ẩu là một trong những nguyên nhân gây TNGT. - Nội dung: + Thế nào là đi ẩu. + Những biểu hiện của đi ẩu. + Những TNGT do đi ẩu. + Các biện pháp chống hành vi đi ẩu. - Kết luận: + Đi ẩu là nguyên nhân gây ra nhiều vụ TNGT. + Kêu gọi mọi người hãy chấp hành đúng luật GT, chấm dứt hành vi phóng nhanh vượt ẩu nhằm bảo đảm ATGT. - Giáo viên giảng thêm: + Đề cương chỉ là hệ thống ý, không viết thành văn, sắp xếp thật lôgích. + Nội dung phát biểu phải đúng trọng tâm, không lặp lại ý của người khác. + Thái độ, cử chỉ đúng mực, lịch sự; giọng nói phải phù hợp với nội dung và cảm xúc. *- Ngoài việc chuẩn bị đề cương, còn phải làm gì để có thể phát biểu theo chủ đề một cách chủ động và hiệu quả?* **** HS trả lời cá nhân*** - Xác định đúng nội dung cần phát biểu: + Chủ đề của buổi hội thảo. + Những nd chính của chủ đề	*2. Dự kiến đề cương phát biểu.* *Chọn nội dung phát biểu phù hợp. * Lập đề cương theo nội dung đã chọn: "Khắc phục tình trạng đi ẩu, nguyên nhân chủ yếu của TNGT" * Bố cục đề cương: - Mở bài: Giới thiệu khái quát nội dung. - Thân bài: Trình bày hệ thống ý trong nội dung. - Kết bài: Lời kết thúc và cảm ơn. Ngoài ra người phát biểu còn phải: - Tìm hiểu thêm về đối tượng tham gia hội thảo. - Lắng nghe và học tập phong cách của những người đã phát biểu trước đó. - Dự kiến giọng điệu, cử chỉ khi phát biểu. - Hình dung trước một số tình huống để chủ động giải quyết. *3. Các bước chuẩn bị phát biểu* - Xác định đúng nội dung cần phát biểu: - Dự kiến đề cương phát biểu:	Năng lực giao tiếng tiếng Việt

+ Lựa chọn nd cần phát biểu - Dự kiến đề cương phát biểu: + Mở đầu: Giới thiệu chủ đề phát biểu + Nội dung phát biểu: Xác định nd sẽ phát biểu theo trình tự hợp lí. + Kết thúc: Kquát lại nd đã phát biểu và nhấn mạnh nd chính.		
Hoạt động 2: **Phát biểu ý kiến.**(10 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> Cho HS trình bày bài phát biểu trước lớp. Cho cả lớp nhận xét, bổ sung và rút ra cách phát biểu theo chủ đề. (Phần ghi nhớ trong SGK) **** HS trả lời cá nhân*** - Giới thiệu khái quát nội dung sẽ phát biểu, - Trình bày nội dung theo đề cương đã dự kiến. - Kết thúc và nói lời cảm ơn. * Cách phát biểu theo chủ đề: - Lựa chọn nội dung phát biểu phù hợp với chủ đề. - Dự kiến nội dung chi tiết và sắp xếp thành đề cương. - Có thái độ, cử chỉ, giọng nói: đúng mực, lịch sự, phù hợp với nội dung và cảm xúc.	**II. Phát biểu ý kiến.** - Giới thiệu khái quát nội dung sẽ phát biểu, - Trình bày nội dung theo đề cương đã dự kiến. - Kết thúc và nói lời cảm ơn. * Cách phát biểu theo chủ đề:	Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tư duy
Hoạt động 3: **Luyện tập**(15 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1,3:** *Bài tập 1:* HS xác định trong 4 ý kiến theo chủ đề, những ý kiến nào chưa phù hợp và nêu ý kiến phản bác. Nếu tán đồng với ý kiến nào thì hãy phân tích sâu sắc ý kiến đó đồng thời trình bày quan niệm riêng của mình về hạnh phúc. **Dựa vào gợi ý trong sgk và hướng dẫn của GV, HS chọn nội dung cần trình bày và lập đề cương phát biểu.** **Nhóm 2,4:** *Bài tập 2:*GV hướng dẫn HS lập đề cương và trình bày ý kiến trước lớp. - Vào đại học là ước mơ, là nguyện vọng chính đáng của HS, thanh niên. - Tuy nhiên không phải vào đại học là cách lập thân duy nhất. Sau khi tốt nghiệp THPT, HS có thể không theo học đại học mà có thể theo học ở các trường dạy nghề, tuỳ theo năng lực, sở trường của mình. - Điều đáng nói là trong xã hội ngày nay, mọi người sẽ luôn luôn được học tập suốt đời.Vì	**III. Luyện tập** *Bài tập 1:* *Bài tập 2:* Dựa vào gợi ý trong sgk và hướng dẫn của GV, HS chọn nội dung cần trình bày và lập đề cương phát biểu.	Năng lực hợp tác. -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

vậy học sinh, thanh niên sẽ có nhiều cơ hội tiếp tục học tập để nâng cao trình độ, nếu các em có ý chí, nghị lực, biết vươn lên trong cuộc sống..* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV. **Thao tác 2:** **Hướng dẫn HS tổng kết bài học**		

🕮 3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: **<u>Câu hỏi 1:</u>** Để chuẩn bị cho bài phát biểu theo chủ đề, cần chú ý điểm nào sau đây? a. Lựa chọn nội dung phát biểu phù hợp với chủ đề chung b. Cần phải dự kiến được nội dung chi tiết bài phát biểu c. Nội dung bài phát biểu phải sắp xếp thành đề cương d. Cả 3 ý trên đều đúng **<u>Câu hỏi 2:</u>** Dòng nào chưa chính xác khi nói về những điều cần chú ý trong khi tiến hành bài phát biểu theo chủ đề? a. Cần có thái độ lịch sự . b. Cần có cử chỉ đúng mực c. Cần chú ý tới nội dung bài phát biểu là có thể thành công d. Điều khiển giọng nói phù hợp với nội dung và cảm xúc **<u>Câu hỏi 3:</u>** Theo em nên chọn dàn ý nào sau đây để phát biểu trong buổi thảo luận về chủ đề :"Tuổi trẻ phải sống đẹp" a. Dàn ý I : -Sống như thế nào là sống đẹp -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp như thế nào b. Dàn ý II: -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp -Sống như thế nào là sống đẹp -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp như thế nào c. Dàn ý III: -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp như thế nào -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp -Sống như thế nào là sống đẹp d. Dàn ý IV: -Nêu những quan niệm sống không đẹp -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp như thế nào **<u>Câu hỏi 4:</u>** Trong buổi thảo luận theo chủ đề : Nói không với tiêu cực trong học tập và thi cử, một số học sinh đã phát biểu theo những hệ thống ý khác nhau. Theo em, hệ thống ý nào là phù hợp, logic nhất?	d. Cả 3 ý trên đều đúng c. Cần chú ý tới nội dung bài phát biểu là có thể thành công b. Dàn ý II: -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp -Sống như thế nào là sống đẹp -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp như thế nào

a.Hệ thống ý I : - Những hiện tượng tiêu cực nào đang tác động đến người học sinh? -Hậu quả của những hành vi ấy - Chống lại sự tiêu cực trong học tập và thi cử cần phải làm gì ? b. Hệ thống ý II : - Hậu quả của những hành vi tiêu cực trong học tập và thi cử ? -Những hiện tượng tiêu cực nào đang tác động đến người học sinh? - Chống lại sự tiêu cực trong học tập và thi cử cần phải làm gì ? c. Hệ thống ý III: - Những hiện tượng tiêu cực nào đang tác động đến người học sinh? - Chống lại sự tiêu cực trong học tập và thi cử cần phải làm gì ? - Hậu quả của những hành vi tiêu cực trong học tập và thi cử ? d. Hệ thống ý IV: - Những hiện tượng tiêu cực nào đang tác động đến người học sinh? - Nguồn gốc của những hành vi ấy? - Hậu quả của những hành vi tiêu cực trong học tập và thi cử ? - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	a.Hệ thống ý I : - Những hiện tượng tiêu cực nào đang tác động đến người học sinh? -Hậu quả của những hành vi ấy - Chống lại sự tiêu cực trong học tập và thi cử cần phải làm gì ?

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: **Dự kiến đề cương và phát biểu theo chủ đề sau:** Sức hấp dẫn của bản Tuyên ngôn Độc lập (Hồ Chí Minh). - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	Sức hấp dẫn của Tuyên ngôn Độc lập thể hiện ở hai phương diện: ý nghĩa lịch sử và giá trị văn học. HS tham khảo một số ý cụ thể sau đây để triển khai bài viết: I/Mở bài -Giới thiệu về hoàn cảnh ra đời của Tuyên ngôn Độc lập. -Nêu vấn đề: Tuyên ngôn Độc lập có sức hấp dẫn đặc biệt bởi ý nghĩa lịch sử và giá trị văn học của nó. II/Thân bài 1.Về ý nghĩa lịch sử của Tuyên ngôn Độc lập: + Là một văn kiện lịch sử quan trọng, Tuyên ngôn Độc lập đã tổng kết một thời kì đau thương nhưng vô cùng anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập và khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập, tự do của nước Việt Nam mới. + Tuyên ngôn Độc lập đã khẳng định được vị thế của dân tộc Việt Nam - một dân tộc nhỏ bé nhưng có lòng yêu nước, ý chí tự cường và tinh thần chiến đấu ngoan cường trước toàn thế giới.

	+ Tuyên ngôn Độc lập là niềm tự hào, khích lệ đối với toàn thể nhân dân Việt Nam lúc bấy giờ và các thế hệ mai sau về quyền tự do, độc lập và tinh thần sẵn sàng chiến đấu, hi sinh để bảo vệ quyền tự do, độc lập ấy. 2.Về giá trị văn học: Tuyên ngôn Độc lập là áng văn nghị luận bất hủ với lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, ngôn ngữ hùng hồn. + Mở đầu bản tuyên ngôn, Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn những "lời bất hủ" trong bản Tuyên ngôn Độc lập của Mĩ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791, tạo căn cứ pháp lí vững chắc về quyền độc lập của dân tộc Việt Nam. + Để đập tan những luận điệu của thực dân Pháp về việc Việt Nam là thuộc địa và Pháp có quyền quay trở lại Việt Nam, bản tuyên ngôn đã đưa ra những lí lẽ đanh thép, những bằng chứng không thể chối cãi để tố cáo tội ác xâm lược của thực dân Pháp, khẳng định bản chất phản động, đi ngược lại với chủ trương chống phát xít của thực dân Pháp ở Đông Dương, đồng thời khẳng định vai trò của Việt Minh trong cuộc chiến đấu chống phát xít Nhật. + Bản tuyên ngôn vang lên với giọng điệu hào sảng, tràn đầy niềm tin, thể hiện ý chí, quyết tâm bảo vệ quyền độc lập, tự do của cả một dân tộc. III/Kết bài -Khẳng định tác động lớn lao của bản Tuyên nạôn Độc lập đối với lịch sử Việt Nam thế kỉ XX và vị trí của tác phẩm trong di sản văn học dân tộc. -Nêu những ấn tượng sâu sắc của bản thân về tác phẩm.

🕮 TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: 1. Làm đề cương và phát biểu theo củ đề về 1 hiện tượng đời sống mà anh/chị quan tâm. 2. Làm đề cương và phát biểu theo củ đề về 1 nhà thơ mà anh chị ngưỡng mộ. -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**Học sinh vận dụng lí thuyết đã học để lập 02 đề cương**

*4. **Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.***

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) *1. Dặn dò:* Muốn có một bài phát biểu theo chủ đề đạt hiệu quả và thuyết phục người phát biểu cần chuẩn bị kĩ từ khâu lựa chọn nội dung, dự kiến đề cương chi tiết đến cử chỉ, thái độ, phong cách trình bày phù hợp với chủ đề. *2.Hướng dẫn tự học:* Hoàn thiện bài tập 1 theo hướng dẫn : - Nêu ý kiến phản bác các quan niệm sai lầm về hạnh phúc: - Tán đồng một ý kiến và phân tích sâu sắc phần ý kiến đó. - Phát biểu quan niệm riêng của mình về hạnh phúc.
- Chuẩn bị bài: Đất nước (Trích Mặt đường khát vọng).Đọc thêm: - Đất nước.

Tuần: 09
Tiết: 25,26

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức: Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình học kì 1, môn Ngữ văn lớp 12.
1.2. Kĩ năng : Đề kiểm tra bao quát một số nội dung kiến thức, kĩ năng trọng tâm của chương trình Ngữ văn 12 học kì 1 theo các nội dung Văn học, Làm văn, với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức kiểm tra tự luận.
1.3.Thái độ : Nhớ và hiểu được những kiến thức cơ bản về tác phẩm.

2. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Hình thức : tự luận.
- Cách tổ chức kiểm tra: cho học sinh làm trong 90 phút.

3. THIẾT LẬP MA TRẬN

- Liệt kê tất cả các chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình môn Ngữ văn lớp 12, học kì.
- Chọn các nội dung cần đánh giá và thực hiện các bước thiết lập ma trận đề kiểm tra (theo các bước như minh họa ở trên).
- Xác định khung ma trận.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	*Thời gian (phút)*	*Tỉ lệ (%)*	*Thời gian (phút)*	*Tỉ lệ (%)*	*Thời gian (phút)*	*Tỉ lệ (%)*	*Thời gian (phút)*	*Số câu hỏi*	*Thời gian (phút)*	
1	Đọc hiểu	15	10	10	5	5	5			4	20	30
2	Viết đoạn văn nlxh	5	5	5	5	5	5	5	5	1	20	20
3	Viết bài văn nlvh	20	10	15	10	10	20	5	10	1	50	50
Tổng		40	25	30	20	20	30	10	15	6	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

IV. ĐỀ THI

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ:

Tôi trở lại những bờ đường mùa xuân

Cây già trắng lá
Ôi thành phố tôi yêu kỳ lạ
Cái sống như trăn trở ngày đêm
Tôi lớn lên, lo nghĩ nhiều thêm
Thành phố cũng như tôi đang lớn
Những gác xép bộn bề hy vọng
Những đầu hồi bóng nắng nhấp nhô...

Tôi trở về những ngõ quen xưa
Mỗi ngõ nhỏ giấu một lời tâm sự
Tôi trở lại những lối mòn quá khứ
Có tấm tình ta mắc nợ cha ông

(Trích *Trở lại trái tim mình* - Bằng Việt,
Thơ tuyển 1961 - 2001, NXB Văn học, 2003, tr. 12)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra 2 từ diễn tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ trên.

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung câu thơ: *Tôi lớn lên, lo nghĩ nhiều thêm*?

Câu 4. Tâm sự của tác giả trong câu thơ *Có tấm tình ta mắc nợ cha ông* gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 ***(2,0 điểm)***

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của sự trân trọng quá khứ với mỗi con người.

Câu 2 ***(5,0 điểm)***

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ

(Trích *Tây Tiến* - Quang Dũng, *Ngữ văn 12*,
Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 88)

.....Hết.....

V. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Thể thơ: tự do	0,75
	2	Những từ diễn tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ: *yêu, lo nghĩ.*	0,75
	3	Nội dung câu thơ *Tôi lớn lên, lo nghĩ nhiều thêm*: - Con người trưởng thành, cuộc sống mở rộng cũng là lúc ý thức đầy đủ về trách nhiệm. - Theo thời gian, con người suy tư, lo nghĩ sâu sắc hơn.	1,0
	4	Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ về tâm sự của tác giả trong câu	0,5

		thơ *Có tấm tình ta mắc nợ cha ông* theo hướng: Cha ông đã tạo dựng cuộc sống hòa bình, hạnh phúc; mỗi chúng ta cần tri ân thế hệ đi trước.	
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết đoạn văn về ý nghĩa của sự trân trọng quá khứ.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Ý nghĩa của sự trân trọng quá khứ.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ về ý nghĩa của sự tri ân với thế hệ đi trước. Có thể triển khai theo hướng: Trân trọng quá khứ giúp cá nhân nhận ra được những giá trị tốt đẹp của quá khứ, bồi đắp đời sống tâm hồn mỗi người, góp phần hoàn thiện nhân cách...	0,75
		d. Chính tả, ngữ pháp	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	2	Cảm nhận đoạn thơ trong bài *Tây Tiến* của Quang Dũng	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Phân tích nội dung và nghệ thuật đoạn thơ	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		** Giới thiệu tác giả (0,25 điểm), tác phẩm và đoạn thơ (0,25 điểm)*	0,5
		** Cảm nhận về đoạn thơ* - Đoạn thơ diễn tả khung cảnh đêm liên hoan diễn ra trong ánh sáng rực rỡ, lung linh; âm thanh rộn ràng, náo nức; hình ảnh lộng lẫy, yêu kiều; không khí tưng bừng, sôi nổi... - Tâm hồn trẻ trung lãng mạn của những người chiến sĩ Tây Tiến thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng, say đắm, phiêu bồng. - Đoạn thơ có những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ biểu cảm: *bừng*, *hội đuốc hoa*, *xiêm áo,...*	2,5
		** Đánh giá* - Đoạn thơ thể hiện vẻ đẹp của tâm hồn người lính Tây Tiến hào hoa, lãng mạn. - Đoạn thơ góp phần thể hiện phong cách thơ Quang Dũng.	0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			10,0

.....Hết.....

Tuần: 09,10
Tiết: 27->29

ĐỌC VĂN *Đất nước* (Trích *Mặt đường khát vọng*).

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết:

-Tác giả, hoàn cảnh sáng tác ,xuất xứ … Xác định thể loại thơ

- Xác định bố cục bài thơ . Phát hiện các chi tiết, biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong văn bản.

b/ Thông hiểu:

-Hiểu được đặc trưng thể loại thơ, trường ca

-Hiểu được mạch cảm xúc của đoạn trích

-Lý giải ý nghĩa, tác dụng của từng biện pháp nghệ thuật.

c/Vận dụng thấp:

-Phân tích cảm xúc chủ đạo của tác giả ;

-Đánh giá nét đặc sắc về phương diện nghệ thuật.

d/Vận dụng cao:Viết bài cảm nhận riêng về đoạn thơ hoặc ý kiến bàn về đoạn thơ. So sáng điểm tương đồng và dị biệt về những đoạn thơ có cùng chủ đề.

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ, một ý kiến bàn về đoạn thơ

b/ Thông thạo: các bước tìm hiểu đề, lập dàn ý để phân tích đoạn trích theo đặc trưng thể loại.

1.3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản về tác giả, tác phẩm văn học

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi cảm nhận tác phẩm trữ tình

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của thơ ca về chủ đề Đất nước

-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà thơ ca kháng chiến đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong thơ ca kháng chiến .

2. Chuẩn bị

2.1/*Thầy*

-Giáo án -Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Ảnh chân dung Nguyễn Khoa Điềm, Nguyễn Đình Thi (phóng to); tập trường ca *Mặt đường khát vọng* và một số tập thơ của Nguyễn Khoa Điềm.

- Sưu tầm một số câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ có liên quan đến những câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm.

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2.2/*Trò*

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: - Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: Muốn có một bài phát biểu theo chủ đề đạt hiệu quả và thuyết phục người phát biểu cần phải làm gì?

3.3. Tổ chức dạy và học bài mới:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng cách tổ chức điền khuyết các câu thơ đã được học và làm bài trắc nghiệm nhanh: 1. Mặt trời của……thì nằm trên……. Mặt trời của……...em nằm trên..... 2. Nguyễn Khoa Điềm là tác giả của bài thơ nào sau đây? a/ Vội vàng b/ Mẹ và quả c/ Đò Lèn d/ Theo chân Bác. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **1. Bắp-đồi- Mẹ-Lưng** **2. Phương án b.** Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho các nhà thơ Việt Nam hiện đại sáng tác. Cùng viết về chủ đề Đất nước, thơ chống Pháp có bài Đất nước của Nguyễn Đình Thi; thơ chống Mĩ tiêu biểu có Trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm.Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu 2 tác phẩm này.	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Hoạt động: TÌM HIỂU CHUNG (10 phút)**.**		
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm** -Hướng dẫn HS tìm hiểu phần Tiểu dẫn. - Gọi 1 HS đọc TD. - Phần TD trình bày những nội dung chính nào? - GV nhận xét sau đó nhấn mạnh những thông tin chủ yếu về tiểu sử, phong cách thơ. ***GV Tích hợp kiến thức lịch sử để hướng dẫn học sinh tìm hiểu quê hương nhà thơ, chiến trường Trị Thiên năm 1971.*** **- Kiến thức lịch sử:** Để phát triển phong trào cách mạng ở Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, tháng 4 năm 1966, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định tách Trị - Thiên ra khỏi khu V, thành lập Khu ủy Trị - Thiên - Huế bao gồm Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên và thành phố Huế đặt	**I. Tìm hiểu chung:** **1. Tiểu sử tác giả :** **a. Cuộc đời:** - Sinh ra trong một gia đình trí thức, giàu truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng. - Học tập và trưởng thành trên miền Bắc, tham gia chiến đấu và hoạt động văn nghệ ở miền Nam. **b. Tác phẩm chính: (SGK)** **c. Phong cách sáng tác :** - Giàu chất suy tư , xúc cảm dồn nén . - Giọng thơ trữ tình chính luận . **2. "Trường ca mặt đường khát vọng":** **a. Hoàn cảnh sáng tác:** Hoàn cảnh sáng tác : Hoàn thành ở chiến khu Trị - Thiên 1971 . **b. Đoạn trích:** **- Xuất xứ: "Đất nước"** Trích chương V của trường ca. **- Bố cục văn bản** : Hai phần + Phần I : 42 câu đầu : Đất nước được cảm nhận từ nhiều phương diện	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. -Năng lực hợp tác, trao đổi

dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. *GV Tích hợp kiến thức Lí luận văn học để hướng dẫn học sinh tìm hiểu phong cách sáng tác của nhà thơ, thể loại Trường ca ***GV đọc cho HS đoạn văn ghi lại lời của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm để hướng dẫn HS tìm hiểu cảm hứng sáng tác:*** *Tôi viết chương này trong những ngày mưa triền miên sau Tết. Đó là thời kỳ máy bay Mỹ đánh phá dữ dội. B52 dội bom liên tục, làm cho mọi thứ tối tăm mù mịt. Chúng tôi ngồi trong hầm và viết, cảm xúc được cộng hưởng bởi tiếng bom nổ, bởi khói bom và mưa rừng. Có khi viết xong, một trận bom làm cho bản thảo bay tung tóe, lượm lại trang còn trang mất, lại ngồi viết tiếp. Tôi viết rất nhanh, như cảm xúc đã dồn tụ một cách mãnh liệt giờ chỉ việc tuôn chảy ra thôi. Tôi viết về những điều giản dị của chính tôi, về tuổi trẻ và các bạn bè đang tranh đấu ở trong thành phố. Nên nhân vật của tôi là anh và em. Đó là lời đằm thắm của một người con trai nói với một người con gái. Chúng tôi, mỗi người có một số phận khác nhau nhưng đều gắn kết trong một số phận chung là số phận Đất nước. Đất nước với các nhà thơ khác là của những huyền thoại của những anh hùng, nhưng với tôi là của những con người vô danh, của nhân dân.* - Hãy chia bố cục? - HS đọc văn bản chú ý thể hiện giọng thơ trữ tình-chính luận. - HS phân chia bố cục theo nội dung	lịch sử văn hoá dân tộc, chiều sâu của không gian, chiều dài của thời gian. + Phần II: 47 câu cuối : Tư tưởng cốt lõi, cảm nhận về đất nước : Đất nước của Nhân dân . - Thể loại :Trường ca (Trường ca là một tác phẩm được viết bằng thơ trên phương thức kết hợp nhuần nhuyễn hai yếu tố tự sự và trữ tình, có tính hoành tráng về cả phương diện nội dung, tư tưởng và cấu trúc nghệ thuật tác phẩm, được nhà thơ viết nên bằng một dung lượng cảm hứng mạnh mẽ, cảm xúc tuôn trào gắn liền với những chấn động lớn lao của lịch sử, của dân tộc và thời đại.)	Năng lực giao tiếp tiếng Việt
Hoạt động 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (30 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản** - ĐN gắn liền với những văn hoá gì của dân tộc? - ĐN trưởng thành như thế nào? ***GV Tích hợp kiến thức Văn học***	**II. Đọc hiểu văn bản :** * Phần 1: Nêu lên cách cảm nhận độc đáo về quá trình hình thành, phát triển của đất nước; từ đó khơi dậy ý thức về trách nhiệm thiêng liêng với nhân dân, đất nước. **1. Đất nước được cảm nhận bằng chiều dài của thời gian, chiều rộng**	Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tư duy -Năng lực hợp

dân gian, lịch sử thời Vua Hùng, phong tục của dân tộc để hướng dẫn học sinh tìm hiểu 9 câu thơ đầu. -Nhận xét về cách sử dụng những chất liệu văn hóa, văn học dân gian của Nguyễn Khoa Điềm? - HS dựa vào phần đầu của đoạn trích để xác định các phương diện cảm nhận ĐN. - HS chú ý 2 câu đầu của đoạn trích để xác định. **Kiến thức văn hoá dân gian:** - Truyện cổ dân gian: Cổ tích Trầu cau, truyền thuyết Thánh Gióng; - Tục ngữ: miếng trầu là đầu câu chuyện; Miếng trầu nên dâu nhà người - Ca dao: Muối ba năm…Gừng chín tháng… -Thành ngữ: Một nắng hai sương - HS Tìm những chi tiết, hình ảnh thể hiện nền văn hóa của dân tộc. - HS dựa vào lịch sử ***thời Vua Hùng*** để trả lời: Ăn trầu là phong tục cổ truyền của người Việt. Tương truyền có từ thời Hùng Vương và gắn liền với một câu chuyện cổ tích nổi tiếng: Chuyện Trầu Cau. **HS trả lời:** Nhà thơ không chỉ ra một bài nào cụ thể, không trích nguyên văn những câu trọn vẹn mà chỉ dẫn ra, gợi ra một vài hình ảnh, từ ngữ tiêu biểu, để từ đó mở ra cho người đọc những trường liên tưởng sâu rộng về đời sống dân tộc qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước **HS trả lời:** -Nguyễn Đình Thi→cảm nhận đất nước ở những đường nét hoành tráng của không gian, với giọng điệu ngợi ca đầy tự hào - HS xác định những không gian địa lí được thể hiện ở phần đầu. -GV trích hai đoạn thơ của Nguyễn Đình Thi và Chế Lan Viên để HS so sánh nhận ra điểm mới trong cách tiếp cận đất nước của Nguyễn Khoa Điềm ****GV Tích hợp kiến thức Làm Văn***	**của không gian và chiều sâu của lịch sử văn hoá dân tộc.** **a. Cội nguồn đất nước :** - "Khi ta lớn lên"- "Đất nước đã có rồi" (Quá khứ) (Hiện tại) => Giọng thơ nhẹ nhàng, âm hưởng đầy quyến rũ đã đưa ta về với cội nguồn của đất nước : Một đất nước vừa cụ thể vừa huyền ảo đã có từ rất lâu đời. **b. Sự cảm nhận đất nước ở phương diện lịch sử - văn hoá :** - Đất nước được cảm nhận gắn liền với nền văn hoá lâu đời của dân tộc: + Câu chuyện cổ tích, ca dao. + Phong tục của người Việt: ăn trầu, bới tóc(nét đẹp tình nghĩa, vẻ đẹp thuần phong, mĩ tục; Vẻ đẹp nhân hậu của người phụ nữ VN.) - Đất nước lớn lên đau thương vất vả cùng với cuộc trường chinh không nghỉ ngơi của con người: + Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, gắn với hình ảnh cây tre- biểu tượng cho sức sống bất diệt của dân tộc. + Cái kèo, cái cột, hạt gạo: Biểu tượng cho c/s giản dị, gắn liền với nền văn minh lúa nước, lao động vất vả. - Đất nước gắn liền với những con người sống ân tình thuỷ chung. (Gừng cay, muối mặn: -> Lối sống thủy chung, đậm tình nghĩa.) => Hình ảnh, từ ngữ giàu sức liên tưởng, gợi cảm. Ngôn từ đậm chất d/gian, sử dụng nhiều thành ngữ, cdao. - Từ ngữ "ĐN" được viết hoa -> Tình cảm yêu thương, trân trọng. - Giong thơ: thâm trầm, trang nghiêm, tha thiết trữ tình, gợi quá trình sinh ra và lớn lên, trưởng thành của ĐN. => ĐN gắn liền với nền văn hóa lâu đời. ĐN gần gũi thân thương gắn bó với đời sống c/ng VN. *Đất nước được hình thành từ những gì bé nhỏ, gần gũi, riêng tư trong cuộc sống của mỗi con người.	tác, trao đổi. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.*** ***- Năng lực giải quyết vấn đề:***

học (thao tác lập luận so sánh) hướng dẫn học sinh tìm hiểu nét mới về cảm nhận ĐN ở 9 câu thơ đầu. ***GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt (chiết tự, liệt kê), vận dụng ca dao… để hướng dẫn HS tìm hiểu ĐN được cảm nhận trên phương diện không gian và thời gian*** **-Tổ chức thảo luận nhóm** ***Nhóm 1****: Xác định không gian nghệ thuật để cảm nhận về ĐN thể hiện trong đoạn thơ: Đất là nơi anh…nỗi nhớ thầm.*Tác giả sử dụng nghệ thuật như thế nào trong 4 câu thơ? ***Nhóm 2****: Xác định không gian nghệ thuật để cảm nhận về ĐN thể hiện trong đoạn thơ: Đất là nơi con chim… dân mình đoàn tụ.*Tác giả sử dụng nghệ thuật như thế nào trong đoạn thơ? ***Nhóm 3****: Xác định thời gian nghệ thuật để cảm nhận về ĐN thể hiện trong đoạn thơ: Lạc Long Quân…Mai này..mơ mộng..*Tác giả sử dụng nghệ thuật như thế nào trong đoạn thơ? ***Nhóm 4****: Phân tích 4 câu cuối: Em ơi em...muôn đời.*- Tác giả suy nghĩ như thế nào về trách nhiệm của mình đối với ĐN?	**c. Sự cảm nhận đất nước ở phương diện chiều sâu của không gian:** - Không gian gần gũi (sinh hoạt, học tập và làm việc ..)(Nơi anh đến trường,.. nơi em tắm) - Tình yêu đôi lứa: kỉ niệm hò hẹn, nhớ nhung"..đánh rơi chiếc khăn… nhớ thầm" (Lối chiết tự đầy ý nhị vừa mang tính cá thể vừa hết sức táo bạo , tác giả đã định nghĩa đất nước thật độc đáo). =>Là sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng. - Đất nước còn là không gian rộng lớn, tráng lệ hùng vĩ của núi cao, biển cả. (Thiên nhiên:Núi sông, rừng biển hùng vĩ, tráng lệ "hòn núi bạc,.. Nước, ..biển khơi) - Không gian sinh tồn của dân tộc qua nhiều thế hệ "..nơi dân mình đoàn tụ" => ĐN là những gì gần gũi thân quen gắn bó với cuộc sống mỗi người lại vừa mênh mông rộng lớn.	Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận.
GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt (phép điệp, giọng thơ chính luận và trữ tình), để hướng dẫn HS tìm hiểu trách nhiệm đối với Đất Nước ***GV Tích hợp kiến thức Giáo dục công dân lớp 10(bài CÔNG DÂN VỚI SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC) để hướng dẫn học sinh tìm hiểu trách nhiệm đối với Đất Nước.*** **Đại diện nhóm 1 trả lời:** - Không gian gần gũi (sinh hoạt, học tập và làm việc ..)(Nơi anh đến trường,.. nơi em tắm) - Tình yêu đôi lứa: kỉ niệm hò hẹn, nhớ nhung"..đánh rơi chiếc khăn… nhớ thầm" (Lối chiết tự đầy ý nhị vừa mang tính cá thể vừa hết sức táo bạo , tác giả đã định nghĩa đất nước thật độc đáo).	**d. Sự cảm nhận ĐN ở phương diện chiều dài thời gian** : ĐN được cảm nhận từ quá khứ với huyền thoại " Lạc Long Quân và Âu Cơ" cho đến hiện tại với những con người không bao giờ quên nguồn cội dân tộc, truyền thuyết Hùng Vương và ngày giỗ Tổ .	

=>Là sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng. **Đại diện nhóm 2 trả lời:** - không gian rộng lớn, tráng lệ hùng vĩ của núi cao, biển cả. (Thiên nhiên: Núi sông, rừng biển hùng vĩ, tráng lệ "hòn núi bạc,.. Nước, ..biển khơi) - Không gian sinh tồn của dân tộc qua nhiều thế hệ "..nơi dân mình đoàn tụ" **Đại diện nhóm 3 trả lời:** **- Thời gian quá khứ:** + Nhớ Lạc Long Quân.. + Cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ - Thời gian hiện tại: +Trong anh và em hôm nay… + Sự gắn bó giữa cá nhân với cộng đồng -Thời gian tương lai: +Mai này con ta lớn lên... + Tháng ngày mơ mộng: hi vọng về một ngày nước nhà thống nhất, hoà bình **.** Điệp ngữ "*phải biết"* => giọng thơ **<u>chính luận</u>**. **.** Âm điệu "*em ơi em"*=> **<u>trữ tình</u>** thiết tha. **.** Dùng từ "*hoá thân"*(# hi sinh): hiến dâng, hoà nhập, sống còn vì đất nước => sâu sắc, giàu ý nghĩa. - giọng thơ lại chân thành, tha thiết, là sự tự ý thức về trách nhiện của mình với đất nước: phải yêu thương, san sẻ, và khi cần phải biết hi sinh cho đất nước **Tích hợp GDCD: Suy ngẫm của tác giả về trách nhiệm của thế hệ mình với ĐN, bản thân thấy được trách nhiệm của cá nhân với đất nước trong giai đoạn hiện nay…**	**e. Suy ngẫm của tác giả về trách nhiệm của thế hệ mình với ĐN** : phải biết hi sinh để bảo vệ đất nước. - ĐN hiện lên vừa thiêng liêng sâu xa , lớn lao vừa gần gũi thân thiết với sự sống mỗi người. Đất nước là sự hòa quyện không thể tách rời giữa cá nhân và cộng đồng dân tộc. Vì thế mỗi người phải có trách nhiệm với đất nước. - Nghệ thuật: **.** Điệp ngữ "*phải biết"* => giọng thơ **<u>chính luận</u>**. **.** Âm điệu "*em ơi em"*=> **<u>trữ tình</u>** thiết tha. **.** Dùng từ "*hoá thân"*(# hi sinh): hiến	

	dâng, hoà nhập, sống còn vì đất nước => sâu sắc, giàu ý nghĩa. . Lời thơ giản dị nhưng mang ý nghĩa sâu xa. => Ý thơ mang tính chất tâm sự nhiều hơn là kêu gọi, giáo huấn nên sức truyền cảm rất mạnh.	
Hoạt động 3: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (35 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> ***GV Tích hợp kiến thức địa lí, văn học dân gian để hướng dẫn học sinh tìm hiểu danh lam thắng cảnh trải dài từ Bắc và Nam nhằm khẳng định sự hoá thân của Nhân dân vào dáng hình Đất nước*** - Phần sau của đoạn thơ tập trung làm nổi bật tư tưởng ĐN của nhân dân. Tư tưởng ấy đã quy tụ mọi cách nhìn nhận và đưa đến những phát hiện và mới của tg về địa lí lịch sử và văn hoá của ĐN như thế nào? + Tg đã cảm nhận đất nước qua những địa danh , thắng cảnh nào? + Những địa danh gắn với cái gì , của ai? - Vì sao có thể nói qua cách cảm nhận ấy, ĐN vừa thiêng liêng vừa gần gũi? + Vì sao khi nói về bốn nghìn năm lịch sử của ĐN, tác giả không điểm tên các triều đại cùng bao nhân vật anh hùng trong sử sách (như Nguyễn Trãi trong Bình Ngô Đại Cáo đã nhắc đến: Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần…)? Đối tượng mà tác giả muốn nhắc đến là ai? Vì sao tác giả lại nhắc đến họ? (Họ là những con người như thế nào?) **Tích hợp kiến thức địa lí,HS trả lời :** - Hòn Vọng Phu: ở Đồng Đăng, Lạng Sơn, Thanh Hoá... - hòn Trống Mái là núi đá nhỏ trên biển Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hoá ***-Chín mươi chín con voi*** : đứng từ trên núi Hi Cương- nơi có đền thờ các vua Hùng- trông ra có những quả đồi thấp hơn như chín mươi chín con voi	**2.** Phần 2: tư tưởng *"Đất nước của Nhân dân"* được thể hiện qua ba chiều cảm nhận về đất nước. ***a. Đất nước do nhân dân sáng tạo ra :*** Tg cảm nhận ĐN qua những địa danh thắng cảnh gắn với cuộc sống tính cách số phận của nhân dân. (Từ không gian địa lí) - Tình nghĩa thuỷ chung thắm thiết (núi Vọng Phu, hòn trống mái) + Vợ nhớ chồng →núi vọng phu + Vợ chồng yêu nhau →hòn trống mái - Sức mạnh bất khuất (Chuyện Thánh Gióng) : Gót ngựa ThánhGióng→ Ao đầm để lại - Cội nguồn thiêng liêng (hướng về đất Tổ Hùng Vương): Chin mươi chín con voi →dựng đất tổ Hùng Vương - Truyền thống hiếu học (Cách cảm nhận về núi Bút non nghiêng) - Hình ảnh đất nước tươi đẹp (Cách nhìn dân dã về núi con Cóc, con Gà , dòng sông)	Năng lực hợp tác -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

quây quần hướng về núi Hi Cương. - Núi Bút non Nghiên : Là núi có hình cây bút và nghiên mực ở Quảng Ngãi - Những con rồng ...dòng sông xanh thẳm : là truyền thuyết về sông Cửu Long với 9 cửa sông đổ ra biển trên 2 nhánh sông Tiền và sông Hậu - Con cóc, con gà...: Là tên của một trong vô số hòn núi nổi lên trên mặt biển có hình con coc, con gà,... ở Vịnh Hạ Long - Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm : Là tên những người có công với dân, với nước đãn thành những sơn danh, địa danh ở Nam bộ : + Bà Đen : Tên ngọn núi Bà Đen ở Tây Ninh +Bà Điểm : Tên một đia danh ở Hóc Môn - thành phố HCM- HS liên hệ, phát hiện các danh lam, thắng cảnh. - Lối sống, cội nguồn, truyền thống. - HS liên hệ với tác phẩm " Bình Ngô đại cáo" để lí giải. ***GV Tích hợp kiến thức Làm Văn học (thao tác lập luận so sánh) hướng dẫn học sinh tìm hiểu nét mới về tư tưởng Đất Nước nhân dân*** ***GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt(Cách dùng đại từ, phép điệp, động từ) hướng dẫn học sinh tìm hiểu nét mới về tư tưởng Đất Nước nhân dân*** - Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp cấu trúc : *Họ giữ ... Họ truyền ...Họ gánh ...Họ đắp đập ?* **- HS trả lời.** +Nhìn vào bốn nghìn năm ĐN , tác giả không kể các triều đại mà nhấn mạnh đến những con người vô danh + Đây là điểm mới mẻ của NKĐ **- HS trả lời.** +một mặt tiếp tục thể hiện sự khám phá mới mẻ, độc đáo của nhà thơ về Đất Nước trong bề rộng không gian địa lí và tầng sâu của những truyền thống văn hoá, tạo nên sự thống nhất trong cách thể hiện Đất Nước - mặt khác còn khẳng định nhân dân chính là lực lượng đông đảo vừa kiến	=> ĐN hiện lên vừa gần gũi vừa thiêng liêng. → Cảnh quan thiên nhiên gắn liền với đời sống, tâm hồn, lịch sử dân tộc. - Từ đó, tác giả đi đến một kết luận mang tính khái quát: *" Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi ...Những cuộc đời đã hoá núi sông ta."*→ Theo tác giả: Những thắng cảnh đẹp, những địa danh nổi tiếng khắp mọi miền của đất nước đều do nhân dân tạo ra, đều kết tinh của bao công sức và khát vọng của nhân dân, của những con người bình thường, vô danh. - Nghệ thuật liệt kê, điệp từ đã khẳng định nhân dân là đối tượng quan trọng nhất tạo nên dáng hình đất nước ***b. Đất nước là do nhân dân chiến đấu và bảo vệ :*** **Nhìn vào bốn nghìn năm ĐN mà nhấn mạnh đến những con người vô danh** (Từ thời gian lịch sử) - Họ đã sống và đã chết / giản dị và bình tâm … - Họ đã làm nên đất nước => Họ chính là nhân dân, những người anh hùng vô danh , bình dị… - Đại từ "Họ" đặt đầu câu + nhiều động từ "giữ, truyền, gánh" → Vai trò của nhân dân trong việc giữ gìn và lưu truyền văn hoá qua các thế	***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận.

tạo bảo tồn, lưu giữ truyền thống giàu tình nghĩa, giàu tình yêu thương, cần cù lao động- đó là những giá trị văn hoá tinh thần cao quý của Đất Nước. **-Tổ chức thảo luận nhóm** ***Nhóm 1****: Chỉ ra các bài ca dao được sử dụng trong 2 câu thơ:Dạy anh biết...lặn lội.* ***Nhóm 2****: Chỉ ra các bài ca dao được sử dụng trong 2 câu thơ:Biết trồng tre...dài lâu* ***Nhóm 3****: Phân tích nội dung, nghệ thuật 4 câu thơ cuối* **Tích hợp kiến thức văn hoá dân gian, nhất là ca dao** **Đại diện nhóm 1 trả lời:** - Tác giả vận dung 2 bài ca dao : +Yêu em từ thuở trong nôi +Cầm vàng mà lội qua sông **Đại diện nhóm 2 trả lời:** - Tác giả vận dung 2 bài ca dao : Thù này ắt hẳn còn lâu/ Trồng tre nên gậy gặp đâu đánh què. **Đại diện nhóm 3 trả lời:** - Nhiều yếu tố ngoại lai đã được Việt hoá để góp phần xây đắp nên nền văn hoá Việt Nam (Ôi những dòng sông bắt nước từ đâu / Mà khi về Đất Nước mình thì bắt lên câu hát) và văn hoá Việt Nam luôn có sự thống nhất trong sự đa dạng (Người đến hát khi chèo đò, kéo thuyền vượt thắc / Gợi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi)	hệ. ***c. Đất nước là do nhân dân gìn giữ và lưu truyền*** - Nhân dân đã gìn giữ và lưu truyền cho thế hệ sau mọi giá trị tinh thần và vật chất => Nhân dân chính là người làm nên đất nước =>Đất nước là của nhân dân, của ca dao thần thoại=> Đây là một định nghĩa giản dị mà độc đáo. ***d. Đóng góp của nhân dân :*** **Tg chọn 3 dẫn chứng để nói về truyền thống của nhân dân** (Từ bản sắc văn hóa). + Lãng mạn, chung thủy say đắm trong tình yêu. (Yêu em từ thuở trong nôi .) + Quí trọng tình nghĩa(Biết quý công...) + Quyết liệt trong căm thù và sẵn sàng chiến đấu (biết trồng tre ...) => Sự phát hiện thú vị, cái nhìn mới mẻ và độc đáo của tg về ĐN trên các phương diện địa lí, lịch sử, văn hoá với nhiều ý nghĩa mới : Muôn vàn vẻ đẹp của ĐN đều là kết tinh của bao công sức và khát vọng của nhân dân , của những con người vô danh , bình dị. Khẳng định đất nước của nhân dân. - Kết thúc đoạn thơ là hình ảnh dòng sông với những điệu hò: *"Ơi những dòng sông bắt nước từ đâu* ..... . *Gợi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi"*→ như muốn kéo dài thêm giai điệu ngân nga với nhiêu cung bậc của bản trường ca về Đất Nước.	
Hoạt động 4: **Tổng kết** (10 PHÚT)		
*** Thao tác 1 :** ***Nhóm 4****: Trình bày thành công nghệ thuật và ý nghĩa văn bản?* -Cách cảm nhận về đất nước có gì mới mẻ? -Về ngôn ngữ, đoạn thơ chủ yếu khai thác chất liệu nào? Em hãy nêu chủ đề của đoạn trích? **Hướng dẫn HS tổng kết bài học.**	**III. Tổng kết:** **1/ Nghệ thuật :** - Sử dụng chất liệu văn hóa dân gian: ngôn từ, hình ảnh bình dị, dân dã, giàu sức gợi. - Giọng điệu thơ biến đổi linh hoạt. - Sức truyền cảm lớn từ sự hòa quyện của chất chính luận và chất trữ tình. ***2/*** **Ý nghĩa văn bản:** Một cách cảm nhận mới về đất nước, qua đó khơi dậy	-Năng lực hợp tác, trao đổi, ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

Đại diện nhóm 4 trả lời:	lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tự hào về nền văn hóa đậm đà bản sắc Việt Nam.	

🕮 3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Câu hỏi 1: Khổ thơ sau gợi ra điều gì? *"Ôi ! Những cánh đồng quê chảy máu* *Dây thép gai đâm nát trời chiều* *Những đêm dài hành quân nung nấu* *Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu"* a. Hình ảnh Đất nước bị giặc tàn phá về đời sống vật chất. b. Hình ảnh Đất nước bị giặc chà đạp về đời sống tinh thần. c. Hình ảnh Đất nước kiên cường và nghĩa tình. d. Cả A, B và C Câu hỏi 2: Ý kiến nào sau đây về bài thơ "Đất nước" là **chưa** chính xác? a. Bài thơ đã dựng lên một tượng đài Đất nước gắn liền với lịch sử cách mạng Việt Nam. b. Ngôn ngữ trong bài thơ rất giàu tính truyền thống, gần gũi với ca dao dân ca. c. Hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa khái quát cao, mang đậm lối tư duy và màu sắc hiện đại. d. Tác phẩm như một bản giao hưởng với tiết tấu từ khoan thai dìu dặt đến hối hả trào sôi. Câu hỏi 3: Với câu thơ " *Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn* " Nguyễn Khoa Điềm chủ yếu muốn thể hiện điều gì? a. Ca ngợi những người bà nhân từ mang hồn của dân tộc. b. Thể hiện hình ảnh bà c. Nhắc lại truyện cổ tích trầu cau. d. Gợi ra một phong tục đẹp – một nét văn hóa đẹp của Đất Nước. Câu hỏi 4: Dòng nghĩa chủ yếu của câu thơ " Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn " là gì? a. Ca ngợi tình yêu chung thủy của cha mẹ. b. Thể hiện một nét đẹp của đạo lí dân tộc là tình nghĩa thủy chung. c. Thể hiện niềm biết ơn sâu sắc đối với người cha, người mẹ.. d.Nhắc nhở về những câu ca dao yêu thương tình nghĩa: *"Muối ba năm muối đang còn mặn* *Gừng chín tháng gừng hãy còn cay* *Đôi ta nghĩa nặng tình dày* *Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn*	d. Cả A, B và C b. Ngôn ngữ trong bài thơ rất giàu tính truyền thống, gần gũi với ca dao dân ca. d. Gợi ra một phong tục đẹp – một nét văn hóa đẹp của Đất Nước. b. Thể hiện một nét đẹp của đạo lí dân tộc là tình nghĩa thủy chung.

ngày mới xa"... Và *"Tay nâng chén muối đĩa gừng* *Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau"* - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	

🕮 4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: *Súng nổ rung trời giận dữ* *Người lên như nước vỡ bờ* *Nước Việt Nam từ máu lửa* *Rũ bùn đứng dậy sáng loà./.* (***Đất nước*** - Nguyễn Đình Thi, *Ngữ văn 12,* Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2013, tr.125) Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Nêu ý chính của đoạn thơ trên ? 2. Tại sao trong đoạn thơ, tác giả sử dụng mỗi câu thơ đều 6 tiếng ? 3. Viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ về bức tượng đài của đất nước qua đoạn thơ. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	1. Ý chính của đoạn thơ trên : Bức tượng đài về đất nước 2. Trong đoạn thơ, tác giả sử dụng mỗi câu thơ đều 6 tiếng với cách ngắt nhịp đều đặn, dồn dập tạo bức tượng đài đất nước cân đối, hài hoà, chắc chắn, bền vững với thời gian. 3. Viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ về bức tượng đài của đất nước qua đoạn thơ. Đảm bảo các nội dung : -Đất nước có lòng căm thù giặc sâu sắc (câu 1) -Đất nước có sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc (câu 2) -Đất nước đau thương (câu 3) -Đất nước đi từ bóng tối ra ánh áng, từ nô lệ đến tự do (câu 4)

🕮 TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
GV giao nhiệm vụ: 1. Phân tích và so sánh nét tương đồng và khác biệt trong cảm nhận về Đất nước qua tác phẩm cùng tên của Nguyễn Đình Thi và Nguyễn Khoa Điềm; 2. Vẽ sơ đồ tư duy 2 tác phẩm đã học. -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**-Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau trong nội dung và nghệ thuật về cảm hứng Đất Nước ở 2 văn bản** **-Vẽ đúng sơ đồ tư duy.**	Năng lực tự học. Năng lực sáng tạo

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) - Hình ảnh đất nước được thể hiện như thế nào trong chín câu thơ đầu đoạn trích? - Tư tưởng *"Đất nước của Nhân dân"* được thể hiện tập trung trong những câu thơ nào? Trình bày cảm nhận của anh (chị) về những câu thơ đó. - "Đất nước", một đóng góp đáng nể của Nguyễn Đình Thi cho nền thi ca dân tộc.
- Chuẩn bị bài: **THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ NGỮ ÂM**

Tuần: 10
Tiết: 30

THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ NGỮ ÂM

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Biết phép tu từ ngữ âm trong văn bản .
b/ Thông hiểu:Phương thức cơ bản trong một số phép tu từ ngữ âm
c/Vận dụng thấp:Phân tích tác dụng của phép tu từ ngữ âm trong văn bản
d/Vận dụng cao:Cảm nhận và phân tích tác dụng tu từ của các phép tu từ ngữ âm trong văn xuôi, thơ trữ tình

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: nhận diện được biện pháp tu từ ngữ âm trong văn bản
b/ Thông thạo: các bước phân tích hiệu quả biện pháp tu từ ngữ âm

1.3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản có sử dụng biện pháp tu từ ngữ âm
b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi lĩnh hội và tạo lập văn bản có sử dụng biện pháp tu từ ngữ âm
c/Hình thành nhân cách: có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

2. Chuẩn bị

2.1/*Thầy*

-Giáo án ;Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
-Những ngữ liệu có sử dụng các biện pháp tu từ ngữ âm, cú pháp
-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2.2/*Trò*

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
-Đồ dùng học tập

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: - Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: Tư tưởng *"Đất nước của Nhân dân"* được thể hiện tập trung trong những câu thơ nào? Trình bày cảm nhận của anh (chị) về những câu thơ đó.

3.3. Tổ chức dạy và học bài mới:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng câu hỏi trải nghiệm sau: Trong bài thơ *Đây mùa thu tới,*nhà thơ Xuân Diệu có viết: *Những luồng run rẩy rung rinh lá.* Trong bài thơ *Việt bắc,* nhà thơ Tố Hữu có viết: *Nhớ cô em gái hái măng một mình.* Em hãy chỉ ra tài năng sử dụng phụ âm của các nhà thơ trong các câu thơ trên - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: + *Những luồng run rẩy rung rinh lá:* phụ âm r được điệp lại 4 lần +*Nhớ cô em gái hái măng một mình.:*phụ âm m được điệp lại 3 lần Từ đó, giáo viên giới thiệu vào bài: Chúng ta đã thực hành biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ (Ngữ văn 10). Trong bài học hôm nay, chúng ta tiếp tục	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

thực hành một số phép tu từ ngữ âm, như 2 câu thơ trên đã thể hiện phép tu từ ngữ âm (điệp âm) nhằm tạo hiệu quả nghệ thuật .	

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Hoạt động 1: **Tạo nhịp điệu và âm hưởng thích hợp.**(10 phút)**.**		
<u>* Thao tác 1 :</u> **Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập:** Thực hành về phép tu từ tạo nhịp điệu và âm hưởng thích hợp. **HS hoạt động nhóm (từng bàn) thảo luận Lần lượt các bài tập 1,2,3** Bài tập 1: -Đoạn văn gồm bốn nhịp (hai nhịp dài trước, hai nhịp ngắn sau) phối hợp với nhau để diễn tả nội dung của đoạn: +Hai nhịp dài thể hiện lòng kiên trì và ý nghĩa quyết tâm của dân tộc ta trong việc đấu tranh vì tự do (gan góc) với một thời gian dài (hơn 80 năm nay, mấy năm nay). +Hai nhịp ngắn khẳng định dứt khoát và đanh thép về quyền tự do và độc lập của dân tộc ta (phải được). -Kết thúc ba nhịp đầu là các thanh bằng không dấu với ba âm tiết mở (nay, nay, do) tạo ra âm hưởng ngân vang, lan xa. Kết thúc nhịp thứ bốn là một thanh trắc với một âm tiết kép (lập) tạo ra sự lắng đọng trong lòng người đọc (người nghe). -Nhịp điệu và sự phối hợp âm thanh cùng với phép lặp cú pháp (một dân tộc đó…), lặp từ ngữ (dân tộc đã gan góc, nay phải được) đã tạo ra âm hưởng hùng hồn đanh thép cho lời tuyên ngôn.	I. **Tạo nhịp điệu và âm hưởng thích hợp.** Bài tập 1: -Đoạn văn gồm bốn nhịp (hai nhịp dài trước, hai nhịp ngắn sau) phối hợp với nhau để diễn tả nội dung của đoạn: +Hai nhịp dài : +Hai nhịp ngắn : -Kết thúc ba nhịp đầu : -Nhịp điệu và sự phối hợp âm thanh cùng với phép lặp cú pháp (một dân tộc đó…), lặp từ ngữ (dân tộc đã gan góc, nay phải được) :	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. Năng lực giao tiếp tiếng Việt
Hoạt động 2: **II. Điệp âm, điệp vần, điệp thanh.**(35 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu tác dụng gợi hình tượng của biện pháp điệp phụ âm đầu trong các câu thơ. **HS hoạt động theo nhóm, trả lời các bài tập và nhân xét của các nhóm còn lại.** **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: *** Nhóm 1** *"Dưới quyên trăng quyên đã gọi hè* *Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông"* Âm đầu (l) được lặp lại bốn lần gợi ra những hình tượng bông hoa lựu đỏ lấp ló trên cành	**II. Điệp âm, điệp vần, điệp thanh.** 1.Bài tập 1: a. *"Dưới quyên trăng quyên đã gọi hè* *Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông"* Âm đầu (l) được lặp lại bốn lần :	Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tư duy

những đốm lửa lập loè. ánh lửa đó như đang phát sáng lung linh lập loè trên ngọn cây. * **Nhóm 2** " Làn ao long lánh bóng trăng loe" -Câu thơ cũng xuất hiện 4 lần phụ âm đầu "l" - Sự cộng hưởng của 4 lần lặp lại tạo nên hình tượng bóng trăng lấp lánh và phát tán cả không gian rộng lớn trên mặt ao phản chiếu của mặt nước … * **Nhóm 3** Trong bài "Thu điếu" của Nguyễn Khuyến, vần "eo" là vần chủ đạo (xuất hiện 5 lần trong thơ). Điều đó góp phần khắc hoạ hình tượng mùa thu yên tĩnh, trong trẻo ở làng quê Bắc Bộ - đồng thời cũng bộc lộ một tâm hồn thơ thanh khiết đắm say với thiên nhiên của nhà thơ. * **Nhóm 4** Trong đoạn thơ của Tố Hữu, vần "ang" xuất hiện 7 lần. Đây là vần chứa một nguyên âm rộng và âm tiết thuộc loại nửa mở (kết thúc bằng phụ âm mũi). Vần "ang" vì vậy gợi cảm giác rộng mở và chuyển động thích hợp với sắc thái miêu tả sự chuyển động mùa (từ mùa đông sang mùa xuân).	b. " Làn ao long lánh bóng trăng loe" 2. Bài tập 2: a. Trong bài "Thu điếu" của Nguyễn Khuyến, vần "eo" là vần chủ đạo … b. Trong đoạn thơ của Tố Hữu, vần "ang" xuất hiện 7 lần. …	-Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***
Hoạt động 3: **III. Tổng kết:**(5 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> Giáo viên hướng dẫn học sinh rút ra nhận xét về phạm vi sử dụng của các phép tu từ ngữ âm đã thực hành. **Hướng dẫn HS tổng kết bài học** * Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.	**III. Tổng kết:** - Phép tu từ tạo nhịp điệu và âm hưởng thường được dùng trong văn xuôi nhất là văn chính luận. - Phép tu từ tạo nhịp điệu điệp thanh thường được sử dụng nhiều trong thơ ca.	Năng lực hợp tác.

🕮 3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: **<u>Câu hỏi 1:</u>** Phép tu từ ngữ âm chủ yếu nào đã được tác giả sử dụng ở hai dòng thơ sau: "Sương nương theo trăng ngừng lưng trời Tương tư nâng lòng lên chơi vơi…" (Xuân Diệu) a. Điệp phụ âm đầu. b. Điệp vần.c. Điệp thanh. d. Biến nhịp. **<u>Câu hỏi 2:</u>** Nhà thơ Tố Hữu đã sử dụng phép điệp phụ âm đầu ở câu thơ nào sau đây? a. "Nắng chói sông Lô hò ô tiếng hát/Chuyến phà dào dạt bến nước Bình Ca". b. "Thông reo bờ suối rì rào/Chim chiều chíu chít ai nào kêu ai"	c. Điệp thanh. b. "Thông reo bờ suối rì rào/Chim

c. "Lá vàng đang đỏ ngọn cây/Sếu giang mang lạnh đang bay ngang trời" d. "Chân trời lui mãi lan lan rộng/Hi vọng tràn lên đồng mênh mông…" **Câu hỏi 3:** Trích dẫn thơ nào sau đây sử dụng biện pháp tu từ ngữ âm? a. "lơ thơ tơ liễu buông mành/ Con oanh học nói trên cành mỉa mai" b. "Tài cao phận thấp chí khí uất/Giang hồ mê chơi quên quê hương" c. Nỗi niềm chi rứa Huế ơi!/ Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên…". d. Cả A, B và C. **Câu hỏi 4:** Biện pháp tu từ ngữ âm chủ yếu nào được sử dụng ở đoạn thơ sau: "Trên dòng Hương Giang Em buông mái chèo… Trời trong veo Nước trong veo…" (Tố Hữu) a. Điệp phụ âm đầu. b. Điệp vần.c. Biến nhịp. d. Điệp thanh. **Câu hỏi 5:** Cho 2 câu thơ: *Dưới trăng quyên đã gọi hè/ Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông* được tác giả sử dụng hình thức nghệ thuật gì ? a. Điệp vần b. Điệp âmc. Điệp thanhd. Cả 3 ý kiến trên. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	chiều chíu chít ai nào kêu ai" d. Cả A, B và C. b. Điệp vần. b. Điệp âm

🕮 4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: **Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật phép tu từ ngữ âm đoạn thơ sau:** *Em ơi Ba Lan mùa tuyết tan* *Đường bạch dương sương trắng nắng tràn* *Anh đi nghe tiếng người xưa vọng* *Một giọng thơ ngâm một giọng đàn* (Tố Hữu) - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**Điệp vần:** Đoạn thơ tạo ra một âm hưởng du dương, thanh thoát bởi một loạt các tiếng (có chứa vần) như "tan, tràn, đàn" đều có âm chính là nguyên âm "a" bổng/sáng (vang sáng).

*4. **Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.***

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) -Sưu tầm thêm ngữ liệu về phép điệp âm điệp vần, điệp thanh trong ca dao, câu đối, thơ -So sánh để nhận ra sự giống nhau và khác nhau giữa các phép điệp âm, điệp vần, điệp thanh với phép điệp từ ngữ và kết cấu ngữ pháp đã học ở lớp 10.
- Chuẩn bị bài: Viết bài số 3: NLVH

Tuần: 11
Tiết: 31

THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ CÚ PHÁP

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a. Nhận biết: Biện pháptu từ cú pháp trong văn bản .
b/ Thông hiểu:Phương thức cơ bản trong một số phép tu từ cú pháp
c/Vận dụng thấp:Phân tích tác dụng của phép tu từ cú pháp trong văn bản
d/Vận dụng cao:Cảm nhận và phân tích tác dụng tu từ của các phép tu từ cú pháp trong văn xuôi, thơ trữ tình

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: nhận diện được biện pháp tu từ cú pháp trong văn bản
b/ Thông thạo: các bước phân tích hiệu quả biện pháp tu từ cú pháp

1.3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản có sử dụng biện pháp tu từ cú pháp
b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi lĩnh hội và tạo lập văn bản có sử dụng biện pháp tu từ cú pháp
c/Hình thành nhân cách: có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan các biện pháp tu từ cú pháp;
- Năng lực đọc – hiểu các tác tác phẩm văn học có sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp;
- Năng lực trình bày, phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ cú pháp;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các biện pháp tu từ cú pháp;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận có sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp;

2. Chuẩn bị

2.1/*Thầy*

-Giáo án -Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
-Những ngữ liệu có sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp
-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2.2/*Trò*

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
-Đồ dùng học tập

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: - Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp
3.2. Kiểm tra bài cũ: Phân tích những câu thơ mang đậm tính triết lí trong bài thơ *Tiếng hát con tàu*?
3.3. Tổ chức dạy và học bài mới:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng cách cho HS nhận xét biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau trong bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu: *Của ong bướm này đây tuần tháng mật* *Này đây hoa của đồng nội xanh rì* *Này đây lá của cành tơ phơ phất*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải

Của yến anh này đây khúc tình si. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: đoạn thơ sử dụng phép liệt kê: tuần tháng mật- hoa của đồng nội-lá của cành tơ-khúc tình si Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Như vậy, ngoài biện pháp tu từ ngữ âm mà chúng ta đã thực hành tiết trước, còn có biện pháp tu từ cú pháp. Chúng ta cùng thực hành biện pháp tu từ này.	quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	Năng lực cần hình thành
Hoạt động: TÌM HIỂU **Phép lặp cú pháp** (10 phút)**.**		
<u>* Thao tác 1 :</u> - Tổ chức thực hành phép lặp cú pháp **-HS thảo luận nhóm.** **- Cử đại diện trình bày, các nhóm khác bổ sung.** *** Nhóm 1,2:** 1. Bài thực hành 1 a) Bốn câu vừa lặp từ ngữ, vừa lặp cú pháp là : - *"Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật chứ không phải thuộc địa của Pháp"..* Hiệu quả nghệ thuật : mang tính khẳng định, nhấn mạnh, lời văn hài hoà, nhịp nhàng, bổ sung cho nhau. b) Đoạn thơ + Câu 1 và 2 : CN - là - của chúng ta + Câu 3, 4,5 : CN - Vn c) Đoạn thơ : Câu 1-3-5 Nhấn mạnh nỗi nhớ và kỷ niệm. 2. Bài thực hành 2 : + Giống nhau : đăng đối, nhịp nhàng, cân xứng. + Khác nhau : - Ngữ liệu 1 : Lặp giữa những câu khác nhau. - Ngữ liệu 2 : Lặp cú pháp ngay trong một câu tạo sự đối lập. 3. Bài thực hành 3 : *Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét* (Tiếng hát con tàu - Chế Lan Viên) *Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa* (Tiếng hát con tàu - Chế Lan Viên) *Dữ dội và dịu êm* *ồn ào và lặng lẽ* (Sóng - Xuân Quỳnh)	I. **Phép lặp cú pháp** 1. Bài thực hành 1 a) Bốn câu vừa lặp từ ngữ, vừa lặp cú pháp là : - *"Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật chứ không phải thuộc địa của Pháp"..* b) Đoạn thơ + Câu 1 và 2 : + Câu 3, 4,5 : c) Đoạn thơ : 2. Bài thực hành 2 + Giống nhau : + Khác nhau : - Ngữ liệu 1 : - Ngữ liệu 2 : 3. Bài thực hành 3	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. Năng lực giao tiếp tiếng Việt
Hoạt động 2: **Phép liệt kê**(10 PHÚT)		

<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản** - Tổ chức thực hành phép liệt kê **(nhóm 3)** HS đọc các ngữ liệu, phân tích hiệu quả của phép lặp cú pháp phối hợp với phép liệt kê trong 2 đoạn văn. Hiệu quả của phép lặp cú pháp phối hợp với phép liệt kê trong 2 đoạn văn : - Lời văn nhịp nhàng - Chỉ ra từng biểu hiện cụ thể, sự tiếp nối liên tục tạo sức lôi cuốn, hấp dẫn.	**II. Phép liệt kê** Bài thực hành : Hiệu quả của phép lặp cú pháp phối hợp với phép liệt kê trong 2 đoạn văn…	Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tư duy
Hoạt động 3: **Phép chêm xen** (10 PHÚT)		
<u>* Thao tác 1 :</u> - Tổ chức thực hành phép chêm xen * **Nhóm 4:** GV hướng dẫn HS làm bài thực hành 1: HS đọc 4 ngữ liệu và nhận biết bộ phận in đậm về : - Vị trí và vai trò ngữ pháp trong câu. - Dấu câu tách biệt bộ phận đó. - Tác dụng đối với việc bổ sung thông tin, tình cảm. 2. HS viết đoạn văn (từ 3 đến 5 câu) theo yêu cầu trong SGK. Sau đó cho 1 Hs trình bày, cả lớp tham gia nhận xét, thảo luận. **** HS đại diện nhóm trả lời, nhóm còn lại góp ý bổ sung*** *** Nhóm 4** 1. Bài thực hành 1 - Vị trí : nằm giữa hoặc cuối - Vai trò ngữ pháp : chú giải (phụ chú). - Dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy. - Nói rõ thêm bổ sung thông tin, bộc lộ một thái độ, cảm xúc 2. Bài thực hành 2 Đoạn văn cần đảm bảo : - Nội dung ý nghĩa. - Các câu có liên kết chặt chẽ. - Sử dụng câu có thành phần chêm xen. **Thao tác 2:Hướng dẫn HS tổng kết bài học** * Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.	**III. Phép chêm xen** 1. Bài thực hành 1 - Vị trí : - Vai trò ngữ pháp : - Dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy. - Nói rõ thêm bổ sung thông tin, bộc lộ một thái độ, cảm xúc 2. Bài thực hành 2 Đoạn văn cần đảm bảo :	Năng lực hợp tác. -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

🕮 3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: **<u>Câu hỏi 1:</u>** Các biện pháp tu từ cú pháp chủ yếu tạo hiệu quả gì sau đây ? a. Nhấn mạnh ý nghĩa một thông báo	

b. Nhấn mạnh một phần trong thông báo
c. Thể hiện các tình thái khác nhau
d. Cả A , B và C

d. Cả A , B và C

Câu hỏi 2: Các trích dẫn sau chủ yếu sử dụng biện pháp tu từ cú pháp nào ?

"Ăn thì ăn những miếng ngon
Làm thì chọn việc cỏn con mà làm"
(Ca dao)

" Đau lòng kẻ ở , người đi
Lệ rơi thấm đá , tơ chia rũ tằm" (Nguyễn Du)

" Người đi một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ"
(Hàn Mặc Tử)

a. Phép liệt kê .b. Phép lặp cú pháp
c. Phép dùng câu bị động d. Cả A ,B và C

b. Phép lặp cú pháp

Câu hỏi 3: Các trích dẫn sau đây chủ yếu sử dụng biện pháp tu từ cú pháp nào ?

- Đến rừng . Gió hôm nay đứng hẳn , chỉ có bóng cây che một chút mát trên những bộ mặt bết tro đen và mồ hôi .(Lê Khâm)
- Tôi nghĩ đến sức mạnh của thơ . Chức năng và vinh dự của thơ (Phạm Hổ)
- Hắn không còn kinh rượu nhưng cố uống cho thật ít . Để cho khỏi tốn tiền …(Nam Cao)
- Huấn đi về trạm máy . Một mình , trong đêm . (Nguyễn Thị Ngọc Tú)

a. Dùng câu bị động .
b. Phép lặp cú pháp .
c. Tách bộ phận của câu ra thành câu riêng .
d. Cả A ,B và C.

c. Tách bộ phận của câu ra thành câu riêng .

Câu hỏi 4: Các trích dẫn sau đều cùng sử dụng biện pháptu từ cú pháp nào ?

" Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa"
"Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sở"
"Xanh om cổ thụ tròn xoe tán"
"Trắng xoá tràng giang phẳng lặng tờ …"
(Hồ Xuân Hương)

"Đã tan tác những bóng thù hắc ám
Đã sáng lại trời thu tháng Tám"
(Tố Hữu)

" Vinh quang thay sự điên cuồng của những người dũng cảm"!
(Gorki)

a. Nhấn mạnh các thành phần câu (đảo ngữ)b. Dùng câu đặc biệt .
c. Phép liệt kê d. Phép điệp ngữ.

a. Nhấn mạnh các thành phần câu (đảo ngữ)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (10 PHÚT)

-Tìm thêm ngữ liệu về các phép tu từ cúa pháp trong các văn bản văn học trong SGK Ngữ Văn 12.

-So sánh phép lặp cú pháp với phép điệp âm, vần, thanh hay điệp từ ngữ để thấy sự giống nhau và khác nhau giữa chúng.

- Chuẩn bị bài mới

Tuần: 11
Tiết: 32

TRẢ BÀI LÀM VĂN GIỮA HK1

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Củng cố kiến thức về nghị luận văn học rút kinh nghiệm cách viết một bài nlvh.

1.2. Nhận ra những ưu - nhược điểm về kiến thức về kiến thức và khả năng viết bài nghị luận về thơ trữ tình.

1.3. Rút kinh nghiệm để phát huy những ưu điểm và hạn chế nhược điểm để chuẩn bị cho bài làm văn HK1.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. HS chuẩn bị dàn ý bài viết (ở nhà).

2.2. GV chấm chữa bài, chuẩn bị nhận xét chung và nhận xét cụ thể.

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức

3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)

3.3. Tiến trình dạy học:

Hoạt động của thầy và trò	*Nội dung cần đạt*
Hoạt động 1 - Tổ chức phân tích đề 1. GV tổ chức cho HS ôn lại cách phân tích đề (Khi phân tích một đề bài, cần phân tích những gì ?) HS áp dụng để phân tích đề bài viết số 3.- HS nhớ lại kiến thức phân tích đề, áp dụng phân tích đề bài số 3. - GV định hướng, gạch dưới những từ ngữ quan trọng để chỉ ra các yêu cầu của đề.	I. Phân tích đề 1. Khi phân tích một đề bài, cần phân tích : - Nội dung vấn đề. - Thể loại nghị luận và những thao tác lập luận chính. - Phạm vi tư liệu cần sử dụng cho bài viết. 2. Phân tích đề bài viết số 3 - Yêu cầu kiểu bài Đọc hiểu và Nghị luận về 1 đoạn thơ kết hợp ý kiến bàn về văn học - Yêu cầu nội dung : - Yêu cầu về phương thức diễn đạt, vận dụng thao tác phân tích là chính kết hợp thao tác lập luận, giải thích, so sánh, bình luận.
Hoạt động 2 - Tổ chức xây dựng đáp án (dàn ý) GV tổ chức cho HS xây dựng dàn ý chi tiết cho đề bài viết số 3	II. Xây dựng đáp án (dàn ý) (Xem phụ lục ở dưới)
Hoạt động 3 - Tổ chức nhận xét, đánh giá bài viết	
Hoạt động 4 - Tổ chức sửa chữa lỗi bài viết	IV. Sửa chữa lỗi bài viết + Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí. + Sự kết hợp các thao tác nghị luận chưa hài hòa, chưa phù hợp với từng ý. + Kĩ năng phân tích, cảm thụ còn kém. + Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp,…
Hoạt động 5 - Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm.	V. Tổng kết: Nội dung tổng kết và rút kinh nghiệm dựa trên cơ sở chấm, chữa bài cụ thể.

Tuần: 11,12
Tiết: 33-35

SÓNG - *Xuân Quỳnh* -

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật
b/ Thông hiểu: Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả
c/Vận dụng thấp: - Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật kết cấu, xây dựng hình ảnh, nhịp điệu và ngôn từ của bài thơ.
d/Vận dụng cao:- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và niềm khát khao của người phụ nữ về một tình yêu thuỷ chung, bất diệt.

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ hoặc ý kiến bàn về bài thơ Sóng;
b/ Thông thạo: các bước đọc hiểu một bài thơ trữ tình hiện đại Việt Nam

1.3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại
b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi cảm thụ văn học
c/Hình thành nhân cách: có tình yêu trong sáng, chân thành và khát vọng lớn lao.

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thơ Sóng
-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận nhóm, trình bày 1 phút…)
-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản
-Năng lực đọc - hiểu tác phẩm trữ tình;
-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vẻ đẹp của bài thơ.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy
2.2. Chuẩn bị của HS: SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức
3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)
3.3. Tiến trình dạy học: TIẾT 1

🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: * GV: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) + Chuẩn bị bảng lắp ghép + Nghe 1 đoạn trong bài hát *Thuyền và biển* liên quan đến tác giả - HS thực hiện nhiệm vụ: * HS: +Nhìn hình đoán tác giả + Lắp ghép tác phẩm với tác giả Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Trong những ngày chống Mĩ cứu nước, một gương mặt thơ nữ xuất hiện với giọng thơ dịu dàng, đằm thắm, khát khao mãnh liệt về tình yêu , về	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

hạnh phúc đời thường. Tác giả đó chính là nhà thơ Xuân Quỳnh và bài thơ *Sóng* mà chúng ta sẽ tìm hiểu hôm nay.	

🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động: TÌM HIỂU CHUNG	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm** ? Dựa vào Tiểu dẫn, hãy giới thiệu đôi nét về tác giả XQ ? *Trình chiếu các đoạn clip về XQ* ? Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ? ? Hãy xác định đề tài của bài thơ? ? Bài thơ của Xuân Quỳnh có phải chỉ nói về sóng biển ? HS Tái hiện kiến thức và trình bày. + HS đọc mục Tiểu dẫn, nêu cảm nhận về cuộc đời và phong cách thơ Xuân Quỳnh. Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mĩ... thơ Xuân Quỳnh... về văn học nghệ thuật. Bài thơ Sóng: Kết quả chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền, Thái Bình (cuối 1967), đưa vào tập thơ Hoa dọc chiến hào - tập thơ riêng đầu tiên của Xuân Quỳnh (1968).	**I. Tìm hiểu chung:** **1. Tác giả:** - Cuộc đời bất hạnh; luôn khao khát tình yêu, mái ấm gia đình và tình mẫu tử. - Đặc điểm hồn thơ: tiếng nói của người phụ nữ giàu yêu thương, khao khát hạnh phúc đời thường, bình dị; nhiều âu lo, day dứt, trăn trở trong tình yêu. **2. Tác phẩm:** **a. Hoàn cảnh sáng tác :** - Được viết tại biển Diêm Điền (Thái Bình) năm 1967. **b. Đề tài và chủ đề:** - Đề tài: Tình yêu. - Chủ đề: Mượn hình tượng sóng để diễn tả tình yêu của người phụ nữ. Sóng là ẩn dụ cho tâm hồn người phụ nữ đang yêu.
Hoạt động 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN- Khổ 1 và 2	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản** +GV lưu ý khi đọc: nhịp thơ khá đều đặn và biến đổi: 3/ 2; 2/1/2, 2/3... giọng thơ suy tư, chiêm nghiêm và không kém phần băn khoăn, day dứt và nồng nhiệt, chân thành. + GV cùng 3- 4 HS đọc toàn bài; nhân xét kết quả đọc. **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS tìm hiểu khổ 1 và 2 + HS đọc diễn cảm lại 2 khổ thơ đầu. + GV hỏi: Những tính từ *dữ dội và dịu êm, ồn ào và lặng lẽ* nói lên điều gì? của cái gì? nghĩa đen và nghĩa bóng (ẩn dụ)? **<u>TIẾT 2</u>**	**II. Đọc - hiểu văn bản :** **1/Sóng và em – những nét tương đồng:** **a. Sóng là đối tượng để nhận thức tình yêu:** - Khổ 1: + Tiểu đối: *Dữ dội - dịu êm; ồn ào - lặng lẽ* → mở đầu bằng 4 tính từ: Miêu tả trạng thái đối lập của sóng và liên tưởng đến tâm lí phức tạp của người phụ nữ khi yêu (khi sôi nổi, mãnh liệt khi dịu dàng, sâu lắng). + Phép nhân hoá: "Sông - không hiểu mình" "Sóng - tìm ra bể" → Con sóng mang khát vọng lớn lao: Nếu "sông không hiểu nổi mình" thì sóng dứt khoát từ bỏ nơi chật hẹp để "tìm ra tận bể", tìm đến nơi cao rộng, bao dung. => Hành trình "tìm ra tận bể" của sóng cúng chính là quá trình tự khám phá, tự nhận thức, chính bản thân, khát khao sự đồng cảm, đồng điệu, chủ động trong tình

Vì sao câu trên là sông? câu dưới là sóng? Quan niệm về tình yêu gắn liền với sông và sóng có ý nghĩa gì? Khổ thơ thứ hai, nêu nhận xét gì mới về sóng và về tình yêu tuổi trẻ? * 1 HS đọc, cả lớp theo dõi. **** HS trả lời cá nhân*** -Các đặc điểm trái ngược và thống nhất của sóng theo không gian, theo thời gian. - Đó cũng là tính khí thất thường, rắc rối của những cô gái mới lớn khi sắp bắt đầu một mối tình. Đó là quy luật của sóng nước, sóng biển cũng là quy luật tâm lí của thiếu nữ. -Cách mở đầu bài thơ bằng nhận xét mô tả trực tiếp những đặc tính của thiên nhiên - những phẩm chất và quy luật của con người khiến người đọc ngỡ ngàng, ngạc nhiên và thú vị. + Sông và sóng chứ không phải sóng và sóng vì đó là nguyên bản của tác giả. -Hơn nữa, sóng sông khác sóng biển. Có ra đến biển, có gặp sóng trên biển lớn mới trải hết mọi cung bậc của sóng .	yêu. **- Khổ 2:** + Quy luật của sóng: *Sóng: ngày xưa, ngày sau: vẫn thế* → sự trường tồn của sóng trước thời gian: vẫn dạt dào, sôi nổi. + Quy luật của tình cảm: "Khát vọng tình yêu - bồi hồi trong ngực trẻ" → Tình yêu là khát vọng lớn lao, vĩnh hằng của tuổi trẻ và nhân loại. => Xuân Quỳnh đã liên hệ tình yêu tuổi trẻ với con sóng đại dương. Cũng như sóng, con người đã đến và mãi mãi đến với tình yêu. Đó là quy luật muôn đời. =>Yêu là tự nhận thức, là vươn tới miền bao la,vô tận.
Hoạt động: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN – các khổ thơ còn lại	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản** **Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:** **+ Nhóm 1, 2 thảo luận khổ 3, 4 ?** **GV:** Cái hay của đoạn thơ là sự đầu hàng của nhận thức, là sự bất lực của lí trí: *em cũng.....ta yêu nhau*. **GV:** Thơ Xuân Diệu: *"Làm sao cắt nghĩa được tình yêu"*. Nhà toán học Pascan: "*trái tim có những lí lẽ riêng mà lí trí không thể nào hiểu nổi"*. Nỗi nhớ trong tình yêu được diễn tả như thế nào? **<u>TIết 3</u>** **+ Nhóm 3, 4 thảo luận khổ 5, 6, 7** **GV:** Nỗi nhớ trong tình yêu là cảm xúc tự nhiên của con người, đã được miêu tả rất nhiều trong thơ ca xưa cũng như nay: *Nhớ ai bổi hổi bồi hồi/Như đứng đống lửa, như ngồi đống than* (Ca dao) *Nhớ chàng đăng đẳng đường lên bằng trời* (Chinh phụ ngâm) *Anh nhớ tiếng, anh nhơ hình, anh nhớ ảnh. Anh nhớ em, anh nhớ lắm. Em ơi!.* (Xuân Diệu) ? Tìm các biện pháp tu từ được sử dụng để	**b. Sóng là đối tượng để suy tư về nguồn gốc và nỗi nhớ trong tình yêu đôi lứa**: - Khổ 3: Suy tư về tình yêu → quay về lòng mình, nhu cầu tìm hiểu, phân tích, khám phá tình yêu - Khổ 4: Đi tìm câu hỏi tu từ cho câu hỏi ở khổ 3: => Đây là cách cắt nghĩa tình yêu rất chân thành và đầy nữ tính. - Khổ 5: Nỗi nhớ của sóng và em + Bao trùm cả không gian : *dưới lòng sâu, sóng trên mặt nước* + Thao thức trong mọi thời gian: *ngày đêm không ngủ được* → Phép đối, phép điệp, nhân hóa, giọng thơ dào dạt, náo nức, mãnh liệt: diễn tả nỗi nhớ da diết, không thể nào nguôi, cứ cuồn cuộn, dào dạt như sóng biển triền miên. + Sóng nhớ bờ mãnh liệt, tha thiết, còn em nhớ anh đắm say hơn bội phần : *Lòng em nhớ đến anh* *Cả trong mơ còn thức*

tác giả thể hiện nỗi nhớ?
* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.
**** HS đại diện nhóm trả lời***
Nhóm 3, 4 :
-Vẫn bắt đầu cảm xúc và suy nghĩ từ hình tượng sóng để nói về em.
-Tình yêu bao giờ cũng được thử thách trong sự xa cách trong không gian và trong thời gian. Và nỗi nhớ thương, trăn trở, khao khát được gặp gỡ là phẩm chất đặc biệt thường trực của tình yêu.
-Cái hay của khổ thơ là lại liên hệ đến sóng, nhân hoá sóng: con sóng nào cũng thao thức vỗ mãi suốt đêm ngày vì nhớ bờ không nguôi, không ngủ.
-Còn nỗi nhớ của em còn hơn thế: cả trong mơ còn thức.
-Nỗi nhớ thường trực, không khi nào chịu yên. Cách nói nhấn mạnh đến cái phi lí trong tâm lí mà có lí trong tình em: nhớ cả trong mơ, càng trong mơ càng dậy lên nỗi nhớ.
-Nhớ và hướng về anh, thuỷ chung như nhất với anh. Phẩm chất tình cảm này của em được diễn tả bằng cách nói tưởng chừng phi lí: xuôi bắc, ngược nam và cái phương anh đã chứng minh tấm lòng son sắt của trái tim cô gái đang yêu thời hiên đại..
-Sóng nào chẳng cố hướng vào bờ để tìm sự ngơi nghỉ, dừng chân? cũng như tình em chỉ hướng về anh, chỉ nghĩ về anh, không biết mệt mỏi, không nghĩ về mình, đầy sự chia sẻ, hi sinh.
Nhóm 5,6: cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu khổ 8, 9?
? Em hiểu như thế nào về khổ thơ này?
Cuộc đời tuy dài thế
.....*Mây vẫn bay về xa*
? Lo âu, trăn trở tất yếu dẫn đến khát khao gì ở XQ?
Nhóm 5,6:
- Từ những suy nghĩ về tình yêu, hi sinh, và chung thuỷ suốt đời, nhà thơ mở rộng hơn, nghĩ về mối quan hê giữa cái hữu hạn và cái vô hạn, giữa cuộc đời mỗi người, tình yêu mỗi lứa đôi và cuộc đời chung, và thiên nhiên vũ trụ và thời gian vô cùng.
- Câu hỏi day dứt thể hiên khao khát tình yêu cao cả và bất tử và tìm cách thực hiên chính là mong muốn được tan ra, được hoá

→ Cách nói cường điệu nhưng hợp lí: nhằm tô đậm nỗi nhớ (choáng ngợp cõi lòng không chỉ trong ý thức mà thấm sâu vào trong tiềm thức).
=> Bày tỏ tình yêu một cách chân thành, tha thiết mà mạnh dạn, mãnh liệt.
- Khổ 6: Lòng chung thuỷ
+ Cách nói khẳng định :
++em : dẫu xuôi - phương bắc; dẫu ngược - phương nam,
++em : vẫn *Hướng về anh một phương*
→ Lời thề thủy chung tuyệt đối trong tình yêu : dù đi đâu về đâu vẫn hướng về người mình đang thương nhớ đợi chờ.
+ Các điệp ngữ : *dẫu xuôi về, dẫu ngược về* + điệp từ *phương*, cách nói ngược *xuôi Bắc, ngược Nam*
→ Diễn tả hành trình vất vả của sóng nhằm khẳng định niềm tin đợi chờ trong tình yêu.
- Khổ 7 : Bến bờ hạnh phúc .
+ Mượn hình ảnh của sóng :
« Ở ngoài kia đại dương » - « Con nào chẳng tới bờ »
→ quy luật tất yếu.
+ Sóng tới bờ dù cách trở: Tình yêu là sức mạnh giúp em và anh vượt qua gian lao, thử thách để đạt đến bến bờ hạnh phúc.
=> XQ thể hiện **cái tôi** của một con người luôn có niềm tin mãnh liệt vào tình yêu.

3. Những suy tư, lo âu, trăn trở trước cuộc đời và khát vọng tình yêu:
- cuộc đời tuy dài >< năm tháng vẫn đi qua.
- Biển dẫu rộng >< mây vẫn bay về xa.
-> Đó là sự nhạy cảm và lo âu, trăn trở của XQ về sự hữu hạn của đời người và sự mong manh của hạnh phúc.
+ *Làm sao …..* khao khát sẻ chia và hòa nhập
Thành trăm vào cuộc đời.
+ *Giữa biển …..* khát vọng được sống mãi
Để ngàn ….. trong TY, bất tử với TY
=> khát vọng khôn cùng về tình yêu bất diệt

thân và hoà nhập thành trăm ngàn con sóng nhỏ giữa biển lớn tình yêu của nhân dân và nhân loại.	
Hoạt động: TỔNG KẾT	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS tổng kết bài học** ? Hãy chỉ ra ý nghĩa của văn bản? ? Đánh giá về nghệ thuật của bài thơ ? Nhận xét về thể thơ, nhịp thơ và hình tượng "*sóng*" ? **** HS trả lời cá nhân*** **Hướng dẫn HS tổng kết bài học** * Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.	**III. Tổng kết:** **1. Nghệ thuật :** - Thể thơ 5 chữ truyền thống; cách ngắt nhịp, gieo vần độc đáo, giàu sức liên tưởng. - Xây dựng hình tượng ẩn dụ, giọng thơ tha thiết. **2. Ý nghĩa văn bản:** Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu hiện lên qua hình tượng sóng: tình yêu thiết tha, nồng nàn, đầy khát vọng và sắt son chung thủy, vượt lên mọi giới hạn của đời người.

🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS
GV giao nhiệm vụ: <u>Câu hỏi 1:</u> Tập thơ nào dưới đây không phải của Xuân Quỳnh? a. Tơ tằm - Chồi biếc b. Hoa dọc chiến hào c. Bài thơ cuộc đời d. Lời ru trên mặt đất. <u>Câu hỏi 2:</u> Bài thơ Sóng được in trong tập thơ nào ? a. Gió Lào cát trắng . b. Hoa dọc chiến hào c. Lời ru trên mặt đất. d. Tơ tằm - Chồi biếc <u>Câu hỏi 3:</u> Qua bài thơ Sóng, nhà thơ Xuân Quỳnh muốn bày tỏ điều gì ? a. Đời sống nội tâm phong phú và đa dạng của người phụ nữ b. Âm điệu dữ dội và sự phong phú của những con sóng trên biển cả. c. Những trạng thái tâm trạng, những cung bậc tình cảm khác nhau trong trái tim người phụ nữ đang rạo rực yêu đương. d. Những cung bậc đa dạng, phong phú của tình yêu. <u>Câu hỏi 4:</u> Yếu tố nào dưới đây làm nên nét độc đáo trong âm điệu bài thơ? a. Thể thơ năm chữ b. Cách ngắt nhịp, phối âm linh hoạt, phóng túng. c. Phương thức tổ chức ngôn từ, hình ảnh d. Cả 3 ý trên. <u>Câu 5:</u> Dòng nào dưới đây chưa nói đúng về ý nghĩa của hình ảnh Sóng trong bài thơ Sóng? a. Là hình ảnh tả thực trong tự nhiên. b. Là hình ảnh ẩn dụ cho tâm trạng người con gái đang yêu. c. Là hình ảnh về người yêu của người con gái đang yêu. d. Là hình ảnh so sánh với người con gái đang yêu. - HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)
- Tìm những bài thơ sử dụng hình ảnh Sóng và biển để diễn tả tình yêu. - Bài thơ được kết cấu theo cách triển khai hai hình tượng sóng đôi là Sóng và em. Hãy nhận xét về ý nghĩa của kết cấu ấy.

- Chuẩn bị bài: Đàn ghi ta của Lorca

Tuần: 12
Tiết: 36

ĐÀN GHI TA CỦA LORCA

(THANH THẢO)

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1..Kiến thức

- Hình tượng cao cả, đẹp đẽ của nhà thơ-chiến sĩ Lor-ca .
- Hình thức biểu đạt mang phong cách hiện đại của Thanh Thảo.
- Cảm nhận được tình cảm tri ân sâu sắc pha nỗi xót xa ân hận muộn màng của nhà thơ đối với người bà đã khuất.

1.2. Kĩ năng

- Đọc- hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.
- Làm quen với cách biểu đạt mang đậm dấu ấn của trường phái siêu thực

1.3. Thái độ:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của thơ hiện đại Việt Nam trong lịch sử văn học dân tộc
-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà thơ hiện đại sau 1975 đem lại
-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong thơ hiện đại Việt Nam .sau 1975

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan thơ hiện đại Việt Nam sau 1975
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam từ sau 1975
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về thơ hiện đại Việt Nam
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn này.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của thơ hiện đại Việt Nam từ sau 1975 so với các giai đoạn trước đó; so sánh thơ siêu thực Việt Nam với thơ siêu thực nước ngoài.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy
2.2. Chuẩn bị của HS: SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức
3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)
3.3. Tiến trình dạy học:

🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài thơ bằng cách cho HS: -Xem chân dung Lor-ca, nhà thơ Thanh Thảo -Xem một đoạn videoclip về văn hoá Tây Ban Nha (đấu bò tót, đàn Tây Ban Cầm). Nghe một đoạn bài hát *Nếu tôi chế hãy chôn tôi với cây đàn ghi ta* - HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Mỗi dân tộc trên thế giới có một nền văn hoá riêng. Với đất nước Tây Ban Nha xa xôi, bản sắc văn hoá của họ chính là tiếng đàn ghi ta, cảnh đấu bò tót … Hôm nay, chúng ta sẽ được học một bài thơ liên quan đến điều này qua bài thơ của nhà thơ Thanh Thảo.	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động: TÌM HIỂU CHUNG	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm** ? Nêu những nét chính về nhà thơ Thanh Thảo? ? Nêu những đặc điểm thơ Thanh Thảo? ? Nêu xuất xứ của bài thơ và những hiểu biết về Lorca? **** HS trả lời cá nhân:*** Tác giả Thanh Thảo (1946):Hồ Thành Công (Quảng Ngãi)- một trong những nhà thơ nổi tiếng thời chống Mĩ với các tập trường ca và tập thơ có những khám phá đổi mới trong tư duy thơ và hình thức thể loại. Tập thơ Khối vuông ru bích (1985) với bài thơ Đàn ghi-ta của Lor-ca. + GV nhấn mạnh và giải thích câu thơ đề từ - lời của chính Phê-đê-ri-cô Gác-xi-a Lor-ca: Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn. với những ý nghĩa khác nhau.	***I- Tìm hiểu chung:*** **1- Tác giả:** - Thanh Thảo là một trong những gương mặt tiêu biểu cho các nhà thơ trưởng thành trong k/c chống Mĩ. - Ngòi bút hướng nội giàu suy tư, trăn trở về cuộc sống của nhân dân, đất nước và thời đại; luôn tìm tòi những hình thức biểu đạt mới. **2- Tác phẩm:** - In trong tập "Khối vuông ru bích"- 1985, là một trong những sáng tác tiêu biểu cho kiểu tư duy thơ tượng trưng. - Đàn ghi ta (Tây Ban Cầm) có 6 dây, một nhạc cụ truyền thống của Tây Ban Nha. - Lor-ca (1898 - 1936): nhà thơ thiên tài của TBN, người có khát vọng tự do và cách tân nghệ thuật mãnh liệt, bị chính quyền phản động thân phát xít bắt giam và giết hại.
Hoạt động: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN	
*** Thao tác 1: Hướng dẫn HS đọc văn bản** + Chú ý giọng điệu phóng khoáng, khi cô đơn, khi đau đớn, khi tha thiết, câu thơ mô phỏng tiếng hát, tiếng đàn: li-la-li-la-li-la cần đọc nhanh, âm thanh ríu rít. GV cùng HS đọc toàn văn bài thơ. Nhận xét cách đọc và kết quả đọc. *** Thao tác 2: Tìm hiểu Hình tượng Lor-ca qua cảm nhận của nhà thơ** + GV hỏi: Hình ảnh Lor-ca nhà thơ - nhạc sĩ - nghê sĩ Tây Ban Nha hiên lên như thế nào trong tưởng tượng của Thanh Thảo? Tiếng đàn ghi-ta li-la-li-la và được ví như bọt nước, hình ảnh áo choàng đỏ gắt, vầng trăng chếnh choáng, yên ngựa mỏi mòn... gợi cho em những liên tưởng gì? -Hình ảnh so sánh ẩn dụ mới mẻ: tiếng đàn bọt nước thể hiên sự tinh tế mong manh của tiếng đàn mới mẻ, của ước vọng đổi mới nền âm nhạc Tây Ban Nha của nhà nghê sĩ thiên tài. -Hình ảnh *áo choàng đỏ gắt* mang ý nghĩa khái quát biểu tượng một trong những đặc điểm văn hoá đặc trưng của đất nước này: những lễ hội,	***II- Đọc- hiểu văn bản:*** **1. Hình tượng Lor-ca qua cảm nhận của nhà thơ** **a. Người nghệ sĩ tự do với khát vọng cách tân nghệ thuật:** * Với những hình ảnh tượng trưng: - Tiếng đàn bọt nước. - Áo choàng đỏ gắt -> gợi không gian đậm chất văn hoá Tây Ban Nha. + Khát vọng dân chủ của công dân Lor-ca >< nền chính trị độc tài TBN. + Khát vọng cách tân nghệ thuật >< nền nghệ thuật già nua TBN. - Li-la li-la li-la. - Vầng trăng chếnh choáng. - Trên yên ngựa mỏi mòn. -> Người nghệ sĩ - chiến sĩ tự do và cô đơn trong cuộc chiến đấu chống lại chế độ độc tài. -> Hình ảnh Lor-ca được giới thiệu chỉ bằng vài nét chấm phá -> ảnh hưởng của trường phái ấn tượng.

phong tục đấu bò tót trong những đấu trường đẫm máu với những dũng sĩ, đấu sĩ anh hùng khoác tấm choàng đỏ thắm để dụ và kích thích con bò.

-Câu thơ mô phỏng tiếng đàn ghi-ta vang lên như điệp khúc rộn ràng mà du dương. Trên cái nền âm thanh đặc biêt quyến rũ ấy là hình ảnh người nghê sĩ một mình một ngựa đi về những miền cô đơn. Trong cơn say chếnh choáng của khát vọng đổi mới, nhà thơ đã có những sáng tạo vượt thoát ra khỏi nền nghê thuật già nua đương thời.

+ GV hỏi: Cái chết của người anh hùng đấu tranh cho tự do trong cảm nhận và suy tư của nhà thơ Việt nửa thế kỉ sau được diễn tả như thế nào? Những hình ảnh nào được nhắc lại và phát triển thêm? Dụng ý nghê thuật của tác giả? Em hình dung những hình ảnh ẩn dụ tả tiếng đàn: *tiếng đàn nâu, tiếng đàn xanh, tiếng đàn tròn bọt nước vỡ tan...*như thế nào?

**** HS trả lời cá nhân***

+ HS đọc 12 câu tiếp.

-Cái chết của nhạc sĩ thật đột ngột, đau đớn. Chàng bị nhà cầm quyền giết hại. Hình ảnh chiếc *áo choàng bê bết đỏ* gợi liên hệ đến những cuộc đấu bò đẫm máu mà đôi khi những đấu sĩ anh hùng cũng bị thương hoặc thiệt mạng dưới cặp sừng của con súc sinh.

-Hình ảnh Lor-ca đi ra bãi bắn như người mộng du trong tiếng ghi ta nâu, xanh, vỡ tan bọt nước, ròng ròng máu chảy là cách thể hiên mới mẻ, ấn tượng, chuyển đổi màu sắc - âm thanh trong cảm xúc và tưởng tượng của nhà thơ, gây ấn tượng mới và mạnh nơi người đọc.

+ Tiếng ghi ta nâu -> trầm tĩnh, nghĩ suy.

+ Tiếng ghi ta lá xanh -> thiết tha, hy vọng.

+ Tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan -> bàng hoàng, tức tưởi.

+ Tiếng ghi ta ròng ròng máu chảy -> đau đớn, nghẹn ngào.

<u>* Thao tác 3 :</u> Hướng dẫn HS đọc - hiểu Tâm trạng của tác giả:

Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:

*** Nhóm 1**: Nỗi xót thương cho cái chết của một thiên tài. Là nỗi xót tiếc hành trình cách tân dang dở không chỉ của Lor-ca mà còn với nền văn chương TBN.

*** Nhóm 2**: chính nhà thơ, trong câu thơ đề từ lại mong muốn hâu thế sẽ vượt qua mình. Chôn tôi với cây đàn không chỉ là vì không thể thiếu được,

b- Cái chết bất ngờ với Lor-ca:

- Lor-ca bị bắt và hành hình:

+ Áo choàng bê bết đỏ.

+ Lor-ca bị điệu về bãi bắn.

+ Chàng đi như người mộng du.

-> Lor-ca đến với cái chết một cách hiên ngang và bình thản.

- Hình ảnh tượng trưng diễn tả nỗi lòng của Lor-ca:

=> Hình ảnh Lor-ca với cái chết bất ngờ, oan khuất, bi phẫn bởi những thế lực tàn ác.

- Nghệ thuật khắc họa tiếng đàn:

+ Phép điệp: "tiếng ghi ta" và nâng cấp độ âm thanh bằng những thanh T gieo vào tiếng cuối.

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác qua hệ thống âm thanh (ghi ta) vỡ ra thành màu sắc (nâu, xanh) thành hình khối (tròn bọt nước vỡ tan) thành hình ảnh động (ròng ròng máu chảy).

=> Tiếng đàn là nỗi lòng, là tình yêu đối với cái đẹp của Lor-ca. Cái chết đã biến Lor-ca thành hình tượng bất tử, là lời tuyên chiến mạnh mẽ của người nghệ sĩ chân chính trong môi trường bạo lực thống trị.

2- Tâm trạng của tác giả:

- Đồng cảm với nguyện vọng của Lor-ca (Qua lời di chúc của Lor-ca)

- Câu thơ:*"không ai chôn cất tiếng đàn, tiếng đàn như cỏ mọc hoang*":

-> Nghệ thuật thành thứ cỏ mọc hoang - Cái đẹp không thể huỷ diệt, sẽ sống truyền lan giản dị mà kiên cường.

- Trân trọng Lor-ca và đã hoàn thành tâm nguyện của ông: để Lor-ca thực sự được giải thoát:

+ *Lor-ca bơi sang ngang.*

+ *ném lá bùa.*

xa được cây đàn ngay cả khi đã chết mà còn hàm ý nghệ thuật của Lor-ca sẽ nhất định được phát triển và thay thế bằng nghệ thuật mới của lớp trẻ, hay hơn, giá trị hơn, hiện đại hơn... * **Nhóm 3**: giọt nước mắt: sự thương tiếc , đường chỉ tay, dòng sông, lá bùa, chiếc ghi ta màu bạc…: gợi số mệnh đã an bài. ***Nhóm 4**: Lor-ca cưỡi trên chiếc ghi-ta màu bạc, ném lá bùa vào xoáy nước, ném trái tim mình vào lặng yên bất chợt, bơi qua dòng sông mênh mông - biên giới của 2 cõi - thanh thản, vĩnh biệt những hệ luỵ trần gian, trong tiếng đàn ghi-ta vẫn văng vẳng li-la-li-la... gợi cho người đọc nỗi buồn và tình yêu, ngưỡng vọng thấm thía.	+ *ném trái tim vào xoáy nước, vào cõi lặng yên* -> đều mang ý nghĩa tượng trưng cho sự giã từ và giải thoát, chia tay thực sự với những ràng buộc và hệ luỵ trần gian. => Cái chết không thể tiêu diệt được tâm hồn và những sáng tạo nghệ thuật của Lor- ca. Nhà cách tân vĩ đại của đất nước TBN đã trở thành bất tử trong chính cuộc giã từ này.
Hoạt động: **Tổng kết**	
<u>* Thao tác 1 :</u> Yêu cầu hs tự tổng kết bài học về phương diện nội dung và nghệ thuật. **** HS trả lời cá nhân*** * Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.	**III. Tổng kết:** 1/ **Nghệ thuật:** Thể thơ tự do, không dấu câu, không dấu hiệu mở đầu, kết thúc sử dụng hình ảnh, biểu tượng - siêu thực có sức chứa lớn về nội dung; tạo ra màu sắc Tây Ban Nha rất đậm nét trong bài thơ ; kết hợp hai yếu tố thơ và nhạc. **2) Ý nghĩa văn bản:** Ngợi ca vẻ đẹp nhân cách, tâm hồn và tài năng của Lor-ca – nhà thơ, nhà cách tân vĩ đại của văn học Tây Ban Nha và thế giới thế kỉ XX.

🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: **<u>Câu hỏi 1:</u>** *Nỗi đau xót sâu sắc trước cái chết bi thảm của Lor – ca được thể hiện rõ nét và ấn tượng nhất ở hình ảnh thơ nào?* a. Áo choàng bê bết đỏ. b. Giọt nước mắt vầng trăng – long lanh trong đáy giếng. c. Lor- ca bơi sang ngang. d. Chàng ném là bùa cô gái Di – gan vào xoáy nước **<u>Câu hỏi 2:</u>** *Hình ảnh tiếng đàn trong bài thơ có nét gần gũi với cách thể hiện của văn học thời kì nào?* a. Văn học dân gian. b. Văn học cổ điển Việt Nam. c. Văn học hiện đại phương Tây. d. Văn học cổ điển Trung hoa. **<u>Câu hỏi 3:</u>** *Nhân vật trữ tình hiện lên trong bài thơ có đặc điểm như thế nào?* a. Là một nghệ sĩ tài hoa, lãng mạng. b. Một con người yêu tự do. c. Một tráng sĩ dũng cảm d. Cả A, B và C. **<u>Câu hỏi 4:</u>** *Ý kiến nào về bài thơ Đàn ghi ta của Lor – ca là **chưa** chính xác?*	ĐÁP ÁN [1]='b' [2]='c' [3]='d' [4]='a'

a. Đậm đà màu sắc Đường thi. b. Chịu ảnh hưởng mạnh của thuyết tương giao. c. Nhuốm màu sắc tượng trưng và siêu thực. d. Ngôn từ hết sức mới mẻ hiện đại. - HS thực hiện nhiệm vụ. HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ
-Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ này là ở tính hiện đại của nó.Em có đồng ý với nhận xét này không? Thử chứng minh. - Đọc kĩ và ghi nhớ nội dung mục Ghi nhớ tr.165.
- Chuẩn bị bài mới

Tuần: 13
Tiết: 37

QUÁ TRÌNH VĂN HỌC VÀ PHONG CÁCH VĂN HỌC

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1..Kiến thức: Hiểu được khái niệm phong cách văn học, biết nhận diện những biểu hiện của phong cách văn học.
1.2. Kĩ năng: Nhận diện các trào lưu văn học. Thấy được những biểu hiện của pcvh.
1.3. Thái độ: Quan tâm đến những vấn đề liên quan đến lí luận văn học.
1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:
-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về lí luận văn học.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy
2.2. Chuẩn bị của HS: SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức
3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)
3.3. Tiến trình dạy học:

🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng cách cho HS: ôn lại một số kiến thức văn 11, 12 liên quan đến bài học 1. Tác phẩm nào được xếp vào trào lưu lãng mạng? a/ Chí Phèo (Nam Cao) b/ Vội vàng (Xuân Diệu) c/ Chữ người tử tù(Nguyễn Tuân) d/ Từ ấy (Tố Hữu) 2. Tác phẩm nào sau đây thể hiện phong cách thơ có bút pháp cổ điển và tinh thần hiện đại? a/ Chân quê(Nguyễn Bính) b/ Vội vàng (Xuân Diệu) c/ Chiều tối(Hồ Chí Minh) d/ Từ ấy (Tố Hữu) - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **Gợi ý trả lời: 1b;2c** Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu được xếp vào trào lưu văn học lãng mạn; bài thơ Chiều tối của HCM thể hiện phong cách độc đáo: bút pháp cổ điển và tinh thần hiện đại. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu một bài học mang tính LLVH liên quan đến trào lưu văn học và phong cách nghệ thuật	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**Kiến thức cần đạt**
Hoạt động: **Quá trình văn học**	
<u>* Thao tác 1 :</u> - Tổ chức tìm hiểu quá trình văn học 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu khái niệm quá trình văn học.	**I. Quá trình văn học** 1. Khái niệm quá trình văn học - Văn học là một ngoại hình

(Trước khi yêu cầu Hs đưa ra khái niệm : Quá trình văn học, GV yêu cầu HS nhắc lại các khái niệm : văn học là gì ? và tiến trình phát triển của văn học có mối quan hệ như thế nào với các thời kỳ lịch sử, lấy ví dụ cụ thể về mối quan hệ giữa tiến trình phát triển văn học và các thời kỳ lịch sử, sau đó yêu cầu HS rút ra khái niệm: Quá trình văn học). - Quá trình văn học luôn tuân theo những quy luật chung nào? **** HS trả lời cá nhân*** - Quá trình văn học luôn tuân theo những quy luật chung. + Thứ nhất : văn học gắn bó với đời sống, thời đại nào văn hoá ấy, những chuyển biến của lịch sử xã hội thường kéo theo những biến động trong lịch sử phát triển của văn học. + Thứ hai : Văn học phát triển trong sự kế thừa và cách tân : văn học dân gian là cội nguồn của văn học viết, người sau kế thừa giá trị văn học của người trước và tạo nên giá trị mới. + Thứ ba : Văn học một dân tộc tồn tại vận động trong sự bảo lưu và tiếp biến. Là một dòng chảy của văn học thế giới. *** Thao tác 2 :** GV hướng dẫn HS tìm hiểu về trào lưu văn học. *** Thao tác 3 :** Thảo luận nhóm *** Nhóm 1:** Văn học thời phục hưng : + Xuất phát : Châu Âu thế kỷ XV,XVI + Đặc trưng : coi văn hoá cổ đại là hình mẫu lý tưởng, luôn đề cao lý trí, sáng tác theo quy luật chặt chẽ **** Nhóm 2 :*** Chủ nghĩa lãng mạn : + Hình thành : ở các nước Tây Âu sau cách mạng 1789. + Đặc trưng : đề cao những nguyên tắc chủ quan, lấy đề tài trong thế giới tưởng tượng của nhà văn. **** Nhóm 3 :*** -Chủ nghĩa hiện thực phê phán + Thời điểm ra đời : Thế kỷ XIX + Đặc trưng : Thiên về những nguyên tắc khách quan, đề tài lấy từ cuộc sống hiện thực. - Chủ nghĩa hiện thực XHCN : + Thời điểm ra đời : Thế kỷ XX. + Đặc trưng : miêu tả cuộc sống trong quá trình phát triển cách mạng, đề cao vai trò lịch sử của nhân dân. *** Nhóm 4 :** - Chủ nghĩa siêu thực: thế giới trên hiện thực mới là mảnh đất sáng tạo của nghệ sĩ. - Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo : coi thực tại bao gồm cả đời sống tâm linh, niềm tin tôn giáo, các huyền thoại, truyền thuyết . - HS nói tóm tắt về các trào lưu văn học ở Việt Nam, ở mỗi	nghệ thuật, một hình thái ý thức xã hội đặc thù luôn vận động biến chuyển. - Tiến trình phát triển văn học như một hệ thống chỉnh thể với sự hình thành, tồn tại, thay đổi có mối quan hệ khăng khít, chặt chẽ, hữu cơ với thời kỳ lịch sử. - Quá trình văn học là diễn biến hình thành tồn tại, phát triển, thay đổi của văn học qua các thời kỳ lịch sử. - Quá trình văn học luôn tuân theo những quy luật chung. +Văn học gắn bó với đời sống. +Kế thừa và cách tân. +Bảo lưu và tiếp biến. **2. Trào lưu văn học** - Hoạt động nổi bật của quá trình văn học là các trào lưu văn học - Trào lưu văn học là một hiện tượng có tính chất lịch sử, ra đời và mất đi trong một khoảng thời gian nhất định. Đó là một phong trào sáng tác tập hợp những tác giả, tác phẩm gần gũi nhau về cảm hứng, tư tưởng tạo thành một dòng rộng lớn có bề thế trong đời sống văn học của một dân tộc. - Văn học thời phục hưng : + Xuất phát : + Đặc trưng - Chủ nghĩa lãng mạn : + Hình thành : + Đặc trưng: - Chủ nghĩa hiện thực phê phán + Thời điểm ra đời : + Đặc trưng : - Chủ nghĩa hiện thực XHCN : + Thời điểm ra đời : + Đặc trưng : - Chủ nghĩa siêu thực: - Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo : ở Việt Nam, trào lưu đầu tiên xuất hiện khoảng từ những năm 30 của thế kỷ XX.

trào lưu kể ra các tác giả tiêu biểu. (ở Việt Nam, trào lưu đầu tiên xuất hiện khoảng từ những năm 30 của thế kỷ XX. + Trào lưu lãng mạn + Trào lưu hiện thực phê phán + Trào lưu văn học hiện thực XHCN)	+ Trào lưu lãng mạn + Trào lưu hiện thực phê phán + Trào lưu văn học hiện thực XHCN *HẾT TIẾT I*
Hoạt động: **Phong cách văn học**	
<u>* Thao tác 1 :</u> GV hướng dẫn HS tìm hiểu về khái niệm phong cách văn học. Chúng ta vẫn thường nói phong cách Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Hồ Chí Minh, phong cách Tố Hữu, Nguyễn Tuân; phong cách Lí Bạch, Đỗ Phủ, Puskin, Sêxpia...Vậy, phong cách nghê thuật của một nhà văn là gì? Có phải đã là nhà văn là có phong cách nghê thuật? **** HS trả lời cá nhân*** Phong cách nghê thuật bắt nguồn từ : -Nảy sinh do chính những nhu cầu của cuộc sống: luôn đòi hỏi những nhân tố mới mẻ, không lặp lại. - Do nhu cầu sáng tạo nghê thuật, nhu cầu khẳng định bản lĩnh, nhu cầu tìm tòi cái mới của nhà văn. - Tìm hiểu lí do nào khiến cho phong cách văn học xuất hiện nảy sinh ? - Nêu mối quan hệ của phong cách văn học và quá trình văn học? Lấy ví dụ cụ thể. **<u>* Thao tác 2 :</u>** HS tìm hiểu những biểu hiện của phong cách văn học. (GV yêu cầu HS khi nêu mỗi biểu hiện cần lấy ví dụ cụ thể) -Ví dụ: giọng thơ triết lí của Chế lan Viên trong *Tiếng hát con tàu.* **** HS trả lời cá nhân*** Đặc điểm chủ yếu của phong cách nghê thuật: - Cách nhìn, cách cảm thụ mang tính khám phá, giọng điệu riêng: là biểu hiên đầu tiên, quan trọng nhất. -Sự sáng tạo các yếu tố' thuộc nội dung tác phẩm: chọn đề tài, chủ đề, xây dựng nhân vật, cốt truyên, tứ thơ, cốt kịch,... - Hệ thống các phương thức biểu hiện, các thủ pháp kĩ thuật mangdấu ấn riêng. - Thống nhất trong bản chất cốt lõi nhưng triển khai lại đa dạng, đoi mới. - Có tính thẩm mĩ cao, giàu tính nghệ thuật .	**II. Phong cách văn học** **1. Khái niệm phong cách văn học** - Phong cách văn học là sự độc đáo, riêng biệt của các nghệ sĩ biểu hiện trong các tác phẩm của họ. - Phong cách văn học nảy sinh do chính những nhu cầu của cuộc sống, vì cuộc sống luôn đòi hỏi sự xuất hiện những cái mới, những cái không lặp lại bao giờ, nảy sinh do nhu cầu của quá trình sáng tạo văn học. - Quá trình văn học được đánh dấu bằng những nhà văn kiệt xuất với phong cách độc đáo của họ. - Phong cách in đậm dấu ấn dân tộc và thời đại. **2. Những biểu hiện của phong cách văn học.** - Biểu hiện ở cách nhìn, cách cảm thụ có tính chất khám phá, ở giọng điệu riêng biệt của tác giả. - Biểu hiện ở hệ thống hình tượng. - Thể hiện ở các phương diện nghệ thuật

🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: <u>Câu hỏi 1:</u> *Khái niệm quá trình văn học được hiểu như thế nào là đúng nhất?*	ĐÁP ÁN [1]='c'

a. Là diễn tiến hình thành, tồn tại, thay đổi cuả văn học qua một thời kì lịch sử. b. Là diễn tiến phát triển của văn học qua các thời kì lịch sử. c. Là diễn tiến hình thành, tồn tại, thay đổi, phát triển của văn học qua các thời kì lịch sử. d. Là diễn tiến hình thành, tồn tại, thay đổi, phát triển của văn học một thời kì lịch sử. Câu hỏi 2: *Quá trình văn học là để chỉ phương diện nào sau đây?* a. Gồm tất cả các tác phẩm văn học. b. Gồm tất cả các hình thức tồn tại của văn học từ truyền miệng, đến chép tay, in ấn. c. Gồm tất cả các thành tố của đời sống văn học. d. Cả A, B và C. Câu hỏi 3: *Quá trình văn học tuân theo quy luật nào sau đây?* a. Văn học gắn bó với đời sống, thời đại nào văn học ấy. b. Văn học phát triển trong sự kế thừa và cách tân. c. Văn học tồn tại, vận động trong sự bảo lưu và tiếp biến: giữ gìn, phát huy tinh hoa của truyền thống và tiếp thu cải biến cho phù hợp những tinh hoa của văn học thế giới. d. Cả A, B và C. Câu hỏi 4: *Ý nào sau đây chưa nói đúng về trào lưu văn học?* a. Đó là một phong trào sáng tác tập hợp những tác giả, tác phẩm gần gũi nhau về cảm hứng, tư tưởng, nguyên tắc miêu tả hiện thực, tạo thành một dòng rộng lớn trong đời sống văn học của một dân tộc. b. Một trào lưu văn học có thể có nhiều khuynh hướng hoặc trường phái văn học. c. Cũng có khi trào lưu văn học lại là sự tập hợp các tác phẩm, tác giả hoàn toàn đối lập nhau về mọi mặt. d. Cũng có khi nền văn học của một dân tộc không có trào lưu văn học mà chỉ có các khuynh hướng, trường phái văn học khác nhau. Câu hỏi 5: *Kiệt tác "Đôn Ki-hô-tê" của Xéc-van-tec là thuộc trào lưu văn học nào sau đây?* a. Chủ nghĩa cổ điển. b.Văn học thời Phục hưng. c.Chủ nghĩa hiện thực. d.Chủ nghĩa lãng mạn - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	[2]='d' [3]='d' [4]='c' [5]='b'

🕮 4. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: **Giải thích** ý kiến sau của Sê-khốp: "Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả...Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ". -HS thực hiện nhiệm vụ:	- Lối đi riêng: Hướng khai thác, phản ánh đời sống in đậm dấu ấn cá nhân của mỗi một tác giả. Có thể là nét riêng trong phạm vi đề tài, chủ đề, cách tiếp cận, cái nhìn riêng biệt….. - Giọng điệu riêng: Giọng điệu là một yếu tố quan trọng trong việc xác định phong cách của một tác giả. Một nhà văn muốn có phong cách riêng nhất thiết phải có một "giọng điệu" riêng. Theo ***"Từ điển thuật ngữ văn học"*** thì *"Giọng điệu phản ánh lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu thẩm mỹ của tác giả, có vai trò rất lớn tạo*

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	*nên phong cách nhà văn và tác dụng truyền cảm cho người đọc."* - Ý kiến của Sê-khốp thực chất bàn về phong cách nghệ thuật với các cấp độ khác nhau. Để trở thành một nhà văn, người cầm bút cần tìm ra cho mình một hướng tiếp cận, khai thác, phản ánh đời sống một cách độc đáo, còn để trở thành một nhà văn tài năng, người cầm bút cần tạo ra cho mình một giọng điệu riêng không lẫn với bất cứ nhà văn nào khác.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) - Nắm vững các khái niệm trong bài học - Ôn lại phong cách văn học của các tác giả đã học: Hồ Chí Minh-Tố Hữu- Quang Dũng-Nguyễn Khoa Điềm...
- Chuẩn bị bài mới

Tuần: 13,14,15,16
Tiết: 38->46

Chủ đề tích hợp :
ĐỌC - HIỂU VÀ NGHỊ LUẬN VỀ KÍ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

I. XÁC ĐỊNH CHỦ ĐỀ: Chủ đề kí Việt Nam hiện đại

1. Gồm các văn bản:

+ *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân);

+ *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường).

- Tích hợp kiến thức bài:

+ *Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận*

+ *Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận*

II. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ

1. ***Kiến thức:***

- Thấy được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm kí (*Người lái đò Sông Đà* – Nguyễn Tuân, *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* – Hoàng Phủ Ngọc Tường . Từ đó, nhận ra nét riêng, độc đáo của mỗi phong cách kí làm nên diện mạo vừa phong phú vừa độc đáo của kí văn học Việt Nam hiện đại.

- Hiểu được đặc trưng thể loại kí văn học Việt Nam hiện đại.

- Thấy được sự cần thiết phải vận dụng kết hợp phương thức diễn đạt và các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận.

2. ***Kĩ năng:***

- Vận dụng những tri thức về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm, ngôn ngữ... để đọc hiểu văn bản.

- Nhận diện thể kí và giải thích ý nghĩa của việc sử dụng thể kí.

- Nhận diện đề tài, chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài kí.

- Đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại:

+ Nhận diện và phân tích ý nghĩa của hình tượng nghệ thuật trong các bài kí.

+ Nhận diện và phân tích được cái tôi trữ tình của tác giả trong các bài kí.

+ Nhận diện và phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật của các bài kí trong chủ đề *Kí văn học Việt Nam hiện đại.*

+ Đánh giá những sáng tạo độc đáo của mỗi nhà văn qua các bài kí đã học.

+ Đọc diễn cảm, sáng tạo những đoạn văn hay, độc đáo.

- Vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học để đọc hiểu những bài kí hiện đại khác Việt Nam (Ngoài sách giáo khoa); nêu lên những kiến giải, suy nghĩ về các phương diện nội dung, nghệ thuật của các bài kí đã được học trong chủ đề;

- Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để viết đoạn văn hoặc bài văn nghị luận về các bài kí đã học trong chủ đề.

3. ***Thái độ:***

- Yêu mến, tự hào, trân trọng vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người.

- Có cách ứng xử thân thiện, tích cực với môi trường; ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống.

4. Các năng lực hướng tới hình thành và phát triển ở học sinh:

- Nhóm năng lực cốt lõi:

+ Năng lực giải quyết vấn đề nảy sinh, những tình huống có vấn đề trong bài học

+ Năng lực hợp tác trong làm việc nhóm để phát hiện vẻ đẹp hình tượng nghệ thuật và cái tôi trữ tình

+ Năng lực sáng tạo khi phân tích, lí giải vấn đề hay ứng dụng vấn đề vào thực tiễn

+ Năng lực tự quản bản thân về cảm xúc, hành vi…

- Nhóm năng lực chuyên biệt:

+ Năng lực giao tiếp tiếng Việt:

▪ Trước khi đọc hiểu chủ đề, phát huy *Năng lực thu thập thông tin* liên quan đến kí hiện đại Việt Nam; Trong khi đọc hiểu phát triển *Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm kí* văn học Việt Nam hiện đại theo đặc trưng, *Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về kí văn học*, *Năng lực khái quát, so sánh, đối chiếu vẻ đẹp* hai văn bản kí …

▪ Sau khi đọc hiểu, phát triển năng lực tạo lập văn bản.

+ Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mĩ: Năng lực phát hiện vẻ đẹp của nghệ thuật viết kí; Nâng cao sự thụ cảm thẩm mĩ

III. XÂY DỰNG BẢNG MÔ TẢ MỨC ĐỘ CÂU HỎI/BÀI TẬP

Mức độ ***Nội dung***	***Nhận biết***	***Thông hiểu***	***Vận dụng***	
			Vận dụng	***Vận dụng cao***
1. Về tác giả, tác phẩm, thể loại	- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm. - Nhận biết được thể loại kí, tùy bút, bút kí	- HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào đến nội dung tư tưởng của tác phẩm. - Nắm bắt được đối tượng phản ánh của kí	- Vận dụng kiến thức chung về tác giả, tác phẩm, thể loại để lí giải những hình ảnh, chi tiết trong tác phẩm	- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời, thể loại của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm kí.

2. Đọc hiểu chủ đề: ***Giá trị nội dung**	-Phát hiện các hình tượng nghệ thuật được xây dựng trong hai tác phẩm kí (Hình tượng sông Đà, sông Hương, người lái đò; hình tượng cái tôi trữ tình)	- Chứng minh được các phương diện thể hiện của hình tượng nghệ thuật: Hình tượng sông Đà được miêu tả với những vách đá, mặt ghềnh, hút nước, thạch trận, dáng sông, sắc sông…Hình tượng sông Hương được miêu tả trong quan hệ với không gian địa lí: ở thượng nguồn, ngoại vi và thành phố Huế; trong mối quan hệ với âm nhạc, thi ca…	- Hình dung được vẻ đẹp của hình tượng nghệ thuật: Sông Đà vừa trữ tình vừa hung bạo, người lái đò sông Đà trí dũng, tài hoa, sông Hương mang vẻ đẹp in đậm cốt cách văn hóa, con người Huế; Hình tượng cái tôi NT , cái tôi HPNT độc đáo, riêng biệt.	- Phân tích, so sánh vẻ đẹp của hình tượng sông Đà và sông Hương, vẻ đẹp của cái tôi trữ tình Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường
***Giá trị nghệ thuật**	- Chỉ ra ngôn từ, chi tiết, hình ảnh, câu văn và các biện pháp nghệ thuật xây dựng hình tượng nghệ thuật	- Nhận xét hiệu quả, tác dụng của những biện pháp nghệ thuật	- Đánh giá về sự phù hợp của các biện pháp nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của tác phẩm	- So sánh vẻ đẹp văn phong Nguyễn Tuân và HPNT - Rút ra những đặc điểm nghệ thuật xây dựng hình tượng của thể kí văn học VN hiện đại
3. Khái quát đặc điểm kí văn học Việt Nam hiện đại	- Nhận ra đặc điểm kí trên các bình diện nội dung (đề tài,	- Giải thích, chứng minh các biểu hiện cụ thể về	- Trình bày được vẻ đẹp của hai tác phẩm theo đặc	- Vận dụng những đặc điểm kí để phân tích, cảm nhận những tác phẩm

qua hai tác phẩm Người lái đò sông Đà, Ai đã đặt tên cho dòng sông	chủ đề, cảm hứng) và nghệ thuật viết kí (kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ…)	nghệ thuật và nội dung kí qua hai tác phẩm	điểm thể loại	khác cùng thể loại - Biết vận dụng đặc điểm thể loại kí ghi chép và bộc lộ cảm nghĩ về các sự việc đã chứng kiến hoặc trải qua. phẩm
4. Đặc trưng phong cách kí Nguyễn Tuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường qua hai tác phẩm	- Nhớ được các bình diện biểu hiện của phong cách nghệ thuật tác giả: Cái nhìn, khám phá đời sống; Cách tiếp cận, chọn lựa đề tài, chủ đề, cảm hứng; Các phương thức biểu hiện, các thủ pháp nghệ thuật; Giọng điệu riêng biệt	- Nhận ra điểm gặp gỡ của hai phong cách	- Phân tích được nét đặc sắc độc đáo trong nghệ thuật viết kí của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường	- Cảm nhận được vẻ đẹp phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường qua các tác phẩm khác ngoài chương trình Sgk - Từ điểm gặp gỡ và đặc sắc của NT&HPNT khái quát được phong cách kí thời đại và sự đa dạng, phong phú diện mạo kí văn học hiện đại - Có ý thức thể hiện nét riêng trong ghi chép những vấn đề nảy sinh trong đời sống thực tiễn

IV. TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ ĐỀ

1. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc và soạn bài ở nhà theo hướng dẫn học bài.
- Tra cứu và tham khảo những thông tin có liên quan đến bài học (về tác giả, tác phẩm).

b. Chuẩn bị của giáo viên:

- Đọc SGK, tài liệu tham khảo về các tác giả, tác phẩm.
- Chuẩn bị phương tiện dạy học: máy tính, máy chiếu, tranh ảnh có liên quan đến bài dạy,…
- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi theo các cấp độ.

2. Phương pháp dạy học của chuyên đề:

a. Phương pháp

+ Phương pháp đọc diễn cảm

+ Phương pháp dạy học nêu vấn đề

+ Phương pháp dạy học hợp tác
+ Phương pháp phát vấn, đàm thoại
+ Phương pháp thuyết trình

b. Kỹ thuật dạy học

+ Kỹ thuật đặt câu hỏi
+ Kỹ thuật chia nhóm
+ Kỹ thuật khăn trải bàn
+ Kỹ thuật " Phòng tranh"
+ Kỹ thuật công đoạn
+ Kỹ thuật " Bản đồ tư duy"...

3. Tiến trình dạy học

- Khởi động chủ đề, giao nhiệm vụ và tìm hiểu mục bìa tùy bút *Người lái đò sông Đà* (NT)
- Đọc hiểu bài kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?(HPNT)*

- Kiến thức về văn nghị luận: *Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận; Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận.*

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (TRẢI NGHIỆM)

Tổ chức bằng hình thức: ***Du lịch qua màn ảnh nhỏ***

-Cách thức: HS sẽ theo lời dẫn dắt của GV để trải nghiệm du lịch qua video về khoảnh khắc hùng vĩ của sóng thác sông Đà, khoảnh khắc vượt thác dũng cảm, khéo léo của NLĐ và vẻ đẹp nữ tính, chung tình của người con gái sông Hương. Sau đó trả lời những câu hỏi do giáo viên đặt ra

-Nội dung:

1. Xem video thứ nhất và trả lời câu hỏi:

+ *Đoạn video gợi em liên tưởng đến quãng sông nào trong tùy bút NLĐSĐ?* (Mặt ghềnh Hát Lóong, dài hàng cây số, nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió…)

2. Xem video thứ 2 (một đoạn quay về Sông Hương- tùy GV chọn) và trả lời theo câu hỏi của GV:

+ *Em hãy cho biết đoạn phim quay vị trí nào của thủy trình sông Hương? Khúc sông này được HPNT miêu tả độc đáo như thế nào?* (Tùy theo đoạn phim GV chọn để đưa chốt câu trả lời. VD: Sông Hương đoạn thị trấn Bao Vinh xưa cổ; miêu tả vẻ đẹp chung tình của dòng sông- người con gái Huế, tính cách Huế)

3. Từ việc trải nghiệm qua màn ảnh nhỏ, em hãy cho biết giữa hình ảnh thực và hình ảnh trong trang kí nhà văn có sự khác nhau như thế nào? Vì sao có sự khác nhau đó? (*Hình ảnh thực sinh động, tác động trực tiếp vào giác quan; hình ảnh trong trang kí được miêu tả tập trung, ấn tượng, gợi lên những hình dung phong phú, trí tưởng tượng đa chiều, thi vị hơn. Bởi hình ảnh trong trang kí được khúc xạ qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ nên mỗi hình ảnh mang dấu ấn cá tính của nghệ sĩ)*

-Thời gian dự kiến: 5 phút

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NỘI DUNG 1: ĐỌC - HIỂU 2 VĂN BẢN KÍ

***Đọc - hiểu tùy bút *Người lái đò sông Đà* (Nguyễn Tuân): Tiết 38 - > 41**

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt

<table>
<tr><td colspan="2"><u>TIẾT 38.</u> Bước 1: TÌM HIỂU CHUNG</td></tr>
<tr><td><u>* Thao tác 1 :</u>
Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm
- GV tổ chức cho HS nhớ lại và trình bày những nét cơ bản về tác giả NT (đã được học ở CTNV 11)
- Gọi 1 HS đọc phần TD.
- Cho biết thể loại và xuất xứ tác phẩm?
- Người lái đò sông Đà được sáng tác trong hoàn cảnh nào?
HS Tái hiện kiến thức và trình bày.
- Nguyễn Tuân(1910-1987) là người trí thức, giàu lòng yêu nước và tinh thần dân tộc
- Ông là nhà văn tài hoa và uyên bác
-Nguyễn Tuân là người có cá tính mạnh mẽ và phóng khoáng. Với cá tính của mình, ông tìm đến thể tuỳ bút như một thể tất yếu.
Tích hợp kiến thức địa lí:
- Sông Đà (còn gọi là sông Bờ hay Đà Giang) là phụ lưu lớn nhất của sông Hồng. Sông bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam, Trung Quốc chảy theo hướng tây bắc - đông nam để rồi nhập với sông Hồng ở Phú Thọ.
Tích hợp kiến thức lịch sử:
- Năm 1960 là thời kì miền Bắc xây dựng CNXH. Vì thế, nhà văn rất quan tâm đến người lao động
- Tuỳ bút là gì? Tích hợp kiến thức Lí luận văn học: Tuỳ bút
- Vừa giàu tư liệu thực tế
- Vừa mang tính chủ quan, tự do, phóng túng, biến hoá linh hoạt, giàu hình ảnh, nhạc điệu, từ ngữ phong phú, nhiều cách so sánh liên tưởng…
- Thể loại giúp Nguyễn Tuân thăng hoa cảm xúc và tư tưởng của mình.</td><td>I/ Tìm hiểu chung:
1. Tác giả NT: (Xem lại phần TD bài Chữ người tử tù, SGK Ngữ văn 11, tập I, tr 107).

2. Tuỳ bút “Sông Đà”
a. Hoàn cảnh sáng tác: ra đời năm 1960, gồm 15 tuỳ bút, là kết quả chuyến đi thực tế của tác giả năm 1958 ở vùng Tây Bắc.
b. Xuất xứ: Bài tùy bút được in trong tập Sông Đà (1960).
c. Thể loại Tuỳ bút:
- Tuỳ bút thuộc thể kí
-Thể hiện tính chủ quan, chất trữ tình rất đậm. Nhân vật chính là cái tôi của nhà văn;
-Ngôn ngữ giàu hình ảnh và chất thơ.

d. Nội dung:
- Phông cảnh Tây Bắc vừa hung bạo hùng vĩ, vừa thơ mộng trữ tình.
- Con người Tây Bắc dũng cảm, cần cù.</td></tr>
<tr><td colspan="2"><u>TIẾT 39.</u> Bước 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN – HÌNH TƯỢNG CON SÔNG ĐÀ</td></tr>
<tr><td><u>* Thao tác 1 :</u>
Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản
-Gv hướng dẫn HS cần đọc kĩ, vừa đọc vừa suy ngẫm và cảm nhận mạch văn, giọng điệu, ngôn ngữ cực kì biến hoá của Nguyễn Tuân</td><td>II/ Đọc - hiểu văn bản:
A. Nội dung:
1. Hình tượng con sông Đà:</td></tr>
</table>

- Sau khâu đọc, GV gọi 1 vài HS phát biểu cảm nhận chung về các hình tượng nổi bật trong đoạn trích, về văn phong Nguyễn Tuân. **-** Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng con sông Đà hung bạo: Gọi HS đọc các đoạn văn ở trang 186,187. **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1:** Tìm những dẫn chứng tiêu biểu liên quan đến hình ảnh con sông Đà hung bạo? **Nhóm 2:** Trong thiên tùy bút, tác giả đã dùng những biện pháp nghệ thuật nào để khắc họa một cách ấn tượng hình ảnh con sông Đà hung bạo? ***GV Tích hợp kiến thức âm nhạc, hội họa, quân sự, Tiếng Việt (biện pháp tu từ về từ), hướng dẫn học sinh tìm hiểu đặc điểm độc đáo trong tài năng nghệ thuật của tác giả qua một đoạn văn tiêu biểu:*** *...Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. ...hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này.* Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng con sông Đà trữ tình: Gọi 1 HS đọc các đoạn văn ở trang 190, 191. **Nhóm 3:** Cách viết của nhà văn đã thay đổi thế nào khi chuyển sang biểu hiện sông Đà như một dòng chảy trữ tình? Dẫn chứng minh hoạ? (Câu 3, SGK) ***GV Tích hợp kiến thức thơ Đường(bài Hoàng hạc Lâu tống Mạnh Hạo Nhiên* của Lí Bạch đã học ở Văn 10) để hướng dẫn HS tìm hiểu về cái nắng Đường thi của sông Đà; tích hợp kiến thức Lịch sử 10 để nói về** *đời Lí đời Trần đời Lê* liên quan đến con sông *GV chốt lại : Trong đoạn này, tác giả đã khéo dùng cái động để tả cái tĩnh và mỗi câu văn viết ra nghe có âm hưởng như thơ. Sự ví von ở đoạn này cũng có những nét đặc biệt. Tác giả ví một cái vốn đã trừu tượng với một cái còn trừu tượng hơn nữa (hoang dại - bờ tiền sử; hồn nhiên - nỗi niềm cổ tích tuổi xưa) khiến đoạn văn có sức hấp dẫn của một	**a. Lai lịch con sông:** - "Chung thuỷ giai Đông tẩu; Đà giang độc Bắc lưu" (mọi con sông đều chảy theo hướng Đông, chỉ có sông Đà theo hướng Bắc) - Thơ Ba Lan: Đẹp vậy thay tiếng hát dòng sông - Ý nghĩa: Sông Đà như một nhân vật có diện mạo, có cá tính độc đáo. **b. Một con sông hung bạo, dữ dằn:** - *Quan sát công phu, tìm hiểu kĩ càng để khắc họa sự hung bạo trên nhiều dạng vẻ:* + Trong phạm vi 1 lòng sông hẹp, như chiếc yết hầu bị đá bờ sông chẹt cứng. + Trong khung cảnh mênh mông hàng cây số của một thế giới đầy gió gùn ghè, đá giăng đến chân trời và sóng bọt tung trắng xóa đòi *nợ xuýt*(từ độc đáo) + Những cái hút nước xoáy tít lôi tuột mọi vật xuống đáy sâu. + Những trùng vi thạch trận sẵn sàng nuốt chết con thuyền và người lái. + Âm thanh luôn thay đổi: oán trách nỉ non → khiêu khích, chế nhạo → rống lên. - *Vận dụng ngôn ngữ, kiến thức của các ngành, các bộ môn trong và ngoài nghệ thuật để làm nên hàng loạt so sánh liên tưởng, tưởng tượng kì lạ, bất ngờ.* + Hình dung một cảnh tượng rất đỗi hoang sơ bằng cách liên tưởng đến hình ảnh của chốn thị thành, có hè phố, có khung cửa sổ trên "cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện". + Tả cái hút nước quãng Tà Mường Vát: nước thở và kêu như cửa cống cái bị sặc; ***ặc ặc*** lên như vừa rót dầu sôi vào. (âm thanh-âm nhạc độc đáo) + Lấy hình ảnh "ô tô sang số nhấn ga" trên "quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực" để ví von với cách chèo thuyền …

bài thơ siêu thực.

Nhóm 4: Qua hình tượng sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình cảm gì đối với thiên nhiên đất nước ?

* 1-2 HS đọc, cả lớp theo dõi.

HS phát biểu cảm nhận chung:

- Con sông Đà hung bạo và trữ tình
- Người lái đò tài trí, dũng cảm

-Văn NT đa dạng, biến hoá…

HS phát biểu

TIẾT 40.

* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận:

-Tác giả viết những câu văn mang dáng dấp mềm mại, yên ả, trải dài

+ Sông Đà nhìn từ trên cao
+ Sau chuyến đi dài ngày
+ Khi đi thuyền trên sông Đà

Cụ thể :

-Dòng chảy uốn lượn của con sông như mái tóc người thiếu nữ Tây Bắc diễm kiều (Câu văn *"Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân"*khá dài, chỉ có một dấu phẩy, đòi hỏi người đọc phải đọc một hơi. Bằng lối viết này, phải chăng tác giả muốn nói với người đọc rằng dù ông có nói đến cạn hơi cũng không hết những nỗi niềm cảm xúc mà con sông Đà đã gợi lên.

; nước sông Đà biến đổi theo mùa, mỗi mùa có một vẻ đẹp riêng;

- Cảnh vật hai bên bờ sông Đà vừa hoang sơ nhuốm màu cổ tích, vừa trù phú, tràn trề nhựa sống

* **Nhóm 4** trình bày kết quả thảo luận:

-Qua hình tượng sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình yêu mến thiết tha đối với thiên nhiên đất nước. với ông, thiên nhiên cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hóa.

-Cảm nhận và miêu tả sông Đà, Nguyễn Tuân đã chứng tỏ sự tài hoa, uyên bác và lịch

+ Tưởng tượng về cú lia ngược của chiếc máy quay từ đáy cái hút nước→ cảm thấy có một cái thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày. (ngôn ngữ điện ảnh)
+ Dùng lửa để tả nước.

->Biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên đất nước.

->Bậc kì tài trong lĩnh vực sử dụng ngôn từ (sự phá cách mà ngoại trừ các tay bút thực sự tài hoa, không ai làm nổi)

c. Một con sông Đà trữ tình:

- *Viết những câu văn mang dáng dấp mềm mại, yên ả, trải dài như chính dòng nước*: con sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình,...
- *Dụng công tạo ra một không khí mơ màng, khiến người đọc có cảm giác như được lạc vào một thế giới kì ảo.*

+ Con sông giống như một cố nhân lâu ngày gặp lại.
+ Nắng cũng "giòn tan" và cứ hoe hoe vàng mãi cái sắc Đường thi "yên hoa tam nguyệt"
+ Mũi thuyền lặng lẽ trôi trên dòng nước lững lờ như thương như nhớ.
+ Con hươu thơ ngộ trên áng cỏ sương như biết cất lên câu hỏi không lời.
+ Bờ sông hoang dại và hồn nhiên như một bờ tiền sử, phảng phất nỗi niềm cổ tích.

➢ Sự tài hoa đã đem lại cho áng văn những trang tuyệt bút.

➢ Tạo dựng nên cả một không gian trữ tình đủ sức khiến người đọc say đắm, ngất ngây.

lãm. Hình tượng sông Đà làm phông nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của người lao động trong chế độ mới.	
Bước 3: HÌNH TƯỢNG ÔNG ĐÒ	
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo. Gọi HS đọc đoạn miêu tả 1 quãng thuỷ chiến ở mặt trận sông Đà. Tổ chức cho HS thảo luận câu 4 SGK: Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với con sông Đà hung bạo? GV bổ sung cho HS kiến thức liên quan đế lai lịch và ngoại hình ông đò, ***tích hợp kiến thức Tiếng Việt (so sánh tu từ, từ láy, liệt kê,…)*** +Bước vào cái tuổi 70, đầu tóc bạc trắng, thân hình ông lái đò vẫn đẹp như một pho tượng tạc bằng đá cẩm thạch. Nước da ánh lên chất sừng chất mun. Cánh tay rắn chắc trẻ tráng "Tay ông lêu nghêu như cái sào, chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh như kẹp lấy một cuống lái tưởng tượng" + Những dấu tích trên thân thể và mỗi dấu tích là một thành tích, một sự kiện lịch sử của cuộc đời ông lão đã thầm lặng lập lên. Trên ngực của ông nổi lên một số "củ nâu" thương tích trên "chiến trường Sông Đà" – một "thứ Huân chương lao động siêu hạng". * GV tổ chức thảo luận nhóm **Nhóm 1:** Tìm những dẫn chứng tiêu biểu liên quan đến hình ảnh ông đò có vẻ đẹp là người giàu trải nghiệm? ***GV tích hợp kiến thức Tiếng Việt (so sánh tu từ, nhân hoá), ngôn ngữ quân sự (binh pháp, phục kích).*** **Nhóm 2:** Tìm và phân tích dẫn chứng tiêu biểu diễn tả cuộc chiến giữa người và sông qua 3 vòng *trùng vi*? ***GV tích hợp kiến thức Tiếng Việt (so sánh tu từ, nhân hoá, tương phản, dùng hàng loạt động từ mạnh), ngôn ngữ thể thao (đô vật, đánh miếng đòn độc), quân sự (chiến thuật, trận địa).*** GV bình thêm: Cảnh vượt thác là bài ca chiến trận hào hùng. Nguyễn Tuân đã tung ra một đội quân ngôn ngữ thật hùng hậu, đa	***2. <u>Hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo:</u>*** **a. Chân dung**: tuổi 7*0, cái đầu quắc thước, thân hình cao to và gọn quánh như chất sừng mun, đôi cách tay còn trẻ tráng quá, giọng nói ào ào như thác nước…* →Khoẻ mạnh, rắn chắc gắn bó với nghề lái đò. **b. Cuộc sống**: *Làm nghề chở đò đã 10 năm liền, xuôi ngược trên sông Đà đã hơn 100 lần, giữ tay lái chính độ 60 lần, trí nhớ đóng đanh vào con sông Đà.* →Gắn bó với dòng sông, thấu hiểu tinh tường về nghề, nguyễn cuộc sống sôi động. c/Vẻ đẹp tính cách c1. Ông lái đò anh hùng - ông đò có vẻ đẹp là người giàu trải nghiệm. - Ông đò thông minh, dũng cảm +Tính chất cuộc chiến: không cân sức *** Vòng vây thứ nhất:** - *Sông Đà*: + Bốn cửa tử một cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn +Âm thanh: mặt nước hò la vang dậy, tiếng hỗn chiến của nước, của thác đá + Sóng đánh miếng đòn độc hiểm nhất →Vòng vây thứ nhất tả kĩ nhất, dài nhất-sông, thác, đá cực mạnh, ác, vừa thách thức, doạ nạt, vừa đánh đòn cực hiểm - *Ông lái đò*: Hai tay giữ mái chèo, nén vết thương, kẹp chặt cuống lái; tiếng chỉ huy ngắn gọn, tỉnh táo →Dũng cảm, bình tĩnh *** Vòng vây thứ hai:** Tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa; dòng thác hùm beo dâng hồng hộc tế mạnh →Tả ngắn hơn, chúng không hò reo ghê gớm

dạng, biến ảo thần kì với liên tục những phép tu từ vô cùng sinh động : so sánh ngầm , nhân hóa , cường điệu … Câu chữ tuôn chảy ào ạt , điệp điệp trùng trùng tạo ra một bức tranh chiến trận hoành tráng về không gian, ấn tượng về hình ảnh hiểm nguy, gay cấn về tình huống… Kết hợp với phong cách sử dụng nhiều loại hình nghệ thuật, trong đoạn viết này Nguyễn Tuân đã cho thấy cách viết của ông như kịch bản phim và qua bàn tay đạo diễn, nó tạo ra sự sống động hồi hộp âu lo, thán phục…

TIẾT 41.

Nhóm 3: Tìm những dẫn chứng tiêu biểu liên quan đến hình ảnh ông đò có vẻ đẹp của một tâm hồn nghệ sĩ?

Nhóm 4: Hãy cắt nghĩa vì sao, trong con mắt của Nguyễn Tuân, thiên nhiên Tây Bắc quý như *vàng* nhưng con người Tây Bắc mới thật xứng đáng là *vàng mười* của đất nước ta?

-Hướng dẫn học sinh vận dụng phép so sánh *Người lái đò sông Đà* với *Chữ người tử tù* viết trước cách mạng ở phương diện khắc họa con người.

GV tích hợp kiến thức làm văn (thao tác phân tích, bình luận, so sánh) để hướng dẫn HS phát hiện nét giống và khác nhau giữa nhân vật Huấn Cao và ông đò.

GV chốt lại: Anh hùng và nghệ sĩ là cái Đẹp ở ông đò mà nhà văn đã tìm kiếm được, không cần phải đi tìm ở *một thời vang bóng* xa xôi (như nhân vật Huấn Cao) mà phát hiện cái đẹp ngay trong cuộc sống hiện tại, trong con người bình thường và trong cái nghề bình thường.

* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.

* Thảo luận theo nhóm nhỏ (2 HS) dựa trên sự gợi ý của GV và trình bày. Các nhóm khác bổ sung.

Đại diện nhóm 1 trả lời:

-"trí nhớ ông được rèn luyện cao độ bằng cách lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như đóng đanh nh trước nữnguyễn, cũng không giữ thế chủ động.

- *ông lái đò*: đổi chiến thuật, nắm chắc binh pháp- **tự tin**; thuộc quy luật phục kích, nắm chặt bờm sóng, ghì cương lái, bám luồng nước phóng vào cửa sinh, đứa thì ông tránh mà rảo bơi chèo, đứa thì ông đè sấn mà chặt đôi ra- l**inh hoạt.**

*** Vòng vây thứ 3:**

_ *Sông Đà:* số cửa ít, luồng chết dàn ra hai bên phải, trái

- *Ông lái đò*: Động từ: *vút, xuyên* - tả độ nhanh, mạnh của con thuyền- **Táo bạo**

- Nguyên nhân làm nên chiến thắng:

+ Sự ngoan cường, dũng cảm, ý chí quyết tâm vượt qua thử thách của cuộc sống

+ Tài trí, sự hiểu biết và nhất là kinh nghiệm nhiều năm gắn bó với nghề sông nước, lên thác xuống ghềnh.

C2/ Ông lái đò nghệ sĩ

- Ông đó là *tay lái ra hoa*
- Ông chọn lối sống bình dị
-Ông có đức tính khiêm tốn

→Đoạn viết về đêm hang đá tràn ngập chất trữ tình bên lửa cháy và có cả những câu chuyện đời thường ở quá khứ ở phía trước nhưng tuyệt nhiên không có hồi ức về hiểm nguy mà tất cả đều lãng mạn ngọt ngào.

- Cảm hứng của tác giả:

+ Thiên nhiên Tây Bắc quý như vàng, còn con người lao động Tây Bắc là vàng mười của đất nước

→ trong cảm xúc thẩm mĩ của tác giả, con người đẹp hơn tất cả và quý giá hơn tất cả.

+ Con người quý giá ấy lại chỉ là những ông lái, nhà đò nghèo khổ, làm lụng âm thầm, giản dị, vô danh.

+ Những con người vô danh đó đã nhờ lao động, nhờ đấu tranh chinh phục thiên nhiên mà trở nên lớn lao, kì vĩ, hiện lên như đại diện của con người.

=> Người lái đò dũng cảm, tài hoa, trí dũng - một nghệ sĩ tài ba trong nghệ thuật vượt thác,

vào lòng tất cả những luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở. Sông Đà, đối với ông lái đò ấy, như một trường thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc đến cả những cái chấm than chấm câu và những đoạn xuống dòng ". - "ông lái đã nắm chắc được binh pháp của thần sông, thần đá. Ông đã thuộc qui luật phục kích của lũ đá". **Đại diện nhóm 3 trả lời:** *- Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá , nướng ống cơm lam , và toàn bàn tán về cá anh vũ , cá dầm xanh ... Cũng chẳng thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua ".* Ông đò bộc lộ 2 phẩm chất của người nghệ sĩ: lối sống giản dị và đức tính khiêm tốn **Đại diện nhóm 4 trả lời:** - Thiên nhiên:*vàng* vì sông Đà vừa có vẻ đẹp hùng vĩ, vừa có vẻ đẹp thơ mộng - Con người: *vàng mười* vì con người đẹp hơn tất cả, đẹp nhất từ trong lao động, trở thành anh hùng và nghệ sĩ.	băng ghềnh- chính là thứ "vàng mười" của vùng Tây Bắc.- tiêu biểu cho con người lao động mới trong công cuộc xây dựng đất nước vươn lên làm chủ thiên nhiên (con người ở vị trí chiến thắng sông nước.) *Nét độc đáo trong cách khắc hoạ:* *Tô đậm nét tài hoa nghệ sĩ.* *Tạo tình huống đầy thử thách để nhân vật bộc lộ phẩm chất.* *Sử dụng ngôn ngữ miêu tả đầy cá tính, giàu chất tạo hình.* =>Khúc hùng ca ca ngợi con người, ca ngợi ý chí của con người, ca ngợi lao động vinh quang đã đưa con người tới thắng lợi trước sức mạnh tựa thánh thần của dòng sông hung dữ. Đó chính là những yếu tố làm nên chất vàng mười của nhân dân Tây Bắc và của những người lao động nói chung.
Bước 4. Tổng kết	
Hướng dẫn HS tổng kết bài học GV: Nêu thành công nghệ thuật và ý nghĩa văn bản của đoạn trích tuỳ bút?*Người lái đò sông Đà* ngợi ca điều gì?_Qua tác phẩm, em có thể rút ra được điều gì về tác giả Nguyễn Tuân? * Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV	**1. Nghệ thuật:** - Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị. - Từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao. - Câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi, trữ tình… ***2. Ý nghĩa văn bản:*** - Giới thiệu, khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc của Tổ quốc. - Thể hiện tình yêu mến, sự gắn bó thiết tha của Nguyễn Tuân đối với đất nước và con người Việt Nam.

*** Đọc - hiểu bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông*? (Hoàng Phủ Ngọc Tường): Tiết 42-> 44**

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt

TIẾT 42. Bước 1: TÌM HIỂU CHUNG

*** Thao tác 1 :** **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm** -GV gọi 1 HS đọc lại phần *Tiểu dẫn* và trình bày những nét chính về tác giả, tác phẩm *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* và vị trí đoạn trích. GV cũng nên khuyến khích HS trình bày những kiến thức về tác giả, tác phẩm mà các em đọc được ngoài SGK. GV nhấn mạnh: - Nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của HPNT: có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với duy tả đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực, lối viết hướng nội, xúc tích, mê đắm và tài hoa tạo cho thể loại bút kí một phong cách riêng, đem đến những đóng góp mới cho nền văn xuôi Việt Nam hiện đại - Trên lớp, GV kiểm tra việc đọc tác phẩm ở nhà của HS. Có thể tiến hành bằng cách yêu cầu HS cho biết bố cục đoạn trích, xác định thuỷ trình của dòng sông qua sự miêu tả của nhà văn và nêu cảm nhận của bản thân về đoạn văn mà anh (chị) thích nhất. -Cuộc đời của Hoàng Phủ Ngọc Tường gắn bó sâu sắc với xứ Huế (sinh ra tại thành phố Huế, học Đại học Huế, dạy học tại Trường Quốc học Huế, tham gia phong trào cách mạng tại Huế và trở thành một trí thức yêu nước, một chiến sĩ trong phong trào đấu tranh chống Mĩ — Nguỵ ở Thừa Thiên - Huế). - Hoàng Phủ Ngọc Tường là người có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, nhất là lịch sử, địa lí, văn hoá Huế. - Hoàng Phủ Ngọc Tường là nhà văn chuyên vẻ thể loại bút kí.	I. TÌM HIỂU CHUNG **1. Tác giả** - Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, là nhà văn gắn bó mật thiết với xứ Huế nên tâm hồn, tình cảm thấm đẫm văn hoá của mảnh đất này. - Chuyên về bút kí với đề tài khá rộng lớn, đó là cảnh sắc và con người khắp mọi miền đất nước nhất là những bài viết về Huế. - Nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của HPNT **2. Tác phẩm:** - *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* được viết tại Huế ngày 04/01/1981, in trong tập sách cùng tên (NXB Thuận Hoá 1986) - Bài kí gồm 3 phần, đoạn trích gồm phần thứ nhất và đoạn kết.
Bước 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN	
*** Thao tác 1 :** **Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản** -GV yêu cầu HS đọc (đọc thầm) lại một lần nữa đoạn văn đầu tiên rồi tìm hiểu xem nhà văn đã	II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN **A/ Nội dung:** **1. Thủy trình của Hương giang:** *a) Sông hương nơi khởi nguồn:*

miêu tả sông Hương ở thượng nguồn như thế nào. *** Thao tác 2 : Thảo luận nhóm** **Nhóm 1:** Nhà văn đã gọi sông Hương bằng tên gọi nào ? Đã ví nó với ai ? Đã sử dụng những thủ pháp nghệ thuật nào để làm nổi bật vẻ đẹp và đặc tính của con sông ?) **Nhóm 2:** -GV dẫn dắt và nêu câu hỏi : Nhà văn đã hình dung về sông Hương như thế nào khi nó còn ở "giữa cánh đồng Châu Hoá đầy hoa dại" ? Từ đó, hãy phát hiện điều thú vị trong cách cảm nhận của Hoàng Phủ Ngọc Tường về thuỷ trình của con sông khi nó bắt đầu về xuôi? **TIẾT 43.** -GV lưu ý HS phân tích những đặc sắc trong cách miêu tả của nhà văn qua nghệ thuật sử dụng từ ngữ, cách hành vần và các biện pháp nghệ thuật khác... **Nhóm 3:** -GV gợi ý thảo luận, tìm hiểu : Cuối cùng thì sông Hương cũng đã đến được thành phố thân yêu của mình. So với trước khi vào thành phố, sông Hương đã có thêm những vẻ đẹp mới, độc đáo và hiếm thấy ở các dòng sông khác trên thế giới. Ai có thể chứng minh điều đó qua việc phân tích các góc độ cảm nhận và miêu tả sông Hương của Hoàng Phủ Ngọc Tường ?	- là "bản trường ca của rừng già" - là "cô gái Digan phóng khoáng và man dại" - là "người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở" - "rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn". -> Sự tài hoa của ngòi bút HPNT: liên tưởng kì thú, ngôn từ gợi cảm, câu văn dài, chia làm nhiều vế liên tục gợi dậy dư vang của trường ca; thủ pháp điệp cấu trúc + động từ mạnh tạo âm hưởng mạnh mẽ của con sông giữa rừng già *b) Đến ngoại vi thành phố Huế:* - sông Hương được ví "như người con gái đẹp nằm ngủ mơ màng" được "người tình mong đợi" đến đánh thức. - Vẻ đẹp trầm mặc như triết lí, như cổ thi - Nghệ thuật: -> Thủy trình của sông Hương khi bắt đầu về xuôi tựa "một cuộc tìm kiếm có ý thức" người tình nhân đích thực của một người con gái đẹp trong câu chuyện tình yêu lãng mạn nhuốm màu cổ tích, gắn với những thành quách, lăng tẩm của vua chúa thuở trước. *c) Đến giữa thành phố Huế:* - Sông Hương gặp thành phố như đến với điểm hẹn tình yêu, nó như tìm được chính mình nên vui tươi và đặc biệt chậm rãi, êm dịu, mềm mại như một tiếng "vâng" không nói ra của tình yêu. - Nó có những đường nét tinh tế: "uốn một cánh cung rất nhẹ sang cồn Hến". - "điệu chảy lặng tờ" của con sông khi ngang qua thành phố đẹp như "điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế". - Phải rất hiểu sông Hương, tác giả mới cảm nhận thấm thía vẻ đẹp con sông lúc đêm sâu. Đó là lúc mà âm nhạc cổ điển Huế được sinh thành. Khi đó, trong không khí chùng lại của dòng sông nước

Nhóm 4: *Vẻ đẹp của sông Hương trước khi từ biệt Huế thể hiện như thế nào?* **TIẾT 44.** **Thao tác 3:** GV: Trong lịch sử và trong đời thường, thi ca, sông Hương đã hiện lên với những vẻ đẹp đáng trân trọng và đáng mến. Nhà văn đã phát hiện và lí giải về những vẻ đẹp đó của Hương giang như thế nào ? - GV nêu vấn để : Vì sao sông Hương lại có thể trở thành dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho người nghệ sĩ ? **Thao tác 4:** ? Tác giả đã lí giải về tên của dòng sông như thế nào? Cách lí giải ấy cho hiểu thêm điều gì về tính cách và tâm hồn người Huế? HS phát hiện và lí giải: lịch sử: hùng tráng và đời thường: giản dị, sông Hương tự biết thích ứng với từng hoàn cảnh, không gian và thời gian khác nhau -> dòng sông trở nên mới mẻ trong cảm nhận của mọi người và có thêm vẻ đẹp mới - Sông Hương còn là dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ. Tác giả cho rằng có một dòng thi ca về sông Hương. Đó là dòng thơ không lặp lại mình: + "Dòng sông trắng - lá cây xanh"(*Chơi xuân*-Tản Đà) + "Như kiếm dựng trời xanh"(*Trường giang như kiếm lập thanh thiên*-Cao Bá Quát). + "Con sông dùng dằng, con sông không chảy/Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu"(Thơ của Thu Bồn)	ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya. *d) Trước khi từ biệt Huế:* - Sông Hương giống như "người tình dịu dàng và chung thủy". - Con sông dùng dằng như "nàng Kiều trong đêm tình tự" trở lại tìm Kim Trọng để nói một lời thề trước lúc đi xa. **2. Dòng sông của lịch sử và thi ca:** - Trong lịch sử, sông Hương mang vẻ đẹp của một bản hùng ca ghi dấu bao chiến công oanh liệt của dân tộc "...". - Trong đời thường, sông Hương mang vẻ đẹp giản dị của "một người con gái dịu dàng của đất nước". - Sông Hương còn là dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ. **** Ai đã đặt tên cho dòng sông?*** - Tên của dòng sông được lí giải bằng một huyền thoại mĩ lệ: đó là chuyện về cư dân hai bên bờ sông nấu nước của trăm loài hoa đổ xuống dòng sông cho làn nước thơm tho mãi mãi. Huyền thoại về tên dòng sông đã nói lên khát vọng của con người ở đây muốn đem cái đẹp và tiếng thơm để xây đắp văn hoá, lịch sử, địa lý quê hương mình.

<u>NỘI DUNG 2</u>: TÍCH HỢP KIẾN THỨC VĂN NGHỊ LUẬN

TIẾT 45. *Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động: **Luyện tập trên lớp**	
<u>* Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn HS luyện tập trên lớp: *** Nhóm 1** : Vì sao trong một bài văn nghị luận chúng ta có những lúc cần vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt : tự sự, miêu tả, biểu cảm ?	**I. Luyện tập trên lớp** *Bài tập 1* a) Trong bài văn nghị luận có lúc cần vận dụng kết hợp các phương

* **Nhóm 2** : Muốn cho việc vận dụng các phương thức biểu đạt có kết quả cao thì chúng ta cần chú ý điều gì ? Cho ví dụ * **Nhóm 3** : Đọc đoạn trích trong SGK để trả lời câu hỏi. * **Nhóm 4** : Viết bài nghị luận ngắn theo chủ đề SGK nêu ra (chú ý thực hiện theo những gợi ý trong SGK). **HS trao đổi nhóm, trả lời, lớp trao đổi thống nhất kết luận** * **Nhóm 1** : Trong bài văn nghị luận có lúc cần vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả và biểu cảm vì : - Khắc phục hạn chế của văn nghị luận đó là sự khô khan, thiên về lý tính khó đọc. + Yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm đem lại sự cụ thể, thuyết phục cho văn nghị luận . Tạo sự hấp dẫn cho văn nghị luận. * **Nhóm 2** : Yêu cầu của việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận: - Bài văn phải thuộc một kiểu văn bản chính, ở đây kiểu văn bản chính dứt khoát phải là văn nghị luận. - Kể, tả, biểu cảm chỉ là những yếu tố kết hợp. Chúng không được làm mất làm mờ đi đặc trưng nghị luận của bài văn. - Các yếu tố kể, tả, biểu cảm trong bài văn nghị luận phải chịu sự chi phối và phải phục vụ quá trình nghị luận, bàn bạc * **Nhóm 3** - Trong đoạn trích, người viết muốn khẳng định về sự cần thiết của chi tiêu GNP (bên cạnh GDP) . Để làm làm cho bài viết của mình thuyết phục ngoài việc sử dụng các thao tác lập luận, người viết còn vận dụng thao tác thuyết minh, giới thiệu một cách rõ ràng, chính xác về chỉ số GDP và GNP ở Việt Nam. * **Nhóm 4**. Chủ đề : Nhà văn mà tôi hâm mộ. (Văn bản mẫu : tham khảo bài viết về nhà văn Thạch Lam của Nguyễn Tuân).	thức biểu đạt tự sự, miêu tả và biểu cảm b) Yêu cầu của việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận: *Bài tập 2* Vận dụng kết hợp phương thức biểu đạt thuyết minh trong văn nghị luận - Thuyết minh là thao tác giới thiệu, trình bày chính xác, khách quan về tính chất, đặc điểm của sự vật, hiện tượng. - Tác dụng, ý nghĩa của việc sử dụng thao tác thuyết minh. + Hỗ trợ đắc lực cho sự bàn luận của tác giả, đem lại những hiểu biết thú vị . + Giúp người đọc hình dung vấn đề một cách cụ thể và hình dung về mức độ nghiêm túc của vấn đề. *Bài tập 3 : Viết bài văn nghị luận*

<u>TIẾT 46</u> *Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt

<table>
<tr><td colspan="2">Bước 1: Luyện tập trên lớp</td></tr>
<tr><td><u>* Thao tác 1 :</u>
Tổ chức luyện tập trên lớp
Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK. HS có thể hoạt động tập thể theo nhóm, tổ hoặc cá nhân.
- HS trả lời: căn cứ vào mục đích để phân biệt các thao tác trên.
Một số gợi ý :
- Hãy nhắc lại những tao tác lập luận mà anh (chị) đã học cùng những đặc trưng cơ bản của từng thao tác.
- Đối với các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, GV cần có những giải thích thật thấu đáo. Vì những yếu tố này tưởng là xa lạ với văn nghị luận nhưng kỳ thực nếu biết vận dụng hợp lý chúng sẽ làm văn nghị luận bớt khô khan, trừu tượng.
HS Tái hiện kiến thức và trình bày.
- Thao tác lập luận phân tích: chia đối tượng ra thành nhiều yếu tố, bộ phận nhỏ để có thể nhận biết đối tượng một cách cặn kẽ, thấu đáo.
- Thao tác lập luận so sánh : Làm rõ thông tin về sự vật bằng cách đem nó đối chiếu với đối tượng sự vật khác quen thuộc hơn, cụ thể hơn để chỉ ra sự giống nhau và khác nhau giữa chúng
- Thao tác lập luận giải thích : là giảng giải về các vấn đề liên quan đến đối tượng một cách cụ thể, rõ ràng cho người nghe, người đọc hiểu tường tận.
- Thao tác lập luận chứng minh : Mục đích của chứng minh là làm người ta tin tưởng về những ý kiến, nhận xét có đầy đủ căn cứ từ trong những sự thật hoặc chân lý hiển nhiên
- Thao tác lập luận bác bỏ : Chính là dùng lý lẽ và chứng cứ để gạt bỏ những quan điểm, ý kiến sai lệch hoặc thiếu chính xác từ đó nêu ý kiến đúng của mình để thuyết phục người nghe.
- Thao tác lập luận bình luận : Nhằm đề xuất và thuyết phục người đọc tán đồng với nhận xét đánh giá, bàn luận của mình về một hiện tượng trong đời sống hoặc trong văn học.</td><td>I. Luyện tập trên lớp
1. Ôn tập về các thao tác lập luận và những đặc trưng cơ bản của thao tác lập luận
- Thao tác lập luận phân tích :
- Thao tác lập luận so sánh :
- Thao tác lập luận giải thích :
- Thao tác lập luận chứng minh :
- Thao tác lập luận bác bỏ :
- Thao tác lập luận bình luận
- Tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh : những yếu tố này có thể đem lại sự cụ thể, sống động cho văn nghị luận.</td></tr>
<tr><td colspan="2">Bước 2: Luyện tập vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận.</td></tr>
<tr><td><u>* Thao tác 1 :</u>
Tổ chức luyện tập vận dụng tổng hợp các thao tác</td><td>2. Luyện tập vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận.</td></tr>
</table>

lập luận. - GV yêu cầu HS xem xét một đoạn văn bản trong SGK và trả lời câu hỏi, yêu cầu chỉ ra cụ thể từng thao tác, đưa ra dẫn chứng cho từng thao tác (không phải trả lời một cách chung chung). 3. GV hướng dẫn HS thực hành, viết văn bản có sự kết hợp các thao tác nghị luận. **** HS trả lời cá nhân*** - Các thao tác lập luận trong đoạn trích *Tuyên ngôn độc lập* + Thao tác lập luận phân tích, chứng minh, bình luận. + Thao tác tự sự miêu tả, biểu cảm. - Các thao tác này được vận dụng tổng hợp, kết hợp rất linh hoạt trong đoạn trích.	- Các thao tác lập luận trong đoạn trích Tuyên ngôn độc lập - Các thao tác này được vận dụng tổng hợp, kết hợp rất linh hoạt trong đoạn trích.
3. - HS đọc kỹ đề bài - HS viết bài dựa trên gợi ý của SGK (trong khoảng 15 - 20 phút). - HS trình bày bài làm trước lớp. (tuỳ theo lượng thời gian mà GV yêu cầu số lượng HS trình bày nhiều hay ít) - HS chỉ ra trong bài đã sử dụng thao tác lập luận nào.	3. Viết bài văn nghị luận vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận Tham khảo bài viết trong SGK

<u>HOẠT ĐỘNG 3</u>: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH

? Viết cảm nghĩ về một đoạn văn mà anh(chị) thấy đặc sắc nhất trong 2 bài bút kí. (có thể viết bài văn ngắn/đoạn văn).

<u>HOẠT ĐỘNG 4</u>: VẬN DỤNG

Bài tập: Viết một bài văn nghị luận ngắn, trong đó vận dụng **ít nhất 3 thao tác lập luận** khác nhau và phải vận dụng kết hợp **ít nhất 1 trong 4 phương thức biểu đạt** (tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh) để trình bày quan điểm của anh/chị về:

- **Nhóm 1 + 2:** *Nét đặc sắc của thể loại kí VN hiện đại qua hai bài kí "Người lái đò sông Đà" và "Ai đã đặt tên cho dòng sông?"*

a. Về nội dung:

- Đề tài: Phong phú: Thiên nhiên, con người, các hiện tượng nổi bật vừa có tính xác thực vừa có tính thẩm mĩ:

+Vẻ đẹp thiên nhiên và con người Tây Bắc giai đoạn kiến thiết, xây dựng CNXH ở miền Bắc trong kí *NLĐSĐ*

+Vẻ đẹp thiên nhiên, văn hóa, lịch sử Huế trong *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

- Chủ đề: Qua phản ánh sự thật đời sống để bộc lộ những *cảm xúc, cảm nghĩ, suy tư của cái tôi trữ tình* về hiện thực khách quan

+NLĐSĐ: qua hình tượng dòng sông và người lái đò nhà văn tìm kiếm, khẳng định ngợi ca chất vàng thiên nhiên và "thứ vàng 10" trong tâm hồn người lao động Tây Bắc trong ở đại mới

+AĐĐTCDS?: qua hình tượng sông Hương nhà văn khẳng định, tự hào, tôn vinh giá trị văn hóa, lịch sử Huế đồng thời thể hiện tình yêu da diết với quê hương

- Cảm hứng: Thường bộc lộ cảm hứng của một cái tôi trữ tình *bay bổng, lãng mạn, dạt dào cảm xúc*

b. Về nghệ thuật:

- ***Kết cấu:*** Tổ chức sắp xếp sự việc, hình ảnh, nhân vật theo *liên tưởng, tưởng tượng* phóng túng đa chiều không bị ràng buộc bởi những quy phạm chặt chẽ. Vì thế kết cấu kí *có sự đan cài giữa mạch tự sự và mạch suy tư, suy tưởng, cảm xúc*.

+ NLĐSĐ kể về con sông Đà và cuộc chiến đấu của người lái đò với sông Đà nhưng nhà văn kể theo những liên tưởng phóng túng của một cái tôi tài hoa uyên bác

+AĐĐTCDS?: đan xen giữa những miêu tả, liên tưởng về hành trình và vẻ đẹp sông Hương là những câu chuyện vừa có thật vừa nhuốm màu huyền thoại

-Ngôn ngữ:

+ *Giàu hình ảnh, giàu liên tưởng tưởng tượng;* Mang đậm tính chủ thể, gắn liền với cá tính sáng tạo của tác giả

+Vận dụng rất nhiều biện pháp tu từ, đặc biệt biện pháp *so sánh, nhân hóa được phát huy hết công suất*, hiệu quả của chúng

- ***Giọng điệu:*** Đa thanh, linh hoạt: giọng trần thuật, giọng phân tích, giọng trữ tình, giọng suy tưởng…nhưng phải mang dấu ấn riêng của nghệ sĩ.

- Nhóm 3 + 4: *Từ hai tác phẩm kí, em hãy rút ra điểm gặp gỡ và nét độc đáo trong nghệ thuật viết kí của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường?*

* Phong cách nghệ thuật nhà văn là sự thể hiện tài nghệ của người nghệ sĩ trong việc đem đến cho người đọc một cách nhìn mới mẻ về cuộc đời thông qua những phương thức, phương tiện nghệ thuật mang đậm dấu ấn chủ quan của người nghệ sĩ. *Phong cách nghệ thuật của tác giả được thể hiện qua những phương diện: cái nhìn cách cảm thụ có tính khám phá; sự sáng tạo các yếu tố nội dung như đề tài, chủ đề, cảm hứng…; Hệ thống phương thức biểu hiện, thủ pháp nghệ thuật mang đậm dấu ấn cá tính sáng tạo; giọng điệu riêng.*

***Điểm gặp gỡ:** Đều bộc lộ *cái tôi tài hoa uyên bác* với cái nhìn về thiên nhiên và sự vật ở phương diện văn hóa, thẩm mĩ, có một vốn tri thức lịch lãm(tuy nhiên biểu hiện cụ thể của sự tài hoa uyên bác lại khác nhau)**.** Đều có một *ngôn ngữ giàu trí tưởng tượng, liên tưởng* phong phú**. ->** Nét gặp gỡ làm nên đặc trưng phong cách thể loại kí

***Nét độc đáo:**

- Nét riêng về cái nhìn, khám phá cuộc sống:

+ Nguyễn Tuân nghiêng về miêu tả, phát hiện *cái đẹp va đập mạnh vào giác quan*, nghĩa là phải khác thường, đầy cá tính, hoặc đẹp tuyệt vời hoặc dữ dội, gây ấn tượng đậm nét (Con sông Đà đẹp trong cái hung bạo dữ dội, trữ tình; Người lái đò bình dị nhưng đầy chất tài hoa, nghệ sĩ- anh hùng, dũng cảm)

+ HPNT nghiêng về khám phá *cái đẹp hướng nội* (nghĩa là HPNT có xu hướng khám phá chiều sâu của đối tượng với những nghiền ngẫm, suy tư lắng sâu, đằm thắm)

-Nét riêng về cách xử lí chủ đề (sáng tạo nội dung)

+ NT khám phá vẻ đẹp dòng sông và con người lao động để *tìm kiếm, khẳng định vẻ đẹp chất vàng thiên nhiên và "thứ vàng mười đã qua thử lửa"* ở tâm hồn con người lao động Tây Bắc thời đại mới

+ HPTN thông qua vẻ đẹp sông Hương để *tôn vinh vẻ đẹp cốt cách văn hóa, vẻ đẹp tính cách con người Huế*

-Nét riêng về cách sử dụng ngôn ngữ:

+ NT huy động triệt để vốn văn hóa, kiến thức chuyên môn của nhiều ngành (quân sự, bóng đá, thể thao, điện ảnh, điêu khắc, hội họa…) để tạo nên *lớp từ ngữ giàu có, biến hóa,điêu luyện, uyên bác*; HPNT huy động kiến thức về địa lí, lịch sử văn hóa, nghệ thuật Huế để sáng tạo nên những *ngôn từ đẹp tinh tế, tao nhã, sang trọng,* sâu lắng

+ Những biện pháp NT ưa dùng là những *so sánh, ví von, nhân hóa phá cách, lạ lẫm,bất ngờ, cầu kì, hoa mĩ* , lối văn không ngừng tác động vào cảm giác người đọc; HPNT có thế mạnh trong những *so sánh, ví von độc đáo đầy chất thi họa, thi nhạc làm nên chất trữ tình dịu ngọt, đắm say*

-Nét riêng trong giọng điệu: Giọng điệu NT là *giọng kể sắc sảo, lịch lãm*; HPNT có chất giọng vừa *trữ tình, vừa chiêm nghiệm, suy tư.* **->** Nét độc đáo của mỗi phong cách góp phần tạo nên diện mạo phong phú của kí văn học Việt Nam hiện đại.

<u>HOẠT ĐỘNG 5</u>: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Giới thiệu học sinh tiếp tục tìm đọc các bài kí của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường (giới thiệu sách tìm đọc: *Nguyễn Tuân tuyển tập*, NXB văn học 2012…)
- Vẽ sơ đồ tư duy về bài học:

Tuần: 16
Tiết: 47

CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1..Kiến thức:
a/ Nhận biết: Nhận ra lỗi trong quá trình lập luận trong văn nghị luận
b/ Thông hiểu: Nguyên nhân của lỗi lập luận
c/Vận dụng thấp:Vận dụng hiểu biết về lỗi lập luận để sửa câu sai
d/Vận dụng cao:Viết bài cảm nghị luận với hành văn trong sáng, chặt chẽ.
1.2. Kĩ năng :
a/ Biết làm: bài nghị luận, không mắc lỗi lập luận;
b/ Thông thạo: các bước lập luận trong quá trình nghị luận.
1.3.Thái độ :
a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản , nhận diện chỗ sai và cách sửa trong quá trình lập luận;
b/ Hình thành tính cách: tự tin khi diễn đạt trong quá trình lập luận;
c/Hình thành nhân cách: có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:
-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản có mặc lỗi trong khi diễn đạt
-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
-Năng lực đọc - hiểu các văn bản nghị luận;
-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân sao cho các diễn đạt trôi chảy, trong sáng.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy
2.2. Chuẩn bị của HS: SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức
3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)
3.3. Tiến trình dạy học:

🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng*

	cần đạt
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng cách chọn và bài làm của HS có mắc lỗi về diễn đạt để hướng dẫn các em sửa lỗi. - HS thực hiện nhiệm vụ, HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong quá trình viết văn nghị luận, chúng ta thường mắc nhiều lỗi về cách nêu luận điểm, luận cứ và luận chứng. Bài học hôm nay chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu các lỗi thường gặp để tìm cách phân tích và sửa chữa khi viết văn nghị luận.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**Kiến thức cần đạt**
Hoạt động: Lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm-Luận cứ	
Thao tác 1 - Tổ chức tìm hiểu và chữa lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm. 1. Tìm hiểu những đoạn văn SGK và cho biết việc nêu luận điểm mắc lỗi là gì ? 2. GV hướng dẫn HS chữa lại những đoạn văn trên cho đúng. Thao tác 2 - Tổ chức tìm hiểu lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ. 1. HS chỉ ra lỗi nêu luận cứ ở ví dụ 1 và sửa lại cho đúng. 2. HS chỉ lỗi nêu luận cứ ở ví dụ 2 và sửa chữa lại. 3. HS tìm ra cái sai của việc nêu luận cứ và sửa chữa cho đúng.	I. Lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm 1. Bài tập 1 Lỗi nêu luận điểm : a) Đoạn văn a : Việc nêu luận điểm chưa logic, phù hợp với luận cứ : luận điểm nêu ra "cảnh vật trong bài thơ thu điếu của Nguyễn Khuyến thật là vắng vẻ" không logic với luận cứ nêu ra : ngõ trúc quanh co, sóng nước gợn tý... b) Đoạn văn b : luận điểm nêu ra dài dòng, rườm rà, không rõ ràng : Luận điểm "Người làm trai thời xưa... để mở mày, mở mặt với thiên hạ" dài dòng, không nêu được trọng tâm của luận điểm. c) Đoạn văn c : Luận điểm không rõ ràng, chưa logic với luận cứ nêu ra : giữa luận điểm: "VHDG ra đời từ... phát triển" với luận cứ tiếp theo "Nhắc đến nó... cuộc sống" rời rạc không có sự thống nhất về nội dung và liền mạch về liên kết đoạn văn. Hành văn chưa mạch lạc, thống nhất. 2. Bài tập 2 - ở đoạn văn a nên thay từ "vắng vẻ" bằng một tính từ khác để phù hợp với các luận cứ (gần gũi, bình dị với cảnh làng quê Việt Nam) - ở đoạn văn b, luận điểm chỉ cần ngắn gọn "Người làm trai thời xưa luôn mang theo bên mình món nợ công danh". Các luận điểm phần lớn có nội dung khái quát và phần lớn là câu chủ đề trong đoạn văn. - ở đoạn văn c, luận điểm cần sửa lại là : VHDG

	là kho tàng kinh nghiệm của cha ông được đúc kết từ xưa. II . Lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ *Bài tập 1* - Lỗi nêu luận cứ : dẫn thơ sai, luận cứ đưa ra không chuẩn, chưa chính xác. - Gv cho Hs tham khảo đoạn đã sửa chữa đúng. *Bài tập 2* - Lỗi nêu luận cứ : Luận cứ đưa ra không phù hợp với luận điểm : Các luận cứ "Hai Bà Trưng...." chưa làm rõ luận điểm "trong lịch sử chống ngoại xâm ... thời nào cũng có". *Bài tập 3* - Lỗi luận cứ : lộn xộn, không theo một trình tự logic.
Hoạt động: lỗi liên quan đến việc vận dụng các phương pháp luận	
Thao tác 1 - Tổ chức tìm hiểu lỗi liên quan đến việc vận dụng các phương pháp luận. 1. GV yêu cầu HS phân tích lỗi về phương pháp luận và sửa chữa lại cho đúng. 2. GV yêu cầu HS phân tích lỗi và sửa chữa đoạn. 3. GV yêu cầu HS tìm lỗi của đoạn và sửa chữa đoạn văn.	III. Lỗi liên quan đến việc vận dụng các phương pháp luận *Bài tập 1.* Lỗi về phương pháp luận : luận cứ không phù hợp với luận điểm.(Văn bản không thống nhất, mang rõ đặc điểm " râu ông nọ cắm cằm bà kia" (tham khảo đoạn văn mẫu) *Bài tập 2* - Lỗi : Luận cứ không phù hợp với luận điểm : các luận cứ đều nói về cái đói và những nhân vật gắn với cái đói nhưng luận điểm nêu ra lại là "Nam Cao về nông thôn". Bởi vậy chỉ cần sửa lại luận điểm là : "Nam Cao viết nhiều về miếng ăn và cái đói". Cách sửa là có thể viết lại luận điểm cho phù hợp với luận cứ, hoặc các luận cứ phải làm rõ ý của luận điểm để tạo nên tính thống hất của một văn bản. *Bài tập 3.* Lỗi : luận điểm và luận cứ lộn xộn, không phù hợp.Hoạt động
Hoạt động 3: TỔNG KẾT (5 PHÚT) 1 - Tổ chức tổng kết . HS rút ra bài học	

🕮 3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: **<u>Câu hỏi 1:</u>** *Đoạn văn nào sau đây **không** phạm lỗi về lập luận?* a. Lão Hạc có tình thương bao la. Lão thương con chó Vàng của lão: " Tao ăn gì, mày cũng ăn cái ấy…Sau này tao chết, này ở với ai?". Lão thà chết chứ không tiêu vào số tiền của con trai và nhất định không bán nhà. Lão ăn củ chuối thay	**Trả lời:** **[5]='c'** **[6]='b'**

cơm và cuối cùng, khi không còn gì để ăn nữa, lão đã tự tử và chết một cách đau đớn, vật vã. b.Lão Hạc có tình thương bao la. Lão thương con chó Vàng của lão: " Tao ăn gì, mày cũng ăn cái ấy…Sau này tao chết, này ở với ai?". Lão thà chết chứ không tiêu vào số tiền của con trai và nhất định không bán nhà. c.Lão Hạc có tình thương bao la. Lão thương con chó Vàng của lão: " Tao ăn gì, mày cũng ăn cái ấy…Sau này tao chết, này ở với ai?". Lão thà chết chứ không tiêu vào số tiền của con trai và nhất định không bán nhà. Những việc làm ấy của lão đều xuất phát từ lòng thương con, muốn giữ vốn cho con. d.Lão Hạc có tình thương bao la. Lão thương con chó Vàng của lão: " Tao ăn gì, mày cũng ăn cái ấy…Sau này tao chết, này ở với ai?". . Lão ăn củ chuối thay cơm và cuối cùng, khi không còn gì để ăn nữa, lão đã tự tử và chết một cách đau đớn, vật vã. **<u>Câu hỏi 2:</u>** *Đoạn văn nào sau đây **không** phạm lỗi về lập luận?* a. Trước hết, ta thấy nàng Kiều là một con người sống lương thiện, có lòng nhân ái. Cuộc đời của nàng Kiều có tài, có sắc, con người có tình, đa sầu đa cảm, có đạo đức. Đáng lẽ con người này phải được sống sung sướng nhưng nàng Kiều đã nếm trải tất cả nỗi khổ đau của người phụ nữ do xã hội cũ gây nên. b.Tìm hiểu toàn diện các chức năng của văn học, chúng ta hoàn toàn tán thành với nhận định của nhà viết kịch Đức, Béc-tôn Brếch: "Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên trái đất". c. Hình tượng người nông dân trong văn học hiện thực phê phán có nét đẹp truyền thống. Nếu đặt họ bên những nhân vật phản diện như Nghị Lại, Nghị Quế thì hoàn toàn đối lập với bản chất kệch cỡm, nhố nhăng, tàn ác của bọn quan lại. Chị Dậu không như Thúy Kiều hay Kiều Nguyệt Nga khi gặp hoạn nạn thì tìm vào cõi phập để hưởng chút bình an, mà chị đã đấu tranh để bảo vệ nhân phẩm. d. Qua bài thơ, ta thấy được sự chiến thắng của phong trào Thơ mới thật là một thành tựu đáng quý vì trong vòng hơn mười năm nó đã đi hết một vòng đời của mình, vừa hình thành, phát triển, vừa suy yếu, tan rã. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	

🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Sửa lỗi lập luận câu văn sau: Tôi bị hai vết thương, một vết ở mắt, một vết ở bến xe.	**- Lỗi không đồng vị ngữ** **- Sửa:** Tôi bị hai vết thương, một vết ở mắt, một vtế ở bàn tay.

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	

🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: -HS thực hiện nhiệm vụ: Sưu tầm trên báo TUỔI TRẺ CƯỜI, mục Quán mắc cỡ để tìm ra những lỗi lập luận; - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**- Có ý thức tìm kiếm trong sách, báo, tạp chí để rút kinh nghiệm về lập luận.**

4.Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)
- Xác định lỗi trong quá trình lập luận - Dặn dò: Chuẩn bị bài thực hành

Tuần: 16
Tiết: 48

THỰC HÀNH CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1..Kiến thức: Hiểu được các lỗi trong quá trình lập luận
1.2. Kĩ năng
- Vận dụng có hiệu quả những kiến thức về lập luận để diễn đạt tốt trong văn nghị luận
- Có kĩ năng tạo lập các văn bản nghị luận có lập luận chặt chẽ, sác sảo.
1.3. Thái độ: Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:
-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản có mặc lỗi trong khi diễn đạt
-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
-Năng lực đọc - hiểu các văn bản nghị luận;
-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân sao cho các diễn đạt trôi chảy, trong sáng.
-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân sao cho các diễn đạt trôi chảy, trong sáng.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy
2.2. Chuẩn bị của HS: SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức
3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)
3.3. Tiến trình dạy học:

🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt.*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng cách cho HS làm bài trắc nghiệm: *Đoạn văn sau phạm lỗi gì về lập luận?* -> Qua bài thơ Tràng giang, nhà thơ Xuân Diệu đã khẳng định: " Tràng giang là bài thơ dọn đường cho lòng yêu giang sơn tổ quốc", bởi vì bài thơ đã bộc	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết

lộ được tâm trạng cô đơn buồn tẻ của lớp thanh niên cũng như của tác giả. a. Luận điểm không rõ ràng. b. Luận cứ không chuẩn xác, không đáng tin cậy. c. Luận cứ và luận điểm không phù hợp nhau. d. Cả A, B và C. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **phương án c** Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Chúng ta đã có một tiết tìm hiểu bài Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận. Hôm nay, chúng ta tiếp tục thực hành bài học đó.	nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động: Ôn lại kiến thức về lỗi lập luận trong văn nghị luận	
*** Thao tác 1:** - GV yêu cầu một HS nhắc lại những lỗi lập luận thường gặp (đã tìm hiểu trong bài *Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận*). - HS trình bày Ghi nhớ.	I. Lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm II . Lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ III. Lỗi liên quan đến việc vận dụng các phương pháp luận
Hoạt động 2: THỰC HÀNH	
- GV hướng dẫn HS chia nhóm HS (hai bàn thành một nhóm) thảo luận phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn và thực hành chữa lại đoạn văn để lập luận chặt chẽ, lôgíc và có sức thuyết phục. + **Nhóm 1:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **a** và chữa lỗi. + **Nhóm 2:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **b** và chữa lỗi. + **Nhóm 3:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **c** và **d** rồi chữa lỗi.	**1. Đoạn văn a:** - Lỗi lập luận: Ví dụ đưa ra không phù hợp với nội dung của câu trước đó, không làm toát lên được ý "tác động mạnh mẽ đến tâm hồn con người". - Gợi ý sửa lỗi: *Giá trị quan trọng nhất của VHDG là giá trị nhận thức ... vừa tác động mạnh mẽ đế tâm hồn con người. Ví dụ như câu: "Thân em như tấm lụa đào – Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai". Câu ca dao cho người đọc thấy sự ý thức của người phụ nữ về vẻ đẹp, về giá trị của mình. Đồng thời, người đọc cũng thấy được nỗi đau về thân phận bị phụ thuộc và hạnh phúc bấp bênh ở họ. Họ đáng trân trọng và cũng đáng thương.* **2. Đoạn văn b:** - Lỗi lập luận: Nội dung câu kết không phù hợp với các câu trên. - Sửa lỗi: bỏ đi câu cuối. **3. Đoạn văn c:** - Lỗi lập luận: Các câu văn diễn đạt ý rời rạc, không phù hợp với nhau, thiếu mạch lạc. - Sửa lại: *Truyện ngắn "Vợ nhặt" của Kim Lân đã cho ta thấy sức mạnh của tình người trong hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống. Trong cái đói gay gắt, họ đạ biết nương tựa vào nhau, chia sẻ cho*

	nhau. Đó chính là biểu hiện của giá trị nhân đạo trong tác phẩm. **4. Đoạn văn d:** - Lỗi lập luận: Câu 3 và 4 có nội dung không phù hợp với nhau. - Sửa lỗi: *Nếu ai đã từng đi ra biển thì hẳn phải cảm nhận được vẻ đẹp kì diệu và sức mạnh của những con sóng miên man vỗ bờ. Những con sóng luôn biến đổi khôn lường, lúc thì êm ả dịu dàng, lúc lại sôi sục, dữ dội. Chính vì thế XQ đã ví tình yêu của mình như những con sóng để nói lên tình yêu của mình.*
+ **Nhóm 4:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **e** và chữa lỗi.	**5. Đoạn văn e:** - Lỗi lập luận: Câu chốt đầu đoạn đúng nhưng các câu sau không tập trung làm sáng rõ được, hơn nữa còn mắc lỗi khác ngoài lỗi lập luận. - Sửa lỗi: *Lòng thương người của ND bao trùm lên toàn bộ tác phẩm "Truyện Kiều". ND viết truyện thơ này như có "máu chảy trên đầu ngọn bút" (Mộng Liên Đường Chủ nhân). Đó chính là nỗi xót xa vô hạn trước kiếp hồng nhan bạc mệnh mà tiêu biểu là Thúy Kiều. Chính vì thế mà nhà thơ Tố HỮu đã khái quát rất đúng khi viết: Tố Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều'.*
+ **Nhóm 5:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **g** và chữa lỗi.	**6. Đoạn văn g:** - Lỗi lập luận: + Câu trích dẫn đưa ra không phù hợp với ý kiến đưa ra: "Hình ảnh những thế hệ cây xà nu cũng gợi lên sự tiếp nối của thế hệ những người dân Xô Man" không phù hợp với trích dẫn: "Có những cây non vừa lớn...lông vũ". + Có những câu tối nghĩa. - Sửa lỗi: *Cây xà nu là một cây họ thông ..ở Tây Nguyên. Xà nu là loài cây gỗ quý và đặc biệt có sức sống rất mãnh liệt. Rừng xà nu là biểu tượng cho người dân Xô Man. Hình ảnh những thế hệ cây xà nu gợi lên sự nối tiếp của các thế hệ người dân nơi đây trong cuộc chiến không cân sức với kẻ thù hung bạo là đế quốc Mĩ.*
+ **Nhóm 6:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **h** và chữa lỗi. - Các nhóm thảo luận trên cơ sở mỗi thành viên đã soạn bài, thống nhất ý kiến, ghi vào bảng phụ trong thời gian 10 phút. - Sau khi thảo luận, GV mời từng đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận; các nhóm khác có thể bổ sung ý kiến.	**7. Đoạn văn h:** - Lỗi lập luận: Đưa ra những câu có ý nghĩa không ăn nhập với nhau: "Các tác phẩm VHDG đề hướng con người tới "chân, thiện, mĩ". Không một ai là không biết đến truyện cổ tích "Tấm Cám"; ... - Sửa lỗi: *Chính vì ra đời từ rất sớm và gắn liền với cuộc sống nhân dân lao động nên VHDG có giá trị trong việc bảo tồn và nuôi dưỡng tâm hồn nhân dân, hướng tới cái "chân, thiện, mĩ". Qua nhiều tác phẩm, ta đều thấy nhân dân luôn luôn khát khao cho cái thiện thắng cái ác, ở hiền gặp lành. Không những thế, văn học dân gian còn có rất nhiều giá trị*

	nghệ thuật đặc sắc trên các thể loại. Ta thử tìm hểu điều ấy qua truyện cổ tích "Tấm Cám".

🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ: **<u>Câu hỏi 1:</u>** Dòng nào dưới đây nêu không đúng yếu tố chính của lập luận trong bài văn nghị luận ? a. Luận đề b.Luận điểm c.Luận chứng d.Luận cứ **<u>Câu hỏi 2:</u>** Dòng nào dưới đây nêu đúng nhất cách hiểu về luận chứng? a. Là những ý kiến xác định của người viết về vấn đề được bàn luận b.Là việc vận dụng các phép suy luận logic, tổ chức kết hợp các lí lẽ, dẫn chứng để tăng thuyết phục cho luận điểm c. Là các tài liệu, các dẫn chứng được dùng làm cơ sở để thuyết minh cho luận điểm, d. Là những vấn đề triển kai từ luận điểm, góp phần sáng tỏ vấn đề được bàn luận **<u>Câu hỏi 3:</u>** Dòng nào dưới đây nêu không đúng những lỗi thường gặp trong lập luận của một bài văn nghị luận? a. Nêu luận điểm trùng lặp b. Đưa ra dẫn chứng không phù hợp c. Nêu luận cứ thiếu chính xác d. Lập luận mâu thuẫn **<u>Câu hỏi 4:</u>** Trong khi lập luận , cần chú ý điều gì ? a.Xác định rõ luận điểm cần trình bày b. Dùng các phương tiện ngôn ngữ phù hợp c. .Chú ý tính logic, nhất quán của các luận điểm , luận cứ d.Cả 3 ý kiến trên đều đúng - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**TRẢ LỜI46** **[1]='a'** **[2]='c'** **[3]='b'** **[4]='d'**

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)
1/Hướng dẫn tự học: Nhận diễn lỗi trong lập luận và cách sửa **2/ Dặn dò :** Ôn tập HKI

Tuần: 17
Tiết: 49,50,51

ÔN TẬP PHẦN VĂN HỌC

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC
1.1..Kiến thức:
- Phong cách và các quan điểm nghệ thuật của các tác giả văn học đã học.
- Nội dung cơ bản, đặc sắc nghệ thuật của các tác phẩm văn học.
- Kiến thức về lí luận văn học ở hai phạm trù thể loại và phong cách văn học.
1.2. Kĩ năng
- Vận dụng kiến thức đã học vào việc hiểu các khái niệm lí luận.
- Hệ thống hóa các kiến thức theo nhóm.
1.3. Thái độ: Tự hào về những đóng góp của văn học hiện đại Việt Nam sau 1945;
1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:
-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
-Năng lực đọc - hiểu các tác giả văn học
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả , tác phẩm văn học hiện đại
2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS
2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy
2.2. Chuẩn bị của HS: SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài
3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:
3.1. Ổn định tổ chức
3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)
3.3. Tiến trình dạy học: <u>TIẾT 49</u>

🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng cách cho HS: + Xem chân dung một số nhà thơ, nhà văn đã học ở HKI + Xem một đoạn videoclip về kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác

- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Như vậy, các em đã học xong phần VHVN từ sau 1945 đến hết thế kỉ XX, trong đó nổi bât là văn chính luận và phần thơ. Hôm nay, chúng ta cùng ôn tập để hệ thống lại toàn bộ kiến thức đã học.	tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: Quá trình phát triển của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỷ XX	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS** hệ thống hóa kiến thức **HS hoạt động nhóm theo hướng dẫn của GV:** + **Nhóm 1:** Chặng đường 1945 - 1954 - Văn học phản ánh được không khí hồ hởi vui sướng đặc biệt của nhân dân ta khi Đất Nước vừa giành được độc lập. Từ cuối năm 1946, văn học tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống Pháp. Văn học gắn bó với đời sống cách mạng và kháng chiến, tập trung khám phá sức mạnh và phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân, thể hiện ở niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến. + Truyện ngắn và ký, tiêu biểu : Một lần tới thủ đô và Trận phố Ràng của Trần Đăng, Đôi mắt, Nhật ký ở rừng của Nam Cao, Làng của Kim Lân, Vùng mỏ của Võ Huy Tâm, Xung kích của Nguyễn Đình Thi, Đất nước đứng lên của Nguyên Ngọc. + Thơ ca : Cảnh khuya, Rằm tháng giêng, Lên núi của Hồ Chí Minh, Bên kia sông Đuống của Hoàng Cầm, Tây Tiến của Quang Dũng, Nhớ của Hồng Nguyên, Cá nước, Việt Bắc của Tố Hữu... + Kịch : Bắc Sơn của Nguyễn Huy Tưởng, Chị Hoài của Học Phi. + **Nhóm 2:** Chặng đường 1955 - 1964 + Văn xuôi mở rộng đề tài, bao quát nhiều vấn đề, phạm vi trong xã hội. Các tác phẩm tập trung khai thác đề tài kháng chiến chống Pháp và hiện thực đời sống trước cách mạng tiêu biểu : Tranh tối tranh sáng của Nguyễn Công Hoan Sống mãi với thủ đô của Nguyễn Huy Tưởng,... Viết về đề tài xây dựng CNXH : Sông Đà của Nguyễn Tuân, Bốn năm sau của Nguyễn Huy Tưởng,... + Thơ ca : Gió lộng của Tố Hữu, ánh sáng và phù sa của Chế Lan Viên... + Kịch : Ngọn lửa của Nguyễn Vũ, Chị Nhàn của Đào Hồng Cẩm... + **Nhóm 3:** Chặng đường từ 1965 - 1975 - Chủ đề : Yêu nước, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng tiêu	**I. Nội dung ôn tập** 1. Quá trình phát triển của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỷ XX a) Chặng đường 1945 - 1954 b) Chặng đường 1955 - 1964 c) Chặng đường từ 1965 - 1975

biểu như "Người mẹ cầm súng" của Nguyễn Thị, "Rừng xà nu" của Nguyễn Trung Thành... + Truyện kí : Nguyễn Tuân, Nguyễn Thành Long,... khuynh hướng mở rộng và đào sâu hiện thực đồng thời bổ sung và tăng cường chất suy tư, chính luận như Ra trận, Máu và hoa của tố Hữu, Hoa ngày thường, chim báo bão của Chế Lan Viên, Đầu súng trăng treo của Chính Hữu,... xuất hiện những đóng góp của một số nhà thơ trẻ thời chống Mĩ như Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm,... **+ Nhóm 4:** Chặng đường từ 1975 đến hết thế kỉ XX + Đổi mới thơ ca tiêu biểu như Chế Lan Viên. Hiện tượng mở rộng thơ ca sau năm 1975 là một trong những thành tựu nổi bật của thơ ca giai đoạn này : Những người đi tìm tới biển của Thanh Thảo, Đường tới thành phố của Hữu Thỉnh, Trường ca sư đoàn của Nguyễn Đức Mậu,... + Một số cây bút bộc lộ ý thức muốn đổi mới cách viết mới về chiến tranh, cách tiếp nhận hiện thực đời sống : Đất trắng của Nguyễn Trọng oánh,... Từ năm 1986, văn học gắn bó với cuộc sống hằng ngày. Phóng sự xuất hiện đề cập văn xuôi thực sự khởi sắc với tập truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa, Cỏ lau của Nguyễn Minh Châu... - Từ sau năm 1975 kịch nói phát triển mạnh mẽ như Hồn trương ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ, Mùa hè ở biển của Xuân Trình...	d) Chặng đường từ 1975 đến hết thế kỉ XX
<u>TIẾT 50.</u> Hoạt động: **Đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 – 1975**	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS ôn lại 3 đặc điểm cơ bản.** GV: Nêu đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 – 1975? **** HS trả lời cá nhân*** a) Văn học vận động theo khuynh hướng cách mạng hoá, mang đậm tính dân tộc sâu sắc. Đây là một đặc điểm nói lên bản chất của văn học Việt Nam (1945 - 1975) văn học giai đoạn này thống nhất về nhiều mặt phụng sự kháng chiến và có tinh thần nhân dân sâu sắc. b) Văn học gắn bó mật thiết với vận mệnh chung của đất nước Văn học tập trung vào 2 đề tài chính đó là : Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội Đây cũng là một đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam (1945 - 1975). Văn học giai đoạn này gắn bó với vận mệnh chung của Đất Nước của cộng đồng dân tộc. Đề tài bao trùm của văn học là Tổ Quốc và chủ nghĩa xã hội	2. **Đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 - 1975** a) Văn học vận động theo khuynh hướng cách mạng hoá, mang đậm tính dân tộc sâu sắc. b) Văn học gắn bó mật thiết với vận mệnh chung của đất nước c) Văn học phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển của cách mạng

c) Văn học phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển của cách mạng -Kết hợp giữa khuynh hướng sử thi và khuynh hướng lãng mạn. -Đây là một đặc điểm thể hiện khuynh hướng thẩm mỹ của văn học Việt Nam những năm 1945 - 1975. Văn học giai đoạn này mang đậm tính sử thi và chất lãng mạn, thấm đượm chất anh hùng ca, tạo nên vẻ đẹp riêng, mang đậm tính thời đại. Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn đã đáp ứng được yêu cầu phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển của văn học giai đoạn này.	
Hoạt động: **Quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Nguyễn ái Quốc- Hồ Chí Minh**	
<u>* Thao tác 1 :</u> Tổ chức ôn tập về quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh? Chứng minh mối quan hệ có tính nhất quán của quan điểm sáng tác với sự nghiệp văn học của người **** HS trả lời cá nhân*** - Hồ Chí Minh coi nghệ thuật là thứ vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng : Quan điểm này bộc lộ rõ trong Tuyên ngôn nghệ thuật : *Nay ở trong thơ nên có thép/Nhà thơ cũng phải biết xung phong* (Cảm tưởng đọc thiên gia thi) Sau này trong Thư gửi của hoạ sỹ nhân dịp triển lãm hội hoạ năm 1951 Người lại khẳng định : "Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em là chiến sỹ trên mặt trận ấy". - Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính chân thật của văn chương, Người coi tính chân thật như một thước đo giá trị của văn chương nghệ thuật. Người nhắc nhở người nghệ sĩ "Nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc và đề cao sự sáng tạo, chớ gò bó họ vào khuôn làm mất vẻ sáng tạo". - Khi cầm bút, Hồ Chí Minh bao giờ cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm văn học. người luôn tự đặt câu hỏi : "Viết cho ai?"(đối tượng) "Viết để làm gì ?"(mục đích). Sau đó mới quyết định "Viết cái gì ?"(nội dung) và viết "Như thế nào" (hình thức). Chính vì chú ý từ một cách toàn diện từ đối tượng tiếp nhận, mục đích sáng tác đến nội dung và hình thức của tác phẩm nên sáng tác của Người chẳng những có tư tưởng sâu sắc nội dung thiết thực mà còn có hình thức nghệ thuật sinh động, phong phú đa dạng. Chứng minh mối quan hệ có tính chất nhất quán giữa quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh với sự nghiệp văn học của Người :	**1. Quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Nguyễn ái Quốc- Hồ Chí Minh.**

VD : Chẳng hạn truyện ngắn Vi hành được Người sáng tác vào đầu năm 1923 nhằm vạch trần tội ác của tên vua bù nhìn Khải Định trong chuyến đi Pháp nhục nhã của hắn, năm 1922 dự cuộc đấu xảo thuộc địa ở Macxây. Lấy việc tố cáo lật tẩy tính chất bù nhìn, tay sai dơ dáy của nhân vật nói trên làm mục đích, cho nên tinh thần châm biếm, đả kích đã trở thành linh hồn của tác phẩm. Tinh thần ấy thấm vào toàn bộ tác phẩm (từ giọng văn khắc hoạ hình tượng nhân vật, đến mọi chi tiết của tác phẩm). Tác phẩm được viết ra nhằm mục đích hướng tới độc giả người Pháp và những người biết tiếng Pháp cho nên phải viết bằng một bút pháp Châu Âu hiện đại.	
TIẾT 51. Hoạt động: ÔN **câu 4-5-6-7**	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS** ôn tập tác phẩm Tuyên ngôn Độc lập * **Nhóm 1** : Câu 4-SGK Về mục đích và đối tượng của văn bản Tuyên ngôn độc lập (căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể khi Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập) ? - Phân tích nội dung và hình thức của tác phẩm để làm rõ Tuyên ngôn độc lập vừa là một áng văn chính luận mẫu mực, vừa là một áng văn chan chứa những tình cảm lớn ? * **Nhóm 2**: Vì sao nói Tố Hữu là nhà thơ trữ tình - chính trị. Phân tích khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong thơ Tố Hữu. * **Nhóm 3**: Phân tích những biểu hiện của tính dân tộc trong bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu. * **Nhóm 4**: câu 7-SGK - Phân tích vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ Tây tiến của Quang Dũng (so sánh với hình tượng người lính trong bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu)	**4. Tuyên ngôn Độc lập** a) Mục đích đối tượng : - Mục đích - Đối tượng hướng đến của bản tuyên ngôn b) Làm rõ Tuyên ngôn độc lập vừa là một áng văn chính luận mẫu mực vừa là một áng văn chan chứa tình cảm lớn. - Tuyên ngôn độc lập là một áng văn chính luận mẫu mực - Tuyên ngôn độc lập còn là một áng văn xúc động lòng người. 5. Tố Hữu*:* Tố Hữu là một trong số những nhà thơ lớn của nền thơ hiện đại Việt Nam. Tố Hữu là nhà thơ trữ tình - chính trị 6. Bài thơ Việt Bắc*:* Nghệ thuật biểu hiện của bài thơ Việt Bắc đậm đà bản sắc dân tộc. 7. *Tây Tiến* của Quang Dũng

🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Bảng thống kê các tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX:	- Chọn kiến thức cơ bản để điền vào ô trống.

	Văn xuôi	Thơ ca	Kịch
Từ 1945 đến 1954	……	…..	…..
Từ 1955 đến 1964	…….	……	……
Từ 1965 đến 1975	……..	…….	…….
Từ 1975 đến hết thế kỉ XX	…….	…….	…….

- HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV - HS</th><th>Kiến thức cần đạt</th></tr>
<tr><td>GV giao nhiệm vụ: thể lập bảng so sánh nét riêng của hình tượng người lính trong Tây Tiến của Quang Dũng và Đồng chí của Chính Hữu để dễ ghi nhớ:
<table>
<tr><td></td><td>Tây Tiến</td><td>Đồng chí</td></tr>
<tr><td>Xuất thân</td><td>…….</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Bút pháp miêu tả</td><td>…….</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Khung cảnh</td><td>…….</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Tính chất hình tượng</td><td>…….</td><td>…….</td></tr>
</table>
- HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</td><td>- Chọn kiến thức cơ bản để điền vào ô trống.</td></tr>
</table>

🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- GV giao nhiệm vụ: Thống kê những tác giả,tác phẩm đã học ở HKI -HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**Thống kê chính xác, đầy đủ.**

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT) -Lập bảng hệ thống tác giả, tác phẩm đã học trong văn học Việt Nam 1945 đến hết thế kỉ XX
- Chuẩn bị bài: KTHK1

Tuần: 19,20

Tiết: 55->58

VỢ CHỒNG A PHỦ

(Trích – TÔ HOÀI)

1. Mục tiêu bài học

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.

d/Vận dụng cao: Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;

b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận

1.3.Thái độ :

-Biết nhận thức được ý nghĩa của tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam trong lích sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà tác phẩm văn xuôi hiện đại đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam .

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945-1954)
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945-1954)
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945-1954)
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945-1954)
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nhân vật trong truyện và truyện cùng chủ đề;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy

2.2. Chuẩn bị của HS**:** SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức

3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)

3.3. Tiến trình dạy học: <u>TIẾT 55</u>

🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu một đoạn phim trong phim Vợ chồng A Phủ, nghe bài hát *Chỉ có 2 người* (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả *Tô Hoài* + Lắp ghép tác phẩm với tác giả - HS thực hiện nhiệm vụ:	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong bài thơ Tiếng hát con tàu, nhà thơ Chế Lan Viên có viết "Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ".* Vâng. Tây Bắc là nguồn cảm hứng vô tận để các nhà thơ, nhà văn tìm đến và sáng tác. Một trong những nhà văn sau cách mạng có duyên nợ sâu nặng với mảnh đất này chính là Tô Hoài. Với Truyện Tây bắc, ông đã đưa ta về nơi "máu rỏ tâm hồn ta thấm đất", nơi mà nhận vật Mị và A Phủ đã sống những ngày tăm tối nhất dưới ách thống trị của bọn chúa đất miền núi. Và họ đã vùng lên đấu tranh, đi theo cách mạng…	- Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (120 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động: TÌM HIỂU CHUNG	
- Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả + GV: Nêu những nét chính về tác giả? HS đọc phần Tiểu dẫn, dựa vào những hiểu biết của bản thân để trình bày những nét cơ bản về: - Cuộc đời, sự nghiệp văn học và phong cách sáng tác của Tô Hoài. - Xuất xứ truyện Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài. **- Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm** **+ GV:** Nêu xuất xứ tác phẩm? **GV**: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cốt truyện Trên cơ sở đọc và chuẩn bị bài ở nhà, HS tóm tắt tác phẩm ***(Tích hợp kiến thức Làm Văn 10: Tóm tắt văn bản tự sự)***	**I. Vài nét chung.** **1.** Tác giả: a. Cuộc đời: - Tên khai sinh: Nguyễn Sen. Sinh năm: 1920. b. Sáng tác văn học: -Viết văn từ trước Cách mạng - sáng tác với nhiều thể loại Số lượng tác phẩm đạt kỷ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại. - 1996: Được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật. - Một số tác phẩm tiêu biểu: *Dế Mèn phiêu lưu ký* (1941), *O chuột* (1942), *Truyện Tây Bắc* (1953)… **2. Tác phẩm**: a. Xuất xứ: - Vợ chồng A Phủ (1952) là kết quả của chuyến đi cùng bộ đội giải phóng Tây Bắc, in trong tập Truyện Tây Bắc, giải Nhất giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 – 1955. - Tác phẩm gồm hai phần, đoạn trích trong SGK là phần một. b. Tóm tắt tác phẩm (phần 1)
Hoạt động: **Đọc - hiểu văn bản.**	
- Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu nhân vật Mị. **+ GV nêu câu hỏi:** Mị xuất hiện ngay ở những dòng đầu tiên của truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*. Em hình dung và cảm nhận được điều gì về nhân vật trong đoạn văn mở đầu tác phẩm? +GV: Em hiểu nghĩa khái niệm "con dâu gạt nợ" như thế nào? Từ đó có thể hiểu dễ dàng cuộc sống của Mị trong vai trò vợ A Sử, trong nhà thống lí ra sao? Qua đây, tác giả muốn phản ánh hiện thực xã hội gì?	**II. Đọc - hiểu văn bản.** **1. Nhân vật Mị:** **a. Cuộc sống thống khổ:** (Cuộc đời làm dâu gạt nợ) * Trước khi bị bắt về làm dâu trừ nợ cho nhà thống lí PaTra: Mị là cô gái trẻ, đẹp, yêu đời:... * Từ khi bị bắt về làm dâu trừ nợ: vì món nợ "truyền kiếp", bị bắt làm "con dâu gạt nợ" nhà thống lí Pá Tra, bị đối xử tàn tệ, mất ý thức về cuộc sống *(lời giới thiệu về Mị, công việc, không gian căn buồng của Mị,…).* -Thời gian: *"Đã mấy năm",* nhưng *"từ năm nào cô không nhớ ..."* →không còn ý thức về thời

+HS trả lời cá nhân:
− Con dâu là nói quan hệ với thống lí Pá Tra – cha đẻ của A Sử. Nghĩa là Mị đã trở thành người thân, người trong nhà của chúng – một gia đình giàu có, quyền thế, sang trọng nhất bản Hồng Ngài.
− Nhưng Mị lại là con dâu gạt nợ, đem thân thay cha mẹ trả món nợ tiền vay khi cưới của cha mẹ mình.
− Như vậy, hình thức bên ngoài là con dâu, nhưng thực chất là con nợ, là nô tì nô lệ không công cho cha con Pá Tra – A Sử.
− Nhưng cuộc hôn nhân bất đắc dĩ, miễn cưỡng, gò ép trong tủi nhục và nước mắt ấy vẫn được thực hiện theo phong tục cướp vợ truyền thống của người Mông. Có điều, cô dâu không bao giờ tự nguyện và có được một khoảnh khắc tình yêu, hạnh phúc nào!
− Cuộc sống của Mị trong nhà Pá Tra là cuộc sống của kẻ đầy tớ, nô tì không công, bị công việc khổ sai nặng nhọc liên tục hành hạ từ thể xác đến tinh thần. Thời gian đã biến Mị thành cái máy, cái bóng câm lặng, cô đơn, buồn rười rượi, như con rùa trong xó cửa, cứ thế, cứ thế... cho đến già, đến chết!
− Qua một đoạn đời và số phận của Mị, tác giả đã phản ánh trung thực một hiện thực tăm tối, tàn bạo và bất công trong xã hội miền núi phía Bắc nước ta thời thuộc Pháp trước cách mạng. Số phận cay đắng và đáng thương của Mị cũng là cuộc đời của hàng nghìn vạn phụ nữ các dân tộc ít người dưới ách thống trị của bọn thực dân Pháp và bọn lang đạo, phìa tạo, thống lí tay sai.

GV: Đọc đoạn văn thể hiện nỗi đau về tinh thần của Mị?

GV: Thái độ của Mị lúc này như thế nào?

TIẾT 56

+ GV tổ chức thảo luận nhóm:

Nhóm 1: Những tác nhân nào thức dậy ở Mị lòng ham sống và khát khao hạnh phúc mãnh liệt trong đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài?

Nhóm 2: Phân tích diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân? Từ đó, nhận xét thành công nghệ thuật tả cảnh, tả tậm trạng nhân vật của Tô Hoài.

gian, không còn ý thức về cuộc đời làm dâu gạt nợ.
-Không gian: tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa… khe suối. Căn buồng kín mít.
⇒Không gian hẹp, cố định, quen thuộc, tăm tối, gợi cuộc đời tù hãm, bế tắc, luẩn quẩn…
- Hành động, dáng vẻ bên ngoài:
+ Cúi mặt, buồn rười rượi, đêm nào cũng khóc …
+ Trốn về nhà, định tự tử …
+ Cúi mặt, không nghĩ ngợi … vùi vào làm việc cả ngày và đêm.
-Suy nghĩ: Tưởng mình là con trâu, con ngựa nghĩ rằng "*mình sẽ ngồi trong cai lỗ vuông ấy mà trông ra đến bao giờ chết thì thôi…".*
+ Ngày Tết: chẳng buồn đi chơi…
→ Nghệ thuật miêu tả sinh động, cách giới thiệu khéo léo, hấp dẫn, nghệ thuật tả thực, tương phản *(giữa nhà thống lý giàu có với cô con dâu luôn cúi mặt không gian căn guồng chật hẹp với không gian thoáng rộng bên ngoài)*.
⇒Cuộc đời làm dâu gạt nợ là cuộc đời tôi tớ. Mị sông tăm tối, nhẫn nhục trong nỗi khổ vật chất thể xác, tinh thần…không hy vọng có sự đổi thay.

b. Sức sống tiềm tàng và khát vọng hạnh phúc:
- Thời con gái: Vốn là một cô gái trẻ đẹp, có tài thổi sáo, có nhiều người say mê - có tình yêu đẹp.
- Mùa xuân đến *(thiên nhiên, tiếng sáo gọi bạn, bữa rượu,…),* Mị đã thức tỉnh *(kỉ niệm sống dậy, sống với tiếng sáo, ý thức về thời gian, thân*

	phận,…) +Nghe - nhẩm thầm-hát. + Lén uống rượu-lòng sống về ngày trước. + Thấy phơi phới trở lại- đột nhiên vui sướng. + Muốn đi chơi (nhắc 3 lần). ⇒Khát vọng sống trỗi dậy - Mị muốn đi chơi *(thắp đèn, quấn tóc,…).* - Khi bị A Sử trói vào cột, Mị *"như không biết mình đang bị trói"*, vẫn thả hồn theo tiếng sáo. + Như không biết mình bị trói. + Vẫn nghe tiếng sáo … +Vùng đi - sợ chết. ⇒Khát vọng sống vô cùng mãnh liệt. **c. Sức phản kháng mạnh mẽ:** - Lúc đầu, thấy A Phủ bị trói, Mị dửng dưng "vô cảm"**:** *" A Phủ có chết đó cũng thế thôi ".* - Khi nhìn thấy *"dòng nước mắt chảy xuống hai hõm má đã xám đen lại"* của A Phủ: + Mị xúc động, nhớ lại mình, đồng cảm với người. + Mị nhận ra tội ác của bọn thống trị " chúng nó thật độc ác". **=> thương mình,->thương người, từ vô cảm đến đồng cảm.** - Tình thương, sự đồng cảm giai cấp, niềm khát khao tự do mãnh liệt,… đã thôi thúc Mị cắt dây trói cứu A Phủ và tự giải thoát cho cuộc đời mình. + Mị cởi trói cho A Phủ - giải phóng cho A Phủ là giải phóng cho chính mình. + Hành động có ý nghĩa quyết định cuộc đời Mị- là kết quả tất yếu của sức sống vốn tiềm tàng trong tâm hồn người phụ nữ tưởng suốt đời cam chịu làm nô lệ.
Nhóm 3: Nguyên nhân nào đã khiến Mị có hành động cắt dây trói cho A Phủ? Vì sao Mị chạy cùng A Phủ? **Nhóm 4:** Giá trị nhân đạo được thể hiện nhân vật Mị mà Tô Hoài muốn nêu lên là gì?	
TIẾT 57 **- Thao tác 2: Hướng dẫn tìm hiểu nhân vật A Phủ.** **GV:** Vì sao nói A Phủ là nhân vật có số phận đặc biệt? **GV:** Nhân vật A Phủ có những tính cách đặc biệt nào? Đọc đoạn văn miêu tả cảnh A Phủ đánh A Sử? **GV:** Khi trở thành người làm công gạt nợ, tính cách của A Phủ như thế nào? Có thay đổi so với trước kia hay không? **GV:** Tính cách của A Phủ còn được bộc lộ ở những chi tiết nào? **GV:** Nhận xét về nghệ thuật thể hiện nhân vật A Phủ của Tô Hoài? **+ GV:** Nhận xét về giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm?	**b. Nhân vật A Phủ.** * Số phận éo le, là nạn nhân của hủ tục lạc hậu và cường quyền phong kiến miền núi *(mồ côi cha mẹ, lúc bé đi làm thuê hết nhà này đến nhà khác, lớn lên nghèo đến nỗi không lấy nổi vợ).* - Lúc nhỏ: Mồ côi, sống lang thang →Bị bắt bán - bỏ trốn. - Lớn lên: Biết làm nhiều việc. Khoẻ mạnh, không thể lấy nổi vợ vì nghèo. +Dám đánh con quan →Bị phạt vạ → làm tôi tớ cho nhà thống lý. + Bị hổ ăn mất bò → Bị cởi trói, bị bỏ đói… * Phẩm chất tốt đẹp: có sức khỏe phi thường, dũng cảm; yêu tự do, yêu lao động; có sức sống tiềm tàng mãnh liệt…

- HS thảo luận cặp đôi và phát biểu tự do.	- Bị trói: Nhay đứt 2 vòng dây mây quật sức vùng chạy → Khát khao sống mãnh liệt. ⇒Cuộc đời A Phủ cũng là một cuộc đời nô lệ điển hình. ***3. Giá trị của tác phẩm:*** **a.Giá trị hiện thực:** - Miêu tả chân thực số phận cực khổ của người dân nghèo. - Phơi bày bản chất tàn bạo của giai cấp thống trị ở miền núi. **b. Giá trị nhân đạo:** - Thể hiện tình yêu thương, sự đồng cảm sâu sắc với thân phận đau khổ của người dân lao động miền núi trước Cách mang; - Tố cáo, lên án, phơi bày bản chất xấu xa, tàn bạo của giai thống trị; - Trân trọng và ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, sức sống mãnh liệt và khả năng cách mạng của nhân dân Tây Bắc;…
Tiết 58. Hoạt động: Tổng kết	
- Thao tác 3: Tìm hiểu nghệ thuật của tác phẩm **+ GV:** Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm ? **+ GV:** Ghi nhận các ý kiến và chốt lại theo đáp án. **+ GV:** Nêu ý nghĩa văn bản? **Liên hệ:** ***Vợ chồng A Phủ*** là câu chuyện về một đôi trai gái người Mông ở miền núi cao Tây Bắc cách đây mấy chục năm. Tuy nhiên , nhiều vấn đề đặt ra từ câu chuyện này không chỉ là chuyện của hôm qua mà còn là chuyện của hôm nay. Em nghĩ gì về điều này? HS đọc đoạn đầu văn bản, nhận xét cách giới thiệu nhân vật Mị, cảnh ngộ của Mị, những đày đọa tủi cực khi Mị bị bắt làm con dâu gạt nợ cho nhà Thống lí Pá Tra.	**III. TỔNG KẾT:** **1. Nghệ thuật:** a. Nghệ thuật xây dựng nhân vật có nhiều điểm đặc sắc (A Phủ được miêu tả qua hành động, Mị chủ yêu khắc họa tâm tư,…). b. Trần thuật uyển chuyển, linh hoạt; cách giới thiệu nhân vật đầy bất ngờ, tự nhiên mà ấn tượng; kể chuyện ngắn gọn, dẫn dắt tình tiết khéo léo. c. Biệt tài miêu tả thiên nhiên và phong tục, tập quán của người dân miền núi. d. Ngôn ngữ sinh động, chọn lọc và sáng tạo, câu văn giàu tính tạo hình và thấm đẫm chất thơ, … **2. Ý nghĩa văn bản:** *Tố cáo tội ác của bọn phong kiến, thực dân; thể hiện số phận đau khổ của người dân lao động miền núi; phản ánh con đường giải phóng và ngợi ca vẻ đẹp, sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của họ.*

🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ:	ĐÁP ÁN

Câu hỏi 1: *Trong truyện "Vợ Chồng A Phủ" hình ảnh "nắm lá ngón" được nhắc đến mấy lần?* a. Một lần. b. Hai lần. c. Ba lần. d. Bốn lần. **Câu hỏi 2:** *Tô Hoài đã miêu tả căn buồng của Mị như sau: "Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết sương hay là nắng".* Ý nghĩa sâu sắc nhất của hình ảnh trên là gì? a. Qua không gian sống để tô đậm nỗi khổ của nhân vật. b. cho thấy *Mị* phải sống kiếp tù nhân va mất dần ý thức của con người. c. Lên án sự đối sử tàn nhẫn của nhà thống lí đối với *Mị*. d. Cho thấy *Mị* không hề hưởng một chút gì hạnh phúc. **Câu hỏi 3:** *Chi tiết nào **không** thể hiện sự phản kháng lại kiếp sống tủi nhục của Mị?* a. Có đến hàng mấy tháng, đêm nào *Mị* cũng khóc. b. Ngày tết, *Mị* cũng uống rượu. *Mị* lén lấy hũ rượu, cứ uống ừng ực từng bát. c. *Mị* không còn tưởng đến *Mị* có thể ăn lá ngón để tự tử nữa. d. *Mị* chuẩn bị để đi chơi xuân. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	[1]='c' [2]='b' [3]='c'

🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi : *"Mị không nói. A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xõa xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi, không nghiêng đầu được nữa. Trói xong vợ, A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại".* (Trích *Vợ chồng A Phủ* - Tô Hoài) 1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức nào là chính? 2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là gì ? 3. Trong đoạn văn trên, Tô Hoài sử dụng nhiều câu ngắn kết hợp với các câu dài có nhiều vế ngắn, nhịp điệu nhanh. Tác dụng của hình thức nghệ thuật này là gì ? - HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	Câu 1 : Đoạn văn được viết theo phương thức tự sự là chính. Câu 2 : Đoạn văn kể lại hành động trói Mị của A Sử trong đêm mùa xuân khi Mị muốn đi chơi. Câu 3 : Tô Hoài sử dụng nhiều câu ngắn kết hợp với các câu dài có nhiều vế ngắn, nhịp điệu nhanh. Bằng hình thức này, tác giả cho thấy hành động trói vợ của A Sử diễn ra rất nhanh, rất thuần thục, tưởng như đó là việc làm thường xuyên, quen thuộc của A Sử. Qua đây có thể thấy tính cách độc ác, tàn nhẫn của A Sử.

🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ:	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy

+ Vẽ bản đồ tư duy bài học + Tìm nghe bài hát "Chỉ có hai người" trong phim "Vợ chồng A Phủ". Viết cảm nhận sau khi xem phim và nghe bài hát đó -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Tìm trên Yutube và viết cảm nhận

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ
1. Củng cố: Giá trị nhân đạo tác phẩm. Giá trị nghệ thuật của tác phẩm. **2. Dặn dò** - Học thuộc luận cứ về sức sống tiềm tàng của Mị . - Chuẩn bị bài: + "Nhân vật giao tiếp". (Giảm tải- tự học có hướng dẫn) + "Vợ nhặt"

Tuần: 20,21
Tiết: 59->62

VỢ NHẶT
(Kim Lân)

1. Mục tiêu bài học
1.1. Kiến thức :
a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.
c/Vận dụng thấp:Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.
d/Vận dụng cao: Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm kí.

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;
b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận

1.3.Thái độ :

-Biết nhận thức được ý nghĩa của văn xuôi hiện đại Việt Nam trong lích sử văn học dân tộc
-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà truyện ngắn Vợ nhặt đem lại
-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong truyện của Kim Lân .

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945-1954)
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945-1954)
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945-1954)
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945-1954)
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nhân vật trong truyện và truyện cùng chủ đề;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy
2.2. Chuẩn bị của HS**:** SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức
3.2. Kiểm tra miệng: Nêu những đặc điểm nhân vật Mị trong đoạn trích "*Vợ chồng A Phủ"*?
3.3. Tiến trình dạy học: **TIẾT 59**

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả *Kim Lân* + Lắp ghép tác phẩm với tác giả - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Phát xít Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay nên chỉ trong vài tháng đầu năm 1945, từ Quảng Trị đến Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta chết đói. Nhà văn Kim Lân đã kể với ta một câu chuyện bi hài đã diễn ra trong bối cảnh ấy bằng một truyện ngắn rất xúc động-truyện Vợ nhặt.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**Kiến thức cần đạt**
Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG	
-Thao tác 1: Đọc-hiểu Tiểu dẫn. *Giáo viên yêu*	**I. Đọc-hiểu Tiểu dẫn.**

cầu một học sinh đọc phần Tiểu dẫn Sgk.
+ Yêu cầu giọng đọc:
− Vừa chậm rãi, hóm hỉnh, hài hước vừa đồng cảm thiết tha; chú ý những
câu thoại ngắn, lửng lơ cần đọc thể hiện hàm ý.
− GV cùng 4 – 5 HS nối nhau đọc diễn cảm, kể tóm tắt toàn văn truyện. Những đoạn chữ nhỏ và một số đoạn chữ to cũng kể tóm tắt trên cơ sở HS đọc kĩ ở nhà.
− Nhận xét kết quả đọc kể.
- Nêu những nét chính về:
+Nhà văn Kim Lân.

+ Xuất xứ truyện ngắn *Vợ nhặt.*
+ Bối cảnh xã hội của truyện.
+ GV sưu tầm thêm một số tư liệu, tranh ảnh để giới thiệu cho HS hiểu thêm về bối cảnh xã hội Việt Nam năm 1945, nhất là nạn đói.

Thao tác 2: Tổ chức đọc hiểu văn bản tác phẩm.
Học sinh đọc phần Tiểu dẫn Sgk và tóm tắt tác phẩm.

1. Kim Lân (1920-2007).
-Tên: Nguyễn Văn Tài.
-Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2001.
-Tác phẩm chính: *Nên vợ nên chồng* (1955), *Con chó xấu xí* (1962).
-Kim Lân là cây bút truyện ngắn. Thế giới nghệ thuật của ông thường là khung cảnh nông thôn hình tượng người nông dân. Đặc biệt ông có những trang viết đặc sắc về phong tục và đời sống thôn quê. Kim Lân là nhà văn một lòng một dạ đi về với "đất"với "người"với "thuần hậu nguyên thuỷ" của cuộc sống nông thôn.
2. Tác phẩm:
a. Xuất xứ truyện.
-Phát xít Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay nên tháng 3 năm 1945 nạn đói khủng khiếp đã xảy ra. Chỉ trong vòng vài tháng, từ Quảng Trị đến Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta chết đói.
-Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc in trong tập truyện *Con chó xấu xí* (1962). TP được viết dựa trên một phần cốt truyện cũ của tiểu thuyết *Xóm ngụ cư.*
b. Tóm tắt cốt truyện:

Hoạt động 2: **Đọc - hiểu văn bản:**

Tiết 60

Thao tác 1: *Giáo viên gợi ý. Giáo viên nhận xét và nhấn mạnh một số ý cơ bản.*
Nhà văn đã xây dựng tình huống truyện như thế nào? Tình huống đó có những ý nghĩa gì?
Giáo viên gợi ý, nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.

Mẫu phiếu học tập

Nhân vật	**Ngạc nhiên**	Anh Tràng nhặt được vợ	**Lo lắng**
Trẻ con			
Những người dân			
Bà cụ Tứ			
Anh Tràng			

II. Đọc - hiểu văn bản:
1. Tìm hiểu tình huống truyện.
+ Tràng là một nhân vật có ngoại hình xấu. Đã thế còn dở người. Gia cảnh của Tràng cũng rất ái ngại. Nguy cơ "ế vợ" đã rõ. Đã vậy lại gặp năm đói khủng khiếp, cái chết luôn luôn đeo bám. Trong lúc không một ai (kể cả Tràng) nghĩ đến chuyện vợ con của anh ta thì đột nhiên Tràng có vợ. Trong hoàn cảnh đó, Tràng "nhặt" được vợ là nhặt thêm một miệng ăn cũng đồng thời là nhặt thêm tai họa cho mình, đẩy mình đến gần hơn với cái chết. Vì vậy, việc Tràng có vợ là một nghịch cảnh éo le, vui buồn lẫn lộn, cười ra nước mắt.
+ Dân xóm ngụ cư ngạc nhiên.
+ Bà cụ Tứ, mẹ Tràng lại càng ngạc nhiên hơn.
+ Bản thân Tràng cũng bất ngờ với chính hạnh phúc của mình

-GV tổ chức thảo luận nhóm: - Chia lớp thành 4 nhóm, phát phiếu học tập và cùng thảo luận một nội dung : *Cảm nhận của anh (chị) về diễn biến tâm trạng của nhân vật Tràng (lúc quyết định để người đàn bà theo về, trên đường về xóm ngụ cư, buổi sáng đầu tiên có vợ).* - Lần lượt đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý bổ sung (nhóm sau không nhắc lại nội dung nhóm trước đã trình bày) *Giáo viên định hướng, nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.* -Tràng là nhân vật có bề ngoài thô, xấu, thân phận lại nghèo hèn, mắc tật hay vừa đi vừa nói một mình, là dân ngụ cư- lớp người bị xã hội khinh nhất (trong quan niệm lúc bấy giờ), lại đang sống trong những ngày tháng đói khát nhất nạn đói 1945. - Nhưng ở Tràng lại là con người tốt bụng và cởi mở: giữa lúc đói khát nhất- bản thân mình cũng đang cận kề với cái đói cái chết. vậy mà Trang sẵn lòng đãi người đàn bà xa lạ ăn 4 bát bánh đúc. Chi sau hai lần gặp gỡ và cho ăn 4 bát bánh đúc, vài câu nói nửa đùa nửa thật(…), + Câu *"nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về"* đã ẩn chứa niềm khát khao tổ ấm gia đình =>người đàn bà xa lạ đã đồng ý theo Tràng về làm vợ. + Lúc đầu Tràng cũng cảm thấy lo lắng "chợn nghĩ": Thóc…đèo bòng". + Sau đó Tràng đã "Chậc, kệ" và Tràng đã "liều" đưa người đàn bà xa lạ về nhà. + Tràng dẫn thị ra quán ăn một bữa no rồi cùng về. + Tràng đã mua cho thị cái thúng-ra dáng một người phụ nữ dã có chông và cùng chồng đi chợ về. + Tràng còn bỏ tiền mua 2 hao dầu thắp sáng trong đêm tân hôn. -Tràng không cúi xuống lầm lũi như mọi ngày mà *"phởn phơ", "vênh vênh ra điều".* Trong phút chốc, Tràng quên tất cả tăm tối *"chỉ còn tình nghĩa với người đàn bà đi bên"* và cảm giác êm dịu của một anh Tràng lần đầu tiên đi cạnh cô vợ mới. - Khi về tới nhà: Tràng cảm thấy lúng túng, chưa	+ Tình huống truyện mà Kim Lân xây dựng vừa bất ngờ lại vừa hợp lí. Qua đó, tác phẩm thể hiện rõ giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và giá trị nghệ thuật. **2. Nhân vật Tràng:** **a. Là người lao động nghèo, tốt bụng và cởi mở** (giữa lúc đói, anh sẵn lòng đãi người đàn bà xa lạ), **b. Ở Tràng luôn khát khao hạnh phúc và có ý thức xây dựng hạnh phúc**. Câu *"nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về"* đã ẩn chứa niềm khát khao tổ ấm gia đình và Tràng đã "liều" đưa người đàn bà xa lạ về nhà. **-Tràng "nhặt" được vợ trong hoàn cảnh éo le** **- Con người có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình:** **- Trên đường đưa vợ về xóm ngụ cư**, +cảm giác êm dịu của một anh Tràng lần đầu tiên đi cạnh cô vợ mới. + Khi về tới nhà:… **c. Buổi sáng đầu tiên khi có vợ:** -Tràng thức dậy trong trạng thái êm ái, lơ lửng -Tràng cảm thấy yêu thương và gắn bó với căn nhà của mình, hắn thấy hắn nên

tin vào sự thật mình đã có vợ=> đó là niềm hạnh phúc. - Tràng thức dậy trong trạng thái êm ái, lơ lửng như người ở trong giấc mơ đi ra. … - Khi nhìn thấy mẹ và vợ quét dọn nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng, Tràng cảm thấy yêu thương và gắn bó với căn nhà của mình, hắn thấy hắn nên người. - Tràng nghĩ đến trách nhiệm với gia đình, nhận ra bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. - Anh cũng nghĩ tới sự đổi thay cho dù vẫn chưa ý thức thật đầy dủ (hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng trên đê Sộp).=> thể hiện niềm tin vào cuộc sống!	người. -Tràng nghĩ đến trách nhiệm với gia đình, nhận ra bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này -Anh cũng nghĩ tới sự đổi thay cho dù vẫn chưa ý thức thật đầy dủ *** Nhận xét về nhân vật Tràng trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề:…**
Tiết 61 GV: Cảm nhận của anh (chị) về người vợ nhặt (tư thế, bước đi, tiếng nói, tâm trạng,…). Cụ thể: Cảm nhận của em về nhân vật người đàn bà vợ nhặt này qua 3 giai đoạn: − Ở ngoài chợ: Vì sao thị nhanh chóng quyết định theo không Tràng? − Trên đường về nhà cùng Tràng. Vì sao thị nem nép, thị khó chịu? Thị cố nén tiếng thở dài? − Trong buổi sáng hôm sau, thị đã thể hiện minh qua những hành động và lời nói nào? So với đầu truyện, Thị có sự thay đổi như nhế nào? Ý nghĩa của sự thay đổi đó là gì? − Vì sao tác giả không đặt tên cho nhân vật này?	**3. Người vợ nhặt:** a. **Là nạn nhân của nạn đói**. Những xô đẩy dữ dội của hoàn cảnh đã khiến "thị" chao chát, thô tục và chấp nhận làm "vợ nhặt". Thị theo Tràng trước hết là vì miếng ăn (chạy trốn cái đói). b. **Tuy nhiên, sâu thẳm trong con người này vẫn khao khát một mái ấm gia đình**
-GV cho HS thảo luận cặp đôi. *Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.* - Trên đường theo Tràng về nhà cái vẻ *"cong cớn"* biến mất, chỉ còn người phụ nữ xấu hổ, ngượng ngùng và cũng đầy nữ tính (đi sau Tràng ba bốn bước, cái nón rách che nghiêng, ngồi mớm ở mép giường,…). - Khi về tới nhà, thị ngồi mớm ở mép giường và tay ôm khư khư cái thúng. Tâm trạng lo âu, băn khoăn, hồi hộp khi bước chân về *"làm dâu nhà người"*. - Đặc biệt trong buổi sáng hôm sau: "Thị" là một con người hoàn toàn khác khi trở thành người vợ trong gia đình. (chi ta dậy sớm, quét tước, dọn dẹp. Đó là hình ảnh của một người vợ biết lo toan, chu vén cho cuộc sống gia đình, hình ảnh của một người *"vợ hiền dâu thảo".)* Chính chị cũng làm cho niềm hy vọng của mọi người trỗi dậy khi kể chuyện ở Bắc Giang, Thái Nguyên người ta đi phá kho thóc Nhật. => Đó là vẻ đẹp khuất lấp của người phụ nữ này đã bị hoàn cảnh xô đẩy che lấp đi.	- Trên đường theo Tràng về nhà - Khi về tới nhà - - Đặc biệt trong buổi sáng hôm sau

Tiết 62	**4. Bà cụ Tứ:**
c. Cảm nhận của anh (chị) về diễn biến tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ-mẹ Tràng (lúc mới về, buổi sớm mai, bữa cơm đầu tiên)? - Phân tích diễn biến tâm trạng của bà Tứ khi về đến nhà? Tác giả đã diễn tả diễn biến tâm lí của bà như thế nào? Vì sao từ ngạc nhiên đến mừng, lo buồn tủi... lẫn lộn? Vì sao bà thấy thương ngay người đàn bà trẻ xa lạ? Bà là người nhiều tuổi nhất nhưng lại nghĩ như thế nào về tương lai? Trong bữa cơm đầu tiên bà cụ Tứ nói những chuyện gì? Qua đó cho ta có cảm nhận gì về suy nghĩ của người mẹ nghèo này? Em có nhận xét gì về bà cụ Tứ? Câu nói nào của bà cụ làm em cảm động nhất? Vì sao?	**a. Một người mẹ nghèo khổ, rất mực thương con:** - Tâm trang ngạc nhiên - Khi hiểu ra cơ sự: từ tâm trạng ngạc nhiên đến ai oán, xót thương, tủi phận:
Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản. - Tâm trang ngạc nhiên khi thấy người đàn bà xa lạ ngồi ngay đầu giường con trai mình, lại chào mình bằng u: + Tâm trạng ngạc nhiên ấy được thể hiện qua động tác đứng sững lại của bà cụ. + Qua hàng loạt các câu hỏi: (…) - Khi hiểu ra cơ sự: từ tâm trạng ngạc nhiên đến ai oán, xót thương, tủi phận: + Thương cho con trai vì phải nhờ vào nạn đói mà mới có được vợ. + Ai oán cho thân phận không lo được cho con mình. + Những giọt nước mắt của người mẹ nghèo và những suy nghĩ của bà là biểu hiện của tình thương con. - Bà không chỉ hiểu mình mà còn hiểu người: + Có gặp bước khó khăn này người ta mới lấy đến con mình và con mình mới có vợ. + Dù có ai oán xót thương, cái đói đang đe dọa, cái chết đang cận kề, thì bà nén vào lòng tất cả để dang tay đón người đàn bà xa lạ làm con dâu mình: *"Ừ, thôi thì các con cũng phải duyên phải số với nhau, u cũng mừng lòng".* + Bà đã chủ động nói chuyên với nàng dâu mới để an ủi vỗ về và đọng viên. -Bà động viên con cái" ai giàu ba họ, ai khó ba đời" có ra thì con cái chúng mày về sau… -Bữa cơm đầu tiên đón nàng dâu mới, bà cụ Tứ đã nhen nhóm cho các con niềm tin, niềm hy vọng: *"Tao tính khi nào có tiền mua lấy con gà về nuôi, chả mấy mà có đàn gà cho xem". Từ khi Tràng có vợ khuôn mặt bủng beo hàng ngày của bà đã không còn nữa…*	**b. Một người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung và giàu lòng vị tha:** **c. Một con người lạc quan, có niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng.** *** Tóm lại:** Ba nhân vật có niềm khát khao sống và hạnh phúc, niềm tin và hi vọng vào tương lai tươi sáng và ở cả những thời khắc khó khăn nhất, ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết. Qua các nhân vật, nhà văn muốn thể hiện tư

=> Bà cụ Tứ là hiện thân của nỗi khổ con người Người mẹ ấy đã nhìn cuộc hôn nhân éo le của con thông qua toàn bộ nỗi đau khổ của cuộc đời bà. Bà lo lắng trước thực tế quá nghiệt ngã. Bà mừng một nỗi mừng sâu xa. Từ ngạc nhiên đến xót thương, nhưng trên hết vẫn là tình yêu thương. Cũng chính bà cụ là người nói nhiều nhất về tương lai, một tương lai rất cụ thể thiết thực với những gà, lợn, ruộng, vườn,…một tương lai khiến các con tin tưởng bởi nó không quá xa vời. Kim Lân đã khám phá ra một nét độc đáo khi để cho một bà cụ cập kề miệng lỗ nói nhiều với đôi trẻ về ngày mai. -Thao tác 3: Khái quát giá trị tác phẩm GV: Hãy nêu giá trị hiện thực và nhân đạo của truyện? *Giáo viên gợi ý,* Dựa vào mục Ghi nhớ và trả lời	tưởng: *"dù kề bên cái đói, cái chết, người ta vẫn khao khát hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng vào tương lai".* **5. Giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc:** **a. Hiện thực**: Phản ánh tình cảnh bi thảm của người nông dân trong nạn đói khủng khiếp năm 1945. **b. Nhân đạo:** - Sự đồng cảm, xót thương đối với số phận của những người nghèo khổ. - Gián tiếp lên án tội ác dã man ciuar bọn TDP và phát xít Nhật. - Thấu hiểu và trân trọng tấm lòng nhân hậu, niềm khao khát hạnh phúc rất con người, niềm tin vào cuộc sống, tương lai của những người lao động nghèo - Dự cảm về sự đổi đời và tương lai tươi sáng của họ.
Hoạt động 3: **Tổng kết:**	
Anh (chị) hãy nhận xét về nghệ thuật viết truyện của Kim Lân (cách kể chuyện, cách dựng cảnh, đối thoại, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ,…). -Tp đã phản ánh được tình cảnh gì của người nông dân.? Nhà văn đã thể hiện tc, t/độ như thế nào đối với ng nông dân? Đối với bọn TDP và phát xít Nhật? *Học sinh thảo luận và trình bày.*	**III. Tổng kết:** **1. Nghệ thuật.** **a. Xây dựng được tình huống truyện độc đáo:** **- Tình huống truyện:** Tràng nghèo, xấu, lại là dân ngụ cư, giữa lúc đói khát nhất, khi cái chết đang cận kề (bức tranh nạn đói) lại "nhặt" được vợ, có vợ theo. **- Giá trị của tình huống:** Tình huống éo le này là đầu mối cho sự phát triển của truyện, tác động đến tâm trạng, hành động của các nhân vật (người dân xóm ngụ cư, mẹ Tràng và ngay cả Tràng) và thể hiện chủ đề của truyện. b. Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn; dựng cảnh sinh động, có nhiều chi tiết đặc sắc. c. Nhân vật được khắc họa sinh động, đối thoại hấp dẫn, ấn tượng, thể hiện tâm lí tinh tế. c. Ngôn ngữ một mạc, giản dị nhưng chắt lọc và giàu sức gợi. **2. Ý nghĩa văn bản:** *Tố cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 và khẳng định: ngay trên bờ vực của cái chết, con người vẫn hướng về sự sống, tin tưởng ở tương lai, khát khao tổ ấm gia đình và thương*

	yêu, đùm bọc lẫn nhau.

🕮 3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Câu hỏi 1: Nhân vật Tràng trong truyện không có thói quen nào sau đây? a. Vừa đi vừa tủm tỉm cười b. Vừa đi vừa nói. c. Vừa đi vừa lầu bầu chửi d. Vừa đi vừa than thở Câu hỏi2: Chi tiết nào sau đây của Kim Lân không dùng để giới thiệu về gia cảnh của Tràng? a. Là người dân xóm ngụ cư. b. Sống với người mẹ già c. Ngôi nhà đứng rúm ró trên mảnh vườn lổn nhổn cỏ dại. d. Gia tài duy nhất là mấy con gà gầy xơ xác.. Câu hỏi 3: Dòng nào sau đây chưa nói đúng về đặc điểm nghệ thuật của truyện "Vợ nhặt"? a. Ngôn ngữ truyện giàu màu sắc trào phúng. b. Tạo tình huống truyện độc đáo. c. cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, giàu biểu cảm. d. Khắc hoạ được những nhân vật sinh động, giàu tâm trạng.	ĐÁP ÁN [1]='c' [2]='d' [3]='a'

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

- Tóm tắt truyện và phân tích ý nghĩa nhan đề Vợ nhặt
- Phân tích diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ.
- Phân tích giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.
- Soan: Chủ đề Văn học kháng chiến chống Mĩ.

Tuần: 21,22,23,24
Tiết: 63->70

Chủ đề: VĂN XUÔI THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

Ngữ văn 12 THPT, thời lượng dạy học: 9 tiết

1. Mục tiêu bài học

1.1. Kiến thức :

– Nắm được tư tưởng mà các tác giả gửi gắm qua những hình tượng trong hai tác phẩm: sự lựa chọn con đường tự giải phóng của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên trong cuộc chiến đấu chống lại kẻ thù; nguồn gốc tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn và những chiến thắng của dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

– Thấy được chất sử thi, ý nghĩa và giá trị của tác phẩm trong thời điểm nó được ra đời và trong thời đại ngày nay. Thấy được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.

1.2. Kĩ năng :

– Hoàn thiện kĩ năng đọc – hiểu văn bản tự sự theo đặc trưng thể loại.

– Huy động kiến thức và những cảm xúc, trải nghiệm của bản thân để viết bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn văn xuôi.

1.3.Thái độ : – Biết trân trọng, yêu thương, cảm phục và học tập những con người bình thường mà giàu lòng trung hậu, vô cùng dũng cảm đã đem xương máu để giữ gìn, bảo vệ đất nước như người anh hùng T'nú, Chiến, Việt..
– Hình thành lòng yêu quê hương đất nước
1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:
+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
+ Năng lực giải quyết các tình huống trong thực tiễn học tập
+ Năng lực trình bày một vấn đề bàn về các phương diện của một tác phẩm văn học

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy
2.2. Chuẩn bị của HS**:** SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức
3.2. Kiểm tra miệng: Kết hợp trong bài.
3.3. Tiến trình dạy học:

Bước 1. Kế hoạch thực hiện chủ đề

	Hình thức tổ chức dạy học	Thời lượng	Thời điểm	Thiết bị dạy học, học liệu
Rừng Xà nu (Nguyễn Trung Thành)	Trên lớp	3 tiết	Tiết 63,64,65	Giáo án, Sách giáo khoa, tranh ảnh, máy chiếu, bảng phụ…
Những đứa con trong gia đình (Nguyễn Thi)	Trên lớp	4 tiết	Tiết 66,67,68	Giáo án, sách giáo khoa, tranh ảnh, máy chiếu, bảng phụ…
Nghị luận về 1 tác phẩm, đoạn trích văn xuôi	Trên lớp	2 tiết	Tiết 69,70	Giáo án, sách giáo khoa, tranh ảnh, máy chiếu, bảng phụ…

Tuần: 21,22
Tiết: 63,64,65

RỪNG XÀ NU
- Nguyễn Trung Thành-

1. Mục tiêu bài học

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.
b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.
c/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.
d/Vận dụng cao: Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn xuôi

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;
b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học

1.3.Thái độ :

-Biết nhận thức được ý nghĩa của truyện ngắn hiện đại Việt Nam trong lích sử văn học dân tộc
-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà truyện ngắn hiện đại đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong văn xuôi hiện đại Việt Nam .

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện Rừng xà nu;
- Năng lực đọc – hiểu tác phẩm truyện Rừng xà nu;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về truyện Rừng xà nu;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy

2.2. Chuẩn bị của HS**:** SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức

3.2. Kiểm tra miệng: Kết hợp trong bài.

3.3. Tiến trình dạy học: TIẾT 63

🕮 1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Trung Thành* + Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Chiến tranh xâm lược đã tàn phá bao vùng đất, giết đi bao mạng sống của cả con người lẫn sinh vật. Có những vùng đất phải gánh chịu vô vàn những thương đau mà tinh thần vẫn luôn quật khởi, ý chí vẫn vững vàng. Tây Nguyên là một nơi như thế đấy và dân làng Xô man trong truyện ngắn "Rừng xà nu" của Nguyễn Trung Thành đã nói lên điều đó. Cánh rừng cũng như con người "nằm trong tầm đại bác" vẫn cứ hiên ngang sống. Không cần đợi chờ nữa, hãy bắt đầu tìm hiểu tác phẩm.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG	
1. Cho HS đọc phần *Tiểu dẫn* (SGK) kết hợp với những hiểu biết cá nhân để giới thiệu về nhà văn Nguyễn Trung Thành (cuộc đời, sự nghiệp, đặc điểm sáng tác,...)	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Tên khai sinh là Nguyễn Ngọc Báu, sinh năm 1932, quê ở Thăng Bình, Quảng Nam. - Nhập ngũ năm 1950, rồi làm phóng viên báo Quân đội nhân dân

	liên khu V, tập kết ra Bắc, viết văn với bút danh Nguyên Ngọc - Năm 1962: tình nguyện trở về chiến trường miền Nam lấy bút danh Nguyễn Trung Thành. - Tác phẩm: *Đất nước đứng lên*- giải nhất, giải thưởng Hội văn nghệ Việt Nam năm 1954- 1955; *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc* (1969); *Đất Quảng* (1971-1974);... - Ông là nhà văn có những tác phẩm viết hay nhất về đất và người Tây Nguyên trong hai cuộc kháng chiến.
2. Yêu cầu HS tham khảo tài liệu và hiểu biết lịch sử, để cho biết hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của truyện ngắn Rừng xà nu -Điều chỉnh, nhận xét và cho những HS khác phát biểu bổ sung. - Mặc dù *Rừng xà nu* viết về sự kiện nổi dậy của buôn làng Tây Nguyên trong thời kì đồng khởi trước 1960 nhưng chủ đề tư tưởng của tác phẩm vẫn có quan hệ mật thiết với tình hình thời sự của cuộc kháng chiến lúc tác phẩm ra đời. *Học sinh đọc.* Tóm tắt tác phẩm cần đảm bảo những chi tiết chính:- Rừng xà nu- hình tượng mở đầu và kết thúc.- Tnú nghỉ phép về thăm làng. - Cụ Mết kể cho dân làng nghe về cuộc đời Tnú và lịch sử làng Xô Man từ những năm đau thương đến đồng khởi nổi dậy.	**2. Tác phẩm:** **a. Hoàn cảnh ra đời tác phẩm.** - Mĩ-nguỵ ra sức phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ, lê máy chém đi khắp miền Nam. Cách mạng rơi vào thời kì đen tối. - Đầu năm 1965, Mĩ đổ quân ồ ạt vào miền Nam và đánh phá ác liệt ra miền Bắc. Cả nước sục sôi không khí đánh Mĩ. Rừng xà nu được viết vào đúng thời điểm đó. *-Rừng xà nu* (1965) ra mắt lần đầu tiên trên *Tạp chí văn nghệ quân giải phóng miền Trung Trung bộ* (số 2- 1965), sau đó được in trong tập *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc.* **b. Tóm tắt**
Hoạt động 2: **Đọc- hiểu**	
1. Yêu cầu HS đọc đoạn mở đầu và một số đoạn sau đó tóm tắt toàn bộ tác phẩm. (Tóm tắt tác phẩm cần đảm bảo những chi tiết chính:) 2. Yêu cầu HS phát biểu cảm nhận về nhan đề tác phẩm (thảo luận và phát biểu tự do). GV định hướng, nhận xét và điều chỉnh, nhấn mạnh ý cơ bản 3. Tổ chức cho HS tìm hiểu về hình tượng rừng xà nu theo các yêu cầu: - Đoạn đầu truyện tác giả tập trung khắc hoạ	**II. Đọc- hiểu** **1. Nhan đề tác phẩm** - *Rừng xà nu* ẩn chứa cái khí vị riêng Tây Nguyên, gợi lên vẻ đẹp hùng tráng, sức sống bất diệt của cây và tinh thần bất khuất của người Tây Nguyên. - *Rừng xà nu* mang nhiều tầng nghĩa bao gồm cả ý nghĩa tả thực lẫn ý nghĩa tượng trưng. Tên cho tác phẩm như đã chứa đựng được cảm xúc của nhà văn và linh hồn tư tưởng chủ đề tác phẩm. **2. Hình tượng rừng xà nu**

hình ảnh rừng xà nu, cây xà nu. Cây xà nu hiện lên trong tác phẩm với một diện mạo, phẩm chất như thế nào?

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

- Cây xà nu, rừng xà nu là hình tượng được miêu tả công phu, đậm nét xuyên suốt chiều dài tác phẩm tạo nên một *không gian nghệ thuật* đậm đà chất Tây Nguyên.
- Rừng xà nu hứng chịu sự bắn phá huỷ diệt của đại bác Mĩ suốt trong một thời gian dài. *Cây xà nu đầy thương tích , chết chóc...*
- Cây xà nu giàu sức sống, có năng lực sinh sôi nẩy nở cực kì mạnh mẽ; ham ánh sáng , khí trời vươn lên rất nhanh .*Cạnh một cây xà nu bị bắn gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình mũi tên lao thẳng lên bầu trời* kết thành dải rừng bạt ngàn "*đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những rừng xà nu nối tiếp chạy đến chân trời" Đã hai ba năm nay, trong mưa bom bão đạn, "rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng*.
- Cây xà nu gắn bó mật thiết với đời sống nhân dân làng Xô Man: Cả trong sinh hoạt thường ngày (đuốc xà nu Tnú soi cho Dít giần gạo; khói xà nu trên gương mặt của các em bé; khói xà nu xông bảng nứa cho Tnú và Mai học chữ để mai sau làm cán bộ,...). Cả trong những sự kiện trọng đại của buôn làng(Giặc đốt hai bàn tay Tnú bằng giẻ tẩm nhựa xà nu; đuốc xà nu soi rõ xác giặc trong đêm đồng khởi, ...)

TIẾT 64

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

- Cây xà nu chịu thương tích, chết chóc bởi quân thù tàn bạo cũng như dân làng Xô Man bị chúng giết hại (Anh Xút, bà Nhan; mẹ con Mai) hoặc phải mang thương tật suốt đời như anh Tnú=> mất mát đau thương của dân làng.
- Cây xà nu ham ánh sáng và khí trời, có sức sống mãnh liệt không sức gì

a. Cây xà nu đã trở thành một phần máu thịt trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân làng Xô Man.

- Cây xà nu là hình tượng xuyên suốt, được miêu tả công phu, đậm nét trong toàn bộ tác phẩm : ở phần mở đầu ...trong tác phẩm và kết thúc tác phẩm
- Cây xà nu bảo vệ cho người dân Xô Man trước sự huỷ diệt tàn bạo của kẻ thù.
- Cây xà nu gắn bó mật thiết với đời sống của nhân dân làng Xô Man .
- Đặc biệt, cây xà nu gắn bó mật thiết với cuộc chiến đấu của người dân Xô Man với kẻ thù tàn bạo.

b. Cây xà nu tượng trưng cho phẩm chất và số phận của nhân dân Tây Nguyên trong chiến tranh CM.

- Cây xà nu phải chịu nhiều đau thương như những đau thương của người dân Xô Man...
- Cây xà nu ham ánh sáng và khí trời cũng như dân làng Xô Man ham tự do, họ luôn vươn lên đấu tranh để có tự do.
- Cây xà nu có sức sống mãnh liệt không gì tàn phá nổi (cạnh một cây mới ngã gục đã có bốn năm cây con mọc lên) cũng như các thế hệ làng Xô Man kế tiếp nhau đứng dậy chiến đấu.
- Vẻ đẹp, những thương tích, đặc tính của xà nu...là hiện thân cho vẻ đẹp, những đau thương, khát khao tự do, sức sống của dân làng Xô Man, đồng bào Tây Nguyên trong chiến tranh cách mạng.

-Những đặc sắc nghệ thuật xây dựng

tàn phá nổi " cạnh một cây xà nu ngã xuống đã có bốn năm cây con mọc lên, cũng như các thế hệ người Xô Man kế tiếp nhau đứng dậy chiến đấu giành lấy sự sống , tự do.=> biểu tượng cho sự khát khao tự do và sức sống bất diệt của dân làng Xô Man nói riêng, đồng bào Tây Nguyên nói chung.

? Khi miêu tả rừng xà nu, cây xà nu, biện pháp tu từ nào được nhà văn sử dụng một cách thường xuyên nhất quán?

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

- Trong quá trình miêu tả rừng xà nu, cây xà nu, nhà văn đã sử dụng *nhân hóa* như một phép tu từ chủ đạo. Ông luôn lấy nỗi đau và vẻ đẹp của con người làm chuẩn mực để nói về xà nu khiến xà nu trở thành một ẩn dụ cho con người, một biểu tượng của Tây Nguyên bất khuất, kiên cường.

? Em hãy phát biểu khái quát những cảm nhận của mình về hình tượng rừng xà nu trong truyện?

- Định hướng, nhận xét và điều chỉnh, nhấn mạnh ý cơ bản.

4. Tổ chức cho HS tìm hiểu về cuộc đời Tnú và cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man theo các nội dung saubằng cách tổ chức thảo luận nhóm.

GV cho 4 nhóm cùng thảo luận về nhân vật

Tnú

? Phẩm chất của người anh hùng Tnú.

? Vì sao trong câu chuyện bi tráng về cuộc đời Tnú, cụ Mết 4 lần nhắc tới ý: "Tnú không cứu được vợ con" để rồi ghi tạc vào tâm trí người nghe câu nói: "Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo".

-Cảm nhận về cuộc đời Tnú và cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man.

- Định hướng, nhận xét và điều chỉnh, nhấn mạnh ý cơ bản

HS đại diện nhóm trả lời với kết quả mong

hình tượng: Sử dụng nhân hoá, ẩn dụ, bút pháp tả thực, tượng trưng, lời văn đậm chất sử thi, câu văn giàu tính tạo hình, nhạc điệu...

* Tóm lại*: Nguyễn Trung Thành đã tạo nên những hình ảnh ẩn dụ, những liên tưởng kỳ vĩ khi miêu tả rừng xà nu với tất cả lòng yêu mến tự hào. Qua hình tượng cây xà nu, người đọc hiểu biết thêm dải đất Tây Nguyên hùng vĩ, về cuộc sống của đồng bào Tây Nguyên và nhất là thêm yêu quý tự hào về những phẩm chất cao quý của họ. Rừng xà nu trùng điệp chạy đến chân trời là biểu tượng cho thế trận chiến tranh nhân dân, người người lớp lớp.*

2. Nhân vật Tnú

- Hình tượng mang ý nghĩa điển hình cho số phận và con đường cách mạng của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên:

-Cụ Mết rất tự hào khi nói về anh:"*Nó là người Strá mình – Cha mẹ nó chết sớm, làng Xô Man này nuôi nó. Đời nó khổ, nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta*".

a. Là người gan góc, dũng cảm, mưu trí;

- Giặc giết bà Nhan, anh Xút nhưng Tnú (lúc bấy giờ còn nhỏ) không sợ. Tnú vẫn cùng Mai xung phong vào rừng nuôi giấu cán bộ.

- Học chữ thua Mai, Tnú đập vỡ bảng, lấy đá đập vào đầu đến chảy máu.

-Khi đi liên lạc không đi đường mòn mà "xé rừng mà đi", không lội chỗ nước êm mà "lựa chỗ thác mạnh vượt băng băng như con cá kình". Bởi theo Tnú những chỗ nguy hiểm giặc "không ngờ" đến.

- Bị giặc phục kích bắt, bị tra tấn dã man nhưng Tnú quyết không khai. Khi bọn giặc kéo về làng, bắt Tnú khai cộng sản ở đâu anh đặt tay lên bụng dõng dạc nói "cộng sản ở đây này".

b. Có tính kỉ luật cao, trung thành với CM;

đợi:
- Cuộc đời Tnú từng chịu nhiều thiệt thòi, mất mát, đau thương: Mồ côi sớm; hai lần bị tra tấn dã man; ba năm bị giặc giam cầm.
- Tnú được cộng đồng yêu thương đùm bọc; sớm được cán bộ Đảng giáo dục , dìu dắt; được Mai tin cậy, yêu thương.
- Tnú xứng đáng với công ơn , kì vọng của dân làng, của anh Quyết cán bộ Đảng:

HS đại diện nhóm trả lời với kết quả mong đợi:
- Mặc dù địch khủng bố gắt gao, Tnú vẫn kiên cường tiếp tế, làm liên lạc cho Cán bộ Đảng : " *Cán bộ là Đảng. Đảng còn núi nước này còn"*
- Tích cực học chữ để làm cách mạng "*Không học chữ sao làm được cán bộ giỏi*"

TIẾT 65

HS đại diện nhóm trả lời với kết quả mong đợi:
- Đi lực lượng 3 năm, mặc dù nhớ quê hương gia đình nhưng phải được sự cho phép của cấp trên T nú mới về.
- Khi bị bắt, anh đã nuốt thư vào bụng; giặc tra tấn đến thế nào cũng không tiết lộ bí mật cách mạng;
- Có thời cơ thuận lợi liền vượt ngục về làng tích cực chuẩn bị lực lượng kháng chiến.
- Khi bị đốt mười đầu ngón tay, lửa cháy rừng rực, anh vân không hề van xin. Vì Tnú nhớ lời anh Quyết dặn....

HS đại diện nhóm trả lời với kết quả mong đợi:

- Số phận đau thương:

+ Giặc kéo về làng để tiêu diệt phong trào nổi dậy. Để truy tìm Tnú, chúng bắt và tra tấn bằng gậy sắt đến chết vợ con anh→ Mắt anh biến thành hai cục lửa hồng căm thù

- Tham gia lực lượng vũ trang, nhớ nhà, nhớ quê hương nhưng khi được phép của cấp trên mới về thăm.

-Tính kỉ luật cao trong mối quan hệ với cách mạng biểu hiện thành lòng trung thành tuyệt đối:Tâm trạng Tnú trong đêm bị bắt, khi bị kẻ thù đốt mười đầu ngón tay, ngọn lửa như thiêu đốt gan ruột nhưng Tnú không kêu nửa lời, anh luôn tâm niệm lời dạy của anh Quyết: "*người cộng sản không thèm kêu van".*

c. Có một trái tim yêu thương và sôi sục căm thù: *Sống rất nghĩa tình và luôn mang trong tim ba mối thù: thù của bản thân, thù của gia đình, thù của buôn làng.*

- Tnú là một người sống rất nghĩa tình: Tnú đã tay không xông ra cứu vợ con. Động lực ghê gớm ấy chỉ có thể được khơi nguồn từ trái tim cháy bỏng ngọn lửa yêu thương và ngọn lửa căm thù. Tnú là con người tình nghĩa với buôn làng: anh lớn lên trong sự đùm bọc yêu thương của người dân làng Xôman.

. Lòng căm thù ở Tnú mang đậm chất Tây Nguyên: Tnú mang trong tim ba mối thù : Thù của bản thân; Thù của gia đình; Thù của buôn làng

- Ở Tnú, hình tượng đôi bàn tay mang tính cách, dấu ấn cuộc đời

+ Khi lành lặn: đó là đôi bàn tay trung thực, nghĩa tình (bàn tay cầm phấn viết chữ anh Quyết dạy cho ; bàn tay cầm đá đập vào đầu mình để tự trừng phạt vì học hay quên chữ ...

+ Khi bị thương: đó là chứng tích của một giai đoạn đau thương, của thời điểm lòng căm hận sôi trào "Anh không cảm thấy lửa ở mười đầu ngón tay nữa. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy trong bụng". Đó cũng là bàn tay trừng phạt, bàn tay quả báo khi chính đôi bàn tay tàn tật ấy đã bóp chết tên chỉ huy đồn giặc trong một trận chiến đấu của quân giải phóng.

+ Cuộc đời bi tráng và con đường đến với CM của Tnú điển hình cho con đường đến với CM của người dân Tây Nguyên, góp phần làm sáng tỏ chân lí của thời đại: phải dùng bạo lực CM để tiêu diệt bạo lực phản CM; đấu tranh vũ trang là con đường tất

- Xông vào quân giặc như hổ dữ nhưng không cứu được vợ con, bản thân bị bắt, bị tra tấn (bị đốt 10 đầu ngón tay).→ Cuộc đời đau thương

- *"Tnú không cứu được vợ con"*- cụ Mết nhắc tới 4 lần → như một điệp khúc day dứt, đau thương trong câu chuyện kể và nhằm nhấn mạnh: khi chưa có vũ khí, chỉ có hai bàn tay không thì ngay cả những người thương yêu nhất cũng không cứu được.

- Hình ảnh bàn tay của Tnú:

+ Khi nguyên vẹn: là đôi bàn tay tình nghĩa. (cầm phấn viết chữ, khi bị giặc bắt chỉ vào bụng: cộng sản ở đây này), che chở cho mẹ con Mai…)

+ Khi tật nguyền: vẫn vững vàng cầm vũ khí. (…)

- Tnú và dân làng Xô Man quật khởi, đứng dậy cầm vũ khí:

+ Trong đêm Tnú bị đốt 10 đầu ngón tay, dân làng đã nổi dậy *"ào ào rung động",* cứu được Tnu, tiêu diệt bọn ác ôn. Tiếng cụ Mết như mệnh lệnh chiến đấu: *"Thế là bắt đầu rồi, đốt lửa lên!"* → Đó là sự nổi dậy đồng khởi làm rung chuyển núi rừng. Câu chuyện về cuộc đời một con người trở thành câu chuyện một thời, một nước.

+ Bàn tay Tnu được chữa lành, anh vào lực lượng, tiếp tục chống giặc.

+ Biết vượt lên trên bi kịch cá nhân; gia nhập lực lượng vũ trang giải phóng gắn kết cuộc kháng chiến của làng với cuộc kháng chiến của toàn miền Nam, toàn dân tộc.

+ Là bộ đội chính quy, Tnú dũng cảm, lập nhiều chiến công. Được về

yếu để tự giải phóng.

- Hình tượng rừng xà nu và Tnú có mối quan hệ khăng khít, bổ sung cho nhau.

Rừng xà nu chỉ giữ được màu xanh bất diệt khi có những con người biết hi sinh như Tnú; sự hi sinh của những con người như Tnú góp phần là cho những cánh rừng mãi mãi xanh tươi.

- Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật Tnú*:*

+Tnú vừa có những nét riêng cá tính sống động, vừa mang phẩm chất có tính khái quát, tiêu biểu.

+ Lời văn với những câu văn giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu, khi thâm trầm , khi tha thiết, trang nghiêm. Từ không gian kể chuyện đến nhân vật trong truyện đều mang chất sử thi đậm nét.

*Tóm lại: Cuộc đời bi tráng và con đường đến với CM của T nú điển hình cho con đường đến với CM của người dân Tây Nguyên, góp phần làm sáng tỏ chân lí của thời đại: phải dùng bạo lực CM để tiêu diệt bạo lực phản CM; đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng.

-Mối quan hệ giữa rừng xà nu và Tnú: ***Hình tượng rừng xà nu và Tnú có mối quan hệ khăng khít, bổ sung cho nhau***. Rừng xà nu chỉ giữ được màu xanh bất diệt khi có những con người biết hi sinh như T nú; sự hi sinh của những con người như Tnú góp phần là cho những cánh rừng mãi mãi xanh tươi.

4. Vai trò của các nhân vật: cụ Mết, Mai, Dít, Heng.

- Cụ Mết, Mai, Dít, bé Heng là sự tiếp nối các thế hệ làm nổi bật tinh thần bất khuất của làng Xô Man nói riêng, của Tây Nguyên nói chung.

- Cụ Mết "quắc thước như một cây xà nu lớn" là hiện thân cho truyền thống thiêng liêng, là người hieuj triệu và chỉ huy đồng khởi.

- Mai, Dít là thế hệ hiện tại. Trong Dít có Mai của thời trước và có Dít của hôm nay. Vẻ đẹp của Dít là vẻ đẹp của sự kiên định, vững vàng trong bão táp chiến tranh.

phép thăm làng Tnú tuyệt đối chấp hành kỉ luật. -GV: Em có nhận xét gì về nghệ thuật xây dựng nhân vật Tnú? 6. Yêu cầu HS nhận xét về các nhân vật: cụ Mết, Mai, Dít, Heng (Gợi ý: Các nhân vật này có đóng góp gì cho việc khắc họa nhân vật chính và làm nổi bật tư tưởng cơ bản của tác phẩm?) HS nhận xét về các nhân vật: cụ Mết, Mai, Dít, Heng	- Bé Heng là thế hệ tiếp nối, kế tục cha anh để đưa cuộc chiến tới thắng lợi cuối cùng. Dường như cuộc chiến khốc liệt này đòi hỏi mỗi người Việt Nam phải có sức trỗi dậy của một Phù Đổng Thiên Vương
Hoạt động 3: **Tổng kết:**	
7. Nêu vấn đề để HS tìm hiểu vẻ đẹp nghệ thuật của tác phẩm: *Theo em, điều gì đã làm nên sức hấp dẫn của thiên truyện này, xét từ bình diện nghệ thuật?* 8. Nêu ý nghĩa văn bản? HS phát biểu cảm nhận về nhan đề tác phẩm (thảo luận và phát biểu tự do).	**III. Tổng kết:** **1/ Nội dung:** *- Ngợi ca tinh thần bất khuất, sức mạnh quật khởi của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói riêng, đất nước, con người VN nói chung trong cuộc đấu tranh GP dân tộc;* *- Khẳng định chân lí của thời đại: để giữ gìn sự sống của đất nước và nhân dân, không có cách nào khác là phải cùng nhau đứng lên cầm vũ khí chống lại kẻ thù.* **2. Nghệ thuật:** - Không khí, màu sắc đậm chất Tây Nguyên thể hiện ở bức tranh thiên nhiên; ở ngôn ngữ, tâm lí, hành động của các nhân vật. - Xây dựng thành công các nhân vật vừa có những nét cá tính sống động vừa mang những phẩm chất có tính khái quát, tiêu biểu*(cụ Mết; T nú, Dít...)* - Khắc họa thành công hình tượng cây xà nu-một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc-tạo nên màu sắc sử thi và lãng mạn bay bổng cho thiên truyện. - Lời văn giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu, khi thâm trầm, khi tha thiết, trang nghiêm, …

🕮 3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: <u>Câu hỏi 1:</u> *Các nhân vật trong truyên " Rừng xà nu" được xây dựng trên cơ sở nào?* a. Các nguyên mẫu nhà văn từng gặp trong một ngôi làng ở Tây Nguyên. b. Do nhà văn hư cấu tưởng tượng ra.	ĐÁP ÁN [1]='d' [2]='b' [3]='a'

c. Do nhà văn được nghe kể lại khi còn ở ngoài miền Bắc. d. Từ những nguyên mẫu nhà văn từng gặp gỡ trong nhiều làng ở Tây Nguyên. <u>Câu hỏi 2:</u> *Theo diễn biến và lô gíc của câu chuyện cho phép người đọc dễ có liên tưởng nào sau đây?* a. Sau chuyến về phép này Tnú ra đi chiến đấu sẽ hi sinh. b. Rồi đây Tnú sẽ có mối tình thứ hai đó là với Dít. c. Dít rồi đây cũng sẽ xung phong vào lực lượng quân giải phóng. d. Dít rồi đây cũng sẽ ngã xuống như Mai.. <u>Câu hỏi 3:</u> *Dòng nào chưa đúng nói về đặc sắc nghệ thuật của đoạn văn miêu tả " Rừng xà nu" ở đầu và cuối tác phẩm?* a. Nghệ thuật nói giảm. b. Nghệ thuật ẩn dụ, nhân hóa c. Kết cấu đầu cuối tương ứng. d.Ngôn ngữ hình ảnh đậm tính sử thi hoành tráng.	

4. Tổng kết và hướng dẫn học bài

- Tóm tắt truyện Rừng xà nu và giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm. - Phân tích các nhân vật : Cụ Mết, Dít, Heng - Làm bài tập trong SGK - Soạn bài tiếp theo.

Tuần: 22,23
Tiết: 66,67,68

NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH

Nguyễn Thi

1. Mục tiêu bài học

1.1. Kiến thức :

- Phẩm chất tốt đẹp của những con người trong gia đình Việt, nhất là Việt và Chiến.
- Nghệ thuật trần thuật đặc sắc, ngôn ngữ phong phú, góc cạnh đậm chất hiện thực và màu sắc Nam Bộ

1.2.Kĩ năng

- Tóm tắt tác phẩm;
-Đọc – hiểu truyện ngắn hiện đại theo đặc trưng thể loại.

1.3. Thái độ: Học tập và làm theo tấm gương tuổi trẻ 2 nhân vật Việt và Chiến trong truyện. Ý thức được trách nhiệm của tuổi trẻ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện ngắn của Nguyễn Thi
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm truyện hiện đại Việt Namtrong chống Mĩ;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về truyện ngắn chống Mĩ cứu nước;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các nhân vật trong truyện, so sánh với tác phẩm khác có cùng đề tài;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. Chuẩn bị của GV: SGK, SGV, TL tham khảo, Thiết kế bài dạy

2.2. Chuẩn bị của HS**:** SGK, TL tham khảo, HD của GV, soạn bài

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức

3.2. Kiểm tra miệng: Kết hợp trong bài.

3.3. Tiến trình dạy học: TIẾT 66

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT); Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Thi* + Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Xem video clip về nhà văn, về kháng chiến chống Mĩ ở miền Nam. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Có một nhà văn sinh ra ở miền Bắc nhưng lại trở thành nhà văn miền Nam. Trước khi hy sinh, ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị như tiểu thuyết Người mẹ cầm súng, truyện ngắn Mẹ vắng nhà…Ông chính là nhà văn Nguyễn Thi…*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG	
+ GV: Gọi HS đọc phần *Tiểu dẫn*, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, giới thiệu những nét chính về cuộc đời Nguyễn Thi.	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** ***a. Cuộc đời:*** Nguyễn Thi (1928 – 1968) là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của văn

+ GV: Nhận xét, bổ sung và khắc sâu một số ý cơ bản. **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** - Nguyễn Thi (1928- 1968), bút danh khác là Nguyễn Ngọc Tấn. - Tên khai sinh là Nguyễn Hoàng Ca, quê ở Hải Hậu - Nam Định. - Nguyễn Thi sinh ra trong một gia đình nghèo, mồ côi cha từ năm 10 tuổi, mẹ đi bước nữa nên vất vả, tủi cực từ nhỏ. - Năm 1943, Nguyễn Thi theo người anh vào Sài Gòn. - Năm 1945, tham gia cách mạng - Năm 1954, tập kết ra Bắc - Năm 1962, trở lại chiến trường miền Nam. - Hi sinh ở mặt trận Sài Gòn trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu thân 1968. + GV: Giới thiệu những sáng tác và nêu đặc điểm phong cách, đặc biệt là thế giới nhân vật của nhà văn. + GV nhận xét, bổ sung và khắc sâu một số ý cơ bản. GV yêu cầu HS giới thiệu khái quát về Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi. HS đọc phần *Tiểu dẫn*, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, giới thiệu những nét chính về cuộc đời Nguyễn Thi.	nghệ giải phóng miền Nam thời kí chống Mĩ cứu nước. Ông gắn bó sâu sắc với nhân dân Nam Bộ và thực sự trở thành nhà văn của người dân Nam Bộ. Nguyễn Thi cũng là cây bút có năng lực phân tích tâm lí sắc sảo. ***b. Sự ngiệp sáng tác:*** - Sáng tác của Nguyễn Thi gồm nhiều thể loại: bút kí, truyện ngắn, tiểu thuyết. - Ông được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000. - Tư tưởng và phong cách nghệ thuật: + Nguyễn Thi gắn bó với nhân dân miền Nam và thực sự xứng đáng với danh hiệu: Nhà văn của người dân Nam Bộ. + Nhân vật của Nguyễn Thi có cá tính riêng nhưng tất cả đều có những đặc điểm chung "rất Nguyễn Thi". + Họ là những con người yêu nước mãnh liệt, thủy chung đến cùng với Tổ quốc, căm thù bọn xâm lược, vô cùng gan góc và tinh thần chiến đấu rất cao - những con người dường như sinh ra để đánh giặc. + Họ thể hiện được tính chất Nam bộ: thẳng thắn, bộc trực, lạc quan, yêu đời, giàu tình nghĩa. **2. Tác phẩm Những đứa con trong gia đình:** + Xuất xứ: tác phẩm được viết ngay trong những ngày chiến đấu ác liệt khi ông công tác với tư cách là một nhà văn- chiến sĩ ở Tạp chí Văn nghệ Quân giải phóng (tháng 2 năm 1966). Sau được in trong Truyện và kí, NXB Văn học Giải phóng, 1978. + Tóm tắt tác phẩm theo nhân vật chính và cốt truyện.
Hoạt động 2:	
Thao tác 1: Tìm hiểu tình huống truyện GV tổ chức cho HS tìm hiểu về phương thức trần thuật của tác phẩm bằng cách nêu một số câu hỏi: - Truyện được trần thuật chủ yếu từ điểm nhìn của nhân vật nào? Theo phương thức nào? - Cách trần thuật này có tác dụng như thế nào đối với kết cấu truyện và việc khắc họa tính cách nhân vật? <u>*Gợi ý:*</u> - Có mấy phương thức trần thuật trong nghệ thuật viết truyện? Căn cứ vào đâu để nhận biết. - Truyện được trần thuật theo phương thức	**II. Đọc- hiểu** **1. Tình huống truyện.** Đây là câu chuyện của gia đình anh giải phóng quân tên Việt. Nhân vật này rơi vào một tình huống đặc biệt: trong một trận đánh, bị thương nặng phải nằm lại giữa chiến trường. Anh nhiều lần ngất đi tỉnh lại, tỉnh rồi lại ngất. Truyện được kể theo dòng nội tâm của nhân vật khi đứt (ngất đi) khi nối (tỉnh lại). Tóm lại, tình huống truyện dẫn đến một cách trần thuật riêng của thiên truyện theo dòng ý thức của nhân vật. **2. Phương thức trần thuật của tác phẩm.** + Căn cứ vào ngôn ngữ của nhân vật trong truyện:

nào?

GV nhấn mạnh những ý chính.

HS trả lời: Tác dụng và hiệu quả của cách trần thuật trên:

− Cùng một lúc trình bày được câu chuyện từ ngọn nguồn của nó vừa biểu hiện được tính cách nhân vật, đồng thời những hiện tượng, sự việc bình thường cũng trở nên mới mẻ, hấp dẫn.

− Tăng màu sắc trữ tình đậm đà, tự nhiên và tạo điều kiện cho tác giả nhập sâu vào thế giới nội tâm nhân vật để dẫn dắt câu chuyện.

− Cốt truyện linh hoạt, không phụ thuộc vào trật tự không gian, thời gian, từ những chi tiết ngẫu nhiên của hiện thực chiến trường mà gợi dòng hồi tưởng, liên tưởng đến quá khứ khi gần, khi xa, từ chuyện ngày sang chuyện khác rồi lại trở về hiện tại.

TIẾT 67

Thao tác 2: Tìm hiểu truyền thống của một gia đình Nam Bộ.

+ GV: Tác phẩm kể chuyện một gia đình nông dân Nam Bộ, truyền thống nào đã gắn bó những con người trong gia đình với nhau? Nhân vật chú Năm có vị trí nào trong gia đình và có vai trò gì trong truyện? Nhân vật chú Năm được xây dựng với những nét tính cách nào? (So sánh với nhân vật Cụ Mết trong *Rừng xà nu)*

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

- Nhân vật chú Năm trong truyện: người thân lớn tuổi duy nhất còn lại trong gia đình, từng bôn ba khắp chân trời góc biển, người cưu mang đùm bọc các cháu khi anh chị Tư Năng− cha mẹ Chiến – Việt hi sinh.

− Người đề cao truyền thống gia đình để giáo dục con cháu bằng việc cần mẫn ghi cuốn sổ gia đình (một thứ gia phả đặc biệt) ghi chép tội ác của giặc và chiến công của gia đình, dòng họ theo từng ngày từng tháng, từng năm.

− Người lao động chất phác nhưng giàu tình cảm và có tâm hồn nghệ sĩ thể hiện qua việc chú thích hò. Tiếng hò khàn đục, tức như tiếng gà gáy nhưng đó là tâm hồn và khát vọng, tâm tư và tình cảm của chú

- Phương thức thứ nhất: Nhân vật truyện là đối tượng thuật, kể nên thuộc ngôi thứ ba.
- Phương thức thứ hai: Nhân vật tự kể chuyện mình nên thuộc ngôi thứ nhất.
- Phương thức thứ ba: Người trần thuật thuộc ngôi thứ ba nhưng lời kể lại phỏng theo quan điểm, ngôn ngữ, giọng điệu của nhân vật.

+ Truyện Những đứa con trong gia đình được trần thuật theo phương thức thứ 3. Nghĩa là của người trần thuật tự giấu mình nhưng cách nhìn và lời kể lại theo giọng điệu của nhân vật.

+ Lối trần thuật này có hai tác dụng về mặt nghệ thuật:

- Câu chuyện vừa được thuật, kể cùng một lúc tính cách nhân vật cũng được khắc họa.
- Câu chuyện dù không có gì đặc sắc cũng trở nên mới mẻ, hấp dẫn vì được kể qua con mắt, tấm lòng và bằng ngôn ngữ, giọng điệu riêng của nhân vật.

Nhà văn phải thành thạo tâm lí và ngôn ngữ nhân vật mới có thể trần thuật theo phương thức này.

3. Truyền thống của một gia đình Nam Bộ:

a. Đặc điểm chung của các thành viên trong gia đình:

- Có truyền thống yêu nước và căm thù giặc sâu sắc.
- Gan góc, dũng cảm, khao khát được chiến đấu giết giặc.
- Giàu tình nghĩa, thuỷ chung son sắt với quê hương và cách mạng.

b. Đặc điểm tính cách riêng:

- *Nhân vật chú Năm:*

+ Người thân lớn tuổi duy nhất còn lại tron gia đình, từng bôn ba khắp nơi, cưu mang các cháu khi ba mẹ Việt - Chiến hi sinh.

+ Người đề cao truyền thống gia đình, hay kể sự tích của gia đình để giáo dục con cháu, cần mẫn ghi chép trong cuốn sổ gia đình tội ác của giặc và chiến công của các thành viên .

+ Người lao động chất phác nhưng giàu tình cảm và có tâm hồn nghệ sĩ (thích câu hò, tiếng sáo). Tiếng hò "khàn đục, tức như tiếng gà gáy" nhưng đó là tâm tư, khát vọng của tâm hồn ông.

+ Tự nguyện, hết lòng góp sức người cho cách mạng khi thu xếp cho cả Việt và Chiến lên đường tòng quân.

như hiệu lệnh, như lời thề dữ dội, nổi lên giữa ban ngày trong ánh nắng chói chang. − Câu nói của chú trong buổi thanh niên nam nữ ghi tên tòng quân: *Việc lớn ta tính theo việc lớn. Việc thỏn mỏn trong nhà, tôi thu xếp khắc xong:*không chỉ nói lên tính mộc mạc, bộc trực của ông già nông dân mà còn nói lên tình cảm tự nguyện, hết lòng hết sức đóng góp sức người cho cách mạng của người nông dân Nam Bộ. + GV: Nhân vật má Việt được xây dựng với những nét tính cách nào?	=> Trong dòng sông gia đình, chú Năm là thượng nguồn, là kết tinh đầy đủ những nét truyền thống.
HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi: − Đó là điển hình cho người mẹ miền Nam, người phụ nữ Nam Bộ anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang được khắc hoạ đậm nét và độc đáo dưới ngòi bút Nguyễn Thi. − Người thiếu nữ lao động nghèo, cứng cỏi. − Người vợ thuỷ chung. − Người mẹ đảm đang việc nhà, việc nước, kiên cường, gan góc trong việc dẫn con đi đòi đầu chồng, khi bị doạ bắn, khi bươn chải lam làm nuôi con mau lớn; − Ngã xuống bất ngờ vì miểng pháo khi vừa nhặt trái ca nông lép còn nóng. -Trong đêm trước buổi tòng quân, có lẽ linh hồn mẹ đã hiện về trong những tính toán lo toan của cô con gái.	*- Nhân vật má Việt:* + Rất gan góc khi dẫn con đi đòi đầu chồng, hiên ngang đối đáp với bịn giặc, không run sợ trước sự doạ bắn, có lòng căm thù giặc sâu sắc. + Rất mực thương chồng thương con, đảm đang, tháo vát, cuộc đời chồng chất đau thương nhưng nén chặt tất cả để nuôi con và đánh giặc. + Ngã xuống trong một cuộc đấu tranh nhưng trái cà – nông lép vẫ còn nóng hổi trong rổ; linh hồn luôn sống mãi, bất tử trong lòng các con mình. → Điển hình cho người mẹ miền Nam luôn anh dũng, bất khuất, trung hậu, đảm đang.
Thao tác 3: Hướng dẫn HS phân tích và so sánh tính cách các nhân vật để làm rõ sự tiếp nối truyền thống gia đình của những người con. ***Tổ chức 4 nhóm cùng thảo luận một nội dung: Phân tích đặc điểm nhân vật Việt.*** ***Gợi ý:*** - Việt có những nét nào của cậu con trai mới lớn? - Đêm trước ngày lên đường, thái độ của Việt khác với chị như thế nào? - Cách thương chị của Việt có gì đặc biệt? Ngoài tính trẻ con, hồn nhiên, Việt còn có vẻ đẹp nào nữa ? - Nghệ thuật thể hiện nhân vật Việt? *Đại diện nhóm lên trao kết quả trên bảng.*	**3. Nhân vật Việt:** **a. Có nét riêng của cậu con trai mới lớn, tính tình còn trẻ con, ngây thơ, hồn nhiên, hiếu động:** - Chiến hay nhường nhịn bao nhiêu thì Việt tranh giành phần hơn với chị bấy nhiêu: đi bắt ếch, giết giặc, đi bộ đội … - Thích đi câu cá, bắn chim, đến khi đi bộ đội vẫn còn đem theo ná thun trong túi. **- Đêm trước ngày lên đường:** Trong khi chị đang toan tính, thu xếp chu đáo mọi việc (từ út em, nhà cửa, ruộng nương đến nơi gởi bàn thờ má), bàn bạc trang nghiêm thì Việt vo lo vô nghĩ: + Vô tư "lăn kềnh ra ván cười khì khì"

GV cho các nhóm nhận xét và đưa ra kết quả thảo luận.	+ vừa nghe vừa "chụp một con đom đóm úp trong lòng tay" + ngủ quên lúc nào không biết - Cách thương chị của Việt cũng rất trẻ con: "giấu chị như giấu của riêng" vì sợ mất chị trước những lời đùa của anh em. - Bị thương nằm lại chiến trường: sợ ma cụt đầu, khi gặp lại anh em thì như thằng Út ở nhà "khóc đó rồi cười đó" **b. Một chiến sĩ có tính cách anh hùng, tinh thần chiến đấu gan dạ, dũng cảm, kiên cường:** - Còn bé tí: dám xông thẳng vào đá thằng giặc đã giết hại cha mình - Lớn lên: nhất quyết đòi đi tòng quân để trả thù cho ba má - Khi xông trận: chiến đấu rất dũng cảm, dùng pháo tiêu diệt được một xe bọc thép của giặc - Khi bị trọng thương: một mình giữa chiến trường, mặt không nhìn thấy gì, toàn thân rã rời, rõ máu nhưng *vẫn trong tư thế quyết chiến tiêu diệt giặc.* ***"Tao sẽ chờ mày … Mày có bắn tao thi tao cũng bắn được mày … Mày chỉ giỏi giết gia đình tao, còn đối với tao thì mày là thằng chạy"*** →Kế tục truyền thống gia đình nhưng Việt và Chiến còn tiến xa hơn, lập nhiều chiến công mới hiển hách.
TIẾT 68 -Tìm hiểu nhận vật Chiến - GV tổ chức thảo luận cặp đôi + Chiến có những nét nào giống người mẹ của mình?	**4. Nhân vật Chiến:** **a.** Là một cô gái mới lớn, tính khí vẫn còn nét trẻ con nhưng cũng là một người chị biết nhường em, biết lo toan, tháo vát; - là một cô gái vừa mới lớn nên tính khí còn rất "trẻ con" - là một người chị biết nhường nhịn em, biết lo toan, đảm đang, tháo vát. **b.** Vừa có những điểm giống mẹ, vừa có những nét riêng. Chiến căm thù giặc sâu sắc, gan góc, dũng cảm, lập được nhiều chiến công. ***Chiến có những nét giống mẹ:** **-** Mang vóc dáng của má: *"hai bắp tay tròn vo sạm đỏ màu cháy nắng… thân người to và chắc nịch".* - Đặc biệt giống má ở cái đêm sắp xa nhà đi bộ đội: + Biết lo liệu, toan tính mọi việc nhà *("nói nghe in như má vậy")*, đảm đang, tháo vát + Hình ảnh người mẹ như bao bọc lấy Chiến, từ cái lối nằm với thằng út em trên giường ở trong buồng nói với ra đến lối hứ một cái *"cóc"* rồi trở

- Nét khác biệt của Chiến so với người mẹ là gì?	mình. + Chính Chiến cũng thấy mình trong đêm ấy đang hòa vào trong mẹ: "*Tao cũng đã lựa ý nếu má còn sống chắc má tính vậy, nên tao cũng tính vậy".* *** Nét khác biệt so với người mẹ:** - Trẻ trung, thích làm duyên làm dáng - Đươc trực tiếp cầm súng đánh giặc để trả thù nhà, thực hiện lời thề như dao chém: "Đã là thân con gái ra đi thì tao chỉ có một câu: Nếu giặc còn thì tao mất".
GV hướng dẫn HS phân tích nét chung tính cách các nhân vật Việt và Chiến để làm rõ sự tiếp nối truyền thống gia đình của những người con.	→ Đó là vẻ đẹp của con người sinh ra để gánh vác, để chống chọi, để chịu đựng để chiến đấu và chiến thắng. ***5. Nét tính cách chung của hai chị em:*** - Hai chị em cùng sinh ra trong một gia đình chịu nhiều mất mát đau thương (cùng chứng kiến cái chết đau thương của ba và má). - Hai chị en có chung mối thù với bọn xâm lược. Tuy còn nhỏ tuổi, chí căm thù đã thôi thúc hai chị em cùng một ý nghĩ: phải trả thù cho ba má, và có cùng nguyện vọng: được cầm súng đánh giặc. - Tình yêu thương là vẻ đẹp tâm hồn của hai chị em. Tình cảm này được thể hiện sâu sắc và cảm động nhất trong cái đêm chị em giành nhau ghi tên tòng quân và sáng hôm sau trước khi lên đường nhập ngũ cùng khiêng bàn thờ má sang nhà chú Năm - Cả hai chị em đều là những chiến sĩ gan góc dũng cảm. Đánh giặc là niềm say mê lớn nhất của hai chị em Việt và Chiến cũng là của tuổi trẻ miền Nam trong những năm tháng ấy: "Hạnh phúc của tuổi trẻ là trên trận tuyến đánh quân thù". - Hai chị em Việt đều có những nét rất ngây thơ thậm chí có phần trẻ con (giành nhau bắt ếch nhiều hay ít, giành nhau thành tích bắn tàu chiến giặc và giành nhau ghi tên tòng quân).
+ GV: phát biểu cảm nhận về hình ảnh chị em, Việt và Chiến khiêng bàn thờ ba má sang gởi chú Năm + GV định hướng và nhận xét.	**6. Hình ảnh chị em Việt khiêng bàn thờ ba má sang gởi chú Năm.** + Chỗ hay nhất của đoạn văn là không khí thiêng liêng, nó hoán cải cả cảnh vật lẫn con người. + Không khí thiêng liêng đã biến Việt thành người lớn. Lần đầu tiên Việt thấy rõ lòng mình (thương chị lạ, mối thù thằng Mĩ thì có thể rờ thấy vì nó đang đè nặng trên vai).

	+ Hình ảnh có ý nghĩa tượng trưng thể hiện sự trưởng thành của hai chị em có thể gánh vác việc gia đình và viết tiếp khúc sông của mình trong dòng sông truyền thống gia đình. Hơn thế nữa, thế hệ sau cứng cáp, trưởng thành và có thể đi xa hơn.
Hoạt động 3: Tổng kết	
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu ý nghĩa văn bản HS thảo luận và phân tích. **Thao tác 2: Hướng dẫn HS đánh giá thành công nghệ thuật truyện** GV nêu vấn đề: Tình huống truyện, chi tiết truyện, giọng văn, ngôn ngữ, chất sử thi của thiên truyện được thể hiện như thế nào? - GV có thể gợi ý bằng cách nhắc lại khái niệm, đặc điểm của tính sử thi trong văn học. **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi: Chất sử thi của truyện:** + thể hiện qua cuốn sổ của gia đình với truyền thống yêu ước, căm thù giặc, thủy chung son sắt với quê hương. + Cuốn sổ là lịch sử gia đình mà qua đó thấy lịch sử của một đất nước, một dân tộc trong cuộc chiến chống Mĩ. + Số phận của những đứa con, những thành viên trong gia đình cũng là số phận của nhân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ khốc liệt.	**III/ Tổng kết:** **1. Nội dung:** Qua câu chuyện về những con người trong một gia đình nông dân Nam Bộ có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, thủy chung với quê hương, với CM, nhà văn khẳng định: sự hòa quyện giữa tình cảm gia đình và tình yêu nước; giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người VN, dân tộc VN trong cuộc kháng chiến chống Mỹ-cứu nước. **2. Nghệ thuật:** - Tình huống truyện: Việt-một chiến sĩ Quân giải phóng-bị thương phải nằm lại chiến trường. Truyện kể theo dòng nội tâm của Việt khi liền mạch(lúc tỉnh), khi gián đoạn(lúc ngất) của người trong cuộc làm câu chuyện trở nên chân thật hơn; có thể thay đổi đối tượng, không gian, thời gian, đan xen tự sự và trữ tình. - Chi tiết được chọn lọc vừa cụ thể vừa giàu ý nghĩa, gây ấn tượng mạnh. Ngôn ngữ bình dị, phong phú, giàu giá trị tạo hình và đậm sắc thái Nam bộ. - Giọng văn chân thật, tự nhiên, nhiều đoạn gây xúc động mạnh… - Truyện đậm chất sử thi

🕮 3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: <u>Câu hỏi 1:</u> *Chi tiết nào sau đây không đúng với nhân vật Việt trong truyện?* a. Thương chị theo kiểu rất người lớn. b. Thích giành phần hơn với chị. c. Hiếu động.	[1]='a' [2]='b' [3]='c'

d. Đi đánh trận vẫn mang theo cả súng cao su. Câu hỏi 2: *Nhân vật Việt được đồng đội tìm lại khi đang ở trong trạng thái như thế nào?* a. Bị thương và ngất lịm. b. Vẫn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu. c. Vẫn tỉnh nhưng không còn khả năng cử động. d. Đang nửa tỉnh nửa mơ. Câu hỏi 3: *Cảm hứng bao trùm tác phẩm "Những đứa con trong gia đình" là gì?* a. Lãng mạn. b. Bi thương. c. Bi tráng. d. Hào hùng.	

4. Tổng kết và hướng dẫn tự học.

-Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm Những đứa con trong gia đình. - So sánh hai nhân vật Việt và Chiến./. - Học bài cũ. - Soạn bài mới.

Tuần: 23,24
Tiết: 69,70

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM, MỘT ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI

1. Mục tiêu bài học:

1.1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết khái niệm về tác phẩm văn xuôi, các dạng đề.

b/ Thông hiểu: HS hiểu được cách viết bài nghị luận về một tác phẩm , một đoạn trích văn xuôi, huy động được những kiến thức đã học về văn bản tác phẩm văn xuôi đã học trong chương trình cuối HKI và đầu học kỳ II để có thể đạt tới các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng của bài học;

c/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn nghị luận về một nhân vật;

d/Vận dụng cao: Viết một bài văn hoàn chỉnh với tất cả các kiểu bài nghị luận về một đoạn trích, một tác phẩm văn xuôi.

1.2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về nhân vật;

b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học

1.3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản văn xuôi

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản văn xuôi

c/Hình thành nhân cách: Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong văn xuôi hiện đại Việt Nam .

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn xuôi hiện đại Việt Nam.
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn xuôi hiện đại Việt Nam;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn xuôi
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm, phong cách nghệ thuật giữa các tác phẩm văn xuôi có cùng đề tài;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: kết hợp trong bài

3.3. Tiến trình bài học:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG - Tiết 69

Hoạt động của Thầy và trò	***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt***
- GV giao nhiệm vụ: GV TỔ CHỨC TRÒ CHƠI Ô CHỮ về chủ đề truyện Vợ nhặt để tạo không khí sôi động đầu giờ học. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Như vậy là chúng ta đã thực hiện xong việc tìm hiểu truyện Vợ nhặt của Kim Lân. Bước tiếp theo chúng ta sẽ thực hiện viết bài nghị luận về truyện ngắn này cũng như các tác phẩm văn xuôi đã học trong chương trình Ngữ văn 12. Vậy dạng bài Nghị luận về một đoạn trích , một tác phẩm văn xuôi sẽ đượcc thực hiệ nnhư thế nào?*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**Kiến thức cần đạt**
Hoạt động 1: **Tìm hiểu cách viết bài văn nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi**	
Thao tác 1: 1. GV tổ chức cho HS thực hiện các yêu cầu (SGK) ***Đề 1: Phân tích truyện ngắn Tinh thần thể dục của Nguyễn Công Hoan.*** - GV nêu yêu cầu và gợi ý, hướng dẫn. **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** -Truyện gồm những cảnh khác nhau tưởng như rời rạc (cảnh van xin, đút lót, thuê người đi thay, bị áp	1. **Tìm hiểu đề và lập dàn ý** a- **Đề 1**: a1- ***Gợi ý tìm hiểu đề*** - *Đặc sắc của kết cấu truyện*:

giải đi xem đá bóng), nhưng thật ra đều tập trung biểu hiện chủ đề: *bọn quan lại cầm quyền cưỡng bức dân chúng để thực hiện một ý đồ bịp bợm đen tối.* -Truyện gồm những cảnh khác nhau tưởng như rời rạc (cảnh van xin, đút lót, thuê người đi thay, bị áp giải đi xem đá bóng), nhưng thật ra đều tập trung biểu hiện chủ đề: *bọn quan lại cầm quyền cưỡng bức dân chúng để thực hiện một ý đồ bịp bợm đen tối.* + Việc xem đá bóng vốn mang tính chất giải trí bỗng thành một tai hoạ giáng xuống người dân. + Sự tận tụy, siêng năng thực thi lệnh trên của lí trưởng đã gặp phải mọi cách đối phó của người dân khốn khổ. + Ngôn ngữ người kể chuyện: rất ít lời, mỗi cảnh có khoảng 2 dòng, như muốn để người đọc thiểu lấy ý nghĩa. + Ngôn ngữ các nhân vật: lời đối thoại rất tự nhiên, sinh động,... thể hiện đúng thân phận và trình độ của họ. Ngôn ngữ của lí trưởng không mang kiểu cách hành chính nào cả... Qua ngôn ngữ các nhân vật, người đọc có thể hình dung đó là một xã hội hỗn độn. -Tác giả dùng bút pháp trào phúng để châm biếm trò lừa bịp của chính quyền. Nội dung truyện không phải hoàn toàn bịa đặt. Để tách người dân khỏi ảnh hưởng của các phong trào yêu nước, thực dân Pháp đã bày ra các trò thể dục thể thao (đua xe đạp, thi bơi lội, đấu bóng đá) để đánh lạc hướng. Do đó truyện này có ý nghĩa hiện thực, có giá trị châm biếm sâu sắc. -GV: Từ nội dung đã đọc hiểu ở trên, em hãy lập dàn ý cho đề bài? HS thảo luận cặp đôi và trả lời. -Qua việc nhận thức đề và lập ý cho đề trên, GV yêu cầu HS rút ra kết lận về cách làm nghị luận một tác phẩm văn học. 2. GV tổ chức cho HS nhận xét về nghệ thuật sử dụng ngôn từ trong Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân (có so sánh với chương Hạnh phúc một tang gia- Trích Số đỏ của Vũ Trọng Phụng). - GV nêu yêu cầu và gợi ý.	- *Mâu thuẫn và tính chất trào phúng của truyện*: - *Đặc điểm của ngôn ngữ truyện*: - Giá trị hiện thực và ý nghĩa phê phán của truyện: b) ***Gợi ý xây dựng dàn bài*** -Mở bài : Giới thiệu ngắn gọn về truyện ngắn ***Tinh thần thể dục*** của nhà văn Nguyễn Công Hoan. -Thân bài : Nghệ thuật trào phúng trong truyện ngắn Tinh thần thể dục: kết cấu truyện độc đáo, mâu thuẫn trong truyện nhiều dạng vẻ và ý nghĩa của cái cười trong truyện ngắn Tinh thần thể dục. - Kết bài: Qua tác phẩm, cần thấy được mối quan hệ giữa văn học và thời sự ; văn học và sự thức tỉnh xã hội. ***c) Cách làm nghị luận một tác phẩm văn học*** + Đọc, tìm hiểu, khám phá nội dung, nghệ thuật của tác phẩm. + Đánh giá được giá trị của tác phẩm. a2- ***Đề 2*** a) ***Gợi ý tìm hiểu đề*** - Trong ***Chữ người tử tù***, tác gia sử dụng nhiều từ Hán Việt cổ, cách nói cổ để dựng nên những cảnh tượng, những con người thời phong kiến suy tàn. Với giọng văn cổ kính trang trọng, tác giả nói đến những con người tài hoa, trọng thiên lương nay chỉ còn là vang bóng của một thời.

Qua việc nhận thức đề và lập ý cho đề trên, GV yêu cầu HS rút ra kết lận về cách làm nghị luận một tác phẩm văn học. HS đọc đề 1. - HS thảo luận về nội dung vấn đề nghị luận, nêu được dàn ý đại cương. - HS thảo luận và trình bày. HS thảo luận và phát biểu.	- Trong ***Hạnh phúc của một tang gia*** tác giả dùng nhiều từ, nhiều cách chơi chữ để mỉa mai, giễu cợt tính chất già dối, lố lăng, đồi bại của một số người tự nhận thuộc giới thượng lưu những năm trước Cách mạng tháng Tám. - Việc dùng từ, chọn giọng văn phải hợp với chủ đề của truyện, và thể hiện đúng tư ***tưởng tình cảm của tác giả.*** ***b) Gợi xây dựng dàn bài*** Có thể viết theo trình tự các câu hỏi khi tìm hiểu đề để lập dàn bài cho riêng mình. *c) Cách làm nghị luận một khía cạnh của tác phẩm văn học* + Cần đọc kĩ và nhận thức được kía cạnh mà đề yêu cầu. + Tìm và phân tích những chi tiết phù hợp với khía cạnh mà đề yâu cầu.
Tiết 70 Hoạt động 2: **Cách làm bài văn nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi**	
Từ hai bài tập trên, GV tổ chức cho HS rút ra cách làm bài văn nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi. - HS phát biểu. GV nhận xét, nhấn mạnh những ý cơ bản.	**3. Cách làm bài văn nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi** + Có đề nêu yêu cầu cụ thể, bài làm cần tập trung đáp ứng các yêu cầu đó. + Có đề để HS tự chọn nội dung viết. Cần phải khảo sát và nhận xét toàn truyện. Sau đó chọn ra 2, 3 điểm nổi bật nhất, sắp xếp theo thứ tự hợp lí để trình bày. Các phần khác nói lướt qua. Như thế bài làm sẽ nổi bật trọng tâm, không lan man, vụn vặt.
Hoạt động 3: LUYỆN TẬP	
- GV gợi ý, hướng dẫn. - HS tham khảo các bài tập trong phần trên và tiến hàng tuần tự theo các bước.	Đề: Đòn châm biếm, đả kích trong truyện ngắn Vi hành của Nguyễn ái Quốc. **1. Nhận thức đề** Yêu cầu nghị luận một khía cạnh của tác phẩm: đòn châm biếm, đả kích trong truyện ngắn Vi hành của Nguyễn ái Quốc. **2. Các ý cần có:** + Sáng tạo tình huống: nhầm lẫn. + Tác dụng của tình huống: miêu tả chân dung Khải Định không cần y xuất hiện, từ đó mà làm rõ thực chất những ngày trên đất Pháp của vị vua An Nam

	này đồng thời tố cáo cái gọi là "văn minh", "khai hóa" của thực dân Pháp.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

Hoạt động 4: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ - GV hệ thống lại bài học, khẳng định những ưu điểm và nói rõ hơn một vài điều cần lưu ý để làm tốt bài văn nghị luận về một tác phẩm hay đoạn trích văn xuôi - Từ dàn bài trong phần luyện tập, hãy viết một bài văn nghị luận. -Về nhà soạn bài : ***Chiếc thuyền ngoài xa***

Tuần: 24,25
Tiết: 71->74

CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA

-Nguyễn Minh Châu-

1. Mục tiêu bài học:

1.1. Kiến thức :

- Những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về cuộc đời và nghệ thuật: phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách đa diện; nghệ thuật chân chính luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời.

-Tình huống truyện độc đáo, mang ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống.Điểm nhìn nghệ thuật đa chiều. Lời văn giản dị mà sâu sắc, dư ba.

1.2. Kĩ năng : Đọc-hiểu truyện ngắn hiện đại.

1.3.Thái độ : Cảm thông với nỗi bất hạnh, ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ thời hậu chiến, lên án nạn bạo hành gia đình.

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện ngắn hiện đại Việt Nam.
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm truyện ngắn hiện đại Việt Nam.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về truyện ngắn hiện đại Việt Nam.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật truyện của NMC;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của truyện hiện hiện đại VN trước và sau 1975;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: kết hợp trong bài

3.3. Tiến trình bài học: <u>TIẾT 71</u>

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt***
- GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Minh Châu* + Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Xem một đoạn video clip về cuộc sống của người dân vùng biển; - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Sau năm 1975, miền Nam được giải phóng, Bắc Nam đã sum họp một nhà, đất nước Việt Nam bước vào giai đoạn xây dựng, phát triển trong hoà bình. Điều đó cũng đã mở ra cho văn học những tiền đề mới. Nhiều nhà văn đã trăn trở, tìm tòi hướng đi mới cho văn học: Khám phá đời sống ở phương diện đời thường, trên phương diện đạo đức, thế sự. Một trong những cây bút tiên phong mở đường tinh anh và tài năng nhất là nhà văn Nguyễn Minh Châu. Ta đã gặp một Nguyễn Minh Châu trong truyện ngắn đầy nghịch lý "Bến quê" và một lần nữa ta lại được tìm hiểu một truyện ngắn xuất sắc khác của ông – truyện ngắn "Chiếc thuyền ngoài xa".*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**Kiến thức cần đạt**
Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG	
Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần Tiểu dẫn. (Chiếu ảnh Nguyễn Minh Châu) **(?)** *Bằng hiểu biết của mình, em hãy trình bày những nét chính về tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhà văn Nguyễn Minh Châu?* - GV chốt lại các ý chính và yêu cầu học sinh	**I. TÌM HIỂU CHUNG** **1. Tác giả** Nguyễn Minh Châu (1930-1989): trước năm 1975 là ngòi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn; từ đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX chuyển hẳn sang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh,

gạch chân trong SGK. - *Nguyễn Minh Châu*: 1930-1989. - *Sự nghiệp sáng tác*: + Trước năm 1975 là ngòi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn; + Từ đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX chuyển hẳn sang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh; ông được xem là cây bút mở đường tinh anh của văn học thời kì đổi mới. - Giáo viên cung cấp thêm: Sáng tác tháng 8/ 1983, lúc đầu in trong tập ***Bến quê***, sau đó lấy làm tên chung cho một tập truyện ngắn. **Tích hợp kiến thức Lịch sử, địa lí:** + Nghệ sĩ Phùng trở lại chiến trường xưa A So, một vùng thuộc miền Trung, cách Hà Nội 600 cây số. + Cuộc sống của người dân vùng biển .	thuộc trong số những người mở đường tinh anh và tài năng(Nguyên Ngọc)của VHVN thời kì đổi mới. **2. Tác phẩm** - ***Chiếc thuyền ngoài xa*** tiêu biểu cho xu hướng chung của VHVN thời kì đổi mới: hướng nội, khai thác sâu sắc số phận cá nhân và thân phận con người trong cuộc sống đời thường. **a. Tóm tắt tác phẩm** **b. Bố cục** Truyện chia làm 3 đoạn: + Đoạn 1: (Từ đầu đến "chiếc thuyền lới vó đã biến mất"). Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh. + Đoạn 2: (Từ "Ngay lúc ấy … với sóng gió giữa phá"): Câu chuyện của người đàn bà làng chài. + Đoạn 3: Còn lại: Tấm ảnh trong bộ lịch năm ấy.
Hoạt động 2: **Đọc - hiểu văn bản**	
TIẾT 72 **Thao tác 1: Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh** -GV nêu câu hỏi và tổ chức cho HS thảo luận: Phát hiện thứ nhất của người nghệ sĩ nhiếp ảnh là phát hiện đầy thơ mộng. Anh (chị) cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của chiếc thuyền ngoài xa trên biển sớm mù sương mà người nghệ sĩ chụp được? - GV nêu câu hỏi và tổ chức cho HS thảo luận: Phát hiện thứ hai của người nghệ sĩ nhiếp ảnh mang đầy nghịch lí. Anh đã chứng kiến và có thái độ như thế nào trước những gì diễn ra ở gia đình thuyền chài.	**II. Đọc - hiểu văn bản:** **1. Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh:** **a. Phát hiện thứ nhất đầy thơ mộng của người nghệ sĩ nhiếp ảnh** - *"Trước mặt tôi là một bức tranh mực tàu .... tôi tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lí của sự hoàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn".* - Đôi mắt tinh tường, "nhà nghề" của người nghệ sĩ đã phát hiện vẻ đẹp "trời cho" trên mặt biển mờ sương, vẻ đẹp mà cả đời bấm máy anh chỉ gặp một lần. Người nghệ sĩ cảm thấy hạnh phúc - đó là niềm hạnh phúc của khám phá và sáng tạo, của sự cảm nhận cái đẹp tuyệt diệu . Trong hình ảnh chiếc thuyền ngoài xa giữa biển trời mờ sương, anh đã cảm nhận cái đẹp toàn bích, hài hoà, lãng mạn của cuộc đời, thấy tâm hồn mình được thanh lọc. **b. Phát hiện thứ hai đầy nghịch lí của người nghệ sĩ nhiếp ảnh** - Người nghệ sĩ đã tận mắt chứng kiến: từ chiếc thuyền ngư phủ đẹp như trong mơ bước ra một người đàn bà xấu xí, mệt mỏi và cam chịu; một lão đàn ông thô kệch, dữ dằn,

- GV: Qua hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng, Nguyễn Minh Châu muốn người đọc nhận thức được điều gì về cuộc đời?

TIẾT 73

Thao tác 2: Câu chuyện của của người đàn bà ở toà án huyện

(?) *Hoàn cảnh của người đàn bà hàng chài?* (Bị chồng đánh đập một cách vũ phu, tàn ác: *ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng* nhưng vẫn cam chịu *"không hề kêu một tiếng, không chống trả, không tìm cách chạy trốn"*).

(?) *Trước hoàn cảnh của người đàn bà hàng chài, Đẩu - chánh án tòa án huyện đã đưa ra giải pháp gì?* (Đẩu khuyên người đàn bà bỏ chồng vì anh tin giải pháp của mình là đúng.)

(?) *Giải pháp mà Đẩu đưa ra có được người đàn bà chấp nhận không?* (Người đàn bà từ chối thiện ý của Đẩu)

(?) Trong hoàn cảnh người đàn bà hàng chài, lời khuyên của chánh án Đẩu có vẻ là một lời khuyên đúng đắn, nhưng người đàn bà nhất quyết không nghe theo, thậm chí còn van xin "quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó". *Em hãy lý giải thông qua câu chuyện của người đàn bà hàng chài?*

- GV cho học sinh phát hiện các dẫn chứng và phân tích.

"*Đám đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi cần có người đàn ông để chèo chống lúc phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng đặng một sắp con nhà nào cũng trên dưới chục đứa ...* độc ác, coi việc đánh vợ như một phương cách để giải toả những uất ức, khổ đau... Đây là hình ảnh đằng sau cái đẹp "toàn bích, toàn thiện" mà anh vừa bắt gặp trên biển. Nó hiện ra bất ngờ, trớ trêu như trò đùa quái ác của cuộc sống.

- Chứng kiến cảnh người đàn ông đánh vợ một cách vô lí và thô bạo, Phùng đã "kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu .... vứt chiếc máy ảnh xuống đất, chạy nhào tới". Hành động đó nói lên nhiều điều.

c. Ý nghĩa:

- Phùng đã cay đắng nhận ra những ngang trái, xấu xa trong gia đình kia đã làm cho những điều huyền diệu mà anh đã phát hiện hiện hình ra thật khủng khiếp, ghê sợ.

- Cuộc đời không đơn giản, xuôi chiều, không phải bao giờ cũng đẹp, cũng là nghệ thuật, mà chứa đựng nhiều nghịch lí, mâu thuẫn giữa cái đẹp - xấu, thiện – ác.

- Người nghệ sĩ phải tìm hiểu cuộc đời trong mối quan hệ đa chiều.

2. Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở toà án huyện:

a. Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở tòa án huyện

- Đó là câu chuyện về cuộc đời nhiều bí ẩn và éo le của một người đàn bà hàng chài nghèo khổ, lam lũ…

+Theo lời mời của Đẩu, chánh án toà án huyện, người đàn bà hàng chài đã có mặt ở toà án huyện. Trước lời đề nghị và giúp đỡ của Đẩu và Phùng, người đàn bà dứt khoát từ chối.

+Tại toà án, chị kể về cuộc đời mình và gián tiếp giải thích lí do vì sao chị nhất quyết không thể bỏ lão chồng vũ phu

+Nếu ban đầu mới đến toà, chị sợ sệt, lúng túng, một lạy quý toà, hai lạy quý toà thì sau khi nghe lời khuyên của Đẩu, chị trở nên mạnh dạn, chủ động.

- Câu chuyện đã giúp nghệ sĩ Phùng hiểu về người đàn bà hàng chài *(một phụ nữ nghèo khổ, nhẫn nhục, sống kín đáo, sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời, có tâm hồn đẹp đẽ, giàu đức hi sinh và lòng vị tha);* về người chồng của chị (*bất kể lúc nào thấy khổ quá* là lôi vợ ra

Đàn bà chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được". "Các chú đâu có phải là người làm ăn ... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc ...". (?) *Nhận xét về câu chuyện cuộc đời của người đàn bà hàng chài?* (?) *Thái độ của Phùng và Đẩu trước và sau khi nghe câu chuyện của người đàn bà có sự thay đổi như thế nào?* + Trước: Đẩu nói với giọng đầy giận dữ: "*…tôi chỉ muốn bảo ngay với chị: Chị không sống nổi với cái lão đàn ông vũ phu ấy đâu!"; Đẩu nói với vẻ đầy hào hứng của một con người bảo vệ công lý "chủ trương nguyên tắc của chúng tôi là kêu gọi hòa thuận".* + Sau: *"Không thể nào hiểu được!" "Phải, bây giờ thì tôi đã hiểu" rồi "Một cái gì vừa mới vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển".* (?) *Nếu các em là Đẩu, Phùng thì sẽ làm thế nào để giải quyết vấn đề đó?* (?) *Câu chuyện về người đàn bà, Nguyễn Minh Châu đặt ra một vấn đề gì đang rất phổ biến trong xã hội hiện nay?* (nạn bạo hành) --> Tình trạng bạo lực gia đình: + Nguyên nhân : - Thói vũ phu, sự tăm tối, thất học của người đàn ông. - Sâu xa là do tình trạng đói nghèo, đời sống bấp bênh kéo dài gây tâm lí bế tắc, uất hận + Hậu quả : - Gây ra những nỗi đau triền miên về thể xác và tinh thần cho những thành viên trong gia đình (người đàn bà). - Con cái đổ vỡ niềm tin, sống trong hận thù, căm ghét (Thằng Phác), và có nguy cơ trở thành tội phạm. - *Giả sử được trực tiếp gặp gỡ người đàn bà ở toà án cùng với Đẩu và Phùng, anh/ chị hãy phát biểu cảm nghĩ của mình về câu chuyện của người đàn bà ấy?...* (?) *Từ câu chuyện của người đàn bà hàng chài và thái độ của Phùng và Đẩu, nhà văn Nguyễn Minh Châu muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?* - Học sinh thảo luận cặp đôi. (?) *Ấn tượng, suy nghĩ, cảm nhận, đánh giá về người đàn bà hàng chài?*	đánh); chánh án Đẩu *(có lòng tốt, sẵn sàng bảo vệ công lí nhưng kinh nghiệm sống chưa nhiều)* và về chính mình *(sẵn sàng làm tất cả vì sự công bằng nhưng lại đơn giản trong cách nhìn nhận, suy nghĩ).* +Trước khi nghe câu chuyện của người đàn bà, thái độ của anh rất cương quyết. +Nhưng khi nghe xong câu chuyện "một cái gì đó vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển, lúc này trông Đẩu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ". +Cũng như Đẩu, nghệ sĩ Phùng im lặng sau câu chuyện của người đàn bà. Phùng nhận thấy mình đã đơn giản khi nhìn nhận cuộc đời và con người; anh chỉ nhìn người một cách phiến diện, nông nổi ngây thơ . * *Thông điệp nghệ thuật:* Đừng nhìn cuộc đời, con người một cách đơn giản, phiến diện; phải đánh giá sự việc, hiện tượng trong các mối quan hệ đa diện, nhiều chiều. - Nhận xét về nghệ thuật thể hiện câu chuyện người đàn bà hàng chài: +Nguyễn Minh Châu đã xây dựng được tình huống mang ý nghĩa khám phá, phát hiện đời sống. +Ngôn ngữ người kể chuyện: Thể hiện qua nhân vật Phùng, sự hóa thân của tác giả. Chọn người kể chuyện như thế đã tạo ra một điểm nhìn trần thuật sắc sảo, tăng cường khả năng khám phá đời sống, lời kể trở nên khách quan, chân thật, giàu sức thuyết phục. + Ngôn ngữ nhân vật: Phù hợp với đặc điểm tính cách của từng người. Lời văn giản dị mà sâu sắc, đa nghĩa.

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

- "*vốn là đứa con gái xấu lại rỗ mặt sau một bận lên đậu mùa*". Người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn trạc ngoài 40 ,thô kệch ,rỗ mặt ,lúc nào cũng xuất hiện với " *khuôn mặt mệt mỏi* " gợi ấn tượng về một cuộc đời nhọc nhằn lam lũ -Trong câu chuyện về cuộc đời mình, chị đã nhận thức được rất rõ sự kém may mắn của mình: "*cũng vì xấu, trong phố không ai lấy, tôi có mang với một anh con trai của một hàng chài giữa phá hay đến nhà tôi mua bả về đan lưới*".

-HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

+ Hành động và lời nói của người chồng :"*trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyền rủa bằng cái giọng rên rỉ, đau đớn: "Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ*".

+ Trước hành động rất tàn bạo của người chồng, người đàn bà hàng chài đã "*không hề kêu một tiếng, không chống trả cũng không tìm cách chạy trốn*".

+ Chồng đánh như vậy, chị ta đâu có khóc

+ Nhưng chỉ sau khi biết được hành động vũ phu của chồng đã bị thằng Phác và người khách lạ (nghệ sĩ Phùng) phát hiện chị lại cảm thấy đau đớn, vừa đau đớn, vừa vô cùng xấu hổ và nhục nhã. Nhiều khi, sự đau đớn do đòn roi không thể làm con người ta bật khóc, điều này đúng trong trường hợp của người đàn bà hàng chài. Những giọt nước mắt đau đớn chứa đựng biết bao sự nhọc nhằn chỉ thực sự rơi khi thấy đứa con yêu của mình chứng kiến cảnh tượng mình bị chồng đánh, chỉ thực sự rơi khi có người khách lạ chứng kiến.

+ Được mời đến tòa án huyện để giải quyết việc gia đình, lúc đầy chị ta rụt rè, tìm một góc tường ở chốn công đường kia để ngồi. Nhà văn có miêu tả, đây không phải là lần đầu người đàn bà đến chốn công đường nhưng người đàn bà ấy vẫn có cái vẻ sợ sệt, lúng túng- cái sợ sệt lúng túng ấy ngay lúc chị ta đứng ở bãi xe tăng cũng không hề thấy có. Chị thấy sợ hãi khi đến một không gian lạ. Chị ta thật tội nghiệp, cái thế ngồi bị động, ngồi vào mép ghế và cố thu người lại, ngồi như thể để tự vệ cho dù đã

b. Các nhân vật trong câu chuyện:

-Nhân vật người đàn bà hàng chài

Người đàn bà

Vẻ bề ngoài	Phẩm chất bên trong:
Xấu xí	Vị tha, giàu đức hi sinh
Lam lũ, rách rưới	Chắt chiu hạnh phúc
Cam chịu	Sâu sắc trải đời
đáng thương	

* Ngoại hình: có vẻ ngoài xấu xí, thô kệch và mệt mỏi:

* Số phận, cuộc đời:

+ Số phận kém may mắn:

+ Cuộc đời lam lũ, vất vả..gia đình đông con và nghèo khổ *suốt hàng tháng, cả nhà vợ chồng con cái ăn toàn cây xương rồng luộc chấm muối*, có khi bị chồng đánh thô bạo *ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng.*

+ Nỗi đau lớn trong tâm hồn: Nhận biết hoàn cảnh gia đình mình nếu tiếp tục con chị sẽ phạm tội, gia đình tan nát.

* Tính cách:

- *Một người đàn bà cam chịu, nhẫn nhục.*
- *Giàu lòng tự trọng.*

- *Sống rất sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời, hiểu chồng, thương con vô bờ bến, một người phụ nữ vị tha, giàu đức hy sinh.*

được Đẩu nói bằng những lời rất thân mật, chia sẻ, cảm thông. + Nguyễn Minh Châu đã dụng công nhấn vào sự thay đổi ngôn ngữ và tâm thế của người đàn bà hàng chài. Ban đầu, khi gặp chánh án Đẩu, chị còn xưng "con" và có lúc đã van xin, "con lạy quý tòa"… *"Quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó"*. Nhưng khi thấy Phùng xuất hiện, đang cúi gục lập tức người đàn bà hàng chài ngẩng lên, nhìn thẳng, "*chị cám ơn các chú…. Lòng cách chú tốt nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn… cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc*". Vẻ bề ngoài khúm núm, sợ sệt, điệu bộ khác, ngôn ngữ khác đã làm cho cả Đẩu và Phùng hết sức ngạc nhiên. Người đàn bà hàng chài kia không hề giản đơn như Đẩu và Phùng nghĩ. Thì ra, cái nghề chài lưới trên một chiếc thuyền vó bè lênh đênh không thể thiếu bàn tay và sức lực của người đàn ông. Để duy trì sự tồn tại cho cả gia đình thì họ phải hợp sức lại mà làm quần quật để nuôi một đàn con nhà nào cũng trên dưới chục đứa, "*đám đàn bà ở thuyền chúng tôi cần có một người đàn ông chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng một sắp con nhà nào cũng trên chục đứa*" Tình cảnh của người đàn bà hàng chài kia cũng như của bao gia đình hàng chài khác, trừ phi chị nói "*giá tôi đẻ ít đi hoặc chúng tôi sắm được một chiếc thuyền rộng hơn".* + Trong câu chuyện kể về cuộc đời mình, người đàn bà hàng chài kia đã chấp nhận đau khổ, coi nỗi khổ vận vào đời mình như một lẽ đương nhiên. Chị sống cho con chứ không phải là sống cho mình. *"Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được".* Nếu những phụ nữ trên các thuyền khác chấp nhận người đàn ông uống rượu thì chị cũng chấp nhận để chồng đánh chỉ xin chồng là đánh ở trên bờ, đừng để các con nhìn thấy. Đó là một cách ứng xử rất nhân bản. *- Giả sử là người đàn bà hàng chài bị chồng đánh như thế, anh/ chị sẽ phản ứng như thế nào? Vì sao? Từ đó cho thấy nghĩa lí của cách hành xử của người đàn bà hàng chài như thế nào?*	→ Cuộc đời, con người đầy những nghịch lí, không xuôi chiều. → *Cần phải nhìn nhận con người trong từng*

(?) *Từ việc tìm hiểu những phẩm chất, cuộc đời người đàn bà hàng chài, Nguyễn Minh Châu muốn nói lên điều gì?* - Mà cuộc sống nghèo khó của người dân vùng biển với một trong những nguyên nhân sâu xa: gia đình quá đông con. **(?) *Người đàn ông hàng chài xuất hiện như thế nào? Sự xuất hiện đó gây ấn tượng gì về ngoại hình, về hành vi?*** (?) *Tại sao người đàn ông không dùng cách nào khác để giải quyết bi kịch của mình mà trút nỗi bực dọc vào việc đánh vợ rất tàn nhẫn?* *-GV gợi ý tiếp: Cách nhìn nhận gã chồng vũ phu của người đàn bà hàng chài có gì khác so với cách nhìn nhận và thái độ của Đẩu, Phùng và bé Phác? Nhận xét chung về tính cách người đàn ông?* (?) *Tính cách của người đàn ông được khắc hoạ qua những điểm nhìn nào?* - Tích hợp kiến thức GDCD: Luật Bình đẳng giới có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 có quy định *Bình đẳng giới* là *việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó. Theo em, qua nhân vật người đàn ông, gia đình người hàng chài này có sự bình đẳng giới không? Vì sao?* (?) *Nêu cảm nghĩ về hành vi của Phác đối với bố?* (?) *Hoá thân vào nhân vật để nêu cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật Phác khi thấy mẹ bị bố hành hạ, sau hành động đánh lại bố và lúc lau nước mắt cho mẹ.* (?) *Hãy tưởng tượng cách ứng xử khác của Phác khi thấy mẹ bị bố đánh tàn nhẫn.*	*hoàn cảnh cụ thể.* *** Người đàn ông:** - Dáng vẻ khắc khổ, lam lũ nhưng mạnh mẽ và dữ dội: *"Lưng rộng và cong như một chiếc thuyền", "mái tóc tổ quạ", "chân đi chữ bát", "hai con mắt độc dữ"* - Vốn là một anh con trai hiền lành, chỉ vì *"nghèo khổ, túng quẫn"*, nhiều lo toan, cực nhọc mà trở thành người đàn ông độc ác, người chồng vũ phu. - Khi nào thấy khổ là lão đánh vợ: *"lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà",* đánh như để giải toả uất ức, để trút sạch tức tối, buồn phiền. - Qua cái nhìn của người đàn bà: nạn nhân của hoàn cảnh nên đáng được cảm thông, chia sẻ. - Qua cái nhìn của chánh án Đẩu, nghệ sĩ Phùng và bé Phác: người vũ phu, thủ phạm gây đau khổ nên đáng căm phẫn, đáng lên án. → Vừa là nạn nhân của cuộc sống khốn khổ, vừa là thủ phạm gây đau khổ cho những người thân. => Phải có cái nhìn đa diện, nhiều chiều về cuộc sống và con người. **- Chị em Phác:** + Chị Phác: * Một cô bé ốm yếu mà can đảm, phải vật lộn để tước lấy con dao từ tay Phác, không cho nó làm việc trái với luân thường đạo lí. * Trong lòng tan nát vì đau đớn: bố điên cuồng hành hạ mẹ, vì thương mẹ mà thằng em định cầm dao ngăn bố lại… → Có những hành động đúng đắn, biết lo toan, là chỗ dựa vững chắc cho người mẹ. + Phác: Thương mẹ theo kiểu trẻ con xốc nổi, theo cách của đứa con trai vùng biển. Nó *"lặng lẽ đưa ngón tay lên khẽ sờ trên khuôn mặt người mẹ, như muốn lau đi những giọt nước mắt chứa đầy trong nốt rỗ chằng chịt"*. Nó *"tuyên bố với các bác ở xưởng đóng thuyền rằng nó còn có mặt ở dưới biển này thì mẹ nó không bị đánh"*. → Phản ứng dữ dội, tình thương mẹ dạt dào. **=> Tình huống khó xử, nỗi đau khó giải quyết: đứng về ai, làm thế nào để trọn đạo**

TIẾT 74 *(?) Cảm nhận của em về nhân vật Phùng và Đẩu trong truyện?* HS đọc lại đoạn văn cuối cùng của truyện. (?) Tấm ảnh được chọn trong bộ lịch năm ấy như thế nào? (?) *Mỗi lần nhìn vào tấm ảnh, người nghệ sĩ lại trông thấy cái gì?* (?) *Tại sao trong bức ảnh được chọn, dù là tấm ảnh đen trắng nhưng khi nhìn vào, Phùng lại thấy "màu hồng hồng của ánh sương mai" và hình ảnh "người đàn bà" hòa lẫn vào đám đông? Phải chăng đây là một kết thúc có dụng ý của nhà văn? Em hãy chỉ ra dụng ý đó?* (?) *Từ đó, Nguyễn Minh Châu muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời?*	**làm con?** **- Nghệ sĩ Phùng:** +Nhạy cảm trước cái đẹp của thiên nhiên, trước vẻ đẹp tinh khôi của thuyền biển lúc bình minh. + Xúc động mãnh liệt trước tình trạng con người phải chịu sự bạo hành của cái xấu, cái ác. + Phát hiện vẻ đẹp tâm hồn con người: đằng sau vẻ xấu xí người đàn bà là một tâm hồn yêu thương, vị tha… + Rút ra chân lí về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống: * Trước khi rung động trước cái đẹp nghệ thuật phải biết yêu ghét, vui buồn trước cuộc đời. * Phải biết hành động để có một cuộc sống xứng đáng với con người. **- Chánh án Đẩu:** + Vị Bao Công của vùng biển, quan tâm người bất hạnh +*"Vỡ ra"* nhiều vấn đề về cách nhìn nhận, đánh giá con người: * Cuộc đời người đàn bà này không hề giản đơn * Trong hoàn cảnh này, cách hành xử của người đàn bà là không thể khác * Giải pháp *"bỏ chồng"* mà Đẩu áp dụng là không ổn. **3. Tấm ảnh được chọn trong "bộ lịch năm ấy":** - Mỗi lần nhìn kĩ bức ảnh đen trắng, người nghệ sĩ đều thấy "hiện lên cái mùa hồng hồng của ánh sương mai" → Chất thơ, vẻ đẹp lãng mạn của cuộc đời. - Nhưng nếu nhìn lâu hơn, bao giờ anh cũng thấy *"người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh"*. → Hiện thân của những lam lũ, khốn khó của đời thường, là sự thật cuộc đời đằng sau bức tranh. => Quan niệm: nghệ thuật chân chính không bao giờ rời xa cuộc đời và phải là cuộc đời, luôn luôn vì cuộc đời.
Hoạt động 3: Tổng kết	

- Thao tác 1: Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. *(?) Nêu đánh giá thành công về nội dung của truyện?* -GV tổ chức cho HS tìm hiểu cốt truyện: Cách xây dựng cốt truyện của Nguyễn Minh Châu trong tác phẩm này có gì độc đáo? HS tiến hành: a) Tóm tắt lại tình huống. + Tình huống 1: Phùng rung động, say mê trước cảnh đẹp *"trời cho"* + Tình huống 2: Trong giây phút tâm hồn thăng hoa, anh bất ngờ chứng kiến cảnh tượng người đàn ông đánh vợ + Phùng còn chứng kiến cảnh tượng đó thêm lần nữa: người đàn bà nhẫn nhục, hành động của chị em Phác + Từ đó, Phùng có cách nhìn đời khác đi. Anh thấy rõ cái ngang trái, hiểu thêm về người đàn bà, chị em Phác, hiểu sâu thêm bản chất của người bạn đầu và hiểu chính mình b) Bình luận về ý nghĩa của tình huống	**III. Tổng kết** **1. Nội dung: sgk** **2. Đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm:** **a. Xây dựng tình huống truyện:** - Độc đáo, hấp dẫn, mang ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống → Tình huống được đẩy lên cao trào và ngày càng xoáy sâu để thể hiện tính cách con người và cuộc đời. **b. Nghệ thuật kể chuyện:** sinh động - Người kể chuyện: là nhân vật Phùng → tạo ra điểm nhìn trần thuật sắc sảo, có khả năng khám phá đời sống; lời kể khách quan, chân thực, thuyết phục **- Ngôn ngữ nhân vật:** phù hợp với đặc điểm tính cách của từng người

🕮 3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Câu hỏi 1: Thông tin nào sau đây về Nguyễn Minh Châu là chưa chính xác? a. Xuất thân trong một gia đình nông dân. b. Vào bộ đội khi đang học dở cấp ba. c. Là nhà văn thành công chủ yếu ở thể loại truyện ngắn và thơ. d. Năm 2000 ông được tặng giải thưởng hồ chí minh về văn học nghệ thuật. Câu hỏi 2: Nguyễn Minh Châu là nhà văn thuộc thế hệ nào? a.Trưởng thành từ trước cách mạng. b. Trưởng thành trong kháng chiến chống thực dân Pháp. c. Trưởng thành trong kháng chiến chống đế quốc Mĩ. d. Trưởng thành từ sau năm 1975. Câu hỏi 3: Sáng tác của Nguyễn Minh Châu có những thiên hướng nào? a. Trữ tình lãng mạn. b. Cảm hứng thế sự. c. Giai đoạn đầu là cảm hứng thế sự, giai đoạn sau thiên về trữ tình lãng mạn. d. Giai đoạn đầu là trữ tình lãng mạn, giai đoạn sau chuyển sang cảm hứng thế sự. Câu hỏi 4: Truyện "Chiếc thuyền ngoài xa" được kể theo cách nào? a. Nhà văn cho nhân vật Phùng – người phóng viên kể lại câu chuyện. b. Nhà văn đứng ngoài câu chuyện kể lại. c. Nhà văn cho nhân vật chú bé Phác kể lại câu chuyện. d. Nhà văn cho nhân vật Đẩu – vị chánh án tòa kể lại câu chuyện Câu hỏi 5: Vì sao người mẹ của Phác lại thường xuyên bị người chồng đánh đập? a. Vì người chồng say rượu. b. Vì người chồng bản tính độc ác, tàn bạo.	ĐÁP ÁN [1]='c' [2]='c' [3]='d' [4]='a' [5]='c'

c. Vì người chồng khổ quá nên đã trút nỗi hận vào người vợ. d. Vì người vợ không chịu nghe lời người chồng.	

4. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Tìm đọc trọn vẹn truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa.*
- Phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài trong tác phẩm.
- Làm bài tập Hàm ý.

Tuần: 25,26
Tiết: 75,76
Tiếng việt:

THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý

1. Mục tiêu bài học:
1.1. Kiến thức :
a/ Nhận biết: HS nhận biết khái niệm, cách thức tạo hàm ý thông dụng;
b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hàm ý trong giao tiếp và trong văn bản, nhất là văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật;
c/Vận dụng thấp: Phân tích được hàm ý trong văn bản đã học;
d/Vận dụng cao: Vận dụng hiểu biết về hàm ý để phân tích ý nghĩa hàm ý trong tất cả văn bản;
1.2. Kĩ năng :
a/ Biết làm: bài tiếng Việt liên quan đến xác định hàm ý;
b/ Thông thạo: các bước làm bài hàm ý;
1.3.Thái độ :
a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản để tìm hàm ý;
b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày hàm ý trong văn bản;
c/Hình thành nhân cách: Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt thông qua hàm ý.
1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản có sử dụng hàm ý;
- Năng lực đọc – hiểu văn bản để tìm nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về hàm ý trong hoạt động ngôn ngữ và trong tạo lập văn bản;

2. Chuẩn bị của thầy và trò
2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: kết hợp trong bài

3.3. Tiến trình bài học:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt***
- GV giao nhiệm vụ: Tổ chức Trò chơi ô chữ liên quan đến hàm ý - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong cuộc sống giao tiếp hằng ngày, đôi khi con người trao đổi với nhau một vấn đề, một ý tưởng gì đó nhưng con người không diễn đạt trực tiếp ra bằng từ ngữ, mà chủ ý nói bằng một lối khác, để người nghe suy ra nội dung cốt làm cho lời nói có ý vị, tế nhị hơn, có ý nghĩa sâu xa hơn. Đó là cách nói hàm ý. Hôm nay chúng ta sẽ tiến hành thực hiện bài học Thực hành về Hàm ý để khắc sâu kiến thức đã học.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**Kiến thức cần đạt**
Hoạt động 1: **ôn lại khái niệm về hàm ý**	
I. Ôn lại khái niệm về hàm ý Hàm ý: Là những nội dung, ý nghĩ mà người nói không nói ra trực tiếp bằng từ ngữ, tuy vẫn có ý định truyền báo đến người nghe. Còn người nghe phải dựa vào nghĩa tường minh của câu và tình huống giao tiếp để suy ra thì mới hiểu đúng, hiểu hết ý của người nói.	**Thao tác 1: Tổ chức ôn lại khái niệm về hàm ý** GV nêu câu hỏi: Thế nào là hàm ý? HS nhớ lại kiến thức đã học, trả lời câu hỏi của GV.
Hoạt động 2: **Tổ chức thực hành về hàm ý**	
Thao tác 1: ***Bài tập 1:*** Đọc đoạn trích (SGK) và phân tích theo các câu hỏi (SGK). A Phủ đã cố ý vi phạm phương châm về lượng khi giao tiếp như thế nào?	**II. Thực hành về hàm ý** ***Bài tập 1:*** - Lời đáp của A Phủ thiếu thông tin cần thiết nhất của câu hỏi: Số lượng bò bị mất (mất mấy con bò?). A Phủ đã lờ yêu cầu này của Pá Tra. - Lời đáp có chủ ý thừa thông tin so với yêu cầu của câu hỏi: A Phủ không nói về số bò mất mà lại nói đến công việc dự định và niềm tin của mình (Tôi về lấy súng thế nào cũng bắn được con hổ này to lắm) - Cách trả lời của A Phủ có độ khôn khéo: Không trả lời thẳng, gián tiếp công nhận việc để mất bò. Nói ra dư định "lấy công chuộc tội" (bắn hổ chuộc tội mất bò); chủ ý thể hiện sự tin tưởng bắn được hổ và nói rõ "con hổ này to lắm". Cách nói hòng chuộc tội, làm giảm cơn giận dữ của Pá Tra . Câu trả lời của A Phủ chứa nhiều hàm ý.

Bài tập 2: Đọc đoạn trích (SGK) và trả lời các câu hỏi: a) ở phần sau của cuộc hội thoại anh thanh niên đã cố ý đi chệch ra ngoài đề tài "hỏi đường- chỉ đường" như thế nào? Những thông tin về cuộc trường kì kháng chiến có quan hệ và có cần thiết đối với đề tài đó không? b) Hàm ý của anh thanh niên có ý nói dài dòng về những điều không liên quan gì đến cuộc hội thoại là gì? c) Kết luận về hàm ý khi người nói chủ ý vi phạm phương châm quan hệ trong giao tiếp. ***Bài tập 3: Đọc và phân tích đoạn trích (SGK)*** a) Bá Kiến nói: "Tôi không phải là cái kho". Nói thế là có hàm ý gì?. Cách nói như thế có đảm bảo phương châm cách thức không? b) Ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của Bá Kiến có những câu dạng câu hỏi. Những câu đó nhằm mục đích gì, thực hiện hành động nói gì? Chúng có hàm ý gì?	Bài tập 2: a) Anh thanh niên đi chệch ra ngoài đề tài "hỏi đường- chỉ đường" bằng cách đọc thuộc lòng cả một bài dài đến dăm trang giấy về "cuộc trường kì kháng chiến". Nghĩa là anh ta vi phạm phương châm quan hệ trong hội thoại đồng thời vi phạm cả phương châm về lượng (nói thừa lượng thông tin). - Các thông tin về cuộc kháng chiến không hề liên quan đến đề tài "hỏi đường - chỉ đường". b) Hàm ý của anh thanh niên - Chủ ý tuyên truyền một cách hồn nhiên cho đường lối kháng chiến. - Muốn bộc lộ sự kiêu hãnh, tự hào khi được tham gia vào một công cuộc lớn lao mà ở nông thôn vào thời điểm bấy giờ ít có dịp và ít có người làm được. Đó là cách thể hiện bầu nhiệt huyết, hiềm say mê đối với cuộc kháng chiến. Đó là điểm đáng trân trọng, đáng ca ngợi tuy sự bộc lộ không được đúng chỗ (không phù hợp với cuộc thoại) và hơi quá mức độ (nói dài dòng) thừa lượng thông tin mà cuộc thoại cần đến. c) Kết luận: Khi người nói chủ ý vi phạm phương châm quan hệ trong giao tiếp, để hàm ý có tác dụng cần: nói đúng chỗ, phù hợp với cuộc hội thoại và diễn đạt ngắn gọn, đúng lượng thông tin mà cuộc thoại cần đến. ***Bài tập 3:*** a) Câu nói của Bá Kiến với Chí Phèo: "Tôi không phải là cái kho" có hàm ý: Từ chối trước lời đề nghị xin tiền như mọi khi của Chí Phèo (cái kho - biểu tượng của của cải, tiền nong, sự giàu có. Tôi không có nhiều tiền) Cách nói vi phạm phương châm cách thức (không nói rõ ràng, rành mạch. Nếu nói thẳng thì nói: Tôi không có tiền để cho anh luôn như mọi khi. b) Trong lượt lời thứ nhất của Bá kiến có câu với hình thức hỏi: "Chí Phèo đấy hử?" Câu này không nhằm mục đích hỏi không yêu cầu trả lời, vì Chí Phèo đã đứng ngay trước mặt Bá Kiến. Thực chất, Bá Kiến dùng câu hỏi để thực hiện hành vi hô gọi, hướng lời nói của mình về đối tượng báo hiệu cho đối tượng biết lời nói đang hướng về đối tượng (Chí Phèo) hay là một hành động chào kiểu trịch thượng của kẻ trên đối với người dưới. Thực hiện hành vi ngôn ngữ theo kiểu giao tiếp như vậ cũng là hàm ý. - Trong lượt lời thứ nhất của Bá Kiến, câu mang hình thức câu hỏi là: "Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?" . Thực chất câu này không nhằm mục đích hỏi

c) ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của Chí Phèo đều không nói hết ý. Phần hàm ý còn lại được tường minh hoá ở lượt lời nào? Cách nói ở hai lượt lời đầu của Chí Phèo không đảm bảo phương châm hội thoại nào?	mà nhằm mục đích thúc giục, ra lệnh: hãy làm lấy mà ăn. Đó cũng là câu nói thực hiện hành vi ngôn ngữ theo lối gián tiếp, có hàm ý. c) ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của mình, Chí Phèo không nói hết ý, chỉ bác hỏ hàm ý trong câu nói của Bá Kiến: "Tao không đến đây xin năm hào", "Tao đã bảo tao không đòi tiền". Vậy đến đây để làm gì? Điều đó là hàm ý. Hàm ý này được tường minh hoá, nói rõ ý ở lượt lời cuối cùng: "Tao muốn làm người lương thiện". Cách nói vừa để thăm dò thái độ của Bá Kiến vừa tạo ra kịch tính cho cuộc thoại.
Bài tập 4: Đọc và phân tích truyện cười (SGK) a) Lượt lời thứ nhất của bà đồ nhằm mục đích gì, thực hiện hành động nói gì, có hàm ý gì? b) Vì sao bà đồ không nói thẳng ý mình mà chọn cách nói như trong truyện?	***Bài tập 4:*** a) Lượt lời thứ nhất bà đồ nói: "Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?. Câu nói có hình thức hỏi nhưng không nhằm mục đích để hỏi mà nhằm gợi ý một cách lựa chọn cho ông đồ. Qua lượt lời thứ hai của bà đồ chứng tỏ trong lượt lời thứ nhất của bà có hàm ý: Khuyên ông nên sử dụng giấy cho có ích lợi; cho rằng ông đồ viết văn kém, ông dùng giấy để viết văn chỉ thêm lãng phí, hay bỏ phí giấy, vứt giấy đi một cách lãng phí. b) Bà đồ chọn cách nói có hàm ý vì lí do tế nhị, lịch sự đối với hcồng, bà không muốn trực itếp chê văn của chồng mà thông qua lời khuyên để gợi ý cho ông đồ lựa chọn.
Thao tác 2: Tổ chức rút ra kết luận về cách thức tạo câu có hàm ý GV nêu vấn đề: Qua những phần trên, anh (chị) hãy xác định: để nói một câu có hàm ý, người ta thường dùng những cách thức nói như thế nào? Chọn phương án trả lời thích hợp (SGK) *HS thảo luận và phát biểu tự do* HS suy nghĩ, tổng hợp và trả lời.	**III. Cách thức tạo câu có hàm ý** Để có một câu có hàm ý, người ta thường dùng cách nói chủ ý vi phạm một (hoặc một số) phương châm hội thoại nào đó, sử dụng các hành động nói gián tiếp (Chủ ý vi phạm phương châm về lượng (nói thừa hoặc thiếu thông tin mà đề tài yêu cầu; chủ ý vi phạm phương châm quan hệ, đi chệch đề tài cuộc giao tiếp; chủ ý vi phạm phản cách thức, nói mập mờ, vòng vo, không rõ ràng rành mạch.

🕮 3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: <u>Câu hỏi 1:</u> Thế nào là hàm ý? a. Là phần thông báo không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra được từ những từ ngữ ấy. b. Là những ý ẩn trong câu nói (viết) mà người nói (viết) tin tưởng rằng người nghe (đọc) sẽ suy đóan ra được . c. Là ý ẩn kín trong câu nói. d. Là phần thông báo không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu	Trả lời: [1]='a' [2]='c' [3]='b'

nói. Câu hỏi 2: Khi nào thì người nói (người viết) có thể sử dụng hàm ý? a. Khi thấy cần phải nói thẳng ra những điều muốn nói. b. Khi thấy không cần thiết phải cho người nghe (người đọc) hiểu được hết ý của mình. c. Khi không muốn thể hiện trực tiếp cái ý của mình nhưng biết người nghe (người đọc) có năng lực giải đoán được điều đó. d. Khi không muốn chịu trách nhiệm về lượng thông tin mà mình thông báo. Câu hỏi 3: Cho câu hỏi: "Cậu có thích truyện Chí Phèo của Nam Cao không?" a. Rất thích. b. Ai mà chẳng thích. c. Thích nhất trong các truyện ngắn Việt Nam. d. Không thích lắm. - HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	

🕮 4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Xác định hàm ý các câu nói sau: 1. Bạn Sơn có tiến bộ đáng kể về môn Toán. 2. Anh Ba đã bỏ hẳn thuốc lá. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	1. Bạn Sơn có tiến bộ đáng kể về môn Toán. − Sơn có uy tín hơn đối với các bạn trong lớp − Sơn đã học giỏi môn Văn, nay giỏi Toán nữa là toàn diện − Sơn có thể sớm được kết nạp vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh − Sơn có thể đạt danh hiệu HS giỏi − Bố mẹ Sơn sẽ rất phấn khởi − Có thể bố mẹ Sơn sẽ mua xe máy cho Sơn… 2. Anh Ba đã bỏ hẳn thuốc lá. − Anh Ba sẽ khoẻ hơn − Anh Ba sẽ tiết kiệm được một khoản chi không nhỏ − Anh Ba đã làm gương cho các em trai − Anh Ba sẽ được chị Hoa chấp nhận lời tỏ tình (điều kiện của chị Hoa là anh Ba phải cai thuốc lá!) − Anh Ba là người trọng lời hứa − Anh Ba là người có nghị lực đáng nể

🕮 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Chỉ ra hàm ý trong các nhan đề sau: - Vợ nhặt - Hồn Trương Ba, da hàng thịt -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	Nêu đúng các hàm ý mà nhan đề tác phẩm gợi ra.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

- Tìm mối liên hệ giữa cách nói hàm ý với nói bóng, nói vòng, nói lửng.
- Tìm hàm ý trong các câu chuyện ngụ ngôn.
-Soạn đọc thêm mới.

Tuần: 26
Tiết: 77,78

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG MỞ BÀI, KẾT BÀI TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

1. Mục tiêu bài học:

1.1. Kiến thức : giúp học sinh

- Vị trí, tầm quan trọng của mở bài, kết bài trong bài văn nghị luận.

- Các cách mở bài, kết bài thông dụng trong bài văn nghị luận.

1.2.Kĩ năng

- Nhận diện và phân tích các cách mở bài, kết bài trong các văn bản các văn bản nghị luận.
- Có kĩ năng vận dụng linh hoạt các kiểu mở bài và kết bài thông dụng trong khi viết bài văn nghị luận.

1.3. Thái độ: Cần vận dụng linh hoạt các cách mở bài, kết bài trong văn nghị luận (văn viết , kể cả văn nói)

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan liên quan đến viết mở bài, kết bài trong văn nghị luận;
- Năng lực đọc – hiểu các bài văn nghị luận để xác định phần mở bài, kết bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ của cá nhân về đoạn văn mở bài, kết bài;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các cách mở bài, kết bài đúng và trúng trong văn nghị luận;
- Năng lực phân tích, so sánh về các cách mở bài, kết bài
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: kết hợp trong bài

3.3. Tiến trình bài học: Tiết 77

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt***
- GV giao nhiệm vụ: Giáo viên chọn 1 mở bài, 1 kết bài của HS trong bài viết số 5. Đọc cho lớp nghe. Đề nghị học sinh có nhận	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài

xét về cách mở bài, kết bài của các bạn. - HS thực hiện nhiệm vụ: Đưa ra nhận xét cá nhân - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:Như vậy, chúng ta vừa thấy những ưu điểm, khuyết điểm trong mở bài, kết bài của các bạn khi làm văn nghị luận văn học. Hôm nay, để các em có cách mở bài, kết bài đúng theo yêu cầu, chúng ta cùng đi vào tìm hiểu bài học.*	học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: **Tổ chức rèn luyện kĩ năng viết phần mở bài**	
1/GV tổ chức cho HS tìm hiểu các cách mở bài cho đề bài: Phân tích giá trị nghệ thuật của tình huống truyện trong tác phẩm Vợ nhặt (Kim Lân) 2/GV lần lượt cho HS phân tích các cách mở bài (SGK): a) Đoán định đề tài được triển khai trong văn bản. b) Phân tích tính tự nhiên, hấp dẫn của các mở bài. -Từ hai bài tập trên, HS cho biết phần mở bài cần đáp ứng yêu cầu gì trong quá trình tạo lập văn bản? HS đọc kĩ các mở bài (SGK) phát biểu ý kiến. -HS làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp	**I. Viết phần mở bài** **1. Tìm hiểu cách mở bài** - Đề tài được trình bày: giá trị nghệ thuật của tình huống truyện trong Vợ nhặt của Kim Lân. - Cách mở bài thứ 3: mở bài gián tiếp, dẫn dắt tự nhiên, tạo ra sự hấp dẫn, chú ý và phù hợp hơn cả với yêu cầu trình bày đề tài. **2. Phân tích cách mở bài** - Đoán định đề tài: + MB1: quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam + MB2: Nét đặc sắc của tư tưởng, nghệ thuật bài thơ Tống biệt hành của Thâm Tâm. + MB3: Những khám phá độc đáo, sâu sắc của Nam Cao về đề tài người nông dân trong tác phẩm Chí Phèo. -> Cả 3 mở bài đều theo cách gián tiếp, dẫn đắt tự nhiên, tạo được ấn tượng, hấp dẫn sự chú ý của người đọc hướng tới đề tài. **3. Yêu cầu phần mở bài** - Thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài - Hướng người đọc (người nghe) vào đề tài một cách tự nhiên, gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản.
<u>Tiết 78.</u> Hoạt động 2: **Tổ chức rèn luyện kĩ năng viết phần kết bài**	
1. GV tổ chức cho HS tìm hiểu các kết bài (SGK) cho đề bài: Suy nghĩ của anh (chị) về nhân vật ông lái đò trong tuỳ bút Người lái đò sông Đà (Nguyễn Tuân)	**II. Viết phần kết bài** **1. Tìm hiểu các kết bài** - Đề tài: Suy nghĩ của anh (chị) về nhân vật ông lái đò trong tuỳ bút Người lái đò sông Đà (Nguyễn Tuân) - Cách kết bài 2 phù hợp hơn với yêu cầu trình bày đề tài: Đánh giá khái quát về ý nghĩa của hình tượng nhân vật ông lái đò, đồng thời gợi suy nghĩ, liên tưởng sâu sắc cho người đọc.

2. GV lần lượt cho HS phân tích các kết bài (SGK)	**2. Phân tích các kết bài** - Kết bài 1: Tuyên bố độc lập và khẳng định quyết tâm của toàn dân tộc Việt Nam đem tinh thần, lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững độc lập. - Kết bài 2: ấn tượng đẹp đẽ, không bao giờ phai nhoà về hình ảnh một phố huyện nghèo trong câu chuyện Hai đứa trẻ của Thạch Lam. - Cả hai kết bài đều tác động mạnh mẽ đến nhận thức và tình cảm của người đọc.
3. Từ hai bài tập trên anh (chị) hãy cho biết phần kết bài cần đáp ứng yêu cầu gì trong quá trình tạo lập văn bản? - HS đọc kĩ các kết bài (SGK) phát biểu ý kiến. HS làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp	**3. Yêu cầu của phần kết bài** - Thông báo về sự kết thúc của việc trình bày đề tài, nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề. - Gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn.

🕮 3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Câu 1: *Ý nào chưa nói đúng về nguyên tắc của mở bài bài văn nghị luận?* a/ Mở bài cần nêu đúng vấn đề đặt ra trong đề bài; b/ Nếu đề bài có nêu ra một ý kiến thì mở bài phải dẫn lại nguyên văn kiến ấy. c/ Ở phần mở bài cũng có thể giảng giải, minh hoạ hay nhận xét ý kiến nêu trong đề bài d/ Mở bài chỉ được nêu những ý khái quát Câu 2: *Ý nào chưa nói đúng về nguyên tắc của kết bài bài văn nghị luận?* a/ Phần kết bài phải thể hiện đúng quan điểm đã trình bày ở phần thân bài b/ Phần kết bài chỉ nêu những ý khái quát c/ Phần kết nên lặp lại nguyên văn lời lẽ của mở bài d/ Phần kết bài thiên về tổng kết, đánh giá vấn đề - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**1d,2c**

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

Củng cố:
- Nắm được yêu cầu và cách viết phần mở bài.
- Nắm được yêu cầu và cách viết phần kết bài.

Dặn dò:
- Xem lại nội dung bài học.
- Chuẩn bị bài kiểm tra giữa hk2.

Tuần: 27
Tiết: 79,80

KIỂM TRA GIỮA HKII

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Kiến thức: Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình học kì 2, môn Ngữ văn lớp 12.

1.2. Kĩ năng : Đề kiểm tra bao quát một số nội dung kiến thức, kĩ năng trọng tâm của chương trình Ngữ văn 12 học kì 2 theo các nội dung Văn học, Làm văn, với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

1.3.Thái độ : Nhớ và hiểu được những kiến thức cơ bản về tác phẩm.

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Nắm vững thao tác lập luận phân tích.
- Phân tích được một đoạn văn xuôi.
- Viết được 1 đoạn văn nghị luận khoảng 150 từ.

2. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Hình thức : tự luận.
- Cách tổ chức kiểm tra: cho học sinh làm trong 90 phút.

3. THIẾT LẬP MA TRẬN

- Liệt kê tất cả các chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình môn Ngữ văn lớp 12, học kì 2.
- Chọn các nội dung cần đánh giá và thực hiện các bước thiết lập ma trận đề kiểm tra (theo các bước như minh họa ở trên).
- Xác định khung ma trận.

MA TRẬN BÀI KIỂM TRA NGỮ VĂN 12

SỞ GD & ĐT ĐĂK NÔNG
TRƯỜNG THPT PHAN BỘI CHÂU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: NGỮ VĂN 12 (90')

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA:

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng theo chương trình lớp 12.
- Đánh giá việc học sinh vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.
- Nhận biết, thông hiểu, vận dụng các đơn vị tri thức:

+ Đọc hiểu: tiếng Việt
+ Kĩ năng làm văn nghị luận xã hội
+ Kĩ năng làm văn thuyết minh, nghị luận.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Tự luận

III. THIẾT LẬP MA TRẬN:

Mức độ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Cộng

1. Đọc hiểu	Phần đọc hiểu gồm 3 câu (Dạng đề thi mới).		Phần đọc hiểu gồm 1 câu (Dạng đề thi mới).	
Số câu: Tỉ lệ: Số điểm:	3 25% 2.5		1 5% 0.5	4 30% 3.0
2. Làm văn nghị luận xã hội			Viết 1 bài văn nghị luận xã hội – 150 từ	
Số câu: Tỉ lệ: Số điểm:			- 1 - 20% - 2.0 điểm	- 1 - 20% - 2.0 điểm
2. Làm văn nghị luận văn học			Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi	
Số câu: Tỉ lệ: Số điểm:			- 1 - 50% - 5.0 điểm	- 1 - 50% - 5.0 điểm
Tổng cộng Số câu: Tỉ lệ: Số điểm:	3 25% 2.5		- 3 - 75% - 7.5 điểm	- 6 - 100% - 10.0 điểm

4) Đề ; đáp án và hướng dẫn chấm

SỞ GD & ĐT ĐĂK NÔNG
TRƯỜNG THPT PHAN BỘI CHÂU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2023 - 2024
Môn: Ngữ văn, lớp 12
Thời gian làm bài: 90 phút, không tính thời gian phát đề

Họ và tên học sinh:…….. Mã số học sinh:……

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Tôi vội vàng nhét vào trong chiếc túi cấp dưỡng nhọ nhem của chị một chiếc phong bì niêm rất cẩn thận. Suốt buổi trưa, tôi đã mượn giấy bút biên cho Nguyệt lá thư đầu tiên. Ra đến rừng săng lẻ, tôi chưa về chỗ giấu xe vội, mà men bờ sông ra ngoài cầu. Con sông miền Tây in đầy bóng núi xanh thẳm, hai bên bờ cỏ lau chen với hố bom. Chiếc cầu bị cắt làm đôi như một nhát rìu phang rất ngọt. Ba nhịp phía bên này đổ sập xuống, những phiến đá xanh lớn rơi ngổn ngang dưới lòng sông, chỉ còn hai hàng trụ đứng trơ vơ giữa trời. Tôi đứng bên bờ sông giữa cảnh một chiếc cầu đổ và lại tự hỏi: Qua bấy nhiêu năm tháng sống giữa cảnh bom đạn và tàn phá những cái quý giá đó chính bàn tay mình xây dựng nên, vậy mà Nguyệt vẫn không quên tôi sao? Trong tâm hồn người con gái nhỏ bé, tình yêu và niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống, cái sợi chỉ xanh óng ánh ấy, bao nhiêu bom đạn dội xuống cũng không hề đứt, không thể nào tàn phá nổi ư?

(Trích *Mảnh trăng cuối rừng, Tuyển tập Nguyễn Minh Châu,* NXB Văn học, 2018, tr. 46)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể trong đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra hình ảnh thiên nhiên được tác giả miêu tả trong đoạn trích.

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong câu văn: "*Trong tâm hồn người con gái nhỏ bé, tình yêu và niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống, cái sợi chỉ xanh óng ánh ấy, bao nhiêu bom đạn dội xuống cũng không hề đứt, không thể nào tàn phá nổi ư?*".

Câu 4. Anh/Chị hãy nhận xét quan niệm về con người của tác giả trong đoạn trích.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 *(2,0 điểm)*

Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 bùng phát, tại nhiều địa phương đã xuất hiện *cây ATM gạo* để chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn.

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của hiện tượng trên.

Câu 2 *(5,0 điểm)*

Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Mị được nhà văn Tô Hoài thể hiện trong đoạn trích sau:

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường.

(Trích *Vợ chồng A Phủ*, *Ngữ văn 12*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam 2020, tr. 7 - 8)

.....Hết.....

SỞ GD & ĐT ĐĂK NÔNG TRƯỜNG THPT PHAN BỘI CHÂU

KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2023 - 2024

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn, lớp 12

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm .... trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Ngôi kể: ngôi thứ nhất. *Hướng dẫn chấm:* *- Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm.* *- Học sinh trả lời ngôi kể là* "tôi"*: 0,75 điểm.*	0,75
	2	Hình ảnh thiên nhiên được tác giả miêu tả trong đoạn trích: con sông miền Tây in đầy bóng núi xanh thẳm, hai bên bờ cỏ lau. *Hướng dẫn chấm:* *- Trả lời như đáp án: 0,75 điểm.* *- Nếu học sinh trích dẫn nguyên câu văn* "Con sông miền Tây in đầy bóng núi xanh thẳm, hai bên bờ cỏ lau chen với hố bom" *vẫn cho: 0,75 điểm.*	0,75
	3	Tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong câu văn: - Diễn tả vẻ đẹp tình yêu và niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống của nhân vật Nguyệt. - Tạo cho câu văn giàu hình ảnh, sinh động, gợi cảm. *Hướng dẫn chấm:* *- Trả lời được 2 ý: 1,0 điểm.* *- Trả lời được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm.*	1,0
	4	Nhận xét quan niệm về con người của tác giả trong đoạn trích:	0,5

		- Ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn tuổi trẻ những năm chống Mĩ cứu nước. - Quan niệm có ý nghĩa tích cực, tiến bộ, thể hiện khuynh hướng lãng mạn của văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975. *Hướng dẫn chấm:* *- Học sinh nêu được quan niệm: 0,25 điểm.* *- Học sinh nhận xét quan niệm: 0,25 điểm.*	
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của hiện tượng *cây ATM gạo* ở nhiều địa phương trong lúc dịch bệnh Covid-19 bùng phát.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Suy nghĩ về ý nghĩa của hiện tượng *cây ATM gạo* ở nhiều địa phương trong lúc dịch bệnh Covid-19 bùng phát.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa của hiện tượng *cây ATM gạo* ở nhiều địa phương. Có thể theo hướng sau: Thể hiện tinh thần đoàn kết, chia sẻ cộng đồng tạo nên sức mạnh vượt qua dịch bệnh. *Hướng dẫn chấm:* *- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).* *- Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).* *- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).* *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*	0,75
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. *Hướng dẫn chấm:* *- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.*	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. *Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống;có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.* *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.* *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.*	0,5
	2	Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Mị được nhà văn Tô Hoài thể hiện trong đoạn trích.	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,5

		Tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đoạn truyện. *Hướng dẫn chấm:* *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.* *- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.*	
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		** Giới thiệu tác giả (0,25 điểm), tác phẩm và đoạn truyện (0,25 điểm)*	0,5
		** Phân tích tâm trạng và hành động nhân vật Mị* - Hoàn cảnh: Mị là con dâu gạt nợ của nhà thống lí Pá Tra, đêm tình mùa xuân. - Tâm trạng và hành động + Tâm trạng: niềm vui sướng khi hoài niệm về quá khứ tươi đẹp, ý thức về sức sống tuổi trẻ, về quyền sống, về thân phận. + Hành động: Mị uống rượu thể hiện sự uất hận, cay đắng của thân phận nô lệ; thổi sáo thể hiện niềm khao khát tự do. - Tâm trạng và hành động của nhân vật được thể hiện bằng ngôn ngữ tự nhiên, sinh động, giàu tính biểu cảm, giọng điệu tha thiết,... *Hướng dẫn chấm:* *- Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.* *- Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm.* *- Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,5 điểm.* *- Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,75 điểm.*	2,5
		** Đánh giá* - Tâm trạng và hành động của nhân vật Mị góp phần làm nên giá trị nhân đạo của tác phẩm *Vợ chồng A Phủ.* - Tâm trạng và hành động của nhân vật Mị góp phần thể hiện phong cách nghệ thuật truyện ngắn của Tô Hoài. *Hướng dẫn chấm:* *- Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.* *- Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.*	0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. *Hướng dẫn chấm:* *- Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.*	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. *Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của truyện ngắn Tô Hoài; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.* *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.* *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.*	0,5
Tổng điểm			10,0

.....Hết.....

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

- Soạn bài mới: **SỐ PHẬN CON NGƯỜI (Trích)**

Tuần: 27,28
Tiết: 81,82

SỐ PHẬN CON NGƯỜI (Trích)

Sô-lô -khốp

1. Mục tiêu bài học:

1.1. Kiến thức : giúp học sinh

- Chiến tranh, số phận con người và nghị lực vượt qua số phận.
- Chủ nghĩa nhân đạo cao cả thể hiện ở cách nhìn chiến tranh một cách toàn diện, chân thật.

- Đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và phân tích tâm trạng nhân vật

1.2.Kĩ năng

- Tóm tắt tác phẩm;
- Đọc –hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại (văn bản tự sự, truyện dịch)

1.3. Thái độ: Cảm thông với số phận con người trong cuộc sống, có niềm tin vào ý chí, nghị lực của con người.

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện ngắn của Sô-lô-khop
- Năng lực đọc – hiểu truyện ngắn của Sô-lô-khop;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về nhân vật trong truyện ngắn nước ngoài;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện Số phận con người;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: Nêu lên yêu cầu của cách viết mở bài và kết bài trong bài văn nghị luận?

3.3. Tiến trình bài học: Tiết 81

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả *Sô-lô-khôp* + Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Chiếu một đoạn trong phim Số phận con người; - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Sô-lô-khốp, một nhà văn lỗi lạc tiêu biểu của nền văn học Nga Xô Viết thế ki XX, từng đoạt giải Nobel văn học 1965. Cuộc đời của ông gắn bó máu thịt với con người và cảnh vật quê hương sông Đông trong những những bước chuyển mình đau đớn và phức tạp của lịch sử. Tác phẩm của ông thấm đẫm hơi thở và linh hồn của quê hương, số phận con người, một tác phẩm có cái nhìn sâu sắc, đa chiều của tác giả về con người trong và sau chiến tranh với những vinh quang và mất mát.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**Kiến thức cần đạt**	**Năng lực cần hình thành**
Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG		
Thao tác 1: Tìm hiểu tác giả-tác phẩm 1. GV hướng dẫn HS đọc Tiểu dẫn (SGK) tóm tắt những nét chính về tác giả Sô-lô-khốp. **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** 2. GV hướng dẫn HS dựa vào Tiểu dẫn phát biểu vị trí của truyện ngắn Số phận con người	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả:** - Mi-khai-in Sô-lô-khốp (1905 – 1984), nhà văn Nga Xô viết, Giải Nô-ben văn học năm 1965; được coi là một trong những nhà văn lớn nhất của thế kỉ XX. **2. Tác phẩm:** **a. Hoàn cảnh sáng tác:** - Truyện được công bố lần	-Năng lực thu thập thông tin. -Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra.

trong nền văn học Xô-viết. HS làm việc cá nhân, phát biểu HS dựa vào Tiểu dẫn phát biểu vị trí của truyện ngắn Số phận con người trong nền văn học Xô-viết. Yêu cầu : giọng đọc − kể chậm rãi, bình tĩnh, vừa kể vừa như đang nhớ lại, suy tư, ngẫm nghĩ; chú ý những đoạn trữ tình ngoại đề đọc rõ cảm xúc tự hào, ca ngợi. Kết hợp đọc – kể tóm tắt trong cả phần đầu và phần trích học.	đầu trên báo Sự thật, số ra ngày 31 – 12 – 1956 và 1 – 1 – 1957. - Truyện có ý nghĩa khá quan trọng đối với sự phát triển của văn học Xô Viết. Đây là tác phẩm đầu tiên, nhà văn tập trung thể hiện hình tượng con người bất hạnh sau chiến tranh, nhìn cuộc sống và chiến tranh toàn diện, chân thực. - Về sau, truyện được in trong tập *"Truyện sông Đông"*. **b. Tóm tắt: (SGK)**	Năng lực giao tiếp tiếng Việt
Hoạt động 2: Đọc- hiểu văn bản		
Thao tác 1: Tổ chức tìm hiểu nhân vật An -đrây 1. GV định hướng để HS phân tích nhân vật An-đrây Sô-cô-lốp. a) Phân tích hoàn cảnh và tâm trạng An-đrây trước, trong và sau chiến tranh **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** -Trong chiến tranh: Xô-cô-lốp chịu nhiều đau thương, cay đắng: hai lần bị thương, bị bắt làm tù binh của Đức. Vợ và hai con gái chết vì bom của phát xít, cửa nhà tan nát "chỉ còn là một hố bom ", ngày chiến thắng cũng là ngày nghe tin đứa con trai yêu quý A-na-tô-li tử trận -Sau chiến tranh, Xô-cô-lôp đối diện nỗi đau cùng cực của sự mất mát. Anh chôn niềm vui sướng và niềm hi vọng cuối cùng trên đất người, đất Đức + Trong người có cái gì đó vỡ tung ra trở thành người mất hồn +Chiến tranh hết, anh trở về làm một người lao động bình thường nhưng vì đau khổ anh tìm đến rượu để quên nỗi đau. Những giọt nước mắt những nỗi đau không bao giờ nguôi trong lòng anh. **<u>TIẾT 82</u>** b) An-đrây đã nhận bé Va-ri-a làm con như thế nào? Điều gì đã khiến anh có quyết định nhanh chóng như vậy? − Cảm xúc và tâm trạng của hai người trong cabin ô tô được diễn tả như thế nào? − Xôcôlốp đã chăm sóc con trai nhỏ mới	**II. Đọc- hiểu văn bản** ***1/ Chiến tranh và thân phận con người:*** a/ <u>Người lính Xô-cô-lốp</u> với những đau đớn về thể xác và tinh thần dường như không thể nào vượt qua nổi: - Đi lính, bị thương, bị đọa đày trong trại tập trung; - Vợ và hai con gái chết vì bom phát xít, con trai cũng đi lính và hi sinh đúng ngày chiến thắng; - Sau chiến tranh, Xô-cô-lốp không biết đi đâu, về đâu. b/ <u>Chú bé Va-ni-a</u> -lang thang, rách rưới, hằng ngày nhặt nhạnh kiếm ăn nơi hàng quán, ban đêm bạ đâu ngủ đó; - cha chết trận, mẹ chết bom, không biết quê hương, không người thân thích. ***2/ Nghị lực vượt qua số phận:*** *a) An-đrây gặp bé Va-ri-a* - Xô-cô-lốp chấp nhận cuộc sống sau chiến tranh, tự nhận mình là bố Va-ni-a, sung sướng trong tình cảm cha	*Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tư duy* -Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

của mình ra sao? Tình cảm của hai cha con họ như thế nào? − Thái độ của hai vợ chồng anh bạn cho ở nhờ ra sao? Thái độ và cử chỉ của người vợ chứng tỏ điều gì? − Chi tiết chiếc áo bành tô mà Vania chợt nhớ và hỏi cha nói lên điều gì? − Tâm trạng của Xôcôlốp đêm đêm nằm với con nuôi nh− thế nào? Vì sao anh hay chiêm bao, hay tỉnh giấc, khó thở, và bên gối đầm đìa nước mắt? **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** - Giữa lúc đang lâm vào tâm trạng buồn đau, bế tắc, An-đrây đã gặp bé Va-ri-a, cũng là một nạn đáng thương của chiến tranh. Tác giả tả việc Xô-cô-lốp nhận Va-ri-a làm con nuôi rất sâu sắc và cảm động. - Xô-cô-lốp tuyên bố anh là bố thì lập tức Va-ni-a chồm lên ôm hôn anh, ríu rít líu lo vang cả buồng lái... Còn Xô-cô-lốp "mắt mờ đi", "hai bàn tay lẩy bẩy"- sức mạnh cuả tình yêu thương sưởi ấm trái tim cô đơn, đem lại niềm vui sống. - Với lòng nhân hậu, Xô-cô-lốp tìm mọi cách bù đắp tình cảm cho Va-ri-a, chăm sóc nó. Ở toàn bộ đoạn này, điểm nhìn của tác giả hoàn toàn phù hợp với điểm nhìn của nhân vật và vì vậy gây được niềm xúc động trực tiếp. – Xô Cô lốp đồng cảm với cậu nhóc Vania và thương cho cậu. Ít ra anh vẫn còn sức khỏe anh còn có thể tự nuôi bản thân mình, còn Vania chỉ là một cậu nhóc thì không thể nào tự nuôi bản thân được. - Anh chấp nhận làm cha của bé Vania và chăm lo cho cậu từng miếng ăn giấc ngủ. Hai trái tim lạnh giá sưởi ấm cho nhau. **Thao tác 3: GV định hướng cho HS tìm hiểu về thái độ của người kể chuyện và ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối truyện.** GV: 1/Cốt truyện được xây dựng như thế nào? Điểm nhìn của người kể chuyện có giống điểm nhìn cùa nhân vật không ? (cách nói năng, tâm tính, giọng điệu của tác giả và An-drây) 2/Thái độ của người kể chuyện, ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối tnryện ? **GV:** Gọi 1 HS đọc diễn cảm lại đoạn văn. **GV:** Đoạn văn trên gợi em có suy nghĩ gì về thái độ và tình cảm của tác giả?	con, chăm lo cho Va-ni-a từng cái ăn, cái mặc, giấc ngủ. - Va-ni-a vô tư và hồn nhiên đón nhận cuộc sống mới trong sự chăm sóc và tình yêu thương của người mà chú bé luôn nghĩ là cha đẻ. *b) Tinh thần trách nhiệm cao cả và nghị lực phi thường của Xô-cô-lốp* - Khó khăn của Xô-cô-lốp khi nhận bé Va-ri-a làm con trong cuộc sống thường nhật: việc nuôi dưỡng, chăm sóc..., những rủi ro bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra, đặc biệt là việc không thể làm "tổn thương trái tim bé bỏng của Va-ri-a". Bên cạnh đó là nỗi khổ tâm, dằn vặt của anh về những kí ức... vết thương tâm hồn vẫn đau đớn. Tác phẩm đề cao chủ nghĩa nhân đạo cao cả, nghị lực phi thường của người lính và nhân dân Xô viết thời hậu chiến: lòng nhân hậu, vị tha, sự gắn kết giữa những cảnh đời bất hạnh, niềm hi vọng vào tương lai. **2. Thái độ của người kể chuyện:** - Truyện được xây dựng theo lối truyện lồng trong truyện, có hai người kể là Xô – cô – lốp và tác giả. - Người kể chuyện còn trực tiếp miêu tả bối cảnh và thời gian gặp gỡ nhân vật chính, khung cảnh thiên nhiên, chân dung các nhân vật, những ấn tượng và đánh giá về các	***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Năng lực sáng tạo Năng lực cảm thụ, thưởng thức cái đẹp

- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những suy nghĩ của nhà văn về số phận con người. **GV:** Truyện đã thể hiện tính cách gì của Xô – lô – cốp? **GV:** Hoàn cảnh đau khổ ghê gớm về tinh thần cũng đã góp phần làm nổi bật tính cách gì của nhân vật? **GV:** Khi chia tay với hai cha con Xô – lô- lốp, tác giả có những suy nghĩ như thế nào? **GV:** Qua chi tiết trên, Sô – lô – khốp nhắc nhở và kêu gọi chúng ta điều gì? **HS trả lời cá nhân** **GV:** Chốt lại.	nhân vật đó. - Thái độ của người kể còn bộc lộ ở đoạn trữ tình ngoại đề cuối truyện: => Trước số phận bi thảm, trớ trêu của con người, tác giả bộc lộ sự đồng cả và lòng nhân hậu của mình. **3. Suy nghĩ về thân phận con người:** - Tác giả thể hiện nghị lực kiên cường của Xô – lô – cốp trong cuộc đời thường đầy khó khăn sau chiến tranh. - Tác giả còn miêu tả con người bình thường với phẩm chất yêu nước tiềm tàng, thầm lặng. - Khi chia tay với hai cha con Xô – lô- lốp, tác giả nghĩ ngay tới *"hai con người côi cút, hai hạt cát đã bị sức mạnh phũ phàng cuả bão tố chiến tranh thổi bạt tới những mền xa lạ"* => Tác giả dũng cảm nói lên sự thật, không sợ màu sẫm và gai góc.	
Hoạt động 3: Tổng kết		
Tổ chức tổng kết GV hướng dẫn HS nhận xét về nghệ thuật và ý nghĩa văn bản *(HS làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp).*	**III/ Tổng kết** **1) Nghệ thuật:** - Miêu tả sâu sắc, tinh tế nội tâm và diễn biến tâm trạng nhân vật. - Lời kể chuyện giản dị, sinh động, giàu sức hấp dẫn và lôi cuốn. - Nhiều đoạn trữ tình ngoại đề gây xúc động mạnh cho người đọc. **2) Ý nghĩa văn bản:**Con người bằng ý chí và nghị lực, lòng nhân ái và niềm tin vào tương lai, cần và có thể vượt qua những mất mát do chiến tranh và bi kịch của số phận.	Năng lực hợp tác. ***-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.***

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

Đọc nhiều lần đoạn cuối : " *Hai con người côi cút….trên má anh*" để thấy được ý chí và nghị lực , niềm tin ở tương lai của người dân Xô viết sau chiến tranh cũng như bút pháp trữ tình đằm thắm của Sô lô khôp.

Dặn dò:
- Chuẩn bị bài kiểm tra giữa hk2
- Yêu cầu: Lập lại dàn ý đại cương cho bài viết vừa qua.

Tuần: 28
Tiết: 83

TRẢ BÀI LÀM VĂN GIỮA HK2

1-MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.1. Củng cố kiến thức về nghị luận văn học rút kinh nghiệm cách viết một bài nghịluận văn học.

1.2. Nhận ra những ưu - nhược điểm về kiến thức về kiến thức và khả năng viết bài nghị luận về thơ trữ tình.

1.3. Rút kinh nghiệm để phát huy những ưu điểm và hạn chế nhược điểm để chuẩn bị cho bài làm văn HK2.

2. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

2.1. HS chuẩn bị dàn ý bài viết (ở nhà).

2.2. GV chấm chữa bài, chuẩn bị nhận xét chung và nhận xét cụ thể.

3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3.1. Ổn định tổ chức

3.2. Kiểm tra miệng (trong khi học bài mới)

3.3. Tiến trình dạy học:

Hoạt động của thầy và trò	*Nội dung cần đạt*
Hoạt động 1 - Tổ chức phân tích đề 1. GV tổ chức cho HS ôn lại cách phân tích đề (Khi phân tích một đề bài, cần phân tích những gì ?) HS áp dụng để phân tích đề bài viết số	I. Phân tích đề 1. Khi phân tích một đề bài, cần phân tích : - Nội dung vấn đề. - Thể loại nghị luận và những thao tác lập luận chính. - Phạm vi tư liệu cần sử dụng cho bài viết.

3.- HS nhớ lại kiến thức phân tích đề, áp dụng phân tích đề bài số 3. - GV định hướng, gạch dưới những từ ngữ quan trọng để chỉ ra các yêu cầu của đề.	2. Phân tích đề bài viết số 3 - Yêu cầu kiểu bài Đọc hiểu và Nghị luận về 1 đoạn thơ kết hợp ý kiến bàn về văn học - Yêu cầu nội dung : - Yêu cầu về phương thức diễn đạt, vận dụng thao tác phân tích là chính kết hợp thao tác lập luận, giải thích, so sánh, bình luận.
Hoạt động 2 - Tổ chức xây dựng đáp án (dàn ý) GV tổ chức cho HS xây dựng dàn ý chi tiết cho đề bài viết số 3 (GV nêu câu hỏi để hướng dẫn HS hoàn chỉnh dàn ý (đáp án) làm cơ sở để HS đối chiếu với bài viết của mình).	II. Xây dựng đáp án (dàn ý) (Xem phụ lục ở dưới)
Hoạt động 3 - Tổ chức nhận xét, đánh giá bài viết - GV cho HS tự nhận xét và trao đổi bài để nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét những ưu, khuyết điểm.	
Hoạt động 4 - Tổ chức sửa chữa lỗi bài viết GV hướng dẫn HS trao đổi để nhận thức lỗi và hướng sửa chữa, khắc phục.	IV. Sửa chữa lỗi bài viết Các lỗi thường gặp : + Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí. + Sự kết hợp các thao tác nghị luận chưa hài hòa, chưa phù hợp với từng ý. + Kĩ năng phân tích, cảm thụ còn kém. + Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp,…
Hoạt động 5 - Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm. GV tổng kết và nêu một số điểm cơ bản cần rút kinh nghiệm	V. Tổng kết rút kinh nghiệm Nội dung tổng kết và rút kinh nghiệm dựa trên cơ sở chấm, chữa bài cụ thể.

3. ĐỀ:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

NÓI ĐIỀU BẠN MUỐN

Có bao giờ bạn nhận ra rằng người mình yêu thương nhất lại là người mình thường bỏ lơ? Thật kỳ quặc, phải không? Bạn dễ dàng dành rất ít thời gian với gia đình vì họ luôn ở ngay bên bạn (hoặc bạn tưởng là thế). Thật dễ bỏ qua những sự biểu lộ tình cảm với người mình yêu mến bởi vì dường như chưa cần phải làm thế ngay. Nhưng còn gì quan trọng hơn gia đình chứ? Thành công vượt trội nhưng cô đơn thì có ý nghĩa gì? Cuốn album gia đình có ý nghĩa với tôi hơn nhiều so với tài khoản ngân hàng. Rất thực lòng.

Vậy hãy nhấc máy lên và nói với cha mẹ rằng bạn rất yêu thương họ. Trước khi đi làm, hãy bày tỏ cử chỉ yêu thương với người bạn đời. Hãy ôm chặt các con và nói rằng bạn rất thương chúng. Con bạn chỉ bé bỏng có một thời. Và khi cánh cửa cơ hội đó khép lại, chúng sẽ vĩnh viễn đóng chặt.

(Theo ***Đời ngắn, đừng ngủ dài***, Robin Sharma, Nxb Trẻ, 2015, tr. 92-93)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Theo tác giả, vì sao cha mẹ nên ôm chặt các con và nói lời yêu thương với chúng?

Câu 3. Hàng loạt những câu hỏi được đặt ra trong văn bản có tác dụng gì?

Câu 4. Bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về chia sẻ của tác giả: "Cuốn album gia đình có ý nghĩa với tôi hơn nhiều so với tài khoản ngân hàng"

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống.

Câu 2 *(5,0 điểm)*. Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Mị được nhà văn Tô Hoài thể hiện trong đoạn trích sau:

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp đầy các nhà kho. Trẻ con đi hái bí đỏ, tinh nghịch, đã đốt những lều canh nương để sưởi lửa. Ở Hồng Ngài người ta đã thành lệ cứ ăn tết khi gặt hái vừa xong, không kể ngày, tháng nào. Ăn Tết như thế cho kịp lúc mưa xuân thì đi vỡ nương mới. Hồng Ngài năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét rất dữ dội.

.....

....Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường.

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi....

(Trích *Vợ chồng A Phủ*, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam 2020, tr. 6-7- 8)

4. ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**3,0**
	1	Nghị luận	0,75
	2	Theo tác giả, vì sao cha mẹ nên ôm chặt các con và nói lời yêu thương với chúng <u>*vì trẻ con chỉ bé bỏng có một thời. Và khi cánh cửa cơ hội đó khép lại, chúng sẽ vĩnh viễn đóng chặt.*</u>	0,75
	3	Hàng loạt những câu hỏi được đặt ra trong văn bản có tác dụng: <u>*thể hiện nhu cầu đối thoại, sẻ chia, tâm sự của người viết về vấn đề tác giả đang bàn luận (mức độ quan tâm của mỗi người đối với gia đình, với những người thân yêu của mình).*</u>	1,0
	4	Bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về chia sẻ của tác giả: "Cuốn album gia đình có ý nghĩa với tôi hơn nhiều so với tài khoản ngân hàng". - Tác giả đã phân biệt rõ giá trị tinh thần (*Cuốn album gia đình)* với giá trị vật chất (tài khoản ngân *hàng*) - Thể hiện quan điểm lựa chọn của mình: lựa chọn giá trị tinh thần thay vì giá trị vật chất. Đó là suy nghĩ hoàn toàn đúng đắn.	0,5

II		**LÀM VĂN**	**7,0**
	1	**Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống.**	***2,0***
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn: Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận: Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống. Có thể theo hướng sau: Sự trải nghiệm đem lại hiểu biết, kinh nghiệm thực tế, giúp con người trưởng thành, vững vàng; cuộc sống trở nên phong phú, sâu sắc hơn; …	0,75
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	2	**Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Mị được nhà văn Tô Hoài thể hiện trong đoạn trích.**	**5,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đoạn truyện.	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		** Giới thiệu tác giả (0,25 điểm), tác phẩm và đoạn truyện (0,25 điểm)*	0,5
		** Phân tích tâm trạng và hành động nhân vật Mị* - Hoàn cảnh: Mị là con dâu gạt nợ của nhà thống lí Pá Tra, Mị phải làm việc vất vả, bị đày đọa cả về thể xác lẫn tinh thần. - Khung cảnh ngày xuân ở Hồng Ngài. - Tâm trạng và hành động + Tâm trạng: niềm vui sướng khi hoài niệm về quá khứ tươi đẹp, ý thức về sức sống tuổi trẻ, về quyền sống, về thân phận. + Hành động: Mị uống rượu thể hiện sự uất hận, cay đắng của thân phận nô lệ; thổi sáo thể hiện niềm khao khát tự do. - Tâm trạng và hành động của nhân vật được thể hiện bằng ngôn ngữ tự nhiên,	2,5

		sinh động, giàu tính biểu cảm, giọng điệu tha thiết,...	
		** Đánh giá* - Tâm trạng và hành động của nhân vật Mị góp phần làm nên giá trị nhân đạo của tác phẩm *Vợ chồng A Phủ.* - Tâm trạng và hành động của nhân vật Mị góp phần thể hiện phong cách nghệ thuật truyện ngắn của Tô Hoài.	0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			**10,0**

.....Hết.....

Tuần: 28,29
Tiết: 84,85

ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ (Trích)

Hê-ming-uê

1. Mục tiêu bài học:

1.1. Kiến thức : giúp học sinh

-Ý chí và nghị lực của ông lão đánh cá trong cuộc chinh phục con cá kiếm cũng như chống chọi với sự dữ dội của biển khơi.

-Chi tiết giản dị, chân thực, mang ý nghĩa hàm ẩn lớn lao

1.2.Kĩ năng

-Đọc-hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại (tự sự, dịch)

- Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật

1.3. Thái độ: Cảm phục sức mạnh ý chí, nghị lực của con người trong cuộc sống. Từ đó, rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân.

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tiểu thuyết của Hêmingue;
- Năng lực đọc – hiểu tiểu thuyết của Hêmingue;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tiểu thuyết của Hêmingue;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật tiểu thuyết của Hêmingue;
- Năng lực phân tích, so sánh ý nghĩa các chi tiết nghệ thuật trong tiểu thuyết của Hêmingue;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: *Cái mới trong truyện Số phận con người của Solokhop là gì?*

3.3. Tiến trình bài học: Tiết 84

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT). Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: Nhìn hình đoán tác giả *Hemingue*; Lắp ghép tác phẩm với tác giả; Xem một đoạn phim Ông già và biển cả; - HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Thiên nhiên và con người, con người và hiện thực – con người và mơ ước... bao nhiêu vấn đề sâu sắc hàm nghĩa triết lí đã được đặt ra, khơi ra từ một chuyến biển săn cá thành công và thất bại ngoài sức tưởng tượng được thể hiện trong một áng văn xuôi giản dị và trung thực về con người của tác giả Giã từ vũ khí và Chuông nguyện hồn ai, Hạnh phúc ngắn ngủi của Macômbơ − nhà văn Mĩ lừng danh Hêminhuê.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**iến thức cần đạt**
Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG	
Thao tác 1: Tổ chức tìm hiểu tác giả-tác phẩm - GV yêu cầu 1 HS đọc phần Tiểu dẫn (SGK) và Nêu những ý chính về Hê-ming-uê, tiểu thuyết Ông già và biển cả, vị trí của đoạn trích học. - GV nhận xét và tóm tắt những nội dung cơ bản. + Nhà văn Mĩ để lại dấu ấn sâu sắc trong văn xuôi hiện đại phương Tây và góp phần đổi mới lối viết truyện, tiểu thuyết của nhiều thế hệ nhà văn trên thế giới. + Những tiểu thuyết nổi tiếng của Hê-ming-uê: Mặt trời vẫn mọc (1926), Giã từ vũ khí (1929), Chuông nguyện hồn ai (1940). + Truyện ngắn của Hê-ming-uê được đánh giá là những tác phẩm mang phong vị độc đáo hiếm thấy. Mục đích của nhà văn là "Viết một áng văn xuôi đơn giả và trung thực về con người". + Tác phẩm tiêu biểu cho lối viết "Tảng băng trôi": dung lượng câu chữ ít nhưng "khoảng trống" được tác giả tạo ra nhiều, chúng có vai trò lớn trong việc tăng các lớp nghĩa cho văn bản (Tác giả nói rằng tác phẩm lẽ ra dài cả 1000 trang nhưng ông đã rút xuống chỉ còn	**I. Tìm hiểu chung** **1. O-nit Hê-ming-uê (1899- 1961):** - Hê-minh-uê (1899 – 1961), một trong những nhà văn lớn nhất của nước Mĩ thế kỉ XX, nổi tiếng với nguyên lí "tảng băng trôi" ; với hoài bão viết cho được "một áng văn xuôi đơn giản và trung thực về con người". **2. Ông già và biển cả (The old man and the sea)** + Được xuất bản lần đầu trên tạp chí Đời sống. + Tác phẩm gây tiếng vang lớn và hai năm sau Hê-ming-uê được trao giải Nô-ben. + Tóm tắt tác phẩm (SGK). **3. Đoạn trích** + Đoạn trích nằm ở cuối truyện. + Đoạn trích kể về việc chinh phục con cá kiếm của ông lão Xan-ti-a-gô. Qua đó người đọc cảm nhận được nhiều tầng ý nghĩa đặc biệt là vẻ đẹp của con người trong việc theo đuổi ước mơ giản dị nhưng rất to lớn của đời mìnhvà ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con cá kiếm.

bấy nhiêu thôi).	
Hoạt động 2: **ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN**	
Thao tác 1: Tổ chức đọc- hiểu Sự lặp lại những vòng lượn của con cá kiếm - GV yêu cầu HS đọc lướt nhanh và tóm tắt đoạn trích, sau đó nêu một số câu hỏi và hướng dẫn thảo luận. *Câu hỏi 1: Xan-ti-a-gô là một con người như thế nào? Nhận xét khái quát về hai hình tượng nổi bật trong đoạn trích: ông lão và con cá kiếm.* *Câu hỏi 2:* Hình ảnh những vòng lượn của con cá kiếm được nhắc đi nhắc lại trong đoạn văn gợi lên những đặc điểm gì về cuộc đấu giữa ông lão và co cá (thời điểm, phong độ, tư thế, …)? **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** + Nó có gắng thoát khỏi sự níu kéo bủa vây của người ngư phủ + Nó cũng dũng cảm kiên cường không kém gì đối thủ. **<u>TIẾT 85</u>** **Thao tác 2: Tổ chức đọc- hiểu hình ảnh Con cá kiếm qua cảm nhận của ông lão** *Câu hỏi 3: Cảm nhận về con cá kiếm tập trung vào những giác quan nào của ông lão? Chứng minh rằng những chi tiết này gợi lên sự tiếp nhận từ xa đến gần, từ bộ phận đến toàn thể.* **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** + Trước một con cá lớn như vậy, thoạt tiên ông lão chỉ nhìn thấy từng bộ phận, chỉ tấn công được vào từng bộ phận trước khi nó xuất hiện toàn thể trước mặt ông. *Câu hỏi 4: Hãy phát hiện thêm một lớp nghĩa mới: phải chăng ông lão chỉ cảm nhận đối tượng bằng giác quan của một người đi săn, một kẻ chỉ nhằm tiêu diệt đối thủ của mình? Hãy tìm những chi tiết chứng tỏ một cảm nhận khác lạ ở đây, từ đó nhận xét về mố, liên hệ giữa ông lão và con cá kiếm.* **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** + Ông lão làm nghề câu cá, bắt được cá là mục đích, là cuộc sống của ông. Nhưng ông yêu quy nó như *"người anh em"*, gọi nó là *"cu cậu"* rất than mật. + Con cá là hiện thân của cái đẹp, nhưng vì sự tồn tại của mình mà ông phải tiêu diệt nó, hủy	**II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN:** **1. Sự lặp lại những vòng lượn của con cá kiếm:** - Gợi lên hình ảnh một ngư phủ lành nghề kiên cường: Chỉ bằng con mắt từng trải và cảm giác đau đớn nơi bàn tay, ông lão ước lượng được khoảng cách ngày càng gần tới đích qua vòng lượn từ rộng tới hẹp, từ xa tới gần của con cá. - Vòng lượn cũng vẽ lên những cố gắng cuối cùng nhưng cũng rất mãnh liệt của con cá; - Vòng lượn cũng biểu hiện cảm nhận của ông lão về con cá, tập trung vào hai giác quan là thị giác và xúc giác Nhưng chỉ là cảm nhận gián tiếp vì Xan-ti-a-gô chưa thể nhìn thấy con cá mà chỉ đoán biết nó qua vòng lượn. **2. Con cá kiếm qua cảm nhận của ông lão:** - Cảm nhận ngày càng mãnh liệt hơn, đặc biệt là từ *"vòng thứ ba, lão đầu tiên nhìn thấy con cá".* - Sự miêu tả đúng như sự việc xảy ra trong thực tế; - Cảm nhận qua xúc giác vẫn có phần gián tiếp (qua sợi dây, qua mũi lao) nhưng vẫn rất mãnh liệt và ngày càng đau đớn. **3. Sự cảm nhận khác lạ của ông lão qua cuộc trò chuyện với con cá:** - Ông không chỉ cảm nhận con cá bằng thị giác và xúc giác, không chỉ bằng động tác mà còn bằng cả trái tim, sự cảm thông. → Bi kịch tinh thần của ông lão. - Sự cảm nhận của ông lão về *"đối thủ"* không

hoại cái thân yêu, quy trọng nhất của đời mình. **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** + Đó là sự chiêm ngưỡng, sự cả kích trước vẻ đẹp và sự cao quy của con cá. *"Tao chưa hề thấy bất kì ai hùng dũng, duyên dáng, bình tĩnh, cao thượng hơn mày, người anh em ạ."* + Đó là quan hệ giữa hai kì phùng địch thủ, ngang tài ngang sức, đều nỗ lực hết mình. + Đó là quan hệ giữa con người và cái đẹp, cái mơ ước. *Câu hỏi 5: So sánh hình ảnh con cá kiếm trước và sau khi ông lão chiếm được nó. Điều này gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì? Vì sao có thể coi con cá kiếm như một biểu tượng?* **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** + Khi chưa bị chế ngự: Nó có vẻ đẹp kì vĩ, kiêu hùng → Biểu tượng cho ước mơ, lí tưởng mà mỗi người thường đeo đuổi trong cuộc đời. + Khi nó bị chế ngự: Nó mất đi vẻ đẹp mơ hồ, lung linh, trở nên cụ thể, hiện thực.	nhuốm màu thù hận, không chỉ có quan hệ giữa người đi câu và con cá câu được mà ngược lại: → Vẻ đẹp cao thượng trong tâm hồn ông lão. **4. Những hình ảnh mang tính biểu tượng:** ***- Con cá kiếm trước và sau khi ông lão chiếm được nó:*** → Biểu tượng cho ước mơ trở thành hiện thực, không còn khó nắm bắt hoặc xa vời. Có như vậy, người ta mới luôn theo đuổi những ước mơ. ***- Những hành động của ông lão:*** → Đó là sự kiên trì, ngoan cường, quyết tâm của ông lão. Đó là một biểu tượng đẹp về nghị lực của con người *"Con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể đánh bại".*
Hoạt động 3: **Tổng kết**	
Thao tác 5: Tổ chức tổng kết GV hướng dẫn HS nhận xét về nghệ thuật và ý nghĩa văn bản HS đọc lướt nhanh và tóm tắt đoạn trích, sau đó thảo luận. HS nhận xét về nghệ thuật và ý nghĩa văn bản	**III/Tổng kết** **1) Nghệ thuật** - Lối kể chuyện độc đáo kết hợp nhuần nhuyễn giữa lời kể với văn miêu tả cảnh vật đối thoại và độc thoại nội tâm. - Ý nghĩa hàm ẩn của hình tượng và tính đa nghĩa của ngôn ngữ. **2) Ý nghĩa văn bản:** Cuộc hành trình đơn độc, nhọc nhằn của con người vì một khát vọng lớn lao là chứng minh cho chân lí: "Con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể bị đánh bại".

🕮 3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: <u>Câu hỏi 1:</u> Đâu là lời nhận xét về tác giả Hê-min-guê? a. Ông "không phải là người viết tiểu thuyết hay, song ông là tác giả của những truyện ngắn tuyệt vời". b. "Con đại bàng mỏ vàng bất chợt vẫy lean đôi cánh mênh mang". c. Ông là người sinh ra để làm nghê sĩ của đồng quê, "làm công cụ của thiên nhiên". d. Ông là nghệ sĩ của vũ trụ chứ không phải là nhà văn của những con người lầm than. <u>Câu hỏi 2:</u> Đặc điểm của tác phẩm văn học được sáng tác theo nghuyên lí " tảng băng trôi" là gì? a. Một tác phẩm ngắn gọn, hàm súc, "ý tại ngôn ngoại".	ĐÁP ÁN [3]='a' [4]='a' [5]='c' [6]='a' [7]='a'

b. Một tác phẩm có lối viết cầu kì, bí hiểm. c. Một tác phẩm mô phỏng hiện thực đời sống như nó vốn có. d. Một tác phẩm kinh dị, chỉ có những người trong cuộc mới hiểu được. Câu hỏi 3: Tác phẩm "Ông già và biển cả" ra đời năm nào? a. 1950. b. 1951. c. 1952. d. 1953. Câu hỏi 4: Nét độc đáo của tác phẩm "Ông già và biển cả"? a. Nghệ thuật biểu tượng,ẩn dụ. b. Nghệ thuật xây dựng tính cách điển hình, trong hoàn cảnh điển hình. c. Cốt truyện rõ ràng, xung đột dữ dội. d. Xây dựng tính cách nhận vật không cần có hành động. Câu hỏi 5: Nhân vật Xan-ti-a-gô (ông già) trong tác phẩm là biểu tượng về con người nào? a. Về con người cho tới phút cuối cùng vẫn đuổi theo một kì vọng và cố đạt lấy nó. b. Về con người có nhiều tham vọng trong cuộc sống. c. Về con người ảo tưởng về sức mạnh của chính mình. d. Về con người sống theo linh cảm, không biết lường trước khó khăn.	

🕮 4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: *Trình bày đặc sắc nghệ thuật đoạn trích Ông già và biển cả* - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	Trả lời: - Lối kể kết hợp với miêu tả rất giản dị, đặc biệt ngông ngữ đối thoại kết hợp với độc thoại nội tâm nên Xan-ti-a-gô luôn đặt trong sự ứng chiếu với thiên nhiên, làm cho nhân vật không cô đơn giữa trời nước bao la mà có tầm vóc kì vĩ và khi đối thoại với chính mình (cụm từ lão nghĩ nhắc lại nhiều lần), nhân vật được nhân đôi sức mạnh (tinh thần và sức lực). - Cách hành văn có nhiều "khoảng trắng", nhiều chi tiết và hình tượng đa nghĩa đã làm nổi rõ nguyên lí tảng bang trôi. Chẳng hạn, Xan-ti-a-gô nghĩ: Con cá là vận may của ta được hiểu là ông không còn mắt vận rủi đeo đẳng, hết thời như dân làng nghĩ, vì đã tám mươi tư ngày qua ông đi biển về tay không. Ý nghĩ ấy còn bộc lộ đức khiêm tốn của một người lao động.

🕮 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ về niềm tin vào con người trong cuộc sống hôm nay. -HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Đảm bảo về yêu cầu vễ kĩ năng và kiến thức;

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

Hoạt động 3: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ
Đọc kĩ đoạn trích, phân tích hình ảnh ông lão đánh cá đơn độc, dũng cảm; kết quả và ý

nghĩa của cuộc săn đuổi con cá kiếm.

Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: **Diễn đạt trong văn nghị luận.**
- Yêu cầu:

+ Thảo luận và trả lời các câu hỏi trong những ngữ liệu của SGK.

+ Từ đó rút ra kinh nghiệm khi dùng từ, viết câu, sử dụng giọng điệu trong văn nghị luận?

Tuần: 29,30
Tiết: 86,90

DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. Mục tiêu bài học:

1.1. Kiến thức : giúp học sinh

-Các yêu cầu về diễn đạt trong bài văn nghị luận.

-Một số lỗi và cách sửa lỗi về diễn đạt trong bài văn nghị luận.

1.2.Kĩ năng

- Nhận diện các cách diễn đạt hay trong bài văn nghị luận.;
- Tránh các lỗi về dùng từ, đặt câu, sử dụng giọng điệu không phù hợp với chuẩn mực diễn đạt của bài văn nghị luận
- Vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề linh hoạt, sáng tạo.

1.3. Thái độ: Việc diễn đạt đúng và hay trong văn nghị luận là điều cần thiết, góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến diễn đạt trong văn nghị luận (dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, phong cách ngôn ngữ)
- Năng lực đọc – hiểu các văn bản nghị luận xã hội và nghị luận văn học;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về phương pháp diễn đạt trong văn nghị luận;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: Hình ảnh những vòng lượn của con cá kiếm được nhắc đi nhắc lại trong đoạn văn gợi lên những đặc điểm gì về cuộc đấu giữa ông lão và co cá (thời điểm, phong độ, tư thế,…)?

3.3. Tiến trình bài học: Tiết 86

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng*

	cần đạt
- GV giao nhiệm vụ: *Kẻ thù lớn nhất của tất cả chúng ta là sự lười biếng. Nếu chúng ta không lười biếng thì mọi cái mà chúng ta chông thấy đều là các cơ hội, bởi vì càng khó khăn cơ hội càng lớn. Tôi có một lý thuyết cho cá nhân tôi. Gọi là lý thuyết bên bờ vực. Tôi không bao giờ làm việc gì rễ và không làm việc gì mà người khác có thể ngay lập tức làm giống tôi được. Tôi gọi là lý thuyết bên bờ vực bởi vì kẻ định cạnh tranh với mình không dám theo gia mép vực để cạnh tranh và kẻ thù cũng không dám theo mình ra mép vực. Tôi nghĩ rằng không lười biếng và phải dũng cảm, hai cái đấy tạo ra cơ hội. Các bạn đừng sợ. Khó khăn là thuốc kích thích để mỗi con người dũng cảm, sáng suốt và sống có lý tưởng. Mọi khó khăn là điểm báo tạo cơ hội.* (*Ông Nguyễn Trần Bạt đối thoại với sinh viên Học viện Ngoại giao*, nguồn chungta.com) Trong đoạn trích trên, có một số lỗi sai về chính tả và một lỗi ngữ pháp câu. Hãy chỉ ra lỗi và sửa lại cho đúng . - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - Chỉ ra lỗi sai: + Lỗi sai về chính tả: *chông, rễ, gia* + Lỗi sai về ngữ pháp: *Gọi là lý thuyết bên bờ vực.* - Sửa lại cho đúng: + Chính tả: *trông, dễ, ra* + Ngữ pháp: thêm dấu phẩy đằng trước, coi câu này chỉ là một bộ phận của câu. Câu hoàn chỉnh sẽ là: *Tôi có một lý thuyết cho cá nhân tôi, gọi là lý thuyết bên bờ vực.* Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong quá trình làm văn nghị luận, các em thường hay mắc lỗi về diễn đạt. Những lỗi đó là gì? Bài học hôm nay chúng ta sẽ chỉ ra lỗi và cách sửa sai.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: **Tìm hiểu cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận**	
Bước 1: GV cho HS tìm hiểu ví dụ (1) (2) trong SGK và làm rõ các nội dung: - Cùng trình bày một nội dung cơ bản giống nhau nhưng cách dùng từ ngữ của hai đoạn khác nhau như thế nào? Hãy chỉ rõ ưu điểm và nhược điểm trong cách dùng từ của mỗi đoạn. - Cho HS chỉ ra những từ ngữ dùng không phù hợp. Yêu cầu HS sửa lại những từ ngữ này. Bước 2: GV tiếp tục cho HS phân tích ví dụ ở bài tập 2 và trả lời các câu hỏi trong SGK. **HS trả lời:** - Nhược điểm lớn nhất của đoạn văn (1) là dùng từ thiếu chính xác, không phù hợp với	**I. Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận** - Đây là hai đoạn văn nghị luận cùng viết về một chủ đề, cùng viết về một nội dung. Tuy nhiên mỗi đoạn lại có cách dùng từ ngữ khác nhau. - Các từ ngữ: linh hồn Huy Cận; nỗi hắt hiu trong cõi trời; hơi gió nhớ thương; một tiếng địch buồn; sáo Thiên Thai; điệu ái tình; lời li tao...được sử dụng đều thuộc lĩnh vực tinh thần, mang nét nghĩ chung: u sầu, lặng lẽ rất phù hợp với tâm trạng Huy Cận trong tập Lửa thiêng. - Các từ ngữ giàu tính gợi cảm (đìu hiu, ngậm ngùi dài, than van, cảm thương) cùng với lối xưng hô đặc biệt (chàng) và hàng loạt các thành phần chức năng nêu bật sự đồng điệu giữa

đối tượng được nói tới. Đó là những từ ngữ: nhàn rỗi, chẳng thích làm thơ, vẻ đẹp lung linh. - ở đoạn văn (2) cũng còn mắc một số lỗi về dùng từ. Tuy nhiên, ở đoạn văn này đã biết cách trích lại các từ ngữ được dùng để nó chính xác cái thần trong con người Bác và thơ Bác của các nhà nghiên cứu, các nhà thơ khác làm cho văn có hình ảnh sinh động, giàu tính thuyết phục. Bước 3: GV tiếp tục cho HS phân tích ví dụ ở bài tập 3 và trả lời các câu hỏi trong SGK. Bước 4: GV hướng dẫn HS tổng hợp lại vấn đề đi đến kết luận yêu cầu sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận. - HS tổng hợp lại vấn đề theo yêu cầu của giáo viên.	người viết (Xuân Diệu) với nhà thơ Huy Cận. - Bài tập yêu cầu sửa chữa lỗi dùng từ trong đoạn văn: + Các từ ngữ sáo rỗng, không phù hợp với đối tượng: Kịch tác gia vĩ đại, kiệt tác,... + Dùng từ không phù hợp với phong cách văn bản chính luận: viết như nói, quá nhiều từ ngữ thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt: người ta ai mà chẳng, chẳng là gì cả, phát bệnh. **II. Cách sử dụng và kết hợp các kiểu câu trong văn nghị luận:** Kết cấu phần này cũng tương tự như phần một: ba bài tập tự luận và một câu hỏi tổng hợp. Do đó cách tiến hành cũng tương tự như ở phần trên.
Hoạt động 2: **Xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận.**	
Tiết 90 **- Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu ví dụ (1) trong SGK .** + GV: Cùng trình bày một nội dung cơ bản giống nhau nhưng cách dùng từ ngữ của hai đoạn khác nhau như thế nào? + GV: Hãy chỉ rõ ưu điểm và nhược điểm trong cách dùng từ của mỗi đoạn? - Cho HS chỉ ra những từ ngữ dùng không phù hợp. Yêu cầu HS sửa lại những từ ngữ này. **- Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu ví dụ (2) trong SGK .** + GV tiếp tục cho HS phân tích ví dụ ở bài tập 2 và trả lời các câu hỏi trong SGK. + HS: Lần lượt trả lời các câu hỏi. **- Thao tác 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu ví dụ (3) trong SGK .** + GV tiếp tục cho HS phân tích ví dụ ở bài tập 3 và trả lời các câu hỏi trong SGK. + HS: Lần lượt trả lời các câu hỏi. + Đoạn văn của chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện thái độ căm thù trước tội ác của thực dân Pháp. Thái độ này được thể hiện qua cách xưng hô, sử dụng các câu ngắn, có kết cấu cú pháp tương tự như nhau. **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** - Đoạn trích (1) sử dụng câu khẳng định dứt khoát, câu hô hào, thúc giục; kết hợp nhiều kiểu câu, sử dụng kết hợp câu ngắn, câu dài	**III. Xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận.** 1. Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận - Đối tượng bình luận và nội dung cụ thể của hai đoạn văn khác nhau. + Đoạn văn của Nguyễn Minh Vĩ được diễn đạt theo kiểu nêu phản đề: nêu ý kiến đối lập rồi ngay lập tức bác bỏ và nêu ý kiến của mình. Cách hành văn như vậy tạo không khí đối thoại, trao đổi đồng thời cũng khẳng định sự trả lời dứt khoát của tác giả. Cách xưng hô ở đây cũng khác. Đó là cách xưng hô thân mật (anh). - Sự khác biệt giọng điệu đầu tiên là do đối tượng bình luận, quan hệ giữa người viết với nội dung bình luận khác nhau. Sau đó, về phương diện ngôn ngữ, cách dùng từ ngữ, cách sử dụng kết hợp các kiểu câu... cũng tạo nên sự khác nhau đó. -Giọng điệu cơ bản của lời văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc nhưng ở các phần trong bài văn có thể thay đổi sao cho phù hợp với nội dung cụ thể.

một cách hợp lí. Giọng văn thể hiện sự hô hào, thúc giục đầy nhiệt huyết. - Đoạn trích (2) sử dụng nhiều từ ngữ gợi cảm xúc, nhiều thành phần đồng chức năng, thành phần biệt lập, tạo giọng văn giàu cảm xúc. GV hỏi: Như vậy, yêu cầu giọng điệu trong bài văn nghị luận phải đảm bảo yêu cầu gì?	

🕮 3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Câu 1/ Dòng nào dưới đây nêu không đúng yêu cầu của việc sử dụng từ ngữ trong khi viết bài nghị luận văn học? a/ Lựa chọn từ ngữ chính xác, phù hợp với vấn đề cần nghị luận; b/Tránh dùng những từ lạc phong cách hoặc những từ ngữ sáo rỗng, cầu kì; c/Có thể sáng tạo thêm một số cách diễn đạt các từ ngữ đểlàm cho bài văn thêm hấp dẫn; d/Kết hợp sử dụng các phép tu từ từ vựng và một số từ ngữ mang tính biểu cảm, gợi hình tượng để bộc lộ cảm xúc. Câu 2/ Để tạo giọng điệu cho bài văn nghị luận, người viết cần linh hoạt sử dụng yếu tố hình thức nào? a/Ngôn ngữ có tính biểu cảm b/Ngôn ngữ phải chính xác c/Đa dạng về ngôn ngữ d/Đa dạng về kiểu câu	**1c,2d**

🕮 4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Nhận xét về cách diễn đạt trong văn bản sau: *Tôi mê ca dao từ những ngày còn nhỏ. Trước khi biết Xuân Diệu nói "*Ca dao là máu của Tổ quốc*", trước khi nghe Tế Hanh nói* " Tôi lớn lên bằng ca dao và sữa mẹ"*, tôi đã sững sờ trước những lời ru của má tôi. Mỗi lần ru con, bà cầm hai tao nôi, hoặc một tay chụm cả bốn tao nôi vừa đưa vừa hát. Lạ thay, má tôi làm lụng suốt ngày đầu tắt mặt tối mà khi chạm vào tao nôi của con thì ca dao tuôn ra như suối, bài nọ nối bài kia tưởng chừng như vô tận. Tràn ngập trong âm thanh du dương huyền hoặc là cả một thế giới lạ lùng, thế giới của mồ hôi nước mắt, thế giới của tình thương, của tình yêu, của cái*	- Đây là đoạn văn nghị luận văn học, bàn về vẻ đẹp của ca dao; - Người viết có cách diễn đạt chuẩn xác và truyền cảm trong cách dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, đa dạng về giọng điệu (từ ngữ gợi hình ảnh, cảm xúc qua biện pháp tu từ so sánh, liệt kê…)

thiện, của sự huyền ảo mộng mơ... *(Trích Lời ngỏ Vẻ đẹp trong ca dao- Nguyễn Đức Quyền)*	

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

-Học sinh tự xem lại một số bài văn nghị luận đã làm và sửa lại các lỗi diễn đạt (nếu có).
- Chuẩn bị bài mới: **Hồn Trương Ba, Da hàng thịt**
- Câu hỏi chuẩn bị:
+ Đọc *Tiểu dẫn* (SGK) tóm tắt những nét chính về tác giả, tác phẩm của Lưu Quang Vũ

Tuần: 29-30
Tiết: 87,88,89

HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT (Trích)

Lưu Quang Vũ

1. Mục tiêu bài học:

1.1. Kiến thức : giúp học sinh

- Những ràng buộc mang tính tương khắc giữa thể xác và linh hồn trong một nghịch cảnh trớ trêu :linh hồn nhân hậu, thanh cao phải sống nhờ, sống tạm một cách trái tự nhiên trong một thân xác phàm tục, thô lỗ.
- Cuộc đấu tranh giữa linh hồn và thể xác để bảo vệ những phẩm tính cao quý, để có một cuộc sống thật sự có ý nghĩa, xứng đáng với con người.

- Sức hấp dẫn của kịch bản văn học và nghệ thuật sân khấu, tính hiện đại và giá trị truyền thống, chất trữ tình đằm thắm bay bổng và sự phê phán quyết liệt, mạnh mẽ.

1.2.Kĩ năng

- Tóm tắt tác phẩm;
- Đọc –hiểu kịch bản văn học theo đúng đặc trưng thể loại.

1.3. Thái độ: Lên án sống trong dung tục, ngợi ca con người biết đấu tranh để giữ vững nhân cách

- Tranh ảnh về nhà văn, Trích đoạn vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến kịch hiện đại của Lưu Quang Vũ
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm kịch hiện đại Việt Nam.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về kịch văn học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của đoạn trích vở kịch;
- Năng lực phân tích, so sánh quan niệm sống của 2 nhân vật Hồn Trương Ba và Đế Thích trong đoạn trích vở kịch;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;
- Năng lực chuyên biệt: đọc kịch, sân khấu hoá.

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: *Trình bày yêu cầu diễn đạt trong văn nghị luận*

3.3. Tiến trình bài học: Tiết 87

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt***
- GV giao nhiệm vụ: Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT); Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả *Lưu Quang Vũ* + Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Cho HS xem một đoạn video: *Xuân Quỳnh và Lưu Quang Vũ để lại* - HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: *Lưu Quang Vũ được biết đến với tư cách nhà thơ. Nhưng gây tiếng vang và được đặc biệt hâm mộ là với tư cách một nhà viết kịch tài ba. Những năm tám mươi, kịch của Lưu Quang Vũ đã chiếm lĩnh sàn diễn của rất nhiều nhà hát, công chúng náo nức đến với ánh đèn sân khấu.* *Hiện tượng Lưu Quang Vũ là sự thăng hoa của tài năng nghệ sĩ cùng không khí sôi động của xã hội Việt Nam những năm 80 TKXX và tình thần nhân văn, dân chủ trong đời sống văn học lúc bấy giờ. Hồn Trương Ba, da hàng thịt là một trong số rất nhiều những vở kịch nổi tiếng của nhà viết kịch tài ba này. Vở kịch mang ý nghĩa phê phán và tinh thần nhân văn sâu sắc. Trích đoạn SGK là cảnh tư tưởng của vở kịch và tài dựng cảnh, dựng đối thoại của ngòi bút Lưu Quang Vũ.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**Kiến thức cần đạt**
Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG	
Thao tác 1: Tổ chức tìm hiểu tác giả, tác phẩm 1. GV yêu cầu 1 HS đọc phần Tiểu dẫn (SGK) và nêu những ý chính về tác giả Lưu Quang Vũ GV nhận xét đồng thời mở rộng một số vấn đề. 2. GV hướng dẫn HS nêu những ý chính về vở kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt và vị trí của đoạn trích học. -HS nêu những ý chính về vở kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt và vị trí của đoạn trích học. *+ Truyện dân gian gây kịch tính sau khi Hồn Trương Ba nhập vào xác anh hàng thịt dẫn tới "vụ tranh chấp" chồng của*	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** Lưu Quang Vũ (1948 – 1988) là một tài năng đa dạng nhưng kịch là phần đóng góp đặc sắc nhất. Ông được coi là một trong những hiện tượng đặc biệt của sân khấu, một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của văn học Việt Nam hiện đại. **2. Vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt:** + Vở kịch được Lưu Quang Vũ viết vào năm 1981, được công diễn vào năm 1984. + Từ một cốt truyện dân gian, tác giả đã xây dựng thành một vở kịch nói hiện đại, đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ có ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân văn sâu sắc. 3. Đoạn trích là phần lớn cảnh VII. Đây cũng là đoạn kết của vở kịch, đúng vào lúc xung đột trung tâm của

hai bà vợ phải đưa ra xử, bà Trương Ba thắng kiện được đưa chồng về. Lưu Quang Vũ khai thác tình huống kịch bắt đầu ở chỗ kết thúc của tích truyện dân gian. Khi hồn Trương Ba được sống "hợp pháp" trong xác anh hàng thịt, mọi sự càng trở nên rắc rối, éo le để rồi cuối cùng đau khổ, tuyệt vọng khiến Hồn Trương Ba không chịu nổi phải cầu xin Đế Thích cho mình được chết hẳn.	vở kịch lên đến đỉnh điểm. Sau mấy tháng sống trong tình trạng "bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo", nhân vật Hồn Trương Ba ngày càng trở nên xa lạ với bạn bè, người thân trong gia đình và tự chán ghét chính mình, muốn thoát ra khỏi nghịch cảnh trớ trêu.
Hoạt động 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN	
Tiết 88 **Thao tác 1:** GV hướng dẫn HS đọc phân vai thể hiện tính cách, tâm trạng của mỗi nhân vật và xung đột kịch. - GV tổ chức cho HS tìm hiểu, thảo luận phần đầu của đoạn trích theo một số câu hỏi: *+ Cuộc đối thoại giữa hai nhân vật Hồn –Xác bắt đầu trong hoàn cảnh tình huống nào?* *+Thái độ và lí lẽ của Hồn Trương Ba như thế nào? Vì sao càng lúc Hồn càng tỏ ra yếu ớt trong việc phản bác lại Xác và cuối cùng, gần như chịu thua Xác?* **-HS đại diện nhóm trả lời với kết quả mong đợi:** + Xác đã đưa ra những bằng chứng mà hồn cũng phải thừa nhận. + Xác biết rõ những cố gắng của Trương Ba là vô ích nên đã cười nhạo cái lí lẽ mà hồn đưa ra để ngụy biện *"Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn,…".* + Xác lên mặt dạy đời, chỉ trích, châm chọc: tuyên bố sức mạnh âm u, đui mù ghê gớm của mình. + Xác còn ve vãn hồn thoả hiệp vì: *"chẳng còn cách nào khác đâu", "cả hai đã hoà nhau làm một rồi"* + Trước những *"lí lẽ đê tiện"* của xác. *+Thái độ và lí lẽ của Xác hàng thịt trong cuộc tranh biện với Hồn Trương Ba?* *+ Chiến thắng tạm thời của Xác, thất bại tạm thời của Hồn có ý nghĩa ẩn dụ như thế nào?*	II/ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN **1. Cuộc đối thoại giữa hồn trương Ba và xác anh hàng thịt:** **-** Do sự vô tâm và tắc trách của Nam Tào, Trương Ba phải chết một cách vô lí, Nam Tào sửa sai bằng cách cho hồn Trương Ba sống nhờ thể xác anh hàng thịt. - Linh hồn nhân hậu, trong sạch, bản tính thẳng thắn của Trương Ba dần dần bị xác thịt thô phàm anh hàng thịt sai khiến, bị nhiễm độc. - Ý thức được điều đó, linh hồn Trương Ba dằn vặt, đau khổ: *"- Không. Không! Tôi không muốn sống như thế này mãi!"* - Hồn Trương Ba quyết định chống lại bằng cách tách khỏi xác để tồn tại độc lập, không còn bị lệ thuộc. - Trong cuộc đối thoại với xác anh hàng thịt, Hồn Trương Ba ở vào thế đuối lí, bất lợi **-Ý nghĩa của đoạn đối thoại:** + Trương Ba được trả lại cuộc sống nhưng lại là một cuộc sống đáng hổ thẹn vì phải sống chung với sự dung tục và bị sự dung tục đồng hoá. + Tác giả cảnh báo: khi con người phải sống trong dung tục thì tất yếu sẽ bị dung tục ngự trị, lấn át và sẽ tàn phá những gì trong sạch, đẹp đẽ, cao quý trong

+ Trong vai nhà viết kịch Lưu Quang Vũ, anh (chị) hãy phát biểu với người đọc ý tứ sâu xa tác giả kích bản muốn gửi gắm qua màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt? **Thao tác 2: Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba với những người thân** - Qua lớp kịch hồn Trương Ba và gia đình (vợ, con, cháu), anh (chị) nhận thấy nguyên nhân nào đã khiến cho người thân của Trương Ba và cả chính Trương Ba rơi vào bất ổn và phải chịu đau khổ? Trương Ba có thái độ như thế nào trước những rắc rối đó? **HS trả lời cá nhân :** - Căn cứ vào những lời thoại, em hãy hình dung và miêu tả lại tâm trạng, cảm xúc của Hồn Trương ba khi nhận được những câu trả lời từ phía người thân? **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** + Ông đau khổ, tuyệt vọng khi vì ông mà tất cả những người thân phải đau đớn, bàng hoàng, bế tắc, vì ông mà nhà cửa tan hoang. + Ông thẫn thờ, ôm đầu bế tắc, cầu cứu cháu gái, run rẩy trong trong nỗi đau, nhận thấy: *"Mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta ạ…"* + Đặt những câu hỏi mang tính tự vấn: *"Nhưng có thật là không còn cách nào khác? Có thật không còn cách nào khác?"* + Khẳng định dứt khoát: *"Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!".* GV bình thêm: − Cái quý nhất của con người là cuộc sống. Nhưng không phải bất cứ cách sống, kiểu sống nào. Sống mà đánh mất bản thân, sống giả dối với người và với mình, sống như hồn Trương Ba đang sống, thì thà chết còn hơn! nhưng cũng phải trải nghiệm vài tháng trong cảnh sống bi hài bi đát ấy, hồn Trương Ba mới thức nhận được điều này. Và ông quyết định gọi mời Đế Thích xuống trần để thực hiện quyết định của mình.	con người. **2. Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba với những người thân:** **- Vợ Trương Ba:** + buồn bã, đau khổ vì: *"ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa".* + đòi bỏ đi, nhường Trương Ba cho vợ anh hàng thịt. **- Con dâu Trương Ba:** + thấu hiểu cho hoàn cảnh trớ trêu của bố chồng: Chị biết ông *"khổ hơn xưa nhiều lắm".* + Nhưng nỗi buồn đau trước tình cảnh gia đình khiến chị không thể chịu được: *"Thầy bảo con: Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng … mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mất mát dần…"* **- Cháu gái Trương Ba: phản ứng quyết liệt và dữ dội** + Nó khước từ tình thân: "*tôi không phải là cháu ông… Ông nội tôi chết rồi"*. + Nó không thể chấp nhận con người đã làm "*gãy tiệt cái chồi non", "giẫm lên nát cả cây sâm quý mới ươm"* trong mảnh vườn của ông nội nó. + Nó hận vì ông đã làm gãy nát cái diều khiến cu Tị trong cơn sốt mê man cứ khóc, cứ tiếc, cứ bắt đền. + Với nó, "*Ông nội đời nào thô lỗ, phũ phàng như vậy".* Nó xua đuổi quyết liệt: *"Ông xấu lắm, ác lắm! Cút đi! Lão đồ tể, cút đi!".* → Người chồng, người cha, người ông trong sạch, nhân hậu trước đây đã và đang thành một kẻ khác, với những thói hư tật xấu của một tên đồ tể thô lỗ, phàm tục. **- Tâm trạng, cảm xúc của Trương Ba:** + Ông đau khổ, tuyệt vọng khi vì ông mà tất cả những người thân phải đau đớn, bàng hoàng, bế tắc, vì ông mà nhà cửa tan hoang. + Ông thẫn thờ, ôm đầu bế tắc, cầu cứu cháu gái, run rẩy trong trong nỗi đau, … + Đặt những câu hỏi mang tính tự vấn: ... + Khẳng định dứt khoát: ... → Trương Ba cũng nhận thấy những thay đổi của mình nên đấu tranh quyết liệt để giành giật lại bản thân mình, dẫn tới hành động châm hương gọi Đế Thích.

TIẾT 89

Thao tác 3: Cuộc đối thoại của Trương Ba với Đế Thích

- Em hãy lựa chọn và phân tích 3 lời thoại của nhân vật Trương Ba thể hiện rõ nhất sự giác ngộ từ khi gặp Đế Thích?

GV định hướng, gợi mở, bổ sung và chốt lại.

-Hãy chỉ ra sự khác nhau trong quan niệm của Trương Ba và Đế Thích về ý nghĩa sự sống. Theo anh (chị), Trương Ba trách Đế Thích, người đem lại cho mình sự sống *(Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!) có đúng không? Vì sao? Màn đối thoại giữa Trương Ba và Đế Thích toát lên ý nghĩ gì?*

- Khi Trương Ba kiên quyết đòi trả xác cho hàng thịt, Đế Thích định cho hồn Trương Ba nhập vào cu Tị, Trương Ba đã từ chối. Vì sao?

- Chỉ với 3 lời thoại, hồn Trương ba đã trở lại là mình *nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn* để rồi dẫn đường cho những quyết định đau đớn, nghiệt ngã nhưng sáng suốt và tất yếu. Quyết định đó là gì? Trước khi đi đến quyết định này, tác giả đã đặt nhân vật của mình trước những lựa chọn nào? Nếu là Trương Ba, em có làm như vậy không?

Thao tác 4: Tìm hiểu đoạn kết

GV hướng dẫn HS tìm hiểu ý nghĩa đoạn kết của vở kịch.

- HS nghiên cứu kĩ các lời thoại và phát biểu ý kiến cá nhân đồng thời tranh luận nếu thấy cần thiết.

HS chỉ ra hàm ý cuộc đối thoại

HS tái hiện tác phẩm để trả lời, có thể

3. Cuộc đối thoại của Trương Ba với Đế Thích

- Hồn TB không chấp nhận cảnh sống *bên trong một đằng, một ngoài một nẻo.* Ông muốn được sống theo đúng bản chất của mình: "Tôi muốn được là tôi toàn vẹn".

- Đế Thích khuyên Hồn Trương Ba nên chấp nhận. Hồn Trương Ba kiên quyết chối từ và kêu gọi Đế Thích sửa sai bằng việc làm cho cu Tị sống lại.

- Cuộc trò chuyện giữa Hồn Trương Ba với Đế Thích trở thành nơi tác giả gửi gắm những quan niệm về hạnh phúc, về lẽ sống và cái chết. Hai lời thoại của Hồn trong cảnh này có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng:

+ Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn…

+Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!.

+ Quyết định dứt khoát xin tiên Đế Thích cho cu Tị được sống lại, cho mình được chết hẳn chứ không nhập hồn vào thân thể ai nữa của nhân vật Hồn Trương Ba là kết quả của một quá trình diễn biến hợp lí. Hơn nữa, quyết định này cần phải đưa ra kịp thời vì cu Tị vừa mới chết. Hồn Trương Ba thử hình dung cảnh hồn của mình lại nhập vào xác cu Tị để sống và thấy rõ "bao nhiêu sự rắc rối" vô lí lại tiếp tục xảy ra. Nhận thức tỉnh táo ấy cùng tình thương mẹ con cu Tị càng khiến Hồn Trương Ba đi đến quyết định dứt khoát. Qua quyết định này, chúng ta càng thấy Trương Ba là con người nhân hậu, sáng suốt, giàu lòng tự trọng. Đặc biệt, đó là con người ý thức được ý nghĩa của cuộc sống.

Qua màn đối thoại, ta thấy vẻ đẹp tâm hồn của con người trong cuộc đấu tranh chống lại sự dung tục, giả tạo, bảo vệ quyền được sống toàn vẹn, tự nhiên. Đó chính là chất thơ trong kịch của Lưu Quang Vũ

4. Đoạn kết

- Lời cuối cùng của Trương Ba: "*Tôi vẫn ở đây*". Cái chết không phải là sự ra đi vĩnh viễn. Con người sẽ bất tử với những điều tốt đẹp họ đóng góp cho cuộc đời, sẽ sống mãi trong tâm hồn những người thân yêu. ***Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời***

-Hành động của cái Gái vùi những hạt na xuống đất:

chưa đồng tình với lựa chọn của Trương Ba.	Cái chết là điều tự nhiên, cuộc sống vẫn tiếp tục với những thế hệ thay nhau mà lớn khôn. **-Kết thức vở kịch,** Hồn Trương Ba chấp nhận cái chết, môt cái chết làm sáng bừng lên nhân cách đẹp đẽ của Trương Ba, thể hiện sự chiến thắng của cái thiện, cái đẹp và sự sống đích thực
Hoạt động 3: **Tổng kết**	
Thao tác 5: Tổ chức tổng kết - GV định hướng cho HS tự tổng kết. *Câu hỏi: Cảm nhận khái quát của anh chị sau khi đọc- hiểu đoạn trích* HS tìm hiểu, thảo luận phần đầu của đoạn trích theo một số câu hỏi	**III/Tổng kết** **1) Nghệ thuật** - Sáng tạo cốt truyện dân gian - Nghệ thuật dựng cảnh, dựng đối thoại, độc thoại nội tâm. - Hành động của nhân vật phù hợp với hoàn cảnh, tính cách, góp phần phát triển tình huống,… **2) Ý nghĩa văn bản:** Một trong những điều quý giá nhất của mỗi con người là được sống là mình, sống trọn vẹn với những giá trị mình có và theo đuổi. Sự sống chỉ thật sự có ý nghĩa khi con người được sống trong sự hài hòa tự nhiên giữa thể xác và tâm hồn.

🕮 3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Câu hỏi 1: 1.Thông tin nào sau đây về Lưu Quang Vũ là chưa chính xác? a. Quê gốc ở Phú Thọ nhưng được sinh ra và tuổi thơ gắn bó với mảnh đất Quảng Nam chưa mưa đã nắng. b. Từng tham gia quân đội thời kì kháng chiến chống Mỉ. c. Bắt đầu sáng tác văn chương từ giữa những năm 60 của thế kỉ XX. d. Đã được tặng Giải Thưởng Hồ Chí Minh về văn học Nghệ thuật năm 2000 Câu hỏi 2: Trước khi đến với kịch, Lưu Quang Vũ chủ yếu sáng tác văn học ở thể loại nào? a. Truyện ngắn b. Bút kí. c. Tiểu thuyết d. Thơ Câu hỏi 3: Dựa vào nguyên mẫu hay cốt truyện nào để Lưu Quang Vũ sáng tác"Hồn Trương Ba da hàng thịt"? a. Tác giả sáng tác hoàn toàn dựa vào sự hư cáu tưởng tượng. b. Sáng tác dựa vào một câu truyện dân gian. c. Được sáng tác dựa trên một nguyên mẫu nhân vật lịch sử. d. Sáng tác dựa vào một cốt truyện của một tác phẩm văn họcviết nước ngoài. Câu hỏi 4: Trong vở kịch "Hồn Trương Ba da hàng thịt"nhân vật chính là cái xác được hồn nhập vào vốn là người làm nghề gì? a. Làm vườn b. Buôn bán c. Đồ tể d. Thợ mộc Câu hỏi 5: Đoạn trích Hồn Trương Ba, da hàng thịt (Lưu Quang Vũ) thuộc phần nào của vở kịch? a. Cao trào b. Thắt nút c. Phát triển d. Mở nút	ĐÁP ÁN [1]='a' [2]='d' [3]='d' [4]='c' [5]='a'

🕮 4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt

GV giao nhiệm vụ: *"***Vợ Trương Ba***: *Ông ở đâu? Ông ở đâu?* *(Giữa màu xanh cây vườn, Trương Ba chập chờn xuất hiện.)* **Trương Ba**: *Tôi đây bà ạ. Tôi vẫn ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, cầu ao bà vo gạo, trong cái cơi bà đựng trầu, con dao bà giẫy cỏ...Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu... (Dưới một gốc cây, hiện lên cu Tị và cái Gái)* **Cái Gái**: *(tay cầm một trái na) Cây na này ông nội tớ trồng đấy! Quả to mà ngon lắm! Ta ăn chung nhé! (Bẻ quả na đưa cho cu Tị một nửa. Đôi trẻ ăn ngon lành. Cái Gái lấy những hạt na vùi xuống đất.)* **Cu Tị**: *Cậu làm gì thế?* **Cái Gái**: *Cho nó mọc thành cây mới. Ông nội tớ bảo vậy. Những cây sẽ nối nhau mà lớn khôn. Mãi mãi..." (Tuyển tập kịch Lưu Quang Vũ, NXB Sân Khấu, Hà Nội, 1994)* Đọc văn bản trên và trả lời các câu hỏi sau : 1. Nêu những ý chính của văn bản? 2. Sự xuất hiện của nhân vật Trương Ba được thể hiện qua những hình thức nào ? 3. Xác định các dạng phép điệp trong văn bản và nêu hiệu quả nghệ thuật của các dạng đó ? 4. Việc dùng các từ ngữ: *màu xanh, những điều tốt lành của cuộc đời, nâng niu, nối nhau mà lớn khôn, Mãi mãi* có hiệu quả diễn đạt như thế nào ?	Câu 1: Những ý chính của văn bản: Trương Ba lựa chọn cái chết thật. Hồn Trương Ba nhập vào màu xanh cây vườn, trong những điều tốt lành của cuộc đời… Câu 2 : Sự xuất hiện của nhân vật Trương Ba được thể hiện qua 03 hình thức : - Qua lời văn: chập chờn xuất hiện . Trương Ba chỉ còn là cái bóng. - Qua lời Trương Ba: "Tôi vẫn ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, cầu ao bà vo gạo, trong cái cơi bà đựng trầu, con dao bà giẫy cỏ… Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu" . - Qua đối thoại của cái Gái và cu Tị: cây na này ông nội tớ trồng đấy; qua hành động vùi hạt na xuống đất: "Cho nó mọc thành những cây mới. Ông nội tớ bảo vậy. Những cây sẽ nối nhau mà lớn khôn. Mãi mãi". 3. Các dạng phép điệp trong văn bản : điệp từ (tôi, bà, đây, trong...), điệp cấu trúc câu (Ông ở đâu ? trong...bà..., trong vườn...trong những điều...trong mỗi trái cây...). Hiệu quả nghệ thuật: nhấn mạnh và khẳng định : Cái chết không phải là sự ra đi vĩnh viễn. Trương Ba đang sống một cuộc sống khác: sự sống bất diệt trong trái tim những người thân. Con người sẽ bất tử với những điều tốt đẹp họ đóng góp cho cuộc đời, sẽ sống mãi trong tâm hồn những người thân yêu. 4. Việc dùng các từ ngữ: *màu xanh, những điều tốt lành của cuộc đời, nâng niu, nối nhau mà lớn khôn, Mãi mãi* có hiệu quả diễn đạt : tạo chất thơ sâu lắng đã đem lại âm hưởng thanh thoát cho một bi kịch lạc quan và truyền đi thông điệp về sự chiến thắng của sự sống đích thực, của chân , thiện ,mỹ.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

1. Củng cố:- Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác anh hàng thịt cho ta biết bi kịch gì của nhân vật Trương Ba?
- Những người thân của Trương Ba có thái độ như thế nào trước sự thay đổi của Trương Ba?
- Cảm nhận về đoạn kết của vở kịch?

2. Dặn dò:- Tìm đọc truyện dân gian *Hồn Trương Ba da hàng thịt.* Thử so sánh những yếu tố kế thừa và sáng tạo của Lưu Quang Vũ?
- Chuẩn bị bài học mới: ***Nhìn về vốn văn hoá dân tộc*** - Trần Đình Hượu.

Tuần: 31
Tiết: 91

NHÌN VỀ VỐN VĂN HÓA DÂN TỘC

(Trích *Đến hiện đại từ truyền thống*)

1. Mục tiêu bài học:

1.1. Kiến thức : giúp học sinh

- Vệ nội dung : những mặt ưu điểm và nhược điểm, tích cực và hạn chế của văn hóa dân tộc;

- Về nghệ thuật : cách trình bày khoa học, chính xác, mạch lạc và biện chứng.

1.2.Kĩ năng: Nâng cao kĩ năng đọc-hiểu văn bản khoa học và chính luận.

1.3. Thái độ: Giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, nhất là trong thời kì văn hoá hội nhập quốc tế.

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn nghị luận hiện đại Việt Nam;
- Năng lực đọc – hiểu văn nghị luận hiện đại Việt Nam;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn nghị luận hiện đại Việt Nam;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của văn hoá dân tộc;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của văn nghị luận hiện đại Việt Nam;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: *Trình bày yêu cầu diễn đạt trong văn nghị luận*

3.3. Tiến trình bài học:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt***
- GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán các biểu hiện văn hoá Việt Nam trên các mặt như tôn giáo, văn học, mĩ thuật, kiến trúc, âm nhạc… + Đọc, ngâm thơ liên quan đến văn hoá dân tộc… - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, văn hoá là một trong những lĩnh vực được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Chủ trương của Đảng ta là xây dựng một nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Ngay từ những năm 80, các nhà tư tưởng, văn hoá, các nhà khoa học đã cho ra đời nhiều công trình nghiên cứu văn hoá mang tính định hướng theo đường lối của Đảng. Công trình "Đến hiện đại từ truyền thống"của PGS Trần Đình Hượu là một trong những công*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

trình nghiên cứu văn hoá có ý nghĩa lớn, đóng góp một phần quan trọng vào tiến trình đổi mới đất nước. "Về một số mặt của vốn văn hoá truyền thống" là phần quan trọng của công trình đó.	

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG	
Thao tác 1: Tổ chức tìm hiểu tác giả, tác phẩm - GV yêu cầu 1 HS đọc Tiểu dẫn và tóm tắt những ý chính. - GV nhận xét và dùng phương pháp thuyết trình để giới thiệu thêm về công trình Đến hiện đại từ truyền thống của tác giả Trần Đình Hượu. HS đọc Tiểu dẫn và tóm tắt những ý chính.	I. Tìm hiểu chung **1. Tác giả** Trần Đình Hượu (1927- 1995) là một chuyên gia về các vấn đề văn hóa, tư tưởng Việt Nam. Ông đã có nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa, tư tưởng có giá trị: Đến hiện đại từ truyền thống (1994), Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại (1995), Các bài giảng về tư tưởng phương Đông (2001),… **2. Tác phẩm** a. Xuất xứ: trích từ phần II tiểu luận *Về vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc* (in trong cuốn *Đến hiện đại từ truyền thống*). b. Nội dung: trình bày những khám phá về văn hóa dân tộc để xác định con đường xây dựng nền văn hóa dân tộc VN hiện đại từ "vốn văn hóa dân tộc" dùng như tên cuốn sách: *Đến hiện đại từ truyền thống.*
Hoạt động 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN	
Thao tác 1: Tổ chức tìm hiểu khái quát chung về đoạn trích GV hướng dẫn HS đọc và nêu cảm nhận chung về đoạn trích (GV gợi ý: tác giả tỏ thái độ ca ngợi, chê bai hay phân tích khoa học đối với những đặc điểm nổi bật của văn hóa Việt Nam?). GV bổ sung: *Theo Từ điển tiếng Việt, văn hóa là "tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử". Văn hóa không có sẵn trong tự nhiên mà bao gồm tất cả những gì con người sáng tạo (văn hóa lúa nước, văn hóa cồng chiêng,...)*	*1/Giới thuyết về khái niệm "vốn văn hóa dân tộc":* là cái ổn định dần, tồn tại cho đến thời cận – hiện đại". -Trong bài, người viết đã thoát khỏi thái độ hoặc ngợi ca, hoặc chê bai đơn giản thường thấy khi tiếp cận vấn đề. -Tinh thần chung của bài viết là tiến hành một sự phân tích, đánh giá khoa học đối với những đặc điểm nổi bật của văn hóa Việt Nam. -Tác giả đã sử dụng giọng văn điềm tĩnh, khách quan để trình bày các luận điểm của mình. Người đọc chỉ có thể nhận ra được nguồn cảm hứng thật sự của tác giả nếu hiểu cái đích xa mà ông hướng đến: góp phần xây dựng một chiến lược phát triển mới cho đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển hiện thời.
GV: Hãy tìm dẫn chứng để chứng tỏ *nền văn hóa VN không đồ sộ, không có những đặc sắc nổi bật và những cống hiến lớn lao cho nhân loại.* Tác giả đưa ra những nguyên nhân nào?	*2/ Quy mô và ảnh hưởng của văn hóa dân tộc.* - Khẳng định nền văn hóa VN không đồ sộ, không có những đặc sắc nổi bật và những cống

Cách lí giải đó có sức thuyết phục không? Vì sao? **Thao tác 2: Tổ chức tìm hiểu Quan niệm sống, quan niệm về lí tưởng và cái đẹp trong văn hóa Việt Nam.** GV nêu vấn đề cho HS tìm hiểu: về quan niệm sống, quan niệm về lí tưởng, về cái đẹp. **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** - "Coi trọng hiện thế trần tục hơn thế giới bên kia", "nhưng cũng không bám lấy hiện thế, không quá sợ hãi cái chết". - "ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao". - "Mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp để làm ăn cho no đủ, sống thanh nhàn, thong thả, có đông con nhiều cháu". - "Yên phận thủ thường, không mong gì cao xa, khác thường, hơn người". - "Con người được ưa chuộng là con người hiền lành, tình nghĩa". - "Không ca tụng trí tuệ mà ca tụng sự khôn khéo", "không chuộng trí mà cũng không chuộng dũng", "dân tộc chống ngoại xâm liên tục nhưng không thượng võ". - "Trong tâm trí nhân dân thường có Thần và Bụt mà không có Tiên". là hộ tiểu nông, đơn vị của tổ chức xã hội là làng". **Thao tác 3: Tổ chức tìm hiểu Đặc điểm nổi bật của nền văn hóa Việt Nam- thế mạnh và hạn chế.** GV nêu vấn đề cho HS thảo luận: + Trong bài viết, tác giả Trần Đình Hựu đã xem đặc điểm nổi bật nhất của sáng tạo văn hóa Việt Nam là gì? + Theo anh (chị) văn hóa truyền thống có thế mạnh và hạn chế gì? GV nhận xét và khắc sâu một số ý. **Thao tác 4: Tổ chức tìm hiểu Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam.** GV nêu vấn đề cho HS thảo luận: + Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam, theo tác giả là gì? + Từ những gợi ý của tác giả trong bài viết, theo anh (chị), "Nền văn hóa tương lai" của	hiến lớn lao cho nhân loại (chứng minh bằng cách đối sánh một số lĩnh vực văn hóa của nước ta với những dân tộc khác). - Nguyên nhân: do sự hạn chế của trình độ sản xuất, của đời sống xã hội. *3/ Quan niệm sống, lối sống, khả năng chiếm lĩnh và đồng hóa những giá trị văn hóa bên ngoài của người VN:* - Biểu hiện: + coi trọng hiện thế; + ý thức cá nhân và sở hữu không phát triển cao; + không háo hức say mê cái huy hoàng, huyền ảo;...). *4. Đặc điểm nổi bật của nền văn hóa Việt Nam- thế mạnh và hạn chế.* - Đặc điểm nổi bật của sáng tạo văn hóa Việt Nam là: "thiết thực, linh hoạt, dung hòa". - Thế mạnh của văn hóa truyền thống là tạo ra một cuộc sống thiết thực, bình ổn, lành mạnh với những vẻ đẹp dịu dàng, thanh lịch, những con người hiền lành, tình nghĩa, sống có văn hóa trên một cái nền nhân bản. - Hạn chế của nền văn hóa truyền thống là không có khát vọng và sáng tạo lớn trong cuộc sống, không mong gì cao xa, khác thường, hơn người, trí tuệ không được đề cao. **5. Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam.** - "Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa không chỉ trông cậy vào sự tạo tác của chính dân tộc đó mà còn trông cậy vào khả

Việt Nam là gì? -GV nhận xét và khắc sâu một số ý.	năng chiếm lĩnh, khả năng đồng hóa những giá trị văn hóa bên ngoài. Về mặt đó, lịch sử chứng minh là dân tộc Việt Nam có bản lĩnh". +Khái niệm "tạo tác" ở đây là khái niệm có tính chất quy ước, chỉ những sáng tạo lớn, những sáng tạo mà không dân tộc nào có hoặc có mà không đạt được đến tầm vóc kì vĩ, gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến xung quanh, tạo thành những mẫu mực đáng học tập. +Khái niệm "đồng hóa" vừa chỉ vị thế tồn tại nghiêng về phía tiếp nhận những ảnh hưởng từ bên ngoài, những ảnh hưởng lan đến từ các nguồn văn minh, văn hóa lớn, vừa chỉ khả năng tiếp thu chủ động của chủ thể tiếp nhận- một khả năng cho phép ta biến những cái ngoại lai thành cái của mình, trên cơ sở gạn lọc và thu giữ. +Khái niệm "dung hợp" vừa có những mặt gần gũi với khái niệm "đồng hóa" vừa có điểm khác. Với khái niệm này, người ta muốn nhấn mạnh đến khả năng "chung sống hòa bình" của nhiều yếu tố tiếp thu từ nhiều nguồn khác nhau, có thể hài hòa được với nhau trong một hệ thống, một tổng thể mới.
Thao tác 6: Tổ chức tìm hiểu nghệ thuật và ý nghĩa văn bản - GV tổ chức cho HS tổng hợp lại những vấn đề đã tìm hiểu, phân tích, từ đó viết phần tổng kết ngắn gọn. HS đọc và nêu cảm nhận chung về đoạn trích (GV gợi ý: tác giả tỏ thái độ ca ngợi, chê bai hay phân tích khoa học đối với những đặc điểm nổi bật của văn hóa Việt Nam?).	**III/Tổng kết** **1) Nghệ thuật** - Cách trình bày chặt chẽ, lô gich, thể hiện tầm bao quát lớn, chỉ ra những khía cạnh quan trọng về đặc trưng văn hóa DT. - Thái độ khách quan, khoa học, khiêm tốn,... tránh được một trong hai khuynh hướng cực đoan hoặc là chỉ tìm nhược điểm để phê phán hoặc là chỉ tìm ưu điểm để ca tụng. **2) Ý nghĩa văn bản -** sgk

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

-Tìm những đoạn trích những câu văn mang tính chất cắt nghĩa nguyên nhân tạo thành các đặc điểm của văn hóa Việt Nam

- Trình bày cách hiểu của anh (chị) về các khái niệm *tạo tác, đồng hóa, dung hợp.*
- Chuẩn bị bài ***Phát biểu tự do***

Tuần: 31
Tiết: 92

PHÁT BIỂU TỰ DO

1. Mục tiêu bài học:

1.1. Kiến thức : giúp học sinh

- Khái quát về phát biểu tự do.
- Những yêu cầu của phát biểu tự do.

1.2. Kĩ năng

-Trình bày được ý kiến của mình trước tập thể phù hợp với chủ đề thảo luận và tình huống giao tiếp.

-Phản xạ nhanh, linh hoạt trước các tình huống giao tiếp ; biết tìm nội dung và cách phát biểu thích hợp, có khả năng đem lại cho người nghe những điều đúng đắn, mới mẻ và bổ ích.

1.3. Thái độ:

-Học sinh biết vận dụng vào việc trình bày các bài tập miệng, thảo luận, tranh luận về những vấn đề trong quá trình học tập và trong cuộc sống.

-Biết cách phát biểu tự do về một lĩnh vực quen thuộc.

1.4. Hình thành năng lực:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong quá trình phát biểu

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ của cá nhân về vấn đề cần phát biểu

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: *Trình bày yêu cầu diễn đạt trong văn nghị luận*

3.3. Tiến trình bài học: Tiết 86

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt***
- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng câu hỏi sau: Anh/ chị hãy phát biểu ý kiến của mình sau khi đọc văn bản sau: *Người nghiện Pokemon Go hay bất kỳ game online nào lâu ngày sẽ làm đầu óc hỏng dần, giống như ổ cứng máy vi tính đã lưu hết dữ liệu thì không còn khả năng lưu thêm để tiếp tục làm việc. Không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe, người nghiện game còn dễ trở thành gánh nặng cho xã hội nếu sa đà vào các trò chơi mà không chịu làm việc, kéo theo đó là nảy sinh các tệ nạn xã hội. Trò chơi không phải là xấu, mà trách nhiệm đầu tiên là người chơi phải biết có chừng mực, tỉnh táo, đừng để trò chơi đó làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân.* **(Ý kiến của Bác sĩ Thái Duy Thành (Khoa Thần kinh, Bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội)(http://laodongthudo.vn/pokemon-go-tro-choi-ao-tac-hai-that-11-8-2016)** - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong cuộc sống, chúng ta thường phát biểu theo chủ đề cho trước hoặc phát biểu theo kiểu ngẫu hứng nhằm thể hiện nhận thức, tư tưởng, tình cảm, quan điểm của cá nhân trước những vấn đề mang tính xã hội, văn học…Sau bài học Phát biểu theo chủ*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

đề ở HKI, để cho việc phát biểu đạt kết quả tốt đẹp, hôm nay chúng ta chuyển sang tìm hiểu chủ đề về PHÁT BIỂU TỰ DO.	

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Thao tác 1: Tìm hiểu những tình huống nảy sinh phát biểu tự do. 1- GV nêu yêu cầu: Hãy tìm một vài ví dụ ở đời sống quanh mình để chứng tỏ rằng: trong thực tế, không phải lúc nào con người cũng chỉ phát biểu những ý kiến mà mình đã chuẩn bị kĩ càng, theo những chủ đề định sẵn. *- GV nhận xét và nêu thêm một số ví dụ khác.* + Trong buổi giao lưu: "chát với 8X" của đài truyền hình kĩ thuật số, khi được người dẫn chương trình gợi ý: "trong chuyến đi châu Âu, kỉ niệm nào anh nhớ nhất?", một khách mời (nhạc sĩ) đã phát biểu: "Có rất nhiều kỉ niệm đáng nhớ trong chuyến đi ấy: chụp ảnh lưu niệm với bạn bè; những buổi biểu diễn; gặp gỡ bà con Việt Kiều;… Nhưng có lẽ kỉ niệm đáng nhớ nhất trong chuyến đi ấy, vâng, tôi nhớ ra rồi, đó là đêm biểu diễn cho bà con Việt kiều ta ở Pa-ri… ". Và cứ thế, vị khách mời đã phát biểu rất say sưa những cảm nhận của mình về đêm biểu diễn ấy: nhạc sĩ biểu diễn ra sao, bà con cảm động thế nào, những người nước ngoài có mặt hôm ấy đã phát biểu những gì,… + Một bạn học sinh khi được cô giáo nêu vấn đề: "Hãy phát biểu những hiểu biết của em về thơ mới Việt Nam giai đoạn 30- 45" đã giơ tay xin ý kiến: "Thưa cô, em chỉ xin phát biểu về mảng thơ tình thôi được không ạ". Được sự đồng ý của cô giáo, bạn học sinh ấy đã phát biểu một cách say sưa, hào hứng (tuy có phần hơi lan man) về mảng thơ tình trong phong trào thơ mới: những nhà thơ có nhiều thơ tình, những bài thơ tình tiêu biểu, những cảm nhận về thơ tình,… + Trong buổi Đại hội chi đoàn, mặc dù không được phân công tham luận nhưng ngay sau khi nghe bạn A phát biểu về phong trào "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", bạn B đã xin phát biểu và bạn đóng góp nhiều ý kiến rất hay, rất bổ ích, thậm chí còn hơn cả bài phát biểu chuẩn bị sẵn của bạn A. Trên đây là những ví dụ về phát biểu tự do. **Thao tác 2: Tìm hiểu Nhu cầu được (hay phải) phát biểu tự do** GV nêu vấn đề: Từ những ví dụ nêu trên, anh (chị) hãy trả lời câu	**I. Tìm hiểu về phát biểu tự do** **1. Những trường hợp được coi là phát biểu tự do.** **2. Nhu cầu được (hay phải) phát biểu tự do.** - Trong quá trình sống, học tập và làm việc, con người có rất nhiều điều say mê (hay buộc phải tìm hiểu). Tri thức thì vô cùng mà hiểu biết của mỗi người có hạn nên chia sẻ và được chia sẻ là điều vẫn thường gặp. - "Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội". Vì vậy, phát biểu tự do là một

hỏi: Vì sao con người luôn có nhu cầu được (hay phải) phát biểu tự do?	nhu cầu (muốn người khác nghe mình nói) đồng thời là một yêu cầu (người khác muốn được nghe mình nói). Qua phát biểu tự do, con người sẽ hiểu người, hiểu mình và hiểu đời hơn.
Thao tác 1: Tìm hiểu Cách phát biểu tự do GV nêu câu hỏi trắc nghiệm: Làm thế nào để phát biểu tự do thành công? a) Không được phát biểu về những gì mình không hiểu biết và thích thú. b) Phải bám chắc chủ đề, không để bị xa đề hoặc lạc đề. c) Phải tự rèn luyện để có thể nhanh chónh tìm ý và sắp xếp ý. d) Nên xây dựng lời phát biểu thành một bài hoàn chỉnh. e) Chỉ nên tập trung vào những nội dung có khả năng làm cho người nghe cảm thấy mới mẻ và thú vị. g) Luôn luôn quan sát nét mặt, cử chỉ của người nghe để có sự điều chỉnh kịp thời.	**3. Cách phát biểu tự do** - Phát biểu tự do là dạng phát biểu trong đó người phát biểu trình bày với mọi người về một điều bất chợt nảy sinh do mình thích thú, say mê hoặc do mọi người yêu cầu. - Vì bất ngờ, ngẫu nhiên, ngoài dự tính nên người phát biểu không thể tức thời xây dựng lời phát biểu thành một bài hoàn chỉnh có sự chuẩn bị công phu. - Người phát biểu sẽ không thành công nếu phát biểu về một đề tài mà mình không hiểu biết và thích thú. Vì có hiểu biết mới nói đúng, có thích thú mới nói hay. Nhưng hứng thú không dễ đến, hiểu biết thì có hạn, càng không thể đến một cách bất ngờ. Muốn tạo hứng thú và có vốn hiểu biết, không có cách gì hơn là say mê học tập, tìm hiểu, sống nhiệt tình và say mê với cuộc đời. + Phát biểu dù là tự do cũng phải có người nghe. Phát biểu chỉ thực sự thành công khi thực sự hướng tới người nghe. Người phát biểu phải chọn đề tài phù hợp, có cách nói phù hợp với người nghe. Trong quá trình phát biểu cần quan sát nét mặt, cử chỉ,… của người nghe để có sự điều chỉnh kịp thời. Thành công của phát biểu tự do chỉ thực sự có được khi hứng thú của người nói bắt gặp và cộng hưởng với hứng thú của người nghe. Dĩ nhiên, không người nghe nào hứng thú với những gì đã làm họ nhàm chán trừ khi điều không mới được phát biểu bằng cách nói mới. Như vậy, trong tất cả các phương án trên, chỉ có phương án (d) là không lựa chọn còn lại đều là những cách khiến phát biểu tự do thành công.
Thao tác 2: Luyện tập GV có thể đưa mục (4) trong SGK vào phần luyện tập để khắc sâu những điều cần ghi nhớ ở mục (3). Bước 1: Chọn chủ đề cụ thể. Bước 2: Kiểm tra nhanh xem vì sao mình chọn chủ đề ấy (tâm đắc? được nhiều người tán thành? chủ đề mới mẻ?... hay là tất cả những lí do đó?). Bước 3: Phác nhanh trong óc những ý chính của lời phát biểu và sắp xếp chúng theo thứ tự hợp lí. Bước 4: Nghĩ cách thu hút sự chú ý của người nghe (nhấn mạnh những chỗ có ý nghĩa quan trọng; đưa ra những thông tin mới, bất ngờ, có sức gây ấn tượng; lồng nội dung phát biểu vào những câu chuyện kể lí thú, hấp dẫn; tìm cách diễn đạt dễ tiếp nhận và trong hoàn cảnh thích hợp có thêm sự gợi cảm hay hài hước; thể iện sự hào hứng của bản	**II. Luyện tập** **1. Luyện tập tình huống phát biểu tự do (mục 4- SGK)** **2. Thực hành phát biểu tự do** Có thể chọn một trong các đề tài sau: + Dòng nhạc nào đang được giới trẻ ưa thích?

thân qua ánh mắt, giọng nói, điệu bộ; tạo cảm giác gần gũi, có sự giao lưu giữa người nói và người nghe). -GV có thể chọn một chủ đề bất ngờ và khuyến khích những học sinh có hứng thú và hiểu biết thực hành- cả lớp nghe và nhận xét, góp ý. *HS dựa vào kinh nghiệm bản thân và những điều tìm hiểu trên đây để có những lựa chọn thích hợp.* Trên cơ sở mục (3), HS cụ thể hóa những điều đặt ra ở mục (4).	+ Quan niệm thế nào về "văn hóa game"? + Tình yêu tuổi học đường- nên hay không nên? + Chương trình truyền hình mà bạn yêu thích?

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

- Tìm hiểu các tình huống thường gặp trong cuộc sống có sử dụng hình thức phát biểu tự do. -Dặn dò: Soạn ***Phong cách ngôn ngữ hành chính***

Tuần: 31,32
Tiết: 93,94

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu bài học:
1.1. Kiến thức : giúp học sinh
- Đặc điểm của phong cách ngôn ngữ hành chính;

- Sự lựa chọn các yếu tố ngôn ngữ trong quá trình soạn thảo các văn bản mang phong cách ngôn ngữ hành chính.

1.2.Kĩ năng: Có kĩ năng soạn thảo một số văn bản hành chính khi cần thiết.

1.3. Thái độ: Vận dụng kiến thức phong cách ngôn ngữ hành chính để thực hiện một số giấy tờ liên quan

1.4. Hình thành năng lực:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản hành chính;
-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
-Năng lực đọc - hiểu các văn bản thuộc Phong cách ngôn ngữ hành chính
-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính.

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: *Trình bày yêu cầu diễn đạt trong văn nghị luận*

3.3. Tiến trình bài học: Tiết 93

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt***
- GV giao nhiệm vụ: ***Kể một số giấy tờ liên quan đến cá nhân em từ khi được sinh ra đến nay.*** - HS thực hiện nhiệm vụ: **Giấy khai sinh- Sổ hộ khẩu-Đơn xin nhập học…** - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong cuộc sống thường ngày, ta được tiếp xúc và sử dụng nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau. Trong số đó có , phong cách ngôn ngữ hành chính. Vậy phong cách ngôn ngữ đó là loại ngôn ngữ như thế nào? Nó có những đặc trưng gì? Tất cả sẽ được giải đáp trong bài học hôm nay.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**Kiến thức cần đạt**
Thao tác 1: Tìm hiểu một số văn bản GV lần lượt chỉ định từng HS đọc to các văn bản trong SGK, sau đó nêu câu hỏi tìm hiểu: a) Kể thêm các văn bản cùng loại với các văn bản trên. b) Điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản trên là gì? **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** + Văn bản 1 là nghị định của Chính phủ (Ban	**I. Ngôn ngữ hành chính :** **1. Tìm hiểu văn bản** a) Các văn bản cùng loại với 3 văn bản trên:

hành điều lệ bảo hiểm y tế). Gần với nghị định là các văn bản khác của các cơ quan Nhà nước (hoặc tổ chức chính trị, xã hội) như: thông tư, thông cáo, chỉ thị, quyết định, pháp lệnh, nghị quyết,… + Văn bản 2 là giấy chứng nhận của thủ trưởng một cơ quan Nhà nước (Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT- tạm thời). Gần với giấy chứng nhận là các loại băn bản như: văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh,… + Văn bản 3 là đơn của một công dân gửi một cơ quan Nhà nước hay do Nhà nước quản lí (Đơn xin học nghề). Gần với đơn là các loại văn bản khác như: bản khai, báo cáo, biên bản,… **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** + Giống nhau: Các văn bản đều có tính pháp lí, là cơ sở để giải quyết những vấn đề mang tính hành chính, công vụ. + Mỗi loại văn bản thuộc phạm vi, quyền hạn khác nhau, đối tượng thực hiện khác nhau.	b) Điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản:
Thao tác 2: Tổ chức tìm hiểu ngôn ngữ hành chính trong văn bản hành chính GV yêu cầu HS tìm hiểu ngôn ngữ được sử dụng trong các văn bản: a) Đặc điểm kết cấu, trình bày. b) Đặc điểm từ ngữ, câu văn.	**2. Ngôn ngữ hành chính trong văn bản hành chính** - Về trình bày, kết cấu: Các văn bản đều được trình bày thống nhất. Mỗi văn bản thường gồm 3 phần theo một khuôn mẫu nhất định: +Phần đầu: các tiêu mục của văn bản. + Phần chính: nội dung văn bản. + Phần cuối: các thủ tục cần thiết (thời gian, địa điểm, chữ kí,…). - Về từ ngữ: Văn bản hành chính sử dụng những từ ngữ toàn dân một cách chính xác. Ngoài ra, có một lớp từ ngữ hành chính được sử dụng với tần số cao (căn cứ…, được sự ủy nhiệm của…, tại công văn số…, nay quyết định, chịu quyết định, chịu trách nhiệm thi hành quyết định, có hiệu lực từ ngày…, xin cam đoan… - Về câu văn: có những văn bản tuy dài nhưng chỉ là kết cấu của một câu (Chính phủ căn cứ…. Quyết định: điều 1, 2, 3, …). Mỗi ý quan trọng thường được tách ra và xuống dòng, viết hoa đầu dòng. VD: *Tôi tên là:…Sinh ngày:…Nơi sinh:…* Nhìn chung, văn bản hành chính cần chính xác bởi vì đa số đều có giá trị pháp lí. Mỗi câu, chữ, con số dấu chấm dấu phảy đều phải chính xác để khỏi gây

Thao tác 3: Tổ chức tìm hiểu khái niệm phong cách ngôn ngữ hành chính - Từ việc tìm hiểu các văn bản trên, GV hướng dẫn HS rút ra khái niệm phong cách ngôn ngữ hành chính. - HS làm việc cá nhân (khảo sát các văn bản) và trình bày trước lớp. Các HS khác có thể nhận xét, bổ sung (nếu cần). HS rút ra khái niệm ngôn ngữ hành chính.	phiền phức về sau. Ngôn ngữ hành chính không phải là ngôn ngữ biểu cảm nên các từ ngữ biểu cảm hạn chế sử dụng. Tuy nhiên, văn bản hành chính cần sự trang trọng nên thường sử dụng những từ Hán-Việt. **3. Ngôn ngữ hành chính là gì?** Ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ dùng trong các văn bản hành chính để giao tiếp trong phạm vi các cơ quan Nhà nước hay các tổ chức chính trị, xã hội (gọi chung là cơ quan), hoặc giữa cơ quan với người dân và giữa người dân với cơ quan, hay giữa những người dân với nhau trên cơ sở pháp lí.
Thao tác 1: Tổ chức luyện tập ***Bài tập 1:*** Hãy kể tên một số loại văn bản hành chính thường liên quan đến công việc học tập trong nhà trường của anh (chị) *GV gợi ý, tổ chức cho HS các nhóm thi xem nhóm nào kể được nhiều và đúng.* ***Bài tập 2: Hãy nêu những đặc điểm tiêu biểu về trình bày văn bản, về từ ngữ, câu văn của văn bản hành chính (lược trích- SGK).*** *Trên cơ sở nội dung bài học, GV gợi ý để HS phân tích.* *HS các nhóm thi xem nhóm nào kể được nhiều và đúng.* *HS phân tích.*	Bài tập 1: Một số loại văn bản hành chính thường liên quan đến công việc học tập trong nhà trường: Đơn xin nghỉ học, Biên bản sinh hoạt lớp, Đơn xin vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận, Sơ yếu lí lịch, Bằng tốt nghiệp THCS, Giấy khai sinh, Học bạ, Giấy chứng nhận trúng tuyển vào lớp 10, Bản cam kết…, Giấp mời họp,… ***Bài tập 2: Những đặc điểm tiêu biểu:*** + Trình bày văn bản: 3 phần - Phần đầu gồm: tên hiệu nước, tên cơ quan ra quyết định, số quyết định, ngày… tháng… năm…, tên quyết định. - Phần chính: Bộ trưởng… căn cứ… theo đề nghị… quyết định: điều 1…, điều 2…, điều 3… - Phần cuối: người kí (kí tên đóng dấu), nơi nhận. + Từ ngữ: dùng những từ ngữ hành chính (quyết định về việc…, căn cứ nghị định…, theo đề nghị của,… quyết định, ban hành kèm theo quyết định, quy định trong chỉ thị, quyết định có hiệu lực, chịu trách nhiệm thi hành quyết định,… + Câu: sử dụng câu văn hành chính (toàn bộ phần nội dung chỉ có một câu).
<u>TIẾT 94</u> **Thao tác 1: Tổ chức tìm hiểu Tính khuôn mẫu** - GV yêu cầu HS đọc lại các văn bản ở tiết học trước và phân tích tính khuôn mẫu của các văn bản	**II. Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ hành chính** **1. Tính khuôn mẫu** Tính khuôn mẫu thể hiện ở kết cấu 3

đó. - GV nhận xét và chốt lại một số nội dung, lưu ý HS một số vấn đề. **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:** a) Phần mở đầu gồm: + Quốc hiệu và tiêu ngữ. + Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản. + Địa điểm, thời gian ban hành văn bản. + Tên văn bản- mục tiêu văn bản. b) Phần chính: nội dung văn bản. c) Phần cuối: + Địa điểm, thời gian (nếu chưa đặt ở phần đầu). + Chữ kí và dấu (nếu có thẩm quyền). **Thao tác 2: Tổ chức tìm hiểu tính minh xác** GV đặt câu hỏi để HS thảo luận: *Câu hỏi: Tính minh xác của văn bản hành chính thể hiện ở những điểm nào? Nếu không đảm bảo tính minh xác thì điều gì sẽ xảy ra?* - GV nhận xét và khắc sâu một số ý cơ bản. **Thao tác 3: Tổ chức tìm hiểu tính công vụ** GV đặt câu hỏi để HS thảo luận: *Câu hỏi:* Tính công vụ thể hiện như thế nào trong văn bản hành chính? Trong đơn xin nghỉ học, điều gì là quan trọng- cảm xúc của người viết hay xác nhận của cha mẹ, bệnh viện? - GV nhận xét và khắc sâu một số ý cơ bản. - HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp.	phần thống nhất: a) Phần mở đầu gồm: b) Phần chính: nội dung văn bản. c) Phần cuối: *Chú ý:* + Nếu là đơn từ, kê khai thì phần cuối nhất thiết phải có chữ kí, họ tên đầy đủ của người làm đơn hoặc k khai. + Kết cấu 3 phần có thể "xê dịch" một vài điểm nhỏ tùy thuộc vào những loại văn bản khác nhau, song nhìn chung đều mang tính khuôn mẫu thống nhất. **2. Tính minh xác** Tính minh xác thể hiện ở: - Mỗi từ chỉ có một nghĩa, mỗi câu chỉ có một ý. Tính chính xác về ngôn từ đòi hỏi đến từng dấu chấm, dấu phẩy, con số, ngày tháng, chữ kí,… - Văn bản hành chính không được dùng từ địa phương, từ khẩu ngữ, không dùng các biện pháp tu từ hoặc lối biểu đạt hàm ý, không xóa bỏ, thay đổi, sửa chữa. *Chú ý:* Văn bản hành chính cần đảm bảo tính minh xác bởi vì văn bản được viết ra chủ yếu để thực thi. Ngôn từ chính là "chứng tích pháp lí". VD: Nếu văn bằng mà không chính xác về gày sinh, họ, tên, đệm, quê,… thì bị coi như không hợp lệ (không phải của mình). Trong xã hội vẫn có hiện tượng mạo chữ kí, làm dấu giả để làm các giấy tờ giả: bằng giả, chứng minh thư giả, hợp đồng giả,… **3. Tính công vụ** Tính công vụ thể hiện ở: + Hạn chế tối đa những biểu đạt tình cảm cá nhân. + Các từ ngữ biểu cảm nếu dùng cũng chỉ mang tính ước lệ, khuôn mẫu. VD: kính chuyển, kính mong, trân trọng kính mời,… + Trong đơn từ của cá nhân, người ta chú trọng đến những từ ngữ biểu ý hơn là các từ ngữ biểu cảm. VD: trong đơn xin nghỉ học, xác nhận của cha mẹ, bệnh viện có giá trị hơn những lời

	trình bày có cảm xúc để được thông cảm.
Tổ chức luyện tập ***Bài tập 1 và bài tập 2:*** Cách viết biên bản: a. Phần mở đầu − Phần mở đầu của biên bản gồm những mục: Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên biên bản, thời gian, địa điểm, thành phần tham dự lập biên bản. − Tên của biên bản nêu rõ nội dung chính của biên bản: Biên bản sinh hoạt;chi đội; Biên bản trả lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho chủ sở hữu, người quản lí hoặc người sử dụng hợp pháp. b. Phần nội dung − Ghi lại diễn biến và kết quả của sự việc. − Cách ghi phải trung thực, khách quan; không được thêm vào những ý kiến chủ quan của người viết. − Tính chính xác, cụ thể của biên bản giúp cho người có trách nhiệm làm cơ sở xem xét để đưa ra những kết luận đúng đắn. c. Phần kết thúc gồm các mục − Thời gian kết thúc. − Họ, tên, chữ kí của chủ toạ, thư kí hoặc các bên tham gia lập biên bản. − Chữ kí thể hiện tư cách pháp nhân của những người có trách nhiệm lập biên bản.	**III. Luyện tập** **1/*Bài tập 1 và bài tập 2:*** Nội dung cần đạt: Xem lại mục 1- phần III- Nội dung bài học. **2/Bài tập 3:** Yêu cầu của biên bản một cuộc họp: chính xác về thời gian, địa điểm, thành phần. Nọi dung cuộc họp cần ghi vắn tắt nhưng rõ ràng. Cuối biên bản cần có chữ kí của chủ tọa và thư kí cuộc họp. ***Bài tập 4:*** Yêu cầu của đơn xin gia nhập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: + Tiêu đề. + Kính gửi (Đoàn cấp trên). + Lí do xin gia nhập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. + Những cam kết. + Địa điểm, ngày… tháng… năm… + Người viết kí và ghi rõ họ tên.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

Anh (chị) hãy viết một báo cáo tổng kết phong trào thi đua của lớp mình. Dặn dò : Chuẩn bị bài ***Văn bản tổng kết***

Tuần: 32
Tiết: 95

TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT:
HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ

1. Mục tiêu bài học:
1.1. Kiến thức : giúp học sinh
- Khái niệm về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ
- Các nhân tố trong hoạt động giao tiếp
- Các quá trình giao tiếp. Các thành phần nghĩa của câu
- Quan hệ ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

1.2.Kĩ năng:

- Kĩ năng phân tích và lĩnh hội văn bản
- Kĩ năng sử dụng ngôn ngữ thích hợp với ngữ cảnh giao tiếp.
- Kĩ năng sử dụng ngôn ngữ…

1.3. Thái độ: Việc giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến hoạt động ngôn ngữ
- Năng lực đọc – hiểu các văn bản liên quan đến hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giao tiếp ngôn ngữ trong tác phẩm văn học và trong đời sống;
- Năng lực tạo lập văn bản.

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: *Trình bày yêu cầu diễn đạt trong văn nghị luận*

3.3. Tiến trình bài học:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt***
- GV giao nhiệm vụ: GV tổ chức TRÒ CHƠI Ô CHỮ liên quan đến tiếng Việt (như các nhân tố trong hoạt động giao tiếp, ngữ cảnh…) - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Trả lời để tìm ra ô chữ phù hợp. Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Như vậy, ngoài phân môn Đọc hiểu văn bản và làm văn, chúng ta còn được tiếp cận Tiếng Việt. Đây là phân môn rất quan trọng, nhất là sửng dụng tiếng Việt trong lĩnh hội và tạo lập văn bản. Hôm nay, chúng ta sẽ tổng kết để ghi nhớ những kiến thức cơ bản đã học phần tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THPT.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**Kiến thức cần đạt**
Thao tác 1: Tìm hiểu kiến thức tiếng Việt đã học GV hệ thống hóa kiến thức bằng cách nêu một số câu hỏi để HS trả lời: 1) Giao tiếp là gì? Thế nào là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ?	**I. Hệ thống hóa kiến thức** **1. Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ** + Giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin của con người, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ, nhằm thực hiện những mục đích về nhận thức, tình cảm, hành động. + Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ là hoạt động bao gồm hai quá trình: quá trình tạo lập văn bản do người nói hay người viết thực hiện; quá trình lĩnh hội văn bản do

	người nghe hay người đọc thực hiện. Hai quá trình này có thể diễn ra đồng thời tại cùng một địa điểm (hội thoại), cũng có thể ở các thời điểm và khoảng không gian cách biệt (qua văn bản viết).
2) Phân biệt sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết?	**2. Nói và viết** Hai dạng nói và viết có sự khác biệt: + Về điều kiện để tạo lập và lĩnh hội văn bản. + Về đường kênh giao tiếp. + Về loại tín hiệu (âm thanh hay chữ viết). + Về các phương tiện phụ trợ (ngữ điệu, nét mặt, cử chỉ điệu bộ đối với ngôn ngữ nói và dấu câu, các kí hiệu văn tự, mô hình bảng biểu đối với ngôn ngữ viết). + Về dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản,…
3) Thế nào là ngữ cảnh? Ngữ cảnh bao gồm những nhân tố nào?	**3. Ngữ cảnh** + Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo văn bản. + Ngữ cảnh bao gồm các nhân tố: nhân vật giao tiếp, bối cảnh rộng (bối cảnh văn hóa), bối cảnh hẹp (bối cảnh tình huống), hiện thực được đề cập đến và văn cảnh.
4) Nhân vật giao tiếp có vai trò và đặc điểm gì?	**4. Nhân vật giao tiếp** Nhân vật giao tiếp là nhân tố quan trọng nhất trong ngữ cảnh. Các nhân vật giao tiếp đều phải có cả năng lực tạo lập và năng lực lĩnh hội văn bản. Trong giao tiếp ở dạng nói, họ thường đổi vai cho nhau hay luân phiên lượt lời. Các nhân vật giao tiếp có những đặc điểm về các phương diện: vị thế xã hội, quan hệ thân sơ, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tầng lớp xã hội, vốn sống, văn hóa,… Những đặc điểm đó luôn chi phối nội dung và cách thức giao tiếp bằng ngôn ngữ.
5) Tại sao nói ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội và lời nói là sản phẩm của cá nhân?	**5. Ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội và lời nói là sản phẩm của cá nhân** Khi giao tiếp, các nhân vật giao tiếp sử dụng ngôn ngữ chung của xã hội để tạo ra lời nói- những sản phẩm cụ thể của cá nhân. Trong hoạt động đó, các nhân vật giao tiếp vừa sử dụng những yếu tố của hệ thống ngôn ngữ chung và tuân thủ những quy tắc, chuẩn mực chung, đồng thời biểu lộ những nét riêng trong năng lực ngôn ngữ của cá nhân. Cá nhân sử dụng tài sản chung đồng thời cũng làm giàu thêm cho tài sản ấy.
6) Thế nào là nghĩa của câu? Câu có mấy thành phần nghĩa? Là những thành phần nào? Đặc điểm của mỗi thành phần?	**6. Nghĩa của câu** Trong hoạt động giao tiếp, mỗi câu đều có nghĩa. + Nghĩa của câu là nội dung mà câu biểu đạt. + Mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa: nghĩa sự việc và nghĩa tình thái. Nghĩa sự việc ứng với sự việc mà câu đề cập đến. Nghĩa tình thái thể hiện thái độ, tình cảm, sự nhìn nhận, đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe.
7) Làm thế nào để giữ gìn sự	**7. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt**

<table>
<tr>
<td>trong sáng của tiếng Việt?
- HS ôn tập lại những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ trên cơ sở câu hỏi và những gợi ý của GV.</td>
<td>Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các nhân vật giao tiếp cần có ý thức, thói quen và kĩ năng giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt:
+ Mỗi cá nhân cần nắm vững các chuẩn mực ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực.
+ Vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngôn ngữ theo các phương thức chung.
+ Khi cần thiết có thể tiếp nhận những yếu tố tích cực của các ngôn ngữ khác, tuy cần chống lạm dụng tiếng nước ngoài.</td>
</tr>
<tr>
<td>- Gv yêu cầu HS đọc đoạn trích (SGK) và phân tích theo các yêu cầu:
1) Phân tích sự đổi vai và luân phiên lượt lời trong hoạt động giao tiếp trên. Những đặc điểm của hoạt động giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói thể hiện qua những chi tiết nào? (lời nhân vật và lời tác giả).</td>
<td>II. Luyện tập
1. Sự đổi vai và luân phiên lượt lời trong hoạt động giao tiếp giữa lão Hạc và ông giáo:
<table>
<tr><th>Lão Hạc (nói)</th><th>Ông giáo (nói)</th></tr>
<tr><td>- Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!</td><td>- Cụ bán rồi?</td></tr>
<tr><td>- Bán rồi! Họ vừa bắt xong.</td><td>- Thế nó cho bắt a?</td></tr>
<tr><td>- Khốn nạn… nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!</td><td>- Cụ cứ tưởng thế …để cho nó làm kiếp khác.</td></tr>
<tr><td>- Ông giáo nói phải!... như kiếp tôi chẳng hạn!</td><td>- Kiếp ai cũng thế thôi… hơn chăng?</td></tr>
<tr><td>- Thế thì… kiếp gì cho thật sung sướng?</td><td></td></tr>
</table>
Những đặc điểm của hoạt động giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói thể hiện qua những chi tiết:
+ Hai nhân vật: lão Hạc và ông giáo luân phiên đổi vai lượt lời. Lão Hạc là người nói trước và kết thúc sau nên số lượt nói của lão là 5 còn số lượt nói của ông giáo là 4. Vì tức thời nên có lúc ông giáo chưa biết nói gì, chỉ "hỏi cho có chuyện" (Thế nó cho bắt à?)
+ Đoạn trích rất đa dạng về ngữ điệu: ban đầu lão Hạc nói với giọng thông báo (Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!), tiếp đến là giọng than thở, đau khổ, có lúc nghẹn lời (…), cuối cùng thì giọng đầy chua chát (…). Lúc đầu, ông giáo hỏi với giọng ngạc nhiên (- Cụ bán rồi?), tiếp theo là giọng vỗ về an ủi và cuối cùng là giọng bùi ngùi.
+ Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nói ở đoạn trích trên, nhân vật giao tiếp còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ, nhất là nhân vật lão Hạc: lão "cười như mếu", "mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những nếp nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra…).
+ Từ ngữ dùng trong đoạn trích khá đa dạng nhất là những từ mang tính khẩu ngữ, những từ đưa đẩy, chêm xen (đi đời rồi, rồi, à, ư, khốn nạn, chả hiểu gì đâu, thì ra,…).
+ Về câu, một mặt đoạn trích dùng những câu tỉnh lược (Bán rồi! Khốn nạn…Ông giáo ơi!), mặt khác nhiều câu lại có yếu tố dư thừa, trùng lặp (Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Thì ra tôi bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó., …).</td>
</tr>
</table>

2) Các nhân vật giao tiếp có vị thế xã hội, quan hệ thân sơ và những đặc điểm gì riêng biệt? Phân tích sự chi phối của những điều đó đến nội dung và cách thức nói trong lượt lời nói đầu tiên của lão Hạc.	2. Các nhân vật giao tiếp có vị thế xã hội, quan hệ thân sơ và những đặc điểm riêng biệt chi phối đến nội dung và cách thức giao tiếp: + Lão Hạc là một lão nông nghèo khổ, cô đơn. Vợ chết. Anh con trai bỏ đi làm ăn xa. Lão Hạc chỉ có "cậu vàng" là "người thân" duy nhất. Ông giáo là một trí thức nghèo sống ở nông thôn. Hoàn cảnh của ông giáo cũng hết sức bi đát. Quan hệ giữa ông giáo và lão Hạc là quan hệ hàng xóm láng giềng. Lão Hạc có việc gì cũng tâm sự, hỏi ý kiến ông giáo. + Những điều nói trên chi phối đến nội dung và cách thức nói của các nhân vật. Trong đoạn trích, ở lời thoại thứ nhất của lão Hạc ta thấy rất rõ: - Nội dung của lời thoại: Lão Hạc thông báo với ông giáo về việc bán "cậu vàng". - Cách thức nói của lão Hạc: "nói ngay", nói ngắn gọn, thông báo trước rồi mới hô gọi (ông giáo ạ!) sau. - Sắc thái lời nói: Đối với sự việc (bán con chó), lão Hạc vừa buồn vừa đau (gọi con chó là "cậu vàng", coi việc bán nó là giết nó: "đi đời rồi"). Đối với ông giáo, lão Hạc tỏ ra rất kính trọng vì mặc dù ông giáo ít tuổi hơn nhưng có vị thế hơn, hiểu biết hơn (gọi là "ông" và đệm từ "ạ" ở cuối).
3) Phân tích nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu: "Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết!".	3. Nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu: "Bấy giờ cu cạu mới biết là cu cậu chết!": - Nghĩa sự việc: thông báo việc con chó biết nó chết (cu cậu biết là cu cậu chết). - Nghĩa tình thái: + Người nói rất yêu quý con chó (gọi nó là "cu cậu". + Việc con chó biết nó chết là một bất ngờ (bấy giờ… mới biết là…).
4) Trong đoạn trích có hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật, đồng thời khi người đọc đọc đoạn trích lại có một hoạt động giao tiếp nữa giữa họ và nhà văn Nam Cao. Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa hai hoạt động giao tiếp đó. *- Sau mỗi câu hỏi, GV nhận xét và nêu câu hỏi tiếp theo.* *- HS đọc kĩ đoạn trích, thảo luận về các yêu cầu đặt ra, phát biểu ý kiến và tranh luận trước lớp.*	4. Trong đoạn trích có hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật, đồng thời khi người đọc đọc đoạn trích lại có một hoạt động giao tiếp nữa giữa họ nhà văn Nam Cao: + Hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật là hoạt động giao tiếp trực tiếp có sự luân phiên đổi vai lượt lời, có sự hỗ trợ bởi ngữ điệu, cử chỉ, ánh mắt,… Có gì chưa hiểu, hai nhân vật có thể trao đổi qua lại. + Hoạt động giao tiếp giữa nhà văn Nam Cao và bạn đọc là hoạt động giao tiếp gián tiếp (dạng viết). Nhà văn tạo lập văn bản ở thời điểm và không gian cách biệt với người đọc. Vì vậy, có những điều nhà văn muốn thông báo, gửi gắm không được người đọc lĩnh hội hết. Ngược lại, có những điều người đọc lĩnh hội nằm ngoài ý định tạo lập của nhà văn.

🕮 3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Câu 1: Hoạt động giao tiếp bao gồm quá trình nào dưới đây? a/ Quá trình nói và quá trình nghe b/ Quá trình viết văn bản và quá trình lĩnh hội văn bản c/Quá trình tạo lập văn bản và quá trình lĩnh hội văn bản; d/ Quá trình phát thông tin và quá trình tiếp nhận thông tin Câu 2: Để lĩnh hội thấu đáo văn bản, người ta dựa vào yếu tố nào? a/ Ngữ cảnh giao tiếp b/ Nhân vật giao tiếp c/ Hoạt động giao tiếp d/ Văn cảnh - HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**2c,4a**

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

Tự lập các bản tổng kết khác
Dặn dò: Chuẩn bị bài *Tổng kết làm văn*
Hướng dẫn HS chuẩn bị ở nhà :
Giao cho 4 tổ chuẩn bị 4 nội dung
Tổ 1 : Các kiểu văn bản được học ở THPT.
Tổ 2 : Các bước của quá trình viết một văn bản nói chung.
Tổ 3 : Viết văn bản nghị luận.
Tổ 4 : Viết nghị luận xã hội và nghị luận văn học.

Tuần: 32
Tiết: 96

ÔN TẬP PHẦN LÀM VĂN

1. Mục tiêu bài học:
1.1. Kiến thức : giúp học sinh
- Dạng bài nghị luận xã hội và nghị luận văn học
- Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường; Lập luận trong văn nghị luận
- Bố cục của bài văn nghị luận; *Diễn đạt trong văn nghị luận*

1.2.Kĩ năng:

-Phân tích đề, lập dàn ý cho bài văn nghị luận
-Vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận và phương thức biểu đạt trong việc viết đoạn văn, bài văn nghị luận
- Phát hiện và khắc phục các lỗi về diễn đạt trong văn nghị luận
-Viết văn bản tổng kết tri thức và hoạt động thực tiễn.

1.3. Thái độ: Vận dụng kiến thức đã học để viết bài văn hoàn chỉnh với nhiều dạng đề khác nhau.

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan văn bản nghị luận;
- Năng lực đọc – hiểu các văn bản nghị luận
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về văn bản nghị luận
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các kiểu văn bản nghị luận;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: *Trình bày yêu cầu diễn đạt trong văn nghị luận*

3.3. Tiến trình bài học:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: Cho 2 đề văn sau: 1/ Phân tích quan niệm mang tính truyền thống trong tình yêu của Xuân Quỳnh qua bài thơ Sóng. 2/ Viết đoạn văn (khoảng 200 từ) bày tỏ suy nghĩ về tình yêu của tuổi trẻ hôm nay được rút ra từ bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh. Em hãy chỉ ra sự khác nhau của 2 đề trên - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Khác nhau đó là: Đề 1 là nghị luận văn học, đề 2 là nghị luận xã hội Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong 3 năm học ở THPT, các em đã được tiếp thu và thực hành nhiều dạng bài làm văn. Hôm nay, chúng ta sẽ ôn tập lại toàn bộ các dạng bài này.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**Kiến thức cần đạt**
Thao tác 1- GV yêu cầu HS nhớ lại và thống kê các kiểu loại văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn THPT và cho biết những yêu cầu cơ bản của các kiểu loại đó. - GV đánh giá quá trình làm việc của HS và nhấn mạnh một số kiến thức cơ bản. HS hoàn thành bảng sau: Đặc điểm / Văn bản | Kết cấu | Đề tài Tự sự | | | Thuyết minh | | | Nghị luận | | |	**I. Ôn tập các tri thức chung** **1. Các kiểu loại văn bản** a) Tự sự: Trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân- quả dẫn đến kết cục nhằm biểu hiện con người, đời sống, tư tưởng, thái độ,… b) Thuyết minh: Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả,… của sự vật, hiện tượng, vấn đề,… giúp gười đọc có tri thức và thái độ đúng đắn đối với đối tượng được thuyết minh. c) Nghị luận: Trình bày tư tưởng, quan điểm, nhận xét, đánh giá,… đối với các vấn đề xã hội hoặc văn học qua các luận điểm, luận cứ, lập luận có tính thuyết phục. Ngoài ra, còn có các loại văn bản: Kế hoạch cá

Báo chí		
Hành chính		

Thao tác 2- GV nêu câu hỏi:

Để viết được một văn bản cần thực hiện những công việc gì?

- HS làm việc theo nhóm (mỗi nhóm thống kê một khối lớp) và các nhóm lần lượt trình bày.

Các bước chính	Các thao tác cụ thể của từng bước
Định hướng	Xác định đề tài, tìm hiểu thông tin liên quan
Lập chương trình	Tìm hiểu đề, tìm ý, lập ý
Hiện thực hoá chương trình	Viết văn bản
Kiểm tra, đánh giá	Đọc lại,sửa chữa, hoàn chỉnh lại văn bản

- HS nhớ lại những kiến thức đã học để trả lời.

nhân, quảng cáo, bản tin, văn bản tổng kết,…

2. Cách viết văn bản

Để viết được một văn bản cần thực hiện những công việc:

+ Nắm vững đặc điểm kiểu loại văn bản và mục đích, yêu cầu cụ thể của văn bản.

+ Hình thành ý và sắp xếp thành dàn ý cho văn bản.

+ Viết văn bản: Mỗi câu trong văn bản tập trung thể hiện một chủ đề và triển khai chủ đề đó một cách trọn vẹn. Các câu trong văn bản có sự liên kết chặt chẽ, đồng thời cả văn bản được xây dựng theo một kết cấu mạch lạc. Mỗi văn bản có dấu hiệu biểu hiện tính hoàn chỉnh về nội dung và tương ứng với nội dung là hình thức thích hợp.

Thao tác 1- GV nêu câu hỏi để HS ôn lại đề tài cơ bản của văn nghị luận:

a) Có thể chia đề tài của văn nghị luận trong nhà trường thành những nhóm nào?

b) Khi viết nghị luận về các đề tài đó, có những điểm gì chung và khác biệt?

- HS nhớ lại kiến thức đã học và trình bày lần lượt từng vấn đề. Các học sinh khác có thể nhận xét, bổ sung nếu chưa đủ hoặc thiếu chính xác.

HS hoàn thành bảng sau:

Các vấn đề cơ bản	Đặc điểm cụ thể của từng vấn đề
Đề tài	
Lập luận	
Bố cục	
Diễn đạt	

Thao tác 2- GV nêu câu hỏi ôn tập về lập luận trong văn nghị luận:

a) Lập luận gồm những yếu tố nào?

II. Ôn tập các tri thức văn nghị luận

1. Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường.

a) Có thể chia đề tài của văn nghị luận trong nhà trường thành 2 nhóm: nghị luận xã hội (các đề tài thuộc lĩnh vực xã hội) và nghị luận văn học (các đề tài thuộc lĩnh vực văn học)

b) Khi viết nghị luận về các đề tài đó, có những điểm chung và những điểm khác biệt:

+ Điểm chung:

- Đều trình bày tư tưởng, quan điểm, nhận xét, đánh giá,… đối với các vấn đề nghị luận.

- Đều sử dụng các luận điểm, luận cứ, các thao tác lập luận có tính thuyết phục.

+ Điểm khác biệt:

- Đối với đề tài nghị luận xã hội, người viết cần có vốn sống, vốn hiểu biết thực tế, hiểu biết xã hội phong phú, rộng rãi và sâu sắc.

- Đối với đề tài nghị luận văn học, người viết cần có kiến thức văn học, khả năng lí giải các vấn đề văn học, cảm thụ các tác phẩm, hình tượng văn học.

2. Lập luận trong văn nghị luận

a) Lập luận là đưa ra các lí lẽ, bằng chứng nhằm dẫn dắt người đọc (người nghe) đến một kết luận nào đó mà người viết (người nói) muốn đạt tới. Lập luận gồm những yếu tố: luận điểm, luận cứ, phương pháp lập luận.

b) Thế nào là luận điểm, luận cứ và phương pháp lập luận? Quan hệ giữa luận điểm và luận cứ?	b) Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của người viết (nói) về vấn đề nghị luận. Luận điểm cần chính xác, minh bạch. Luận cứ là những lí lẽ và bằng cứ được dùng để soi sáng cho luận điểm.
c) Yêu cầu cơ bản và cách xác định luận cứ cho luận điểm.	c) Yêu cầu cơ bản và cách xác định luận cứ cho luận điểm: + Lí lẽ phải có cơ sở, phải dựa trên những chân lí, những lí lẽ đã được thừa nhận. + Dẫn chứng phải chính xác, tiêu biểu, phù hợp với lí lẽ. + Cả lí lẽ và dẫn chứng phải phù hợp với luận điểm, tập trung làm sáng rõ luận điểm.
d) Nêu các lỗi thường gặp khi lập luận và cách khắc phục.	d) Các lỗi thường gặp khi lập luận và cách khắc phục: + Nêu luận điểm không rõ ràng, trùng lặp, không phù hợp với bản chất của vấn đề cần giải quyết. + Nêu luận cứ không đầy đủ, thiếu chính xác, thiếu chân thực, trùng lặp hoặc quá rườm rà, không liên quan mật thiết đến luận điểm cần trình bày. + Lập luận mâu thuẫn, luận cứ không phù hợp với luận điểm.
đ) Kể tên các thao tác lập luận cơ bản, cho biết cách tiến hành và sử dụng các thao tác lập luận đó trong bài nghị luận.	đ) Các thao tác lập luận cơ bản: + Thao tác lập luận phan tích. + Thao tác lập luận so sánh. + Thao tác lập luận bác bỏ. + Thao tác lập luận bình luận.
Thao tác 3- GV nêu câu hỏi ôn tập về bố cục bài nghị luận: *a) Mở bài có vai trò như thế nào? Phải đạt những yêu cầu gì? Cách mở bài cho các kiểu nghị luận.*	Cách tiến hành và sử dụng các thao tác lập luận trong bài nghị luận: sử dụng một cách tổng hợp các thao tác lập luận. **3. Bố cục của bài văn nghị luận** a) Mở bài có vai trò nêu vấn đề nghị luận, định hướng cho bài nghị luận và thu hút sự chú ý của người đọc (người nghe). Yêu cầu của mở bài: thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài; hướng người đọc (người nghe) vào đề tài một cách tự nhiên; gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản. Cách mở bài: có thể nêu vấn đề một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.
b) Vị trí phần thân bài? Nội dung cơ bản? Cách sắp xếp các nội dung đó? Sự chuyển ý giữa các đoạn?	b) Thân bài là phần chính của bài viết. Nội dung cơ bản của phần thân bài là triển khai vấn đề thành các luận điểm, luận cứ với cách sử dụng các phương pháp lập luận thích hợp. Các nội dung trong phần thân bài phải được sắp xếp một cách có hệ thống, các nội dung phải có quan hệ lôgíc chặt chẽ.
c) Vai trò và yêu cầu của phần kết bài? Cách kết cho các kiểu nghị luận đã học? - HS khái quát lại kiến thức đã học và trình	

bày lần lượt từng vấn đề. Các học sinh khác có thể nhận xét, bổ sung nếu chưa đủ hoặc thiếu chính xác. **Thao tác** 4- GV nêu câu hỏi ôn tập về diễn đạt trong văn nghị luận: *a) Yêu cầu của diễn đạt? Cách dùng từ, viết câu và giọng văn?* *b) Các lỗi về diễn đạt và cách khắc phục.* - HS suy nghĩ và trả lời - HS khái quát lại kiến thức đã học và trình bày lần lượt từng vấn đề. Các học sinh khác có thể nhận xét, bổ sung nếu chưa đủ hoặc thiếu chính xác.	Giữa các đoạn trong thân bài phải có sự chuển ý để đảm bảo tính liên kết giữa các ý, các đoạn. c) Kết bài có vai trò thông báo về sự kết thúc của việc trình bày đề tài, nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề; gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn. **4. Diễn đạt trong văn nghị luận** + Lựa chọn các từ ngữ chính xác, phù hợp với vấn đề cần nghị luận, tránh dùng từ khẩu ngữ hoặc những từ ngữ sáo rỗng, cầu kì; Kết hợp sử dụng những biện pháp tu từ từ vựng (ẩn dụ, hoán dụ, so sánh,…) và một số từ ngữ mang tính biểu cảm, gợi hình tượng để bộc lộ cảm xúc phù hợp. + Phối hợp một số kiểu câu trong đoạn, trong bài để tránh sự đơn điệu, nặng nề, tạo nên giọng điệu linh hoạt, biểu hiện cảm xúc: câu ngắn, câu dài, câu mở rộng thành phần, câu nhiều tầng bậc, …Sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp để tạo nhịp điệu, nhấn mạnh rõ hơn thái độ, cảm xúc: lặp cú pháp, song hành, liệt kê, câu hỏi tu từ,… + Giọng điệu chủ yếu của lời văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc. Các phần trong bài văn có thể thay đổi giọng điệu sao cho thích hợp với nội dung cụ thể: sôi nổi, mạnh mẽ, trầm lắng, hài hước,… + Các lỗi về diễn đạt thường gặp: dùng từ ngữ thiếu chính xác, lặp từ, thừa từ, dùng từ ngữ không đúng phong cách; sử dụng câu đơn điệu, câu sai ngữ pháp; sử dụng giọng điệu không phù hợp với vấn đề nghị luận,…
- GV yêu cầu 1 HS đọc 2 đề văn (SGK) và hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu luyện tập. a) Tìm hiểu đề: - Hai đề bài yêu cầu viết kiểu bài nghị luận nào? - Các thao tác lập luận cần sử dụng để làm bài là gì? - Những luận điểm cơ bản nào cần dự kiến cho bài viết? b) Lập dàn ý cho bài viết. Trên cơ sở tìm hiểu đề, GV chia HS thành hai nhóm, mỗi nhóm tiến hành lập dàn ý cho một đề bài. Mỗi nhóm cử đại diện trình bày trên bảng để cả lớp phân tích, nhận xét. HS thực hiện các yêu cầu luyện tập.	1. Đề văn (SGK). 2. Yêu cầu luyện tập: a) Tìm hiểu đề: + Kiểu bài: nghị luận xã hội (đề 1), nghị luận văn học (đề 2). + Thao tác lập luận: cả 2 đề đều vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận. Tuy nhiên, đề 1 chủ yếu vận dụng thao tác bình luận; đề 2 chủ yếu vận dụng thao tác phân tích. + Những luận điểm cơ bản cần dự kiến cho bài viết: - Với đề 1: Trước hết cần khẳng định câu nói của Xô-cơ-rát với người khách và giải thích tại sao ông lại nói như vậy? Sau đó rút ra bài học từ câu chuyện và bình luận. - Với đề 2: Trước hết cần chọn đoạn thơ để phân tích. Sau đó căn cứ vào nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của đoạn để chia thành các

HS thành hai nhóm, mỗi nhóm tiến hành lập dàn ý cho một đề bài. Mỗi nhóm cử đại diện trình bày trên bảng để cả lớp phân tích, nhận xét.	luận điểm. b) Lập dàn ý cho bài viết: Tham khảo sách Bài tập Ngữ văn 12 hoặc Dàn bài làm văn 12.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

Củng cố và hoàn thiện kiến thức, kĩ năng qua việc thành lập dàn ý, viết đoạn văn, bài văn nghị luận xã hội và nghị luận văn học. Soạn bài mới: GIÁ TRỊ VĂN HỌC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC

Tuần: 33
Tiết: 97,98

GIÁ TRỊ VĂN HỌC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC

1. Mục tiêu bài học:
1.1. Kiến thức : giúp học sinh
- Những giá trị cơ bản của văn học

- Tiếp nhận trong đời sống văn học, tính chất và các cấp độ tiếp nhận văn học.

1.2.Kĩ năng

- Vận dụng những hiểu biết về giá trị văn học để phân tích có chiều sâu các tác phẩm văn học;
- Vận dụng các hiểu biết về tiếp nhận văn học để có thể cảm thụ tác phẩm văn học ở cấp độ cao nhất.

1.3. Thái độ: Vận dụng kiến thức lí luận văn học để tích hợp kiến thức liên môn (phân môn)
1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến lí luận văn học;
- Năng lực đọc – hiểu các văn bản liên quan đến lí luận văn học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giá trị văn học và tiếp nhận văn học;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị văn học và tiếp nhận văn học;
- Năng lực phân tích, so sánh sự khác nhau trong quá trình tiếp nhận văn học;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận mang tính lí luận.

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: *Trình bày yêu cầu diễn đạt trong văn nghị luận*

3.3. Tiến trình bài học: tiết 97

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: Qua hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng ở phần đầu truyện Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu, em nhận thức được điều gì về cuộc sống và con người thời hậu chiến? Em tỏ thái độ gì với từng nhân vật trong truyện? Em thấy hình ảnh chiếc thuyền ngoài xa có đẹp không? - HS thực hiện nhiệm vụ: Ôn lại truyện đã học, tập trung 3 câu hỏi để trả lời. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Từ truyện Chiếc thuyền ngoài xa, ta thất tác phẩm văn học có nhiều giá trị. Mỗi người đến với tác phẩm đều có cái nhìn khác nhau. Đó là những vấn đề liên quan đến giá trị văn học và Tiếp nhận văn học mà chúng ta sẽ tìm hiểu hôm nay.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**Kiến thức cần đạt**
Thao tác 1- GV nêu câu hỏi: *Thế nào là giá trị văn học? Văn học có những giá trị cơ bản nào?* **Thao tác** 2- Một HS đọc mục 1 - GV nêu yêu cầu: *Hãy nêu vắn tắt cơ sở xuất hiện và nội dung của giá trị nhận thức và cho ví dụ.* - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính. Nêu ví dụ cho từng nội dung giá trị nhận thức: + Nhận thức về thế giới sâu rộng trong những không gian, thời gian khác nhau (không giới hạn). Ví dụ: từ Mùa lá rụng trong	**I. Giá trị văn học** **1. Khái quát chung** + Giá trị văn học là sản phẩm kết tinh từ quá trình văn học, đáp ứng những nhu cầu khác nhau của cuộc sống con người, tác động sâu sắc tới con người và cuộc sống. + Những giá trị cơ bản: - Giá trị nhận thức. - Giá trị giáo dục. - Giá trị thẩm mĩ. **2. Giá trị nhận thức** + Cơ sở: - Tác phẩm văn học là kết quả của quá trình nhà văn khám phá, lí giải hiện thực đời sống rồi chuyển hóa những hiểu biết đó vào nội dung tác phẩm. Bạn đọc đến với tác phẩm sẽ được đáp ứng nhu cầu nhận thức. - Mỗi người chỉ sống trong một khoảng thời gian nhất định, ở những không gian nhất định với những mối quan hệ nhất định. Văn học có khả năng phá vỡ giới hạn tồn tại trong thời gian, không gian thực tế của mỗi cá nhân, đem lại khả năng sống cuộc sống của nhiều người, nhiều thời, nhiều nơi.

v−ờn đến Thời xa vắng ở miền Bắc; từ Bắt sấu ở U Minh Hạ miền Nam đến hành trình Hai vạn dặm dưới biển vòng quanh thế giới, từ Iliát, Ôđixê ở châu Âu đến Nàng Xita Ấn Độ ,Từ tiểu thuyết lịch sử Tam quốc diễn nghĩa Trung Hoa đến thơ Hai C− Nhật Bản, săn cá châu Mĩ... + Nhận thức về con người (vẻ đẹp hình thể, vẻ đẹp tâm hồn, trí tuệ, lí tưởng, khát vọng, bi kịch...) qua các nhân vật văn học. Văn học là nhân học. Ví dụ: Cô Tấm, Thạch Sanh, nàng Kiều, LụcVân Tiên, chị Dậu, Xantiagô, Xôcôlốp... **Thao tác** 3- Một HS đọc mục 2 (phần I- SGK). - GV nêu yêu cầu: *Hãy nêu vắn tắt cơ sở xuất hiện và nội dung của giá trị giáo dục và cho ví dụ.* - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản. - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính. Nêu ví dụ cho từng nội dung giá trị giáo dục.	- Giá trị nhận thức là khả năng của văn học có thể đáp ứng được yêu cầu của con người muốn hiểu biết cuộc sống và chính bản thân, từ đó tác động vào cuộc sống một cách có hiệu quả. + Nội dung: - Quá trình nhận thức cuộc sống của văn học: nhận thức nhiều mặt cuộc sống với những thời gian, không gian khác nhau (quá khứ, hiện tại, tương lai, các vùng đất, các dân tộc, phong tục, tập quán,…). Ví dụ (…). - Quá trình tự nhận thức của văn học: người đọc hiểu được bản chất của con người nói chung (mục đích tồn tại, tư tưởng, khát vọng, sức mạnh,… của con người), từ đó mà hiểu chính bản thân mình. Ví dụ (…). **3. Giá trị giáo dục** + Cơ sở: - Con người không chỉ có nhu cầu hiểu biết mà còn có nhu cầu hướng thiện, khao khát cuộc sống tốt lành, chan hòa tình yêu thương. - Nhà văn luôn bộc lộ tư tưởng- tình cảm, nhận xét, đánh giá, … của mình trong tác phẩm. Điều đó tác động lớn và có khả năng giáo dục người đọc. - Giá trị nhận thức luôn là tiền đề của giá trị giáo dục. Giá trị giáo dục làm sâu sắc thêm giá trị nhận thức. + Nội dung: - Văn học đem đến cho con người những bài học quý giá về lẽ sống. Ví dụ (…). - Văn học hình thành trong con người một lí tưởng tiến bộ, giúp họ có thái độ và quan điểm đúng đắn về cuộc sống. Ví dụ (…). - Văn học giúp con người biết yêu ghét đúng đắn, làm cho tâm hồn con người trở nên lành mạnh, trong sáng, cao thượng hơn. Ví dụ (…). - Văn học nâng đỡ cho nhân cách con người phát triển, giúp cho họ biết phân biệt phải- trái, tốt- xấu, đúng- sai, có quan hệ tốt đẹp và biết gắn bó cuộc sống của cá nhân mình với cuộc sống của mọi người. Ví dụ (…). + Đặc trưng giáo dục của văn học là từ con đường cảm xúc tới nhận thức, tự giáo dục (khác với pháp luật, đạo đức,…). Văn học cảm hóa con người bằng hình tượng, bằng cái thật, cái đúng, cái đẹp nên nó giáo dục một cách tự giác, thấm sâu, lâu bền. Văn học không chỉ góp phần hoàn thiện bản thân con người mà còn hướng con người tới những hành động cụ thể, thiết thực, vì một cuộc đời ngày càng tốt đẹp hơn. Ví dụ (…). **4. Giá trị thẩm mĩ** + Cơ sở:

Thao tác 4- Một HS đọc mục 3 (phần I- SGK). - GV nêu yêu cầu: *Hãy nêu vắn tắt cơ sở xuất hiện và nội dung của giá trị thẩm mĩ và cho ví dụ.* - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản. - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính. Nêu ví dụ cho từng nội dung giá trị thẩm mĩ. - HS bằng năng lực khái quát, liên tưởng, suy nghĩ cá nhân và trình bày. **Thao tác** 5- GV nêu câu hỏi: *3 giá trị của văn học có mối quan hệ với nhau như thế nào?* - GV nhận xét và nhấn mạnh mối quan hệ của 3 giá trị. - HS dựa vào nội dung SGK và nhận thức cá nhân để trả lời câu hỏi.	- Con người luôn có nhu cầu cảm thụ, thưởng thức cái đẹp. - Thế giới hiện thực đã có sẵn vẻ đẹp nhưng không phải ai cũng có thể nhận biết và cảm thụ. Nhà văn, bằng năng lực của mình đã đưa cái đẹp vào tác phẩm một cách nghệ thuật, giúp người đọc vừa cảm nhận được cái đẹp cuộc đời vừa cảm nhận được cái đẹp của chính tác phẩm. - Giá trị thẩm mĩ là khả năng của văn học có thể đem đến cho con người những rung động trước cái đẹp (cái đẹp cuộc sống và cái đẹp của chính tác phẩm). + Nội dung: - Văn học đem đến cho con người những vẻ đẹp muôn hình, muôn vẻ của cuộc đời (thiên nhiên, đất nước, con người, cuộc đời, lịch sử,…). Ví dụ (…). - Văn học đi sâu miêu tả vẻ đẹp con người (ngoại hình, nội tâm, tư tưởng- tình cảm, những hành động, lời nói, …). Ví dụ (…). - Văn học có thể phát hiện ra vẻ đẹp của những sự vật rất nhỏ bé, bình thường và cả vẻ đẹp đồ sộ, kì vĩ. Ví dụ (…). - Hình thức đẹp của tác phẩm (kết cấu, ngôn ngữ,…) cũng chính là một nội dung quan trọng của giá trị thẩm mĩ. Ví dụ (…). **5. Mối quan hệ giữa các giá trị văn học** + 3 giá trị có mối quan hệ mật thiết, không tách rời, cùng tác động đến người đọc (khái niệm chân- thiện- mĩ của cha ông). + Giá trị nhận thức luôn là tiền đề của giá trị giáo dục. Giá trị giáo dục làm sâu sắc thêm giá trị nhận thức. Giá trị thẩm mĩ khiến cho giá trị nhận thức và giá trị giáo dục được phát huy. Không có nhận thức đúng đắn thì văn học không thể giáo dục được con người vì nhận thức không chỉ để nhận thức mà nhận thức là để hành động. Tuy nhiên, giá trị nhận thức và giá trị giáo dục chỉ có thể phát huy một cách tích cực nhất, có hiệu quả cao nhất khi gắn với giá trị thẩm mĩ- giá trị tạo nên đặc trưng của văn học.
TIẾT 98 **Thao tác** 1- Một HS đọc mục 1 và 2 (phần II- SGK). - GV nêu câu hỏi: *1) Tiếp nhận văn học là gì?* *2) Phân tích các tính chất trong tiếp nhận văn học.* - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.	**II. Tiếp nhận văn học** **1. Tiếp nhận trong đời sống văn học** Tiếp nhận văn học là quá trình người đọc hòa mình vào tác phẩm, rung động với nó, đắm chìm trong thế giới nghệ thuật được dựng lên bằng ngôn từ, lắng tai nghe tiếng nói của tác giả, thưởng thức cái hay, cái đẹp, tài nghệ của người nghệ sĩ sáng tạo. Bằng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống, vốn văn hóa và bằng cả tâm hồn mình, người đọc khám phá ý nghĩa từng của câu chữ, cảm nhận sức sống của từng hình ảnh, hình tượng, nhân vật,… làm

Thao tác 2- Một HS đọc mục 3 (phần II- SGK). - GV nêu câu hỏi: *a) Có mấy cấp độ tiếp nhận văn học?* *b) Làm thế nào để tiếp nhận văn học có hiệu quả thực sự?* - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản. - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính- nêu khái niệm, phân tích tính chất- có ví dụ. - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính (có ví dụ).	cho tác phẩm từ một văn bản khô khan biến thành một thế giới sống động, đầy sức cuốn hút. Tiếp nhận văn học là hoạt động tích cực của cảm giác, tâm trí người đọc nhằm biến văn bản thành thế giới nghệ thuật trong tâm trí mình. + Phân biệt tiếp nhận và đọc: tiếp nhận rộng hơn đọc vì tiếp nhận có thể bằng truyền miệng hoặc bằng kênh thính giác (nghe). **2. Tính chất tiếp nhận văn học** Tiếp nhận văn học thực chất là một quá trình giao tiếp (tác giả và người tiếp nhận, người nói và người nghe, người viết và người đọc, người bày tỏ và người chia sẻ, cảm thông). Vì vậy, gặp gỡ, đồng điệu hoàn toàn là điều khó. Điều này thể hiện ở 2 tính chất cơ bản sau: + Tính chất cá thể hóa, tính chủ động, tích cực của người tiếp nhận. Các yếu tố thuộc về cá nhân có vai trò quan trọng: năng lực, thị hiếu, sở thích, lứa tuổi, trình độ học vấn, kinh nghiệm sống,…Tính khuynh hướng trong tư tưởng, tình cảm, trong thị hiếu thẩm mĩ làm cho sự tiếp nhận mang đậm nét cá nhân. Chính sự chủ động, tích cực của gười tiếp nhận đã làm tăng thêm sức sống cho tác phẩm. Ví dụ (…). + Tính đa dạng, không thống nhất: cảm thụ, đánh giá của công chúng về một tác phẩm rất khác nhau, thậm chí cùng một người ở nhiều thời điểm có nhiều khác nhau trong cảm thụ, đánh giá. Nguyên nhân ở cả tác phẩm (nội dung phong phú, hình tượng phức tạp, ngôn từ đa nghĩa,…) và người tiếp nhận (tuổi tác, kinh nghiệm, học vấn, tâm trạng,…). Ví dụ (…). **3. Các cấp độ tiếp nhận văn học** a) Có 3 cấp độ tiếp nhận văn học: + Cấp độ thứ nhất: cảm thụ chỉ tập trung vào nội dung cụ thể, nội dung trực tiếp của tác phẩm. Đây là cách tiếp nhận đơn giản nhưng khá phổ biến. + Cấp độ thứ hai: cảm thụ qua nội dung trực tiếp để thấy được nội dung tư tưởng của tác phẩm. + Cấp độ thứ ba: cảm thụ chú ý đến cả nội dung và hình thức để thấy được cả giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. b) Để tiếp nhận văn học có hiệu quả thực sự, người tiếp nhận cần: + Nâng cao trình độ. + Tích lũy kinh nghiệm. + Trân trọng tác phẩm, tìm cách hiểu tác phẩm một cách khách quan, toàn vẹn. + Tiếp nhận một cách chủ động, tích cực, sáng tạo, hướng tới cái hay, cái đẹp, cái đúng. + Không nên suy diễn tùy tiện.

- *GV hướng dẫn, gợi ý để HS tự làm .* ***Bài tập 1:*** Có người cho giá trị cao quý nhất của văn chương là nuôi dưỡng đời sống tâm hồn con người, hay nói như Thạch Lam là "làm cho lòng người được trong sạch và phong phú hơn". Nói như vậy có đúng không? Vì sao? ***Bài tập 2:*** Phân tích một tác phẩm văn học cụ thể (tự chọn) để làm sáng tỏ các giá trị (hoặc các cấp độ) trong tiếp nhận văn học. ***Bài tập 3: Thế nào là cảm và hiểu trong tiếp nhận văn học.*** *HS tự làm .*	**III. Luyện tập** ***Bài tập 1:*** + Đây chỉ là cách nói để nhấn mạnh giá trị giáo dục của văn chương, không có ý xem nhẹ các giá trị khác. + Cần đặt giá trị giáo dục trong mối quan hệ không thể tách rời với các giá trị khác. ***Bài tập 2:*** Tham khảo các ví dụ trong SGK và trong bài giảng của thầy. ***Bài tập 3:*** Đây là cách nói khác về các cấp độ khác nhau trong tiếp nhận văn học: cảm là cấp độ tiếp nhận cảm tính, hiểu là cấp độ tiếp nhận lí tính.

🕮 3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Câu 1: Dòng nào dưới đây nêu không đúng giá trị cơ bản của văn học: a/ Giá trị nhận thức b/ Giá trị giáo dục c/Giá trị hiện thực d/ Giá trị thẩm mĩ Câu 2: Dòng nào dưới đây nêu đúng nhất tính chất cơ bản của tiếp nhận văn học a/ Tính cá thể hoá, chủ động, tích cực b/Tính đa dạng, không thống nhất c/ Tính hàm súc, đa nghĩa d/ Gồm a và b - HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	**1c,2d**

🕮 4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: *Chỉ ra các giá trị văn học qua truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu* - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- Vận dụng kiến thức đã học bài Chiếc thuyền ngoài xa - Xác định đúng 3 giá trị: + Nhận thức + Giáo dục + Thẩm mĩ

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

- Chọn 1 tác phẩm văn học, phân tích để tìm ra các giá trị cơ bản của tác phẩm đó.
- Chọn 1 tác phẩm văn học, tự cảm nhận và đánh giá cấp độ tiếp nhận tác phẩm văn học của mình.

Dặn dò: ***Soạn bài Tổng kết phần tiếng Việt***

Tuần: 33
Tiết: 99

Tổng kết phần tiếng việt:
Lịch sử, đặc điểm loại hình và các phong cách ngôn ngữ

1. Mục tiêu bài học:

1.1. Kiến thức : giúp học sinh

- Kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quan hệ họ hàng và quá trình phát triển của tiếng Việt , chữ viết.
- Những đặc điểm loại hình tiếng Việt; *Các phong cách ngôn ngữ tiếng Việt*

1.2. Kĩ năng

- Kĩ năng tổng hợp và hệ thống hóa kiến thức
-Kĩ năng nhận biết và phân tích các đơn vị tiếng Việt
- Kĩ năng nhận biết và phân tích ngôn ngữ theo những đặc điểm về phong cách ngôn ngữ văn bản.
- Kĩ năng nói và viết phù hợp với đặc điểm loại hình và phong cách ngôn ngữ.
- Kĩ năng so sánh tiếng Việt với ngoại ngữ đã học hoặc đã biết...

1.3. Thái độ:

- Hệ thống hoá những kiến thức cơ bản từ lớp 10 đến lớp 12 về lịch sử, đặc điểm loại hình và các phong cách ngôn ngữ.
- Nâng cao hơn nữa kĩ năng sử dụng Tiếng Việt phù hợp với những đặc điểm loại hình và từng phong cách ngôn ngữ.

1.4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến Tiếng Việt
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về Tiếng Việt
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về phong cách ngôn ngữ văn bản
- Năng lực phân tích, so sánh đặc trưng của phong cách ngôn ngữ văn bản trong Tiếng Việt

2. Chuẩn bị của thầy và trò

2.1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2.2/*Trò*: Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập.

3. Tổ chức dạy và học.

3.1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: *Trình bày yêu cầu diễn đạt trong văn nghị luận*

3.3. Tiến trình bài học:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của Thầy và trò	***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt***
- GV giao nhiệm vụ: GV tổ chức trò chơi Ô CHỮ liên quan đến tiếng Việt - HS thực hiện nhiệm vụ: tìm đúng từ trong ô chữ theo yêu cầu của câu hỏi - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Như vậy, qua 03 năm học ở khối THPT, bên cạnh phần đọc hiểu văn bản, phần Làm văn, có một phân môn cũng rất quan trọng góp phần giữ trong sáng của tiếng nói dân tộc, đó là Tiếng Việt. Hôm nay, chúng ta đi vào ôn tập để chốt lại kiến thức cơ bản liên quan đến tiếng Việt.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	**Kiến thức cần đạt**
- GV hướng dẫn HS kẻ bảng và điền vào những thông tin đã học. *- HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.*	**I. Tổng kết về nguồn gốc, lịch sử phát triển của tiếng Việt và đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập.**

Bảng ôn tập

Nguồn gốc và lịch sử phát triển	**Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập**
a) Nguồn gốc: Tiếng Việt thuộc: - Họ: ngôn ngữ Nam á. - Dòng: Môn- Khmer. - Nhánh: Tiếng Việt Mường chung. b) Các thời kì trong lịch sử: - Tiếng Việt trong thời kì dựng nước. - Tiếng Việt trong thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc. - Tiếng Việt trong thời kì độc lập tự chủ. - Tiếng Việt trong thời kì Pháp thuộc. - Tiếng Việt trong thời kì từ sau cách mạng tháng Tám đến nay.	a) Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp. Về mặt ngữ âm, tiếng là âm tiết; về mặt sử dụng, tiếng có thể là từ hoặc yếu tố cấu tạo từ. b) Từ không biến đổi hình thái. c) Biện pháp chủ yếu để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp là sắp đặt từ theo thứ tự trước sau và sử dụng các hư từ.

- GV hướng dẫn HS kẻ bảng và điền vào những thông tin đã học. *- HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.*	**II. Tổng kết về phong cách ngôn ngữ văn bản**

Bảng thứ nhất:

Tên các phong cách ngôn ngữ và các thể loại văn bản tiêu biểu cho từng phong cách.

	PCNG sinh hoạt	PCNG nghệ thuật	PCNG báo chí	PCNG chính luận	PCNG khoa học	PCNG hành chính
Thể	-Dạng	-Thơ	- Thể loại	-Cương	- Các loại văn bản	-Nghị định, thông tư,

loại văn bản tiêu biểu	nói (độc thoại, đối thoại) -Dạng viết (nhật kí, hồi ức cá nhân, thư từ. -Dạng lời nói tái hiện (trong tác phẩm văn học)	ca, hò vè,… -truyện, tiểu thuyết, kí,… -Kịch bản,…	chính: Bản tin, Phóng sự, Tiểu phẩm. - Ngoài ra: thư bạn đọc, phỏng vấn, quảng cáo, bình luận thời sự,…	lĩnh - Tuyên bố. -Tuyên ngôn, lời kêu gọi, hiệu triệu. -Các bài bình luận, xã luận. -Các báo cáo, tham luận, phát biểu trong các hội thảo, hội nghị chính trị, …	khoa học chuyên sâu: chuyên khảo, luận án, luận văn, tiểu luận, báo cáo khoa học,… - Các văn bản dùng để giảng dạy các môn khoa học: giáo trình, giáo khoa, thiết kế bài dạy,… - Các văn bản phổ biến khoa học: sách phổ biến khoa học kĩ thuật, các bài báo, phê bình, điểm sách, …	thông cáo, chỉ thị, quyết định, pháp lệnh, nghị quyết,… -Giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh,… -Đơn, bản khai, báo cáo, biên bản,…

Bảng thứ hai:

Tên các phong cách ngôn ngữ và đặc trưng cơ bản của từng phong cách

	PCNG sinh hoạt	PCNG nghệ thuật	PCNG báo chí	PCNG chính luận	PCNG khoa học	PCNG hành chính
Đặc trưng cơ bản	- Tính cụ thể -Tính cảm xúc. - Tính cá thể	-Tính hình tượng. -Tính truyền cảm. -Tính cá thể hóa.	-Tính thông tin thời sự. -Tính ngắn gọn. -Tính sinh động, hấp dẫn.	- Tính công khai về quan điểm chính trị. - Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận. - Tính truyền cảm, thuyết phục.	-Tính trừu tượng, khái quát. -Tính lí trí, lôgíc. -Tính phi cá thể.	-Tính khuôn mẫu. -Tính minh xác. -Tính công vụ.

Bài tập 1: So sánh hai phần văn bản (mục 4-SGK), xác định phong cách ngôn ngữ và đặc điểm ngôn ngữ của hai văn bản.

- GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức để xác định và phân tích.

- HS thảo luận theo nhóm học tập, cử đại diện trình bày và tham gia tranh luận với các nhóm khác.

Bài tập 2: Đọc văn bản lược trích (mục 5-SGK) và thực hiện các yêu cầu:

a) Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.

b) Phân tích đặc điểm về từ ngữ, câu văn, kết cấu văn bản.

c) Đóng vai một phóng viên báo hàng ngày và

III. Luyện tập

Bài tập 1: Hai phần văn bản đều có chung đề tài (trăng) nhưng được viết với hai phong cách ngôn ngữ khác nhau:

+ Phần văn bản (a) được viết theo phong cách ngôn ngữ khoa học nên ngôn ngữ dùng thể hiện tính trừu tượng, khái quát, tính lí trí, lôgíc, tính phi cá thể.

+ Phần văn bản (b) được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật nên ngôn ngữ dùng thể hiện tính hình tượng, tính truyền cảm, tính cá thể hóa.

Bài tập 2:

a) Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ hành chính.

giả định văn bản trên vừa được kí và ban hành một vài giờ trước, anh (chị) hãy viết một tin ngắn theo phong cách báo chí (thể loại bản tin) để đưa tin về sự kiện ban hành văn bản. *- GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu trên.* *- HS làm việc cá nhân và trình bày kết quả trước lớp để thảo luận.*	b) Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản có đặc điểm: + Về từ ngữ: văn bản sử dụng nhiều từ ngữ thường gặp trong phong cách ngôn ngữ hành chính như: quyết định, căn cứ, luật, nghị định 299/HĐBT, ban hành điều lệ, thi hành quyết định này,… + Về câu: văn bản sử dụng kiểu câu thường gặp trong quyết định (thuộc văn bản hành chính): ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ… căn cứ… xét đề nghị… quyết định I… II… III… IV… V… VI… + Về kết cấu: văn bản có kết cấu theo khuôn mẫu 3 phần: - Phần đầu: quốc hiệu, cơ quan ra quyết định, ngày thánh năm, tên quyết định. - Phần chính: nội dung quyết định. - Phần cuối: chữ kí, họ tên (góc phải), nơi nhận (góc trái). c) Tin ngắn: *Cách đây chỉ mới vài tiếng đồng hồ, bà Trần Thị Tâm Đan thay mặt UBND thành phố Hà Nội đã kí quyết định thành lập Bảo hiểm Y tế Hà Nội. Quyết định ngoài việc nêu rõ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, tổ chức, cơ cấu phòng ban,… còn quy định địa điểm cho Bảo hiểm Y tế Hà Nội và các cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm thi hành.*

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

- Tự lập bảng tổng kết khác về các kiến thức Tiếng Việt đã học ở lớp 10-11-12
- So sánh với loại hình ngôn ngữ nước ngoài.
- Dặn dò: Soạn bài *Ôn tập văn học*

Tuần: 34
Tiết: 100,101

ÔN TẬP VĂN HỌC

I. Mức tiêu bài học

1. Kiến thức :

- Các tác phẩm VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.

-Các tác phẩm văn học nước ngoài.

2.Kĩ năng: Đọc –hiểu truyện ngắn, trích đoạn tiểu thuyết và kịch bản văn học hiện đại.

3. Thái độ: Phân tích văn học theo từng cấp độ : tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ văn học

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các tác phẩm VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm các tác phẩm VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.

II. Chuẩn bị

1/*Thầy*: Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh liên quan tác phẩm đã học ở HKII; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2/*Trò:* Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài; Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước); Đồ dùng học tập

III. Tổ chức dạy và học.

1. Ổn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

2. Kiểm tra bài cũ: *Trình bày đặc trưng phong cách ngôn ngữ văn bản* **(5 phút)**

3. Tổ chức dạy và học bài mới:

🕮 1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	*Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*
- GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả *VH ở HK2* + Lắp ghép tác phẩm với tác giả	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm

+ Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Như vậy, chúng ta đã đọc hiểu toàn bộ những tác phẩm tiêu biểu của VHVN và văn học nước ngoài ở HK2. Để khắc sâu kiến thức cơ bản của các tác phẩm đã học, hôm nay chúng ta tiến hành ôn tập văn học để chuẩn bị cho kỳ thi HK2 và thi QGTHPT.*	vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV - HS</th><th>Kiến thức cần đạt</th></tr>
<tr><td>1. Những phát hiện khác nhau về số phận và cảnh ngộ của người dân lao động trong các tác phẩm Vợ nhặt (Kim Lân) và Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài). Phân tích nét đặc sắc trong tư tưởng nhân đạo của mỗi tác phẩm.
(GV hướng dẫn HS lập bảng so sánh.)

2. Các tác phẩm Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành, Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi đều viết về chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Hãy so sánh để làm rõ những khám phá, sáng tạo riêng của từng tác phẩm trong việc thể hiện chủ đề chung đó.
(GV hướng dẫn HS so sánh trên một số phương diện.)

3. Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu được gửi gắm qua truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa?
(GV gợi cho HS nhớ lại bài học.)</td><td>I. Ôn tập văn học Việt Nam
1. Vợ nhặt (Kim Lân) và Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài)
<table>
<tr><th></th><th>Vợ nhặt</th><th>Vợ chồng A Phủ</th></tr>
<tr><td>Số phận và cảnh ngộ của con người</td><td>Tình cảnh thê thảm của người dân lao động trong nạn đói năm 1945.</td><td>Số phận bi thảm của người dân miền núi Tây Bắc dưới ách áp bức, bóc lột của bọn phong kiến trước cách mạng.</td></tr>
<tr><td>Tư tưởng nhân đạo của tác phẩm</td><td>Ngợi ca tình người cao đẹp, khát vọng sống và hi vọng vào một tương lai tươi sáng.</td><td>Ngợi ca sức sống tiềm tàng của con người và con đường họ tự giải phóng, đi theo cách mạng.</td></tr>
</table>
2. Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành, Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi
Cần so sánh trên một số phương diện tập trung thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng:
+ Lòng yêu nước, căm thù giặc.
+ Tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất chống kẻ thù xâm lược.
+ Đời sống tâm hồn, tình cảm cao đẹp.
+ Những nét đặc sắc về nghệ thuật thể hiện: nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng hình tượng và những chi tiết nghệ thuật giàu ý nghĩa,...
3. Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu
Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu được gửi gắm qua truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa rất phong phú và sâu sắc:
+ Cuộc sống có những nghịch lí mà con người buộc phải chấp nhận, "sống chung" với nó.
+ Muốn con người thoát ra khỏi cảnh đau khổ, tăm tối, man rợ cần có những giải pháp thiết thực chứ không phải chỉ là thiện chí hoặc các lí thuyết đẹp đẽ nhưng xa rời thực tiễn.</td></tr>
</table>

	+ Nhan đề *Chiếc thuyền ngoài xa* giống như một gợi ý về khoảng cách, về cự li nhìn ngắm đời sống mà người nghệ sĩ cần coi trọng. Khi quan sát từ "ngoài xa", người nghệ sĩ sẽ không thể thấy hết những mảng tối, những góc khuất. Chủ nghĩa nhân đạo trong nghệ thuật không thể xa lạ với số phận cụ thể của con người. Nghệ thuật mà không vì cuộc sống con người thì nghệ thuật phỏng có ích gì. Người nghệ sĩ khi thực sự sống với cuộc sống, thực sự hiểu con người thì mới có những sáng tạo nghệ thuật có giá trị đích thực góp phần cải tạo cuộc sống.
4. Phân tích đoạn trích vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ để làm rõ sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng của con người. *(GV định hướng cho HS những ý chính cần phân tích và giao việc cho các nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị một ý- đại diện nhóm phân tích. GV nhận xét, khắc sâu những ý cơ bản).* *HS phát biểu từng khía cạnh. GV nhận xét và hoàn chỉnh bảng so sánh* *HS thảo luận và phát biểu ý kiến*	**4. Đoạn trích vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ** Cần tập trung phân tích những điểm cơ bản sau: 1) Phân tích hoàn cảnh trớ trêu của Hồn Trương Ba qua độc thoại nội tâm, đối thoại với các nhân vật đặc biệt là đối thoại với xác anh hàng thịt. + Trương Ba bây giờ không còn là Trương Ba ngày trước. + Trương Ba bây giờ vụng về, thô lỗ, phũ phàng. + Mọi người xót xa trước tình cảnh của Trương Ba, xác anh hàng thịt cười nhạo Trương Ba, bản thân Trương Ba vô cùng đau khổ, dằn vặt. 2) Phân tích thái độ, tâm trạng của Hồn Trương Ba trong cuộc đối thoại với Đế Thích và quyết định cuối cùng của Hồn Trương Ba để rút ra chủ đề, ý nghĩa tư tưởng của đoạn trích nói riêng và vở kịch nói chung. + Cuộc đối thoại với Đế Thích, đặc biệt lời thoại mang ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm. + Cái chết của cu Tị và những hình dung của Hồn Trương Ba khi Hồn nhập vào xác cu Tị. + Quyết định cuối cùng của Hồn Trương Ba: xin cho cu Tị sống và mình chết hẳn- ý nghĩ nhân văn của quyết định ấy. 3) Tổng hợp những điều đã phân tích, đánh giá chiều sâu triết lí và ý nghĩa tư tưởng của vở kịch: sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng của con người.
1. Ý nghĩa tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn Số phận con người của Sô-lô-khốp. *(GV yêu cầu HS xem lại phần tổng kết bài Số phận con người, trên cơ sở đó để phát biểu thành 2 ý lớn.)*	**II. Ôn tập văn học Nước ngoài** **1. Số phận con người của Sô-lô-khốp** + ý nghĩa tư tưởng: *Số phận con người của Sô-lô-khốp đã khiến ta suy nghĩ nhiều hơn đến số phận của từng con người cụ thể sau chiến tranh. Tác phẩm đã khẳng định một cách viết mới về chiến tranh: không né tránh mất mát, không say với chiến thắng mà biết cảm nhận chia sẻ những đau khổ tột cùng của con người sau chiến tranh. Từ đó mà tin yêu hơn đối với con người. Số phận con người khẳng định sức mạnh của lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm, nghị lực con người. Tất cả*

	những điều đó sẽ nâng đỡ con người vượt lên số phận. + Đặc sắc nghệ thuật: *Số phận con người có sức rung cảm vô hạn của chất trữ tình sâu lắng. Nhà văn đã sáng tạo ra hình thức tự sự độc đáo, sự xen kẽ nhịp nhàng giọng điệu của người kể chuyện (tác giả và nhân vật chính). Sự hoà quyện chặt chẽ chất trữ tình của tác giả và chất trữ tình của nhân vật đã mở rộng, tăng cường đến tối đa cảm xúc nghĩ suy và những liên tưởng phong phú cho người đọc.*
2. Trong truyện ngắn Thuốc, Lỗ Tấn phê phán căn bệnh gì của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX? Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm? *(GV yêu cầu HS xem lại phần tổng kết bài Thuốc, trên cơ sở đó để phát biểu thành 2 ý lớn.)*	**2. Truyện ngắn Thuốc của Lỗ Tấn** + Lỗ Tấn phê phán những căn bệnh của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX: - Bệnh u mê lạc hậu của người dân. - Bệnh xa rời quần chúng của những người cách mạng tiên phong. + Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm: - Cốt truyện đơn giản nhưng hàm súc. - Các chi tiết, hình ảnh đều giàu ý nghĩa tượng trưng. Đặc biệt là hình ảnh chiếc bánh bao tẩm máu, hình ảnh con đường, hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du,... - Không gian, thời gian của truyện là một tín hiệu nghệ thuật có ý nghĩa .
3. Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích Ông già và biển cả của Hê-ming-uê? *(GV yêu cầu HS xem lại bài Ông già và biển cả, trên cơ sở đó để thảo luận.)* *HS làm việc cá nhân và phát biểu, thảo luận*	**3. Đoạn trích Ông già và biển cả của Hê-ming-uê** Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích Ông già và biển cả của Hê-ming-uê + Ông lão và con cá kiếm. Hai hình tượng mang một vẻ đẹp song song tương đồng trong một tình huống căng thẳng đối lập. + Ông lão tượng trưng cho vẻ đẹp của con người trong việc theo đuổi ước mơ giản dị nhưng rất to lớn của đời mình. + Con cá kiếm là đại diện cho tính chất kiêu hùng vĩ đại của tự nhiên. + Trong mối quan hệ phức tạp của thiên nhiên với con người không phải lúc nào thiên nhiên cũng là kẻ thù. Con người và thiên nhiên có thể vừa là bạn vừa là đối thủ. Con cá kiếm là biểu tượng của ước mơ vừa bình thường giản dị nhưng đồng thời cũng rất khác thường, cao cả mà con người ít nhất từng theo đuổi một lần trong đời.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

Đọc lại toàn bộ phần *Hướng dẫn học bài* của các tác phẩm đã học. -Trả lời các câu hỏi trong SGK - Chuẩn bị bài kiểm tra HK2.